



Hồi tưởng về cha tôi

**HỒ HỌC LÃM**

NHÀ QUÁT BÀN **vh**  
VĂN HỌC

## Mục lục

Lời Mở Đầu

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Một Số Di Thảo Của Hồ Học Lãm

Quan Điểm Của Tôi Về Vấn Đề Giảng Hòa Cuộc Chiến Châu Âu

Lời Ra Mắt Báo "Việt Thanh"

Thư Hồ Học Lãm Gửi Đại Hội Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Đồng Minh

Mấy Bài Thơ Của Hồ Học Lãm Trên "Bình Sự Tạp Chí"

Hai Mẹ Con Một Tấm Lòng

Mấy Kỳ Niệm Về Bà Ngô Khôn Duy

Một Câu Đối Đúng, Rõ, Sâu, Hay

Mấy Nét Tiểu Sử Thần Sơn Ngô Quảng

Tư Liệu Về Cụ Ngô Quảng Do Bà Hồ Mộ La, Cháu Ngoại Cụ Cung Cấp

Chú Thích

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Lời Mở Đầu

Từ nhiều chục năm nay, tôi rất muốn tự tay viết một cái gì đó về cha mình - Chí sĩ Hồ Học Lãm - người đã cùng một số người trẻ tuổi sớm theo tiếng gọi Đông Du của cụ Phan Bội Châu xuất dương tìm đường cứu nước vào những năm đầu thế kỷ XX. Nay đã quá tuổi "cổ lai hy" (tôi sinh năm 1930), với đôi mắt mờ lòa, ước nguyện đó của tôi mới thành hiện thực.

Cuốn sách nhỏ này là những hồi tưởng của tôi về người cha kính yêu đã quá cố, những hồi tưởng không hoàn chỉnh và có phần lộn xộn. Ở tuổi ngoài bảy mươi, tôi cố gắng để không giấu diếm những cảm xúc và những suy nghĩ thật của mình. Biết có ai đó chẳng thương cảm với kẻ ra đi tìm đường cứu nước những năm đầu thế kỷ XX, thời kỳ Tổ quốc ta lầm than, thời kỳ đế quốc thực dân đang hoành hành trên những miền đất hoang sơ lạc hậu ở Châu Á như Trung Quốc, Việt Nam... Kẻ ra đi, và suốt 37 năm trời ở quê người đất khách, ông sống giữa những người xa lạ "Đồng sàng dị mộng"; chỉ muốn tung hoành mà lực bất tòng tâm. Cuối cùng cha tôi phải nếm bỏ xương quê người, phải ngậm ngùi đau khổ vì mình chưa làm được gì nhiều cho công cuộc cứu nước, cứu nòi và không được gặp lại người mẹ mà ông vô cùng yêu thương và kính trọng - Bà đã là ngọn đuốc soi đường, là tấm gương sáng cho cha tôi noi theo và cố gắng làm những việc có ích cho đời, cho nhân dân và cách mạng hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Cha tôi không phải là đảng viên cộng sản, nhưng ông sống như người cộng sản chân chính theo tiêu chí của chủ nghĩa Mác. Suốt cuộc đời ông đã chiến đấu, dâng hiến tất cả cho lý tưởng cao quý mà ông đã lựa chọn.

Tôi rất tự hào và cảm phục cha mình.

Những dòng cuối của "Hồi tưởng" này tôi phải viết bằng bút dạ ngòi to với sự trợ giúp của kính phóng đại. Sau gần ba năm, giờ khi đã 80 tuổi mù tôi mới hoàn thành ý nguyện. Một sự hồi tưởng ít vui sướng, nhiều đau đớn, dường như cả cảm xúc nữa cũng đã quá sức chịu đựng của tôi. Tôi biết ngày tôi ra đi đã rất gần, ngày đó tôi sẽ tìm thấy cha, sẽ gặp chị và mẹ ở thế giới bên kia, thế giới của Tâm linh - Siêu vật chất "... Sắc bất dị không, không bất dị sắc...".

Tất cả tôi xin dâng tặng hương hồn cha tôi - Chí sĩ Hồ Học Lãm.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các bạn bè, người thân đã hỗ trợ, giúp đỡ tôi hoàn thành cuốn hồi tưởng này.

Nguyễn Tiêu Kỳ Sử

HỒ MỘ LA

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 1

Viết về cha tôi thật là khó, bởi vì rất nhiều sự kiện về đời ông xảy ra khi tôi chưa ra đời, tôi cũng chưa bao giờ được nghe ông trực tiếp kể lại. Hơn nữa, khi cha tôi còn sống, tôi còn quá nhỏ, chưa đủ ý thức để ghi nhớ việc làm tuy nhỏ nhưng hết sức không đơn giản của người cha đáng kính trọng của mình.

Nay tôi ghi lại những điều tai nghe mắt thấy khi tôi bắt đầu có trí nhớ của đứa trẻ, những điều do mẹ nhiều lần kể lại. Có những sự việc qua trao đổi với chị ruột khi tôi bắt đầu lớn khôn hơn nhưng cha tôi đã mất, và đặc biệt khi tôi ý thức được vị trí của cha tôi trong lòng một số người cộng sản Việt Nam "trọng nghĩa", đó là những năm 1946, 1947. Tôi thực sự sửng sốt khi nghe một số người nói: "Nếu cụ Hồ Học Lãm không mất nay sẽ là Chủ tịch nước...". Khi đó tôi mới hiểu một phần nhỏ giá trị về cha mình trong công cuộc cứu nước chung.

Để cố gắng đảm bảo độ chính xác về cuộc đời cha mình, gần đây tôi tìm đọc lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc và Lịch sử Quốc dân đảng Trung Quốc, hồi ký của Thiếu tướng Lê Thiết Hùng, "Giọt nước biển cả" của Hoàng Văn Hoan. Tôi cố gắng chấp nối các việc làm và cuộc đời của cha tôi theo trình tự thời gian.

Mọi việc làm của cha tôi xuất phát từ lòng yêu nước thực sự, ông không may mắn nhắc vợ con ghi nhớ việc làm vì sự nghiệp cứu nước của mình, không hề để lại những bút tích hay giấy tờ quan trọng để làm bằng chứng lịch sử về sự cống hiến của mình và không hề nói đến hai chữ "công lao" để sau

này vợ con yêu sách đãi ngộ với cách mạng. Ông chỉ nói một câu đơn giản với vợ: "Mình ra đi vì nước, chớ bao giờ nên có tư tưởng công thần...".

\*\*\*

Khi có lời kêu gọi xuất dương "Đông du" cứu nước của cụ Phan Bội Châu, bà cụ Lụa hưởng ứng ngay, đích thân bà đưa con trai thứ rất đỗi yêu quý cùng một số thanh niên khác (bà làm việc đó nhiều đợt) đến biên giới Việt - Trung để vượt biên sang Trung Quốc chờ dịp đi Nhật.

Trước khi đưa con trai đi, bà nội tôi đi xem bói. Thầy bói phán rằng: "Chuyến đi buôn xa của con trai bà e rằng có đi không về... Hai mẹ con bà có khi không gặp mặt nhau nữa...". Bà nội tôi trăn trở nhiều đêm không ngủ. Nhưng cuối cùng bà tặc lưỡi nói với cha tôi: "Lời phán của thầy bói lảng nhãng tin làm chi... mà con trai quân bên váy mẹ biết khi mô nên người!... Thôi, đi đi con ạ, mẹ sẽ sống khỏe mạnh đợi con trở về, mong rằng khi đó con cầm quân đuổi Pháp khỏi nước mình, mẹ tin con làm được, con là đứa con can đảm có chí của mẹ".

Đó là một đêm mưa phùn gió rét năm 1906, ngoài trời rét buốt, trong lòng tê tái trước cuộc chia tay sinh ly tử biệt. Hai mẹ con nắm chặt tay nhau không nói nên lời, tuy không khóc ra tiếng, nhưng cả hai mẹ con đều nước mắt đầm đìa. Cuối cùng chiếc thuyền đánh cá ghé vào bến giục giã, cha tôi cùng hai người bạn xuống thuyền, quay lại nhìn lên bến thấy bóng bà nội đứng so vai đơn chiếc, cha tôi muốn òa lên khóc vì thương mẹ nhiều nỗi, nhưng nghĩ đến ông nội tôi bị giết, bà nội can trường lặn lội đây đó hoạt động cứu nước, nghĩ đến xác ăn mày chết đói trên đường quốc lộ từ Bắc vào Nam... cha tôi cắn răng nén tiếng thổn thức... Sau này có lúc cha tôi kể với mẹ tôi: "Khéo lời phán của ông thầy bói là đúng, nay mình đã sắp ngũ tuần, chưa thấy tia hy vọng nào về sự nghiệp cứu nước. Bản thân mình sức hèn, tài mọn, chẳng làm nên trò trống gì... lắm khi lòng nóng như lửa thiêu...".

Con thuyền đánh cá chở ba thanh niên Việt Nam đi suốt đêm, đến chiều hôm sau, khi sắp cập một cửa khẩu bờ biển Quảng Đông, có tin báo lính tuần đang lục soát các thuyền đánh cá, ba người phải vội ôm bọc áo nhảy xuống nước, nấp dưới đuôi thuyền. May khi đó trời đã tối mịt, chờ khi bọn lính tuần đi khỏi, ba người mới lạng lẽ bơi vào bờ... Mùa đông ở Quảng Đông lạnh hơn nước ta, do ngâm lâu dưới nước, cha tôi cảm sốt vì sưng phổi, tiền ăn phải kiếm từng bữa bằng nghề bốc vác, cho nên không có tiền chữa bệnh dứt điểm. Cuối cùng ông bị bệnh hen phế quản, cuối đời biến chứng thành bệnh tim to...

Trong thời gian chờ đợi, cha tôi và hai người bạn làm phu bốc vác và học tiếng Trung Quốc. Khi cụ Phan Bội Châu lo đủ kinh phí và số lượng thanh niên Đông du, cụ đích thân dẫn đoàn sang Nhật. Đến Tôkyo, nhờ sự giúp đỡ của hoàng thân Nguyễn Cường Để, đoàn lưu học sinh được sắp xếp vào học trường võ bị Chấn Vũ.

Mùa xuân năm 1907, thời gian đầu lưu học sinh Việt Nam học tiếng Nhật cấp tốc trong 3 tháng, sau đó vừa học tiếng, vừa học lý thuyết cơ bản, thao tác quân sự, cách sử dụng súng trường, súng lục v.v... Nói chung lưu học sinh Việt Nam hăng hái học tập, một số ít do không chịu đựng nổi cuộc sống kham khổ của người lính đã bỏ về nước. Học quân sự vừa được một năm, do sự xúc xiểm, gây sức ép của đế quốc Pháp, chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất toàn bộ lưu học sinh quân sự ra khỏi nước Nhật (một số ít học chuyên ngữ tại trường Thanh Hoa Tôkyo như Trần Thúc Canh (sau này lấy tên là Trần Trọng Khắc được cụ Phan gửi sang Đức học về y)... Cuộc "Đông du" của cụ Phan Bội Châu coi như thất bại.

Khoảng mùa xuân 1908, Tưởng Giới Thạch cũng vào học trường Chấn Vũ vì cùng chí hướng phản đế, quen thân một số lưu học sinh Việt Nam, trong đó đặc biệt chơi thân với cha tôi. Trong một bữa ăn ở Tam Sơn Lý, cha tôi kể chuyện: "Tưởng Giới Thạch khôi ngô, tuấn tú, thông minh... Có lần,

anh ta nhờ mình viết luận văn trả bài thi. Không hiểu hẳn bạn chơi gái hay bạn hoạt động chính trị, thường xuyên vắng mặt ở lớp... Thực ra anh ta là thân tín của Trần Kỳ Mỹ, một trong những lãnh tụ của Đồng minh Hội của Tôn Trung Sơn... Mình học có giỏi giang gì đâu, chẳng qua dân xứ Nghệ quen học gạo, cho nên kết quả học tập trội hơn một tý...". Một chú hỏi: "Thế cụ có viết luận văn hộ không?", "Có, luận văn quân sự mang tính chiến thuật không có gì khó. Mặt khác mình nghĩ, đi học nước ngoài quen thân nhiều bạn bè nước ngoài càng tốt chứ sao? Hơn nữa, anh ta có tư tưởng tiến bộ, chống phong kiến, đế quốc, các kiến giải của anh ta khi đó khá tiến bộ, sau này anh ta mới lộ rõ bản chất phản động".

Năm 1908, trước tình hình chính phủ Nhật trục xuất lưu học sinh Việt Nam, có nhiều thanh niên nhân dịp đó xin trở về nước, bởi vì cuộc sống lưu học ở nước ngoài quá ư thiếu thốn, gian khổ. Một số học sinh xứ Nghệ - Tĩnh và xứ Bắc vốn quen cuộc sống kham khổ, họ cương quyết theo cụ Phan sang Trung Quốc. Nhờ sự giới thiệu của Tưởng Giới Thạch (1), đặc biệt nhờ sự giúp đỡ của nhóm nhân sĩ tiến bộ Khang Hữu Vi, cụ Phan được trường quân sự của Mãn Thanh "Thông quốc lục quân tốc thành học đường", tiền thân của trường sĩ quan lục quân Bảo Định, nhận đào tạo quân sự cho một số thanh niên Việt Nam, trong đó có cha tôi.

Cha tôi học tại đây khoảng ba năm, chơi thân với các bạn đồng học như Bạch Sùng Hy, Lý Tế Tâm và nhiều người khác nữa, họ là những thanh niên yêu nước Trung Quốc. Theo mẹ tôi kể, nhiều bạn đồng học Trung Quốc rất quý cha tôi vì tính khoan hòa, khiêm tốn, hiếu học, đối nhân xử thế trung thực nhân hậu. Sau này, Bạch Sùng Hy, Lý Tế Tâm đều là tướng lĩnh cao cấp của quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc. Một số khác là đại tá, thiếu tướng cùng làm việc trong bộ Tổng tham mưu tại Nam Kinh cùng cha tôi, nghĩa là giữa cha tôi với một số bạn học vừa là đồng môn, đồng ngũ và đồng liêu.



Xuân hè năm 1911, trong thời gian đang học ở trường sĩ quan lục quân Bảo Định (2), cha tôi tiếp cận và chơi thân với một số bạn đồng học có tư tưởng chống đế quốc, chống phong kiến và chuyên tay nhau đọc "Tam dân chủ nghĩa" của Tôn Trung Sơn. Qua câu chuyện mẹ tôi kể, cha tôi chơi khá thân với Tưởng Giới Thạch, tình thoả giữa họ có thư tín với nhau. 30 tháng 10 năm 1911 cuộc khởi nghĩa Vũ Xương thắng lợi, trong lịch sử Trung Quốc coi đó là mốc lịch sử của cách mạng Tân Hợi. Về danh nghĩa, cách mạng Tân Hợi thành công, Nhưng thực chất là thất bại, sau đó là có tới 10 năm nội chiến chống bọn quân phiệt Bắc Dương - tay sai của bọn đế quốc Nhật, Anh, Pháp. Sau khi khởi nghĩa Vũ Xương thành công, Tưởng lập tức từ Nhật trở về nước hoạt động ở tỉnh Triết Giang. Tưởng có gửi thư rủ cha tôi về đó tham gia hoạt động giải phóng tỉnh Triết Giang cùng mình. Trước khi tốt nghiệp quân sự, cha tôi có thư hỏi ý kiến cụ Phan (hình như thời gian đó cụ Phan ở Quảng Đông). Nội dung thư trả lời của cụ Phan đại khái là: Cách mạng của ông Tôn Trung Sơn không thành công thì công cuộc cứu nước của mình sẽ khó khăn. Trong lúc chờ thời cơ và rèn luyện qua thực tiễn, cụ khuyên cha tôi cứ tham gia "Trung Hoa cách mạng quân" của Tôn Trung Sơn. Do đó cha tôi về Triết Giang với Tưởng, và làm sĩ quan trong Bộ tư lệnh quân đoàn của Tưởng ở Thượng Hải. Thời kỳ đó Tưởng làm quân đoàn trưởng cho Trần Kỳ Mỹ - một trong những người lãnh đạo Đồng Minh hội do Tôn Trung Sơn sáng lập.

-----

(1) Xin xem chú thích ở cuối sách.

(2) Trước Cách mạng Tân Hợi (10-10-1911) vùng Bắc Kinh vẫn là địa phận cai trị của Triều đình Mãn Thanh. Năm 1912 Phổ Nghi mới thoái vị. Bảo Định nằm gần Bắc Kinh.

Sau khi giải phóng Hàng Châu và Thượng Hải, Tưởng và cha tôi tiếp tục cầm quân chiến đấu đây đó. Trong một trận đánh bọn quân phiệt Mãn Thanh,

Tướng bị vây hãm nguy khốn, song cha tôi đã kịp thời đem quân đến giải vây, do đó Tướng càng tỏ ra quý mến cha tôi hơn.

Cha tôi kể với mẹ tôi: Cuộc sống chiến đấu cực kỳ gian khổ, vì nghĩa quân cách mạng Trung Hoa thời đó chưa có xe cơ giới, mỗi lần di chuyển địa điểm chiến đấu đều hành quân bộ. Ngày đi đêm nghỉ, đi dưới mưa to gió lớn, tiện đâu ngủ đấy, nhiều khi phải ngủ trên bãi tha ma hay trong miếu để quan tài người chết (3). Ăn uống thiếu thốn, áo mặc phong phanh, nên tình trạng lính đào ngũ luôn xảy ra. Cha tôi hay lên cơn hen suyễn những ngày mưa lạnh.

-----

(3) Thời trước, Trung Quốc để quan tài có người chết nằm trong miếu 3 tháng 10 ngày mới đem đi chôn. Có gia đình để hàng năm vì quan tài nhà giàu đóng bằng gỗ sặc, sơn hàng mấy chục lần nước sơn, cho nên quan tài rất kín.

Tướng biết cha tôi là một chỉ huy gương mẫu, chiến đấu dũng cảm, không nề hà gian khổ, đồng thời cũng hiểu ông học giỏi, có năng lực nghiên cứu lý luận quân sự, cho nên khi biết cha tôi hay lên cơn hen suyễn, Tướng liền điều cha tôi về làm tham mưu tại Bộ Tư lệnh đốc quân phủ Hàng Châu. Năm đó khoảng cuối năm 1916, đô đốc Hàng Châu là Lư Vĩnh Tường.

Từ năm 1913, cha tôi mất liên lạc với cụ Phan Bội Châu. Vẫn biết vị thầy, vị lãnh tụ của mình vì sự nghiệp cứu nước, bất chấp mọi gian khổ, nguy hiểm bươn chải đây đó, không chịu ngồi yên một chỗ. Song bao năm trời giữa hai người vẫn giữ mối liên hệ thường xuyên với nhau, nay bỗng bật tin. Sau khi về Hàng Châu ổn định công việc, cha tôi ra sức tìm kiếm, cuối cùng được biết đô đốc tỉnh Quảng Đông Long Tế Quang cầm tù cụ Phan khoảng 2 năm đến nay chưa thả. Ông liền đến gặp Lư Vĩnh Tường trình bày mọi sự tình, đề nghị ông ta viết thư giới thiệu cầm tay để cha tôi đi gặp Long Tế Quang. Đô

đốc Hàng Châu vốn biết cha tôi là người yêu nước Việt Nam, là bạn học của Tưởng Giới Thạch. Hơn nữa ông ta là người trọng nghĩa khí, ủng hộ đường lối giúp đỡ các nước nhược tiểu của Tôn Trung Sơn, cho nên ông nhận lời ngay và cho cha tôi nghỉ phép đi Quảng Châu.

Đến đó, cha tôi đưa thư cho Long và đề nghị thả cụ Phan ra. Giữa Lư và Long vốn là quen biết, cuối cùng Long thả cụ Phan ngay.

Bị giam cầm hơn hai năm, cụ Phan hầu như không nắm được tình hình thời cuộc. Vừa được thả, cụ đòi đi Nam Ninh Quảng Tây ngay để bắt liên lạc với trong nước. Sau khi cha tôi phân tích tình hình nội chiến giữa quân cách mạng với quân phiệt Bắc Dương, tình hình chính trị nhiều phe cánh ở Trung Quốc và tình hình thế giới, việc đi lại dễ gặp những sự bất trắc, khuyên cụ hãy về Hàng Châu, tạm nghỉ một thời gian (vì cuộc sống trong tù, cụ Phan xanh xao và gầy gò), sẽ tìm cơ hội sau một vài tháng cũng không muộn, v.v... Khi đó cụ mới chịu theo cha tôi về Hàng Châu.

Mẹ tôi rất quý trọng cụ Phan, thường kể rằng cụ Phan có phong độ đạo mạo, nhưng cũng rất hóm hỉnh và rất tinh nghịch. Tâm cụ luôn sôi sùng sục vì sự nghiệp cứu nước. Văn chương cụ nồng nhiệt hào sảng. Hễ lóe ra một tia hy vọng nào đó, cụ quên cả tuổi tác, sức khỏe và bất chấp hiểm nguy vội vàng đi ngay. Con người cụ chân thành và cả tin, đôi lúc hơi nông nổi. Cha tôi làm việc trong bộ máy nhà nước của Trung Quốc, tương đối quảng giao, nắm được nhiều thông tin và tình hình chính trị. Vì sợ cụ Phan bị sa bẫy, cho nên giữa hai thầy trò có giao kèo với nhau: Hễ cụ Phan muốn đi đâu, nhất thiết trao đổi và cho cha tôi biết để nếu có thể, cha tôi sẽ đi cùng để bảo vệ cụ, hoặc cụ đi một mình nếu có việc gì xảy ra, cha tôi biết đường mà tìm. Ở Hàng Châu có cụ Nguyễn Thượng Hiền cũng là người xuất dương tìm đường cứu nước. Sau này thấy thời cuộc phức tạp, sự nghiệp cứu nước còn mù mịt, cụ chán nản bỏ đi tu. Ngoài ra còn có Phan Bá Ngọc, con trai cụ Phan Đình Phùng, cũng thuộc thế hệ Đông du, sau vì không chịu nổi cuộc sống gian

khổ, cuối cùng làm mật thám cho Pháp. Ông ta không ở hẳn Hàng Châu, không rõ nghề nghiệp, thỉnh thoảng gửi bài đăng ở "Bình sự tạp chí", hay đi Quảng Châu và Thượng Hải và vẫn đi lại với gia đình tôi.

Về Hàng Châu, cha tôi giới thiệu cụ Phan với Tổng giám đốc nhà in "Bình sự tạp chí" - ông Lâm Lương Sinh. Ông Lâm vốn có thiện cảm với cách mạng Việt Nam, vừa hay đang cần thêm một biên tập viên, cho nên ông nhận ngay cụ Phan vào làm việc. Như vậy, trong ban biên tập ngoài hai người Trung Quốc có hai người Việt Nam, đó là Trần Trọng Khắc và cụ Phan. Để nội dung tạp chí phong phú, Ban biên tập nhận các bài luận văn quân sự hoặc chính trị của cha tôi nữa. Như vậy mấy thầy trò cụ Phan và Trần Trọng Khắc, Hồ Học Lãm, v.v... thường xuyên gặp mặt nhau khi đi văn cảnh Tây Hồ Hàng Châu, lúc đi ăn liên hoan ở nhà hàng với nhau, bàn luận thời cuộc v.v... Cuộc sống cụ Phan cũng tạm ổn.

Một hôm cụ Phan nói chuyện với cha tôi: "Năm nay anh cũng 33, 34 tuổi rồi đấy nhỉ. Sự nghiệp cứu nước xem ra còn lâu dài, anh cũng nên tính chuyện lấy vợ đi chứ". Cha tôi cười nhẹ: "Biết lấy ai bây giờ. Đành ở vậy thôi". Cụ Phan cho biết có con gái cụ Ngô Quảng nguyên phó lãnh binh của cụ Phan Đình Phùng, cô ấy hiện đang học ở "Trường Đức Hoa nữ tử cao đẳng tiểu học" ở Khúc Giang Quảng Đông, tên là Ngô Khôn Duy. Cô vốn là học sinh cưng của cụ Đặng Thúc Hứa bên Xiêm và mùa hè này sẽ tốt nghiệp. Cuối hè năm 1918, hai ông bà cưới nhau, trong giấy giá thú, cụ Phan là người chủ hôn là chứng hôn nhân, năm đó cha tôi 34 tuổi, mẹ tôi 25 tuổi. Tháng 3 năm 1920 mẹ tôi sinh con gái đầu lòng là Hồ Diệc Lan ở thành phố Hàng Châu. Sau đó mẹ tôi sinh nở bốn, năm bận trai có, gái có. Vì khung xương chậu mẹ tôi nhỏ, trình độ y học thời đó còn kém, cho nên có người chết ngay trên bàn đẻ, có người chỉ sống được một vài tháng. Mỗi lần sinh nở, vì đẻ khó, họ sử dụng thuốc mê cho mẹ tôi, cho nên đã để lại sự chấn thương tinh thần lẫn sức khỏe ở mẹ tôi. Suýt nữa tôi không được ra đời vì khi có mang tôi, hai ông bà bàn nhau sẽ bỏ tôi đi và bà đã uống thuốc đã thai... Cuối cùng

tôi cứng cổ quá, cứ ở lì trong bụng mẹ, và được sinh cuối tháng 8 năm 1930, khi đó mẹ tôi 37 tuổi, cha tôi 46 tuổi, gia đình đã về ở Nam Kinh.

Theo mẹ kể, anh Hồ Tùng Mậu và Lê Tản Anh đến với gia đình tôi ở Hàng Châu khoảng năm 1921, 1922. Ở với gia đình khoảng một năm, các anh muốn học tiếng Trung Quốc và tiếng Anh, cha tôi chu cấp tiền học phí. Chí của hai anh ở hoạt động cách mạng, cho nên không chuyên tâm học tiếng Anh. Sau đó các anh đi hoạt động ở Quảng Châu, Thượng Hải v.v... Khoảng tết Nguyên tiêu (rằm tháng giêng) năm Tân Dậu (1921), chị tôi vẫn còn ốm ngửa. Hôm đó, chính Phan Bá Ngọc chủ động rủ mọi người ra phố chơi. Sau bữa cơm tối, Lê Tản Anh, Phan Bá Ngọc cùng cha mẹ tôi đi ra phố xem hội hoa đăng ngoài phố (trưng bày các loại đèn lồng và bắn pháo hoa). Lê Tản Anh giành bế chị Lan hộ mẹ tôi. Hàng Châu có Tân thị trường là phố buôn bán sầm uất nhất, bán các loại đèn lồng và pháo hoa. Tối hôm đó, người đông như nêm. Cạnh gần Tân thị trường có một sân vận động lớn gọi là "Công chúng vận động trường". Sau khi sắm đèn lồng, mua pháo hoa, mọi người lại kéo ra đó bắn pháo hoa. Hôm đó Phan Bá Ngọc rất hào hứng và mua các loại pháo hoa đốt để mọi người xem cho vui mắt, Phan đặt pháo hoa xuống đất, đang cúi người xuống châm lửa. Bỗng có hai tiếng súng hòa lẫn tiếng pháo hoa, tiếng trẻ con reo hò. Bất thần, mọi người thấy Phan ngã sòng xoài giữa vũng máu. Mọi người la hét và chạy tán loạn. Lê Tản Anh ãm chị Lan chạy trước tiên. Vì biết Phan Bá Ngọc là tên mật thám, nhưng cha mẹ tôi không rõ là Pháp bắn hay phía cách mạng bắn, cho nên cũng vội theo Lê Tản Anh về nhà. Sáng sớm hôm sau, Lê Tản Anh bỏ đi không một lời từ biệt. Khi đó cha mẹ tôi mới hiểu ai là người xử bắn tên phản bội, mới vỡ lẽ tại sao đêm qua Lê Tản Anh nhất định giành ãm em, vì anh giấu súng dưới chăn tã của chị tôi.

Ngày hôm sau, các báo Hàng Châu đưa tin và đăng bài của một người không rõ tên: "Hạch tội tên phản quốc Việt Nam - Phan Bá Ngọc". Về sau cha mẹ tôi mới rõ câu chuyện: Lê Tản Anh bắn Phan Bá Ngọc là thừa lệnh của hoàng thân Nguyễn Cường Để. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Lê Tản

Anh sang Nhật ngay để trả lại súng cho Cường Để. Lê phải phục mãi mới tìm được dịp, vì Phan Bá Ngọc không ở hẳn Hàng Châu. Sau Tết âm lịch năm đó, Phan về Hàng Châu, nhờ đó Lê Tản Anh hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp. Đêm đó, cụ Phan không có mặt trong đêm hoa đăng.

Một hôm, mẹ tôi kể chuyện cụ Phan cho các chú nghe, tôi gối đầu lên đùi bà nghe chăm chú: "Người cụ Phan gầy gò, xương xương. Tiền lương hàng tháng của cụ với tiền nhuận bút, thu nhập của cụ cũng khá. Nhưng cụ sống hết sức tiết kiệm, căn cơ. Tích vài ba tháng cụ lại gửi tiền sang Đức cho Trần Trọng Khắc đang học y ở đó... Vì nôn nóng sự nghiệp cứu nước, cụ nhiều lần nghe Sở Cuồng (Lê Dư), Phan Bá Ngọc phỉnh phờ (vấn đề Pháp Việt đề huề), cụ tự ý bỏ sang Nhật tìm gặp Sở Cuồng, mãi sau cha tôi viết thư sang Nhật cho cụ Nguyễn Cường Để thì mới hay cụ Phan lại mắc lừa Sở Cuồng. Do đó, cha tôi luôn nhắc cụ làm gì, đi đâu thì hai thầy trò hãy bàn bạc với nhau trước, cụ gật đầu nhưng vẫn nôm nỉ... Năm 1924, một hôm "Hàng Châu nhật báo" đưa tin: Chí sĩ yêu nước Việt Nam Phạm Hồng Thái ném bom vào cầm quyền Pháp Méc-lanh ở một khách sạn Sa Diện. Vì bị săn đuổi ráo riết, anh đã nhảy xuống sông Hoàng Phố tử tiết... Tin về Phạm Hồng Thái khiến mọi người vô cùng sửng sốt, khâm phục, thương tiếc và tự hào. Ít lâu sau cụ Phan nhận được thư của Nguyễn Hải Thần mời về Quảng Châu bàn việc hoạt động... Cụ Phan đòi đi ngay. Để đảm bảo sự an toàn cho cụ Phan, cha tôi xin nghỉ phép vài tháng cùng cụ Phan đi Quảng Châu.

Đến Quảng Châu, cha tôi cùng cụ Phan đi gặp Uông Tinh Vệ (một trong những người lãnh đạo cao cấp của Quốc dân đảng Trung Quốc. Về sau y trở thành Hán gian của Nhật) và Liêu Trọng Khải (một đảng viên cộng sản nằm trong cơ quan lãnh đạo của Quốc dân đảng). Qua trình bày của cụ Phan, Uông và Liêu tỏ ý sẵn lòng ủng hộ cách mạng Việt Nam theo đường lối của Tôn Trung Sơn. Để có danh nghĩa hoạt động hợp pháp, cụ Phan thảo tuyên ngôn, điều lệ với "Chủ nghĩa Dân bản" để thành lập Quốc dân đảng Việt Nam. Do thiếu kinh phí hoạt động (phía Trung Quốc thời kỳ đó không có khả

năng tài trợ) và thiếu thanh niên hăng hái hoạt động, rút cuộc tổ chức đó hữu danh vô thực. Cụ Phan đành lại theo cha tôi quay về Hàng Châu chờ thời cơ. Phía Trung Quốc chỉ có thể giúp Việt Nam bằng cách cho thanh niên Việt Nam vào học trường quân sự Hoàng Phố (Có nhiều thanh niên cộng sản Việt Nam học ở trường đó như Lê Hồng Phong, Lê Tấn Anh, Lê Quốc Vọng, Hồ Tùng Mậu, v.v...).

Cụ Phan Bội Châu quay về tiếp tục làm biên tập viên cho "Bình sự tạp chí", vẫn sống ở ký túc: "Đồng bào xã".

Một hôm, đó là năm 1925, cụ Phan lại "mất tích" ở Hàng Châu. Cha tôi hết sức lo lắng, vội viết thư đi Quảng Châu, Nam Ninh, Tôkyo, v.v... để tìm tung tích cụ Phan. Không ai biết cụ ở đâu. Mãi hai tháng sau được tin cụ bị Pháp bắt ở Thượng Hải, mọi người nghi cháu của cụ Nguyễn Thượng Hiền là Nguyễn Thượng Huyền đã lừa cụ vào tròng. Cuối cùng cụ bị đưa về nước. Cha tôi rất buồn vì cụ Phan vừa là người thầy, người lãnh tụ, người anh cả...

Mẹ tôi kể: "Khi đọc Tam dân chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn, cụ Phan rất thích thú, muốn phỏng theo đường lối cách mạng của Tôn; Khi đọc những quyển sách nói về chủ nghĩa cộng sản, cụ Phan cũng rất hào hứng và thú vị...". Các cụ xuất dương cứu nước, ban đầu vẫn là tư tưởng "cứu nước phò vua", do đó cụ Phan đã khuyên hoàng thân Nguyễn Cường Để sang Nhật, những mong nhờ sự giúp đỡ của Nhật để đánh đuổi thực dân Pháp, sẽ xây dựng chế độ quân chủ với kinh tế tư bản chủ nghĩa - khuôn mẫu của Minh Trị thiên hoàng. Nhưng lệnh trục xuất toàn bộ lưu học sinh Việt Nam đã khiến cụ Phan bừng tỉnh. Nguyện vọng của các cụ sau này là xây dựng thể chế cộng hòa dân chủ, nhưng mục tiêu trước mắt là giải phóng dân tộc. Mẹ tôi gọi đó là "chủ nghĩa quốc gia".

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 2

Chúng tôi có hai chị em, chị sinh tháng 3 năm 1920 tại thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang. Đó là một thành phố thanh bình, thơ mộng với nhiều thắng cảnh nhân tạo quanh "Tây Hồ" mang những dấu ấn lịch sử Trung Hoa. Tôi được sinh tháng 8 năm 1930 tại Nam Kinh - thủ đô chính phủ Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch đứng đầu. Đây là một thành phố náo nhiệt. Hơi xa thành phố cũng có nhiều danh lam, như Trung Sơn lăng (nơi chôn cất thi hài Tôn Trung Sơn), Huyền Vũ hồ, Vũ Hoa đài, Tử Kim Sơn, v.v...

Tôi bắt đầu có trí nhớ của trẻ thơ khi gia đình đang ở chung cư Pháng Ngọc Cảng. Đó là khu chung cư bình dân, mái ngói một tầng. Cả khu có khoảng mười dãy nhà kéo dài, mỗi dãy xây làm nhiều căn hộ. Mỗi căn hộ gồm bốn phòng lớn và vài phòng nhỏ. Ở giữa là một sảnh ngăn đôi làm tiền sảnh, hậu sảnh, phía sau là nhà bếp lớn và công trình phụ. Giữa các dãy nhà là đường qua lại rộng khoảng bốn mét. Khu nhà khá lụp xụp và tối tăm. Gia đình tôi ở chung với một gia đình viên chức Trung Quốc, mỗi gia đình ở ba phòng, cái sảnh bỏ không và chung nhau nhà bếp và công trình phụ.

Phòng lớn nhất khoảng 18 mét vuông, có một cửa ra vào nơi tiền sảnh. Phòng kê một tủ sách, một giường đôi, một giường đơn, trước giường đơn kê một bàn dài với một ghế băng. Bàn đó vừa là bàn làm việc, vừa là bàn ăn cho cả nhà. Các chú cách mạng ở phòng ngoài. Phòng trong khoảng 13, 14 mét vuông, một cửa ra vào giữa hai phòng. Phòng trong kê một giường đôi cho mẹ và tôi, cạnh đó một giường đơn cho chị, một bàn học cho chị, một tủ áo và một chõng va li đựng áo quần mùa đông. Cuối phòng một cửa ra vào hậu sảnh. Cửa đó liền sát cửa phòng cha tôi. Mẹ nói cha bị bệnh hen suyễn, bà



mắc chứng mất ngủ, vả lại cha phải làm việc khuya, do đó hai ông bà không nằm chung. Phòng nhỏ vốn để dành cho người ở, cho nên giữa hai phòng đó không có cửa thông nhau, nhưng đó là phòng ngủ và làm việc của cha tôi. Hai gia đình ở hòa thuận và tin cậy, cho nên không mấy giữ kẽ nhau.

Hàng ngày mẹ tôi đi chợ, làm cơm nước cho cả nhà. Các chú Lê Quốc Vọng và Bùi Hải Thiệu thỉnh thoảng xuống bếp thu dọn, bổ củi giúp mẹ tôi.

Nói chung, ở khu chung cư là những cư dân viên chức hoặc công nhân. Ban ngày mọi người đều đi làm, cho nên khá yên tĩnh, trẻ con kết nhau từng đàn nô đùa, các bà nội trợ cơm nước, giặt giũ. Buổi tối tương đối huyên náo hơn.

Gia đình tôi ngoài chúng tôi ra còn có "con Xù", đó là một con chó lông vàng nâu rất "đẹp trai", nó có đôi mắt rất tinh khôn và tình cảm. Hàng ngày chú Quốc Vọng và chú Hải Thiệu chăm chút miếng ăn cho nó. Nó cũng là một thành viên đáng kể của gia đình.

\*\*\*

Đối với tôi, từ ngày sinh ra đời là một chuỗi những ngày tháng trôi đi, không để lại mấy may dấu ấn gì về sự tồn tại của mình trong ký ức... Những tiếng cười vang, tiếng hò la dượt đuối dưới nắng hè ngoài sân, khi thì mấy cái đầu chụm vào nhau chơi đất cát, mồ hôi nhễ nhại và tiếng nói thầm thì. Những hình ảnh đó mờ mờ ảo ảo, lúc ẩn lúc hiện trong trí nhớ.... Cho tới một buổi chiều chạng vạng tối, mẹ gọi về ăn cơm. Tôi từ sau nhà chạy vút qua bếp như mũi tên lao vào hậu sảnh, rồi bỗng đột ngột dừng chân rón rén đi qua căn phòng ngủ của cha tôi. Cửa phòng cha nửa mở nửa khép, tôi liếc mắt ngó vào, thấy ông đã ngồi trước bàn dưới ánh đèn, tay phải cầm bút lông, tay trái cầm điếu thuốc lá, ông đang cặm cụi viết gì đó, thỉnh thoảng húng hắng ho nhẹ. Tôi chỉ nhìn thấy cái lưng hơi hơi gù với cái gáy húi cua điểm nhiều tóc bạc. Bỗng một tình cảm xót xa trào dâng: "Sao thầy làm việc nhiều thế nhỉ,

chẳng thấy thầy nghỉ ngơi gì cả, thầy không thấy mệt hay sao? Mình chạy nhiều cũng mệt...". Từ hôm đó, trí nhớ trẻ thơ trỗi dậy, lần lượt in những ký ức tuổi thơ vào cái đầu ngây thơ và tôi bắt đầu để ý căn phòng nhỏ của cha sau mỗi lần từ bếp chạy qua để lên nhà trên. Đó là căn phòng nhỏ hình chữ nhật, rộng khoảng 6 - 7 mét vuông. Một giường đơn kê dọc gần sát cửa ra vào, phía đầu giường đặt một cây móc áo, cuối phòng kê một bàn làm việc chông đầy sách báo, một nghiên mực với một cái ống đựng các loại bút lông (cỡ viết chữ to và chữ nhỏ) và một cái ghế. Khi ông đi làm, phòng khép hờ, trong phòng tối om, quần áo dài thường phục treo trên cây móc áo. Buổi chiều đi làm về khoảng 6 giờ, ông trút bỏ bộ quần phục treo lên cây móc áo và thay quần áo thường phục, ngồi trước bàn làm việc. Sáng sáng, ông thay bộ quần phục đi làm, không kịp ăn sáng ở nhà. Mười một giờ rưỡi trưa ông về, ăn vội vài bát cơm rồi vào phòng nghỉ; Khoảng một giờ chiều lại đi, đến mùa đông khi xâm xẩm tối mới về nhà. Buổi tối, cha tôi ăn cơm thư thả và trò chuyện vui vẻ với mọi người. Nói chung ông ít nói, đi đứng khoan thai, chậm rãi, nói năng điềm đạm, từ tốn và hòa nhã. Thân hình ông đầy đà, nhưng hơi thở hỗn hển, dáng vẻ mệt mỏi, già nua. Nhìn cha, tôi không khỏi cảm thấy tiếc: Sao thầy trông già hơn mẹ nhiều thế nhỉ? Ước gì ông trẻ như mẹ thì hay bao nhiêu. Thực ra cha tôi chỉ hơn mẹ tôi có chín tuổi thôi. Điều đó chứng tỏ ông làm việc lao lực quá và sức khỏe yếu. Sau bữa cơm tối, khoảng 8 giờ ông lại vào phòng riêng làm việc tới khuya. Cả nhà hai người làm việc cần cù nhất, đó là cha tôi - làm việc nuôi sống cả nhà và chị tôi - đi học ngày hai buổi, tối lại học tận khuya mới đi ngủ. Người ngủ sớm nhất và dậy muộn nhất chỉ có tôi thôi và chỉ biết nô đùa suốt ngày cùng bạn bè ngoài sân, ngoài đường.

Hình ảnh cha ngồi miệt mài làm việc đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong trí nhớ tuổi thơ của tôi, khi đó còn mát lạnh vì tôi vẫn còn mặc áo gi-lê kếp, đó là khoảng mùa xuân năm 1933. Từ hôm đó trở đi, tôi bỗng ý thức được sự tồn tại của mình và mới để ý những người xung quanh. Mẹ là người tôi gần gũi nhất, nhưng cũng với ấn tượng bình thường nhất, có lẽ vì quá gần gũi

chăng? Mẹ tôi thấp lùn, người nhỏ nhắn, đi đứng nhanh nhẹn, tính tình hoạt bát, hay ngâm thơ Đường và Kiều, hay kể chuyện Đông Chu, Tam Quốc v.v... Nói chung, bà là người hay chuyện, nhưng tính nóng nảy, hay gắt gỏng. Bà rất thương yêu tôi, nhưng cũng hay mắng mỏ và nếu trái ý bà sẽ cho ăn bạt tai ngay tức khắc. Tuy vậy tôi vẫn nhờn. Còn cha chẳng mắng mỏ hay nổi giận với tôi bao giờ, nhưng cũng ít thân mật, trò chuyện với tôi (nói đúng hơn, người lớn chẳng ai rỗi hơi trò chuyện với đứa trẻ lên ba). Nhưng trong lòng bé thơ của tôi có một cái gì rất thiêng liêng, rất nể sợ cha tôi. Tuy vậy, thỉnh thoảng ông hôn trán tôi với cặp mắt hiền từ, tự nó, tình cảm cha con đậm chồi nảy lộc mà tôi không thể giải thích nổi và tình cảm đó sâu sắc, thiêng liêng lớn dần.

Chị tôi ngày đi học hai buổi (đó là chế độ dạy và học ở Trung Quốc). Tối đến, chị cũng không nghỉ ngơi. Sáng dậy, tôi thấy cha và chị tôi đã đi từ khi nào rồi. Chị cũng không có thời giờ trò chuyện hay chơi với tôi, nhưng sợi dây tình cảm giữa hai chị em ngày càng xiết chặt một cách vô hình, phải chăng đó là thiên tính?

Một buổi chiều hè, cũng chừng chạng vạng tối, tôi cùng lũ bạn đang nghịch đất ngoài sân, bỗng nghe thấy một tiếng kêu từ trong nhà vọng ra: "Các bà ơi, đến xem kìa, cả nhà dọn đi rồi, bỏ rơi thằng A Bảo đang sốt nằm dưới đất...". Tôi và lũ bạn đứng phắt dậy, tranh nhau chạy ào vào nhà ông Vương (láng giềng của gia đình tôi). Tôi hết sức ngạc nhiên vì thấy gia đình ông Vương dọn đi từ khi nào, hai căn phòng lớn trống không, trên sàn xi măng một đứa trẻ 6 - 7 tuổi bó chiếu nằm đó. Mẹ tôi và mấy bà đang sờ trán nó và kêu: "Sốt cao quá". Một bà nói oang oang: "Thằng bố nó sợ vợ, mụ dì ghẻ hành hạ thằng bé ăn đói, mặc rét, bây giờ dọn đến chỗ ở mới, nhỡ tâm bỏ rơi thằng bé từ hôm qua đến giờ. Hỏi nó, nó bảo chưa có miếng gì vào bụng...". Các bà kẻ mang thuốc cảm, người bưng bát cháo (người Trung Quốc có thói quen ăn cháo hàng ngày) và sữa, đỡ nó ngồi dậy uống thuốc và ép nó uống sữa, ăn cháo... A Bảo là con riêng của ông Vương, mẹ chết sớm

phải sống với dì ghẻ. Hàng ngày tôi vẫn thấy A Bảo bưng khay nôi cơm, nôi canh từ nhà bếp lên nhà hoặc xách xô nước lau nhà cửa. Nó hơn tôi vài ba tuổi, người gầy nhom, đầu trọc lưa thưa mấy sợi tóc vàng hoe, da mặt xanh xao vàng vọt. Mẹ tôi bảo vì ăn uống thiếu dinh dưỡng, cho nên không mọc tóc được. Em A Bảo béo mập hồng hào, A Bảo treo một bên hông mỗi khi bế em. Có chừng ấy tuổi phải làm đủ mọi việc nhà, mà vẫn bị dì ghẻ đánh đập, chửi bới là "Đồ lười biếng, đồ ăn hại...". Bấy giờ nghĩ lại cảnh sống hàng ngày của A Bảo, tôi mới thấy nó tội nghiệp làm sao, chứ ngày thường tôi chẳng hề để ý gì đến nó. Sáng hôm sau, vừa bảnh mắt tinh dậy, tôi vội tụt chân xuống giường chạy sang nhà ông Vương để thăm A Bảo, nhưng trên sàn trống không chẳng thấy nó đâu. Tôi vội chạy về nhà hỏi mẹ, bà bảo: "Mười giờ đêm qua, bố nó đón nó đi rồi!". Tôi thở phào một cái, nhưng vẫn không khỏi băn khoăn mất vài hôm, đó là nỗi băn khoăn đầu tiên của đời trẻ thơ của tôi.

Một hôm, mẹ mặc áo len dài và đội mũ cẩn thận cho tôi, cả nhà kéo nhau ra phố, chú Quốc Vọng gọi cả con Xù đi cùng. Đến một tiệm ảnh lớn, cả nhà rủ nhau vào chụp ảnh. Hai cha mẹ ngồi phía trước, tôi đứng giữa hai ông bà. Mẹ giữ chặt lấy tay tôi cứ như sợ tôi tuột khỏi tay. Chị tôi tròn đôi mắt tươi cười đứng sau cha mẹ, chú Quốc Vọng đứng bên tay phải chị, chú Hải Thiệu đứng bên tay trái chị. Con Xù ngoan ngoãn ngồi dưới sàn chăm chú nhìn vào máy ảnh. Tấm ảnh chụp vào mùa thu đông năm 1933. Đó là tấm ảnh đầu tiên của đời tôi. Bấy giờ nhìn lại, trông tôi thật là ngộ, con Xù thật "đẹp trai", đáng yêu... Vậy mà một hôm chú Quốc Vọng và chú Hải Thiệu lùng sục khắp nơi tìm nó, tôi cũng lon ton chạy theo sau. Mãi sau mới phát hiện nó bị ai đánh chết nằm trong một vũng nước xa nhà. Các chú vớt nó lên chôn cất cẩn thận, cả nhà ai cũng tặc lưỡi tiếc nuối nó. Tôi rất buồn, đó là nỗi buồn đầu tiên của tôi, dù là cái buồn của trẻ thơ. Tôi không sao quên được những buổi nô đùa trò trốn tìm, nó hay chạy theo tôi, cái mũi lành lạnh, ươn ướt khịt khịt bàn tay nhỏ của tôi, chính vì nó, tôi luôn bị bạn bắt được quả tang nơi ẩn náu, vậy mà nay đã mất nó, đó cũng là cái mất mát đầu tiên của đời trẻ thơ.

Một hôm thật khác thường, cha tôi mặc thường phục không đi làm, mẹ xách một va ly vừa đặt ở phòng lớn. Chú Quốc Vọng thắt cà vạt mặc comple. Trông vẻ mặt mọi người trang nghiêm thế nào ấy. Lát sau mẹ nói: "Thầy đi vắng ít hôm cùng chú Quốc Vọng, con đến hôn thầy đi!". Tôi chạy tới bá cổ hôn vào hai má của cha, ông ôm thơm trán tôi. Về sau mẹ bảo: "Cha con đi công tác Nhật Bản, lâu lâu mới về". Tôi hỏi: "Nhật Bản ở đâu hở mẹ?", "Nhật Bản... ở xa lắm. Ở đó có hoàng thân Việt Nam Nguyễn Cường Để..." (Tất nhiên tôi chả hiểu hoàng thân là thế nào, sau này bà hay nhắc tới, tôi mới có ấn tượng về cái tên này). Đó là mùa thu đông năm 1933 (sau khi chụp ảnh cả nhà). Đó là cuộc chia tay đầu tiên với cha tôi, tôi vẫn nhớ như in buổi hôm đó.

Năm 1988, đọc hồi ký "Tôi được làm người học trò nhỏ của Bác Hồ" của Lê Thiết Hùng, cuộc chia tay đó chính là thời kỳ cuối cha tôi làm công tác tình báo với Lê Quốc Vọng, để đánh lạc hướng sự theo dõi của bọn đặc vụ Quốc dân đảng.

\*\*\*

Để nắm rõ bối cảnh lịch sử về vấn đề lấy tin mật trong bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng của cha tôi, chúng tôi xin điểm qua vài nét chính trị Trung Quốc lúc bấy giờ như sau:

Tôn Trung Sơn (1) là lãnh tụ vĩ đại của cách mạng dân chủ tư sản Trung Quốc vào đầu thế kỷ XX.

-----

(1) Xin xem chú thích ở cuối sách.

Tam Dân chủ nghĩa của ông chia làm hai thời kỳ. Thời kỳ đầu, Tôn một mặt chống phong kiến, đế quốc, một mặt lại liên minh với địa chủ, quan liêu

và quân phiệt, và kỳ vọng sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây. Kết cục, cách mạng Tân Hợi tuy lật đổ vương triều phong kiến, nhưng lại bị thế lực phản động thao túng chuyên quyền. Thời kỳ thứ hai, cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, phong trào "Ngũ Tứ" năm 1919 khiến Tôn thức ngộ ra nhiều vấn đề, tiếp đến là sự ra đời của Đảng cộng sản Trung Quốc, khiến ông bổ sung vào cương lĩnh Quốc dân đảng: "Liên Nga, liên cộng, phù trợ công nông và ủng hộ các nước nhược tiểu". Do đó, tháng 12-1921, Tôn Trung Sơn đặt vấn đề với đại diện Liên Xô Malin xây dựng trường quân sự theo mô hình của Liên Xô, Tôn làm Đại nguyên soái kiêm hiệu trưởng.

16-6-1924 khai giảng Trường Hoàng Phố (Quảng Châu) với 500 học viên (đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cài những thanh niên yêu nước như Lê Hồng Phong, Lê Tản Anh, Lê Thiết Hùng v.v... học quân sự và kể cả lớp tập huấn chính trị cũng trong thời kỳ này).

Tôn Trung Sơn còn quan tâm bồi dưỡng lực lượng công nông bằng các lớp học ngắn hạn.

Đặc biệt, Tôn Trung Sơn kết nạp cả đảng viên cộng sản vào Quốc dân đảng để cải tổ và củng cố tổ chức của Quốc dân đảng, rồi tiến hành chiến tranh Bắc phạt, v.v... Đó là thời kỳ Quốc - Cộng hợp tác lần thứ nhất, là một cao trào cách mạng của nước Trung Hoa.

Tiếc rằng 6-1925 Tôn Trung Sơn từ trần và để lại di chúc yêu cầu thực hiện cương lĩnh mới.

Sau khi Tôn mất, Tưởng Giới Thạch phản lại di chí của Tôn, ông ta thanh trừng đảng viên cộng sản trong Quốc dân đảng, thực hiện mọi biện pháp tiêu diệt thanh niên tiến bộ bị tình nghi là cộng sản và sát hại hàng loạt đảng viên cộng sản. Lúc đó, Đảng cộng sản Trung Quốc có căn cứ địa riêng của mình ở một số tỉnh, huyện vùng Giang Nam. Tưởng thi hành chính sách "tróc tận rễ, đào tận gốc" cho nên mở năm đợt tấn công vào khu Xô Viết của đảng cộng

sản Trung Quốc...

Khoảng đầu năm 1928, cha tôi nhận được lệnh điều động công tác về Bộ Tổng tham mưu Quân đội Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch. Lúc này ông ta tự phong mình là Tưởng tổng tài, Tưởng ủy viên trưởng vừa nắm quyền quân sự, vừa nắm quyền chính trị. Do lệnh điều động đó, cha tôi về Nam Kinh làm tham mưu trong Cục bản đồ Bộ Tổng tham mưu của Tưởng. Sau khi cha tôi ổn định công tác, mẹ và chị tôi mới từ Hàng Châu về Nam Kinh vào khoảng cuối năm 1928, đầu năm 1929. Theo lời mẹ tôi kể, thời gian 1929, 1930, Thái Lai (Hà Huy Tập), chị Duy (Nguyễn Thị Minh Khai), Lê Tấn Anh, Lý Phương Thuận, v.v... có ở trong nhà tôi một thời gian ngắn khoảng một vài tháng.

Người đảng viên cộng sản đến với gia đình tôi từ năm 1928 và có mối quan hệ gắn bó mật thiết nhất đó là Lê Quốc Vọng, đến năm 1934 đổi tên là Lê Tân Dân (sau này là Lê Thiết Hùng). Lúc đầu tôi gọi ông là chú, đến hè năm 1937, chị tôi lấy ông ấy, tôi gọi bằng anh. Dưới đây, tôi xin trích từ hồi ký của Lê Thiết Hùng "Tôi làm người học trò nhỏ của Bác Hồ" - Tạp chí Lịch sử quân sự, các số 8, 9, 10 năm 1986) nói về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa anh ấy với cha tôi cũng như trình bày rõ công tác tình báo mà cha tôi đã làm cho Đảng cộng sản Trung Quốc.

\*\*\*

"Trước mặt tôi là một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi tuổi nho nhã, đôn hậu. Ông vừa thay bộ quân phục sĩ quan cao cấp bằng bộ quần áo thường dùng trong nhà. Tôi nhìn thấy ông hết như những bà con chú bác tại nước nhà. Không khí căn phòng nhỏ ấm hần lên mặc dầu tiết tháng chạp âm lịch ở Nam Kinh rất lạnh.

- "Tôi biết tiếng ông cụ thân sinh ra anh từ thời cụ Phan Đình Phùng - Ông Hồ Học Lãm, người đang ngồi trước mặt tôi nói - Cụ chuyên lo về tài

chính, được liệu cho nghĩa quân".

Ông Hồ Học Lãm là chú Hồ Tùng Mậu. Dòng họ Hồ chịu nhiều nỗi đau. Cụ thân sinh của Hồ Học Lãm và ông nội Hồ Tùng Mậu là hai anh em ruột đều tử tiết vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Đã có thời ở huyện Quỳnh Lưu - quê Hồ Học Lãm, bà con ta nói nhiều đến công tích của người mẹ Hồ Học Lãm: Bà Lụa hay bà hàng lụa. Bà quấy gánh lụa đi bán khắp các chợ xa gần trong tỉnh, vừa làm tai mắt vừa chặt chiu từng đồng kẽm cho nghĩa quân Phan Đình Phùng. Việc nước việc nhà đều trọn vẹn. Chồng tử tiết, bà thay chồng nuôi con khôn lớn theo chí hướng của cha ông. Hồ Học Lãm thuộc lớp thanh niên đầu tiên trong phong trào Đông du xuất dương sang Nhật, theo học tại trường Chấn Vũ, một trường quân sự cao cấp của nước Nhật Bản vừa đánh thắng nước Nga của Sa hoàng. Nhưng ngọt bùi chẳng bỏ đắng cay. Trong lúc học chỉ toàn nghe thấy họ khoe khoang nước Nhật giỏi, người Nhật tài, xứng đáng là anh cả toàn Châu Á. Họ còn khen cả Pháp cũng có mặt giỏi mặt tài. Hồ Học Lãm như tất cả các du học sinh Việt Nam khác đều tức nỡ ruột, nhưng vẫn phải bặm bụng nín thinh vì đã trót sa cơ lỡ bước gửi thân ở nước này. Và điều mà mọi người không thể ngờ tới là chỉ mới học được một năm, chính phủ Nhật Bản cấu kết với giặc Pháp đã ra lệnh giải tán số anh em du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản vào năm 1908. Năm sau (1908), được Pháp nhả cho chút ít quyền lợi buôn bán, bọn cầm quyền Nhật Bản đã thăng cánh trục xuất lãnh tụ Phan Bội Châu và số du học sinh Việt Nam ra khỏi nước Nhật. Hồ Học Lãm theo cụ Phan về đất nước Trung Hoa đang rối như canh hẹ, và được nhận vào học ở trường Bảo Định - trường quân sự cao cấp của Trung Quốc lúc bấy giờ. Học ở Bảo Định, gần kinh đô Bắc Kinh, cũng như học ở trường Chấn Vũ, Nhật Bản, bao giờ Hồ Học Lãm cũng là học sinh xuất sắc về mọi mặt. Cuộc cách mạng Tân Hợi do bác sĩ Tôn Dật Tiên lãnh đạo bùng nổ giữa lúc Hồ Học Lãm tốt nghiệp trường quân sự Bảo Định. Cùng với một số du học sinh Việt Nam khác như Võ Tùng... Ông liền gia nhập các đơn vị quân đội ủng hộ đường lối cách mạng của Tôn Dật Tiên, tiểu trừ bọn quân phiệt cát cứ. Sau nhiều năm ở chiến trường, ông chuyển về làm việc tại Cục



tác chiến, Bộ tổng tham mưu quân đội Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch không còn lạ gì ông Hồ Học Lãm. Cùng học với nhau một lớp ở trường Chấn Vũ, Nhật Bản rồi lại ở trường Bảo Định, Trung Quốc, mọi mặt quân sự, chính trị, văn hóa ông hơn hẳn. Tốt nghiệp xong, ông Hồ Học Lãm và Tưởng Giới Thạch đều được ra cầm quân đánh bọn quân phiệt cát cứ. Trong một trận chiến đấu, trung đoàn do Tưởng Giới Thạch chỉ huy bị bao vây có nguy cơ tan rã. Người đem quân đến cứu nguy cho Tưởng chính là ông Hồ Học Lãm. Có lẽ cũng vì vậy mà Tưởng rất tri ân ông Hồ Học Lãm. Mặt khác, theo lời ông Hồ Học Lãm nói với tôi sau này thì, thực ra Tưởng Giới Thạch không tài cán gì lắm, nhưng cái giỏi của y là biết dùng người, giống như Lưu Bị hay Tống Giang trong cổ sử Trung Quốc. Còn ông Hồ Học Lãm, tất nhiên cũng biết triệt để khai thác lợi thế này đối với Tưởng Giới Thạch trong mấy chục năm liền ở Trung Quốc để phục vụ cách mạng Việt Nam. Nhưng theo tôi, điều cơ bản giúp ông có được uy tín lớn trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp Quốc dân đảng Trung Quốc vẫn là do tư cách đạo đức không chê trách được điều gì của ông, kết hợp với tính hiếu học, luôn tự nâng cao trình độ quân sự, chính trị, nghiệp vụ của mình lên, khiến bọn xấu bụng muốn kèn cựa, làm hại ông cũng không làm gì được. Ngược lại, uy tín của ông ngày một tăng lên. Tôi nhớ vào thời gian quân phiệt Nhật Bản mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc, khoảng năm 1936 - 1937, một hôm ông Hồ Học Lãm về nhà vui vẻ đưa ra 4000 đồng tiền thưởng. Thì ra Tưởng Giới Thạch, trước tình thế đó, đã ra đầu bài cho tất cả tướng lĩnh cao cấp Quốc dân đảng hiến kế đối phó với xâm lược Nhật Bản. Nhiều bản hiến kế của các tướng lĩnh dày cộm, đủ cả bản đồ, phương hướng chiến lược, chiến dịch v.v... Bản của ông rất ngắn gọn, đại ý là: Trung Quốc có 500 triệu dân, chỉ cần mỗi người bỏ ra 1 đồng là có 500 triệu đồng để mua sắm vũ khí chống Nhật. Hoặc được 2 đồng hay 5 đồng thì càng tốt. Sau mới đề cập đến vài đường chiến lược, theo ông nói lại, là rút ra từ những bài học chống ngoại xâm của ông cha ta: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... vận dụng trong điều kiện Trung Quốc lúc đó.

Lúc ba chúng tôi lên Nam Kinh gặp ông Hồ Học Lãm, cũng là lúc tranh

tôi tranh sáng trong mưu đồ tiềm quyền lãnh đạo Quốc dân đảng Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch. Có một việc mà chúng rất ngại là số sĩ quan trẻ tốt nghiệp trường Hoàng Phố, nếu thất nghiệp lâu sẽ tìm đường chạy theo đảng Cộng sản Trung Quốc. Do đó việc tìm kiếm việc làm của chúng tôi không gặp khó khăn gì mấy. Tuy vậy chúng vẫn bắt mọi người, kể cả chúng tôi, phải sát hạch lại. Sau sát hạch, tôi nhận quân hàm trung úy, về trung đoàn bộ binh. Anh Lưu Quốc Long về một trung đoàn khác, còn anh Trương Văn Lĩnh về một đơn vị công an vũ trang. Chúng tôi tạm chia tay nhau.

Chúng tôi kiếm được việc làm đã giảm phần khó khăn cho tổ chức ta về tài chính. Lúc đầu tiền lương của tôi là 60 đồng một tháng. Tất cả mọi chi phí tôi tiêu 30 đồng còn gửi vào quỹ cách mạng 30 đồng. Việc đồng chí Lý Thụy cử tôi vào làm sĩ quan quân đội Quốc dân đảng Trung Hoa lúc đó là vừa để tôi có dịp tranh thủ trang bị một số kiến thức về quân sự, phục vụ Tổ quốc sau này. Mặt khác, cũng là để tạo điều kiện giúp đỡ đảng Cộng sản Trung Quốc...

Thấy việc làm của tôi sớm muộn sẽ bị lộ, tổ chức chỉ thị cho tôi xin nghỉ việc. Ở quân đội Tưởng Giới Thạch, xin việc làm mới khó, chứ xin thôi thì rất dễ. Vì thế trung đoàn trưởng tuy chấp nhận đơn xin thôi việc của tôi nhưng buộc tôi ở lại một thời gian nữa, vì trung đoàn vừa được Tưởng giao cho một nhiệm vụ đặc biệt là cấp tốc chấn chỉnh và tổ chức để đi tiếp quản Sơn Đông và Thanh Đảo. Để nhận nhiệm vụ này, nhiều lính mới được bổ sung đến thay thế số lính cũ tuổi cao sức yếu, nhiều sĩ quan trẻ mới tốt nghiệp hoặc đã tốt nghiệp các khóa trước ở trường Võ bị Hoàng Phố được điều động về. Trong đó có bạn cùng khóa với tôi. Quần áo, giày, mũ, súng đạn mới toanh tới tập được chở về trung đoàn. Không khí trong trung đoàn sôi nổi hẳn lên.

Trung đoàn này là một trong số nhiều trung đoàn đặc biệt do Tưởng Giới Thạch đích thân tổ chức xây dựng, ưu tiên ưu đãi nhiều mặt. Tiến hành cuộc

Bắc phạt giai đoạn thứ nhất từ giữa năm 1926 đến 1927 (1). Tưởng Giới Thạch không có lực lượng riêng của mình, đã khôn khéo lợi dụng lực lượng quân sự của từng nhóm quân phiệt cát cứ tạm thời liên minh với y để đánh đổ những tên quân phiệt khác. Những cuộc chém giết lẫn nhau này đã phải trả giá bằng sinh mệnh của hàng vạn binh lính, chưa kể đến sự thiệt hại to lớn về người và của đối với hàng triệu người dân bình thường ở những nơi ãy ra chiến sự. Cuộc Bắc phạt kết thúc giai đoạn một bằng việc Tưởng Giới Thạch đánh chiếm được phần lớn miền Hoa Nam bên bờ phía Nam sông Dương Tử, trong đó có hai thành phố lớn là Nam Kinh và Thượng Hải. Tham vọng của Tưởng là tiếp tục hành quân lên phía Bắc. Nhưng nhóm quân phiệt ở một số tỉnh Hoa Nam vừa ãy liên minh với y, liền quay trở lại chống y. Với sự gian hùng xảo trá của mình, Tưởng lại tổ chức được một liên minh với nhiều tên quân phiệt khác để tiến hành giai đoạn hai của cuộc Bắc phạt kể từ 1927. Y thấy cần phải xây dựng một lực lượng riêng cho mình. Trung đoàn mà tôi ãng ở chính là một trong những đơn vị đó. Vào những tháng cuối năm 1928, quân của Tưởng ã ãuổi được bọn quân phiệt Trương Tác Lâm và con trai là Trương Học Lương, và tên Trương Tông Tưởng phải rút về Mãn Châu. Chính vì thế mới có chuyện trung đoàn tôi ãi tiếp quản Sơn Đông, Thanh Đảo.

-----

(2) Thực ra có thể kể từ 1924 - 1927, từ khi Quốc - Cộng hợp tác lần thứ nhất.

Ông chăm chú nghe năm 1929. Theo đơn cũ, tôi được phép thôi việc, trở lại Nam Kinh. Lúc này gia đình ông Hồ Học Lãm ã từ Hàng Châu dọn hẳn lên Nam Kinh. Không riêng gì đối với tôi mà với tất cả những người cách mạng Việt Nam qua lại Nam Kinh phần lớn ãều được ông Hồ Học Lãm giữ lại gia đình. Ở nhà ông vẫn phảng phất cốt cách, gia phong của một gia đình Việt Nam, kết hợp được hài hòa nhiều nét thuần mỹ thuật xưa với cái tinh

khôi hiện đại...

Nghe tôi nói lại những điều mắt thấy tai nghe ở xứ sở quê nhà, sự đàn áp dã man của giặc Pháp và bọn tay sai và thuật lại cuộc sống quây quần, đùm bọc và tấm lòng cố quốc tha hương của đồng bào ta ở Thái. Tôi cũng không quên phát biểu những cảm nghĩ đầu tiên của mình về đất nước và những con người Trung Quốc. Các buổi nói chuyện của tôi như vậy thường kéo dài đến khuya với ông bà Hồ Học Lãm. Trong những ngày lưu lại, với vốn hiểu biết của mình lúc ấy, tôi đã có đôi lần nói với ông bà Hồ Học Lãm về con đường đi tới của đất nước và đồng chí Nguyễn Ái Quốc theo suy nghĩ của tôi. Vốn là một trí giả nặng lòng vì nước, ông Hồ Học Lãm tâm sự:

"Tôi chưa được gặp ông Nguyễn Ái Quốc lần nào. Nhưng tôi biết tiếng ông từ sau Đại chiến thế giới thứ nhất, ông gửi bản điều trần tới các cường quốc họp Hội nghị tại Véc-xay ở nước Pháp. Từ đó, tôi bắt đầu đặt nhiều hy vọng ở ông. Hiện nay, Nguyễn Ái Quốc thật là một lãnh tụ là con người khai sơn phá thạch cho công cuộc cứu nước cứu nòi".

Sau nhiều lần tiếp xúc, trao đổi như thế, một hôm, tôi và Lưu Quốc Long đến nhờ ông Hồ Học Lãm xin vào làm trong đội bảo vệ đường sắt để có điều kiện hoạt động. Sau khi thu xếp xong xuôi, ông Hồ Học Lãm cho tôi biết:

- Việc các anh nhờ, tôi đã lo xong. Anh sẽ vào làm trên tuyến Nam Kinh - Thượng Hải. Anh Long tuyến Nam Kinh - Vũ Hán. Được chứ? Còn tôi và gia đình, cách mạng cần giao cho việc gì, các anh cứ nói, chúng tôi xin gắng sức.

...

Đồng chí Lý Thụy cho biết thêm về tình hình rất khó khăn của cách mạng Trung Quốc, về bọn Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị mọi mặt tiến công tiêu diệt Hồng quân. Tôi nảy ra ý quyết định trao đổi với ông Hồ Học Lãm làm thế nào lấy được những kế hoạch tiến công vào các khu xô-viết của Quốc dân

đảng, để giúp Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhiệm vụ đồng chí Lý Thụy giao cho tôi vẫn canh cánh bên lòng. Vì thế, một hôm đã khuya lúc chỉ còn lại hai bác cháu, tôi tự thấy mạnh dạn, nêu ý kiến với ông. Ông nói, giọng trầm, đĩnh đạc:

- Thế xác hình hài của tôi lúc này là Hồ Học Lãm làm tại bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng, còn linh hồn và trái tim tôi thì luôn luôn thuộc về cách mạng. Việc lấy các kế hoạch này, khó khăn lắm đấy, lộ ra thì mất đầu như chơi. Nhưng đã quyết thì làm. Nhất định được.

Từ mùa hè đến mùa thu năm 1930, Bộ chỉ huy tối cao Hồng quân vẫn thường nhận được những báo cáo mật từ cơ sở chuyển về: địch ra lệnh cấm chuyên chở thóc gạo xuôi theo sông Như Thủy và Cống Giang... Bọn thám báo đã đột nhập, liên lạc được với bọn A. B. (chống cộng) ở Đông Côn, Phủ Diên, Hậu Bị, Đông Thiên... Nhiều cấp sĩ quan quê ở Phúc Kiến, Giang Tây đã được điều động về bộ Tổng tham mưu... Các sư đoàn của tướng Lưu Hòa Dĩnh, Trương Huy Tân, Đàm Đào Nguyên được bổ sung trang bị, quân số, chuyển dịch về phía Giang Tây... Tất cả đều do ông Hồ Học Lãm và tôi chong đèn gần thâu đêm để làm ra những dòng tin ấy.

Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng tổ chức theo khuôn khổ của quân đội Đức do các cố vấn Đức trực tiếp chỉ đạo. Kỷ luật sắt rất nghiêm ngặt. Sau giờ làm việc, mọi hồ sơ tài liệu đều được niêm phong gửi vào tủ sắt bảo mật. Cán bộ tuyệt đối không được đem theo một mẫu giấy nào về nhà. Người nào biết việc này, tuyệt đối không được nói nội dung công tác của mình đang làm cho người khác biết. Khó khăn và tốn kém lắm, ông Hồ Học Lãm mới moi được trong số các sĩ quan cùng công tác trong bộ Tổng tham mưu lúc này, lúc nọ một vài tin tức có liên quan. Nhiều lúc ông phải đi xuống các sư đoàn nghiên cứu, xác định lại. Ông phải nhập tâm những phần việc được trao cho ông soạn thảo, và cả những phần việc của nhiều sĩ quan khác song song cùng làm. Về nhà ông đọc lại từng câu, từng chữ cho tôi ghi lại. Xong, đưa ông xem,

sửa chữa, bổ sung những chi tiết chính xác ông vừa gạn lọc xong. Bản đồ quân sự lúc này cũng hiếm, lại không được đem về nhà nên ông phải phỏng theo những bản đồ đường sá, hành chính, vẽ lại cho cụ thể. Đến lượt tôi chuyển giao cho cơ sở của Đảng bạn, cũng phải nhập tâm thuộc lòng như người chủ sự, hướng dẫn lại bằng miệng cho cơ sở nhận, nắm thật vững nội dung. Còn giấy tờ chỉ ghi rất vắn tắt, gạch đầu dòng từng đề mục.

Cuối cùng, toàn bộ bản kế hoạch tiến công khu xô-viết trung ương của Đảng Cộng sản do Tưởng Giới Thạch phê chuẩn đã được ông Hồ Học Lãm và tôi lấy được, gửi tới tay đảng bạn. Phạm vi của cuộc tiến công là vùng tứ giác La Lãm, Nghi Hoàng, Lê Xuyên, Thụy Kim, tọa độ X... Y... Binh lực tham gia từ 10 đến 15 sư đoàn, ước khoảng ba mươi vạn quân. Chia làm nhiều đợt. Thời gian có thể bắt đầu vào những tháng đầu năm 1931.

Ngược lại, tôi cũng được thông báo vắn tắt là Hồng quân cũng có kế hoạch đối phó lớn.

Giữa lúc hai bác cháu chúng tôi đang hồi hộp theo dõi hành động của đôi bên thì được tin đích xác là từ ngày 28 tháng 7, Hồng quân đã mở cuộc tiến công vào các thành phố lớn: Trường Sa, Nam Xương và Vũ Hán. Khẩu hiệu động viên là "Hội sư Vũ Hán, âm mã Trường Giang".

- Có thể đây là một cuộc tiến công phá chuẩn bị - Ông Hồ Học Lãm nói, đánh vào thành phố lớn, khó khăn lắm đấy. Liệu có đủ sức không?

Tôi sững sờ trong giây lát.

Những ngày sau tin tức của Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng vẫn do ông Hồ Học Lãm đưa về: Trường Sa ta chiếm được mười ngày sau phải rút lui. Thành phố Nam Xương chỉ giữ được hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Còn Vũ Hán thì không vào được... Tuyệt nhiên không có nội công ngoại kích ở ba thành phố này. Và cũng không có cuộc binh biến nào trong các đơn vị Quốc

dân đảng...

Thêm hai năm (1931 - 1932) sôi động và căng thẳng đối với tôi. Cuộc hành binh vây quét của Tưởng Giới Thạch vào khu xô - viết trung ương đây đưa kéo dài trên nửa năm mới kết thúc. Lúc đầu với mười vạn quân, Tưởng định đánh một cú là xong. Nhưng đã phải kéo thành ba đợt. Đợt một từ tháng 12 năm 1930 đến tháng giêng năm 1931. Tưởng phải ngừng tiến công (do xâm lược Nhật Bản ở Hoa Bắc). Sáu tháng sau mới mở được đợt hai, quân lực gấp đôi, tức là hai mươi vạn. Đợt ba, vào tháng 7, ba mươi vạn quân do đích thân "Trung Hoa đệ nhất kiệt" (tức Tưởng Giới Thạch) chỉ huy. Lại thua liểng xiểng như đợt hai.

Bao lần trái tim của tôi bị thất lại. Sau các tổn thất to lớn ở Trường Sa, Nam Xương, Vũ Hán, liệu Hồng quân đã hồi phục lại được sức lực chưa?

Tới ngày Tưởng phải chính thức ra lệnh lui quân, kết thúc đợt ba, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Cùng lúc trong bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng đã có tiếng xì xào là phải truy lùng nội phản.

Tưởng Giới Thạch cay cú quyết làm một cú nữa vào tháng 6 năm 1932. Như lần trước, toàn bộ bản kế hoạch tiến công vây quét lớn lần thứ hai này đều qua tay ông Hồ Học Lãm và tôi chuyển tới Bộ tư lệnh Hồng quân. Sau lần vây quét này, Tưởng nói: không thắng nhưng cũng không thua!

... Vừa lúc ông Hồ Học Lãm bước vào, nhịp thở của ông hơi khò khè vì cơn hen xuyên, triệu chứng của những ngày động não căng thẳng. Hệt như những ngày hai bác cháu chúng tôi dò từng chữ.

- Anh định ba mươi sáu chước, chước "đào" là hơn đấy à? - Ông Hồ Học Lãm uống một ngụm nước chè nóng - Không phải đi đâu cả. Cứ ở đây. Đi bây giờ là hạ sách. Lậy ông, tôi ở bụi này!

Tôi phải nói rõ ý nghĩ của mình, đồng thời cũng là chỉ thị của tổ chức là phải hết sức bảo vệ, giữ gìn ông. Chừng nào ông còn được tin nhiệm công tác tại bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng thì cách mạng cả hai dân tộc Việt - Trung có lợi chừng ấy. Nếu không có ông thì làm sao lấy được hai bản kế hoạch quân sự tối mật của Tưởng Giới Thạch gửi tới để Hồng quân biết trước mà đề phòng, đối phó thắng lợi.

Ông Hồ Học Lãm ngắt lời tôi:

- Tôi và anh nên coi đây là một nghĩa vụ của mình. Anh cứ yên tâm. Tôi sẽ thu xếp mọi việc ổn thỏa. Tưởng Giới Thạch chưa chịu đâu. Nó còn tiếp tục đánh, đánh nhiều nữa đấy. Chúng ta còn phải khổ công hơn nữa.

Ông Hồ Học Lãm nói rõ cho tôi biết thêm là vì sao tất cả cán bộ từ tướng cao cấp trở xuống trong bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng lại một mực tin tưởng ở ông, phản đối yêu sách láo xược của bọn đương cục Pháp. Vì nội tình bộ Tổng tham mưu cũng rối ren như tình hình xã hội Trung Quốc bên ngoài. Có phe đa số của Tưởng Giới Thạch, có cánh của Hà Ứng Khâm. Lại có một số tướng lĩnh ngầm ủng hộ Uông Tinh Vệ đầu hàng Nhật. Một số khác phản đối Tưởng Giới Thạch đòi thực hiện đúng di chúc của Tôn Trung Sơn... Với ông Hồ Học Lãm, tất cả các phe phái đều biết là một nhà cách mạng Việt Nam chân chính, được coi như trung lập, không ngả theo phe cánh nào, nên đều tranh thủ ông, tùy theo động cơ tốt xấu của họ. Ông cũng triệt để lợi dụng mâu thuẫn để thu thập nhiều tin tức có lợi cho cách mạng.

- Ở lâu với họ - Ông nói - tôi hiểu tất cả, kể cả những việc làm bất chính, bất lương của họ.

Ông mỉm cười, cái cười chua chát về mặt trái của cuộc đời, rồi nói tiếp - Cũng may còn có một số người chân chính, biết tôn trọng nhân cách, phẩm giá con người. Ta không nên vợ đũa cả nắm. Ngồi vào bàn làm việc đấy, nom rất oai phong, chễm chệ, nhưng tâm trí họ có để vào đấy đâu. Mọi việc đều



đùn xuống cho cấp dưới làm, rồi quát tháo, nạt nộ. Chỉ khổ cho các sĩ quan trợ tá trẻ.

Ông quay về phía tôi nói tiếp: - Còn bọn đặc vụ mà anh hay nhắc đến, phần lớn bọn to đầu chúng nó thuộc phe cánh của Tướng Giới Thạch. Tha hồ hống hách lộng quyền, tiêu tiền như rác, biển thủ như ranh. Đứa nào đứa ấy mới làm vài năm đã giàu sụ. Có chuyển tàu hàng về cảng thì việc to bằng trời, cũng bỏ đẩy chạy vội đi nhận hàng, môi giới, áp phe cái đã.

\*\*\*

Bọn đặc vụ tuy hết sức tránh đụng chạm đến ông Hồ Học Lãm, nhưng vẫn không chịu buông tha người em thúc bá của ông (khi nhận tôi về ở trong nhà, ông giới thiệu tôi là người em con chú, con bác với ông). Tôi bị chúng theo dõi lúc đi tàu, lúc về nhà, khi ra phố.

Một hôm, tôi vừa bước khỏi nhà ga Thượng Hải thì có người khẽ chạm vào gói hành lý của tôi. Nhìn kỹ, thì ra đó là anh bạn Triều Tiên họ Phác cùng khóa học Hoàng Phố với tôi. Hai người đã vài lần gặp nhau ở đường phố Nam Kinh và Thượng Hải. Cùng lờ nhau như không hề quen biết. Nhưng qua Trương Văn Lĩnh tôi được biết anh bạn Triều Tiên họ Phác ấy đang hoạt động trong một tổ chức tình báo chống bọn gián điệp Nhật Bản. Cùng hội, cùng thuyền, hiểu nhau cả.

Thấy vậy, tôi rảo bước, chen lấn với đám đông hành khách để đuổi kịp anh bạn nọ.

- Cậu nên lánh đi chỗ khác thì hơn - Người bạn Triều Tiên nói nhỏ vào tai tôi rồi đi thẳng.

Tôi về thuật lại với ông Hồ Học Lãm.

- Đúng đấy, lúc này là lúc anh tạm lánh đi một thời gian. Một vị tướng

quân họ Trần bạn thân với tôi vừa thu xếp cho tôi một việc phải sang Nhật Bản vài ba tháng. Tướng quân đồng ý cho cả anh cùng đi - Ông Hồ Học Lãm ngừng lời, thăm dò thái độ của tôi.

- Đi sang đấy, việc tôi, tôi làm. Còn anh, nghỉ ngơi, tham quan một đất nước tư bản phương đông xem sao. Cũng có lợi cho công tác của anh đấy.

Đặt chân lên hòn đảo Phù Tang, tôi ý thức nhìn nhận con người và đất nước này theo chiều dài của lịch sử của nó. Thủ đô Tô-ki-ô rộng lớn và rất hiện đại. Từng tuyến đường rộng thênh thang, dài tít tắp. Ban đêm rực sáng ánh đèn điện huỳnh quang. Nhìn những bộ áo quần ki-mô-nô trắng của các cô thiếu nữ dưới ánh đèn, người ta có cảm giác như nhìn một cái kim trên một chiếc đĩa bạc. Dọc hai bên đường, từng khu nhà kiến trúc đồ sộ, sân thượng đổ bê tông, vuông vức sừng sững như những vách đá, đánh đai dọc những con đường. Khu hoàng cung ba tầng, ẩn sâu trong một khu vườn rộng, gợi lại cho người ta những tòa lâu đài thâm nghiêm, kín cổng cao tường trong các câu chuyện cổ tích ngày xưa. Phương tiện giao thông rất nhiều và thuận tiện, xe cộ nối đuôi nhau lao vun vút như những dòng chảy xiết, tuy ngược chiều nhưng lại rất êm ả. Chỉ tới ngã năm, ngã sáu đầu đường, hoặc gặp các quảng trường lớn, khách đi bộ hay ngồi trên xe mới được vờn xa đôi chút tầm nhìn. Thành phố Tô-ki-ô được nhiều dòng sông nhỏ, nhiều con kênh nước chảy hiền hòa cắt ngang, cắt dọc thành từng khu riêng biệt. Những khu công nghiệp lớn, ống khói chọc trời. Khu công nhân, nhà lợp ngói nâu xám xịt. Khu đại học nổi bật lên cái tháp gạch đỏ của một trường đại học. Khu thương mại, giao dịch quốc tế với khách sạn lớn Hoàng cung nhiều tầng, với trụ sở của các hãng buôn lớn v.v... Người dân một nước công nghệ phát triển có tác phong khẩn trương vô cùng, tranh thủ thời gian từng giờ từng phút nhưng không chen lấn, đụng độ.

Đoàn xe lửa từ cảng Thần Hồ đưa ông Hồ Học Lãm và tôi về Tô-ki-ô. Nhà ga rất lớn và hiện đại, có mái che, tuyết rơi lá tả. Thấy hai người lạ bỡ

ngỡ một phụ nữ Nhật đã chủ động dẫn chúng tôi tới bến xe tắc-xi, dặn anh lái xe đưa về địa chỉ cần tìm ở một vùng ven thành phố. Xe dừng trước cổng. Ông Hồ Học Lãm bấm chuông. Một phụ nữ Nhật trạc ngoài ba mươi tuổi, phúc hậu hiền từ ra mở cửa, cung kính cúi đầu mời hai vị khách vào. Chủ nhân, một ông già trên sáu mươi, vận bộ ki-mô-nô, vẻ chậm chạp, bước ra tận hàng hiên đón. Thì ra đây chính là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, từ khi sang tới đây mang tên là Nam Nhất Hùng - một nhân vật đã một thời tên tuổi gắn liền với Phan Bội Châu và các sĩ phu yêu nước trong phong trào Đông du, một nhân chứng lịch sử về mưu đồ xâm lăng, làm bá chủ toàn Châu Á và một phần thế giới của đế quốc Phù Tang từ đầu thế kỷ hai mươi này. Hồi đó, bọn cầm quyền Nhật Bản đã hạch sách cụ Phan Bội Châu đòi phải tìm bằng được một người của Hoàng tộc đưa sang Nhật để tôn làm "minh chủ" cho việc "phục quốc An Nam". Cụ Phan đành phải lặn lội về nước, mời Kỳ Ngoại Hầu Cường Để sang. Nắm được lá bài "Minh chủ An Nam" rồi, họ giấu biệt Kỳ Ngoại Hầu đi một nơi, không cho tiếp xúc với bất cứ một ai. Âm mưu thâm độc của họ là nuôi dưỡng ông thành một tay sai ngoan ngoãn để phục vụ ý đồ xâm chiếm Việt Nam của họ sau này, như họ đã làm ở Đài Loan, ở Cao Ly(Triều Tiên) và gần đây nhất, họ bắt cóc ông Hăng-ri Phổ Nghi dựng lên làm vua bù nhìn "nước Mãn Châu". Kỳ Ngoại Hầu Cường Để cũng thấy rõ số phận mai sau của mình. Gần ba chục năm bọn cầm quyền Nhật Bản gần như giam lỏng ông trong một ngôi nhà vắng lạnh. Hàng tháng, họ chỉ cho ông vài trăm đồng tiền yên. Hàng ngày, chị giúp việc sáng đến, chiều về, làm cơm cho ông ăn theo cách nấu ăn của người Nhật, hết thịt luộc lại thịt nướng hoặc tái đúng nước sôi, hoặc ăn gỏi (cá).

Ở Nhật Bản, một nước công nghiệp, thịt gia cầm, gia súc bỏ hết đầu, chân, ruột lòng. Nhiều hôm đi chợ, tôi cần chi khoảng một phần tư số tiền, mua về, thổi nấu thành những món ăn dân tộc: lòng lợn, chân giò ninh, thịt kho tàu, thịt áp chảo, giả ba ba, cá diêu, nem cua, chả nướng... Bữa cơm đậm đà hương vị quê hương. Ba người cùng ăn uống chuyện trò thân mật. Làm như vậy, một phần tôi cũng muốn để khơi gợi và thăm dò thái độ của Kỳ Ngoại

Hầu với đất nước, giống nòi.

Những buổi ông Hồ Học Lãm đi giải quyết nhiệm vụ đặc biệt của mình, Cường Để thường hay tâm sự với tôi. Ông ví thân phận của ông như nàng Kiều, chót bán mình cho mục Tú Bà, rồi mắc lừa Sở Khanh. Những khi ấy ông thường khẽ ngâm hai câu Kiều: "Biết thân đến bước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung...".

- Sao ngài không nghĩ đến chuyện tìm đường về nước - Tôi hỏi Cường Để.

- Trốn thế nào được, cảnh tôi, cá chậu chim lồng - Giả thử có về được, lại rơi vào tay bọn cầm quyền Pháp mà thôi.

- Hay về Trung Quốc?

Nét đau khổ hằn lên khuôn mặt nề nề của ông, Kỳ Ngoại Hầu giải thích:

- Về Trung Quốc càng chết. Ở bên đó chỗ nào chẳng có bọn thám tử của đảng Hắc Long (một cơ quan gián điệp rất có thế lực ở Nhật Bản). Chúng sẽ điệu tôi về đây ngay lập tức.

Nói chuyện xong ông tìm đưa cho một cuốn sách và nói: Anh đọc đi sẽ rõ.

Đó là cuốn Đại Việt sử ký toàn thư của Lê Văn Hưu, in lại bằng chữ Nhật. Vài trang đầu có lời giới thiệu của một viên tướng người Nhật Bản. Đại ý là tướng này sang Việt Nam năm 1883, nghĩa là chỉ sau một năm giặc Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ hai (1882) để nghiên cứu tình hình. Hắn được tiếp kiến Khâm sai Nguyễn Hữu Độ. Sau buổi tiếp kiến, viên tướng này ngỏ ý xin Khâm sai một cuốn lịch sử dân tộc Việt Nam để đem về Nhật. Phần cuối, tác giả lời giới thiệu đã nêu lên vài nhận xét qua chuyến đi thăm nước Đại Việt (Việt Nam) vừa qua. Đại ý là: hai nước Nhật Bản và Đại Việt (Việt Nam) đều ở Châu Á, cùng chung một nền văn hóa Đông phương, hoàn cảnh địa lý, xã

hội, số dân... có nhiều điểm gần giống nhau. Nhưng Đại Việt đã bị rơi vào ách đô hộ của một cường quốc tư bản phương Tây. Tác giả kêu gọi mọi công dân Nhật Bản phải biết lấy bài học của Đại Việt làm răn, phục vụ công cuộc canh tân để sớm đưa đất nước của Thiên Hoàng thành một quốc gia hùng mạnh ở Châu Á và trên địa cầu...

- Thì ra từ dạo ấy họ đã để ý đến nước ta - tôi nói - chắc bây giờ họ lại càng chú ý hơn.

- Anh nói đúng - Ông Cường Để ngắt lời - sau Trung Quốc, họ nghiên cứu Việt Nam rất kỹ. Họ hiểu Việt Nam ta hơn cả chúng ta đấy. Anh có được nghe nói nhiều về ông Nguyễn Ái Quốc không? Tôi được biết là gần đây họ theo dõi nghiên cứu ông Nguyễn Ái Quốc rất chặt chẽ. Ông làm gì, ở đâu, đi đâu họ đều biết. Họ biết cả việc ông hợp nhất được ba phái thành một Đảng Cộng sản Việt Nam, cả việc ông bị cảnh sát Anh bắt ở Hồng Kông năm nọ và thoát nạn như thế nào...

...

Ông Hồ Học Lãm ở Nhật Bản về sau tôi một thời gian. Chuyến đi này của ông rất tốt. Ông nói tiếng Nhật thành thạo, lại có nhiều mối quan hệ cũ, nhờ đó ông đã thu thập được những nguồn tin chính xác về mưu đồ xâm lược Trung Quốc của bọn quân phiệt Nhật Bản. Trước mắt, những năm đầu của thập kỷ thứ ba, chúng chưa thể Nam tiến, đánh xuống miền Hoa Bắc hay Hoa Trung. Như vậy Tưởng Giới Thạch sẽ được rảnh tay tập trung lực lượng tiêu diệt đảng Cộng sản Trung Quốc, dập tắt phong trào yêu nước của nhân dân Trung Hoa. Còn giữa Tưởng Giới Thạch với bọn quân phiệt cát cứ ở trong nước sẽ vẫn là nội chiến liên miên. "Nhân dân Trung Quốc còn khổ cực đến mức độ nào nữa?". Tôi luôn luôn tự hỏi mình, ngày đêm trăn trở.

Một hôm, như thường lệ, sau bữa cơm chiều, cả gia đình ông Hồ Học Lãm ngồi quây quần nghe đài, uống nước. Ông Hồ Học Lãm bắt đầu nói với

tôi:

- Việc đương cục Pháp tố cáo các anh là cộng sản, liên lạc giữa Hồng Kông, Thượng Hải, Nam Ninh, treo giải với Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng bắt được anh là 500.000 đồng, tôi đều đã biết. Hiện nay, trong bộ Tổng tham mưu, họ bàn cãi khá nhiều về anh, tất nhiên có cả tôi. Họ nói: Nếu nó là cộng sản thì nó đã đi Xô Liên rồi, hoặc ở với bọn đỏ trong khu xô - viết, đời nào nó chịu ở với ta, cục cung tận tụy làm việc cho ta đến như vậy. Ông còn cho biết đại ý là giữa bọn Pháp và bọn Tưởng chẳng ưa gì nhau. Việc bọn Pháp tố cáo tôi và treo giá đã làm cho nhiều sĩ quan trung cao cấp trong Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng nổi sung, tự ái: Đường đường một cơ quan tham mưu đầu não của Tưởng tổng tài, mắt mù hay sao mà để một tên cộng sản lọt vào được? - Ngay số tiền 500.000 mà Pháp treo giá cũng thành chuyện đàm tiếu khôi hài.

Có một lý do nữa, ông Hồ Học Lãm khiêm tốn không muốn nói ra nhưng theo tôi lại là lý do chủ yếu. Đó là uy tín rất lớn của ông. Hầu hết các tướng lĩnh trong Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng, kể cả Tưởng Giới Thạch, đều không hề tỏ ra nghi ngờ gì ông, nên họ cũng tin rằng tôi không thể là cộng sản hay cảm tình với cộng sản. Ông nói tiếp: - Họ nhận định tôi và anh đều là những người Việt Nam thức thời, ắt phải hiểu thấu đáo là Trung Quốc có hùng mạnh thì mới giúp Việt Nam phục quốc được.

Tuy vậy, bọn mật thám Pháp và mật vụ Quốc dân đảng vẫn tiếp tục theo dõi tôi. Một lần gặp lại anh bạn Triều Tiên quen biết cũ, được biết anh ta đang làm việc tại cơ quan tình báo của Tưởng Giới Thạch, chúng tôi chỉ gặp nhau ở ngoài đường, không hề đến nhà và hỏi địa chỉ của nhau. Anh ta nói nhỏ với tôi: Trước cửa nhà anh thường xuyên có người theo dõi đấy. Nói xong anh ta vượt nhanh lên phía trước. Tôi về nói lại với ông Hồ Học Lãm. Ông cười bảo với tôi là ông đã được tướng quân họ Trần cùng trong Bộ Tổng tham mưu cho biết rồi, cứ coi như không có gì xảy ra thì chúng mới không

nghi. Trước đó, trong một vài trường hợp thông thường, tôi vẫn liên lạc với một vài đồng chí ta bằng thư từ. Bưu điện của Tưởng Giới Thạch có lệ là lá thư nào không có người nhận thì họ để riêng ra một nơi, ai cần đến đấy mà tìm nhận. Một hôm, một viên sĩ quan đồng cấp bảo tôi đến bưu điện để nhận thư còn lưu lại. Tôi đến tìm thấy mấy lá thư. Có lá đề tên Lê Quốc Vọng, có lá đề Lê Tân Dân. Tôi để ý thấy có người theo dõi. Nếu tôi cầm thư đề tên Lê Quốc Vọng tức tên tôi hồi học ở trường Hoàng Phố thì có thể bị chúng bắt ngay. Tôi chỉ nhận lá thư đề Lê Tân Dân rồi đàng hoàng ra về. Có lần, chúng bố trí tôi đến làm việc với một cơ quan bên ngoài mà tôi đoán chắc là cơ quan mật vụ. Đang làm việc bình thường, bỗng nhiên nó hỏi tôi - Anh có quen với ai là Lê Quốc Vọng không? Vừa hỏi nó vừa nhìn xoáy vào mặt tôi. Tôi thản nhiên đáp: - Có quen biết sơ sơ nhưng nhiều năm chẳng hề gặp nó. - Tên mật vụ cười, nói: - Nó đi Xô Liên rồi. Tôi trừng mắt nhìn nó rồi nói: - Ông biết, vậy còn hỏi tôi làm gì? Nó cười, xin lỗi xã giao với tôi.

Tôi về nói lại với ông Hồ Học Lãm. Ông ngồi nghe chăm chú, rồi nói như kết luận: - Bọn chúng thường là thế nên ta phải hết sức tỉnh táo. Có lần ông mỉm cười, tự tin: "Cao nhân tắc hữu cao nhân trị".

Một hôm, đợi cả nhà đã đi ngủ, ông Hồ Học Lãm dẫn tôi vào buồng riêng, cho biết: theo lệnh Tưởng Giới Thạch, Bộ Tổng tham mưu Quốc dân đảng bắt đầu triển khai một kế hoạch tiến công qui mô rất lớn vào khu xô - viết trung ương ở Thụy Kim và các khu khác ở các tỉnh lân cận; làm cỏ, tiêu diệt sạch các đơn vị Hồng quân, đảng viên cộng sản và mọi cơ sở của cách mạng. Theo nhiều nguồn tin, thắng Nhật sắp đánh lớn, chiếm các tỉnh đông dân, nhiều của miền ven biển Hoa Bắc, Hoa Trung, vì vậy, Tưởng Giới Thạch buộc phải hành động trước để tránh hậu họa bị cộng sản và bọn lãnh chúa quân phiệt cát cứ đánh vỗ mặt, đánh sau lưng. Lần này lại có sự tiếp tay hỗ trợ của bọn đế quốc Anh, Pháp và cả Đức nữa. Bọn này vẫn thậm thụt ra vào Bộ Tổng tham mưu. Quyết liệt lắm đấy.

Những ngày tiếp sau, cho tới đêm khuya ông Hồ Học Lãm và tôi vẫn chong đèn ngồi rất lâu trên tấm bản đồ quân sự trải rộng. Có lần chúng tôi nhập vai Tướng Giới Thạch, lên phương án tác chiến; hoặc ngược lại đứng về phe Hồng quân Trung Hoa đối phó. Có nhiều đêm chúng tôi tranh cãi khá sôi nổi về cách đánh của bên này, cách chống trả của bên kia. Mỗi người bảo vệ giả định của mình. Những tấm bản đồ quân sự của các tỉnh Giang Tô, Triết Giang, An Huy, Giang Tây, Phúc Kiến... chi chít những mũi tên xanh đỏ, những ký hiệu sở chỉ huy, trận địa pháo mỗi ngày một đậm nét. Gần như hai chúng tôi đều thuộc lòng địa hình, địa vật quanh khu vực Thụy Kim với những tên làng, huyện, tên núi, sông, các đường ngang dọc, các điểm cao, bãi bằng...; thuộc lòng phiên hiệu các quân đoàn, sư đoàn Quốc dân đảng, tên tuổi, cá tính của từng tướng lĩnh chỉ huy các đơn vị dự kiến sắp được tung vào cuộc chiến nay mai. Về phía Hồng quân, chúng tôi cũng nắm chắc được tình hình mạnh yếu của từng đơn vị và các tổ chức cơ sở quần chúng tại các khu xô - viết. Song tôi vẫn thấy lo lo mỗi khi nhớ lại từ cuộc khởi nghĩa ở Quảng Châu năm 1927 mà tôi có trực tiếp tham gia đến kế hoạch "hội sư Vũ Hán, âm mưu Trường Giang" đánh vào các thành phố của địch. Những lần ấy, hễ đánh không xong, phải rút, thì địch lại đến tàn sát hàng chục vạn dân lành vô tội. Tôi luôn luôn day dứt: liệu lần này các bạn có đứng vững và đập tan được cuộc tiến công lớn của bọn Tưởng hay không? Nhìn về phương Nam, Tổ quốc xa vời vợi. Sau Xô - viết Nghệ Tĩnh, bao khó khăn gian khổ đã đến với cách mạng ta, Đảng ta: lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị bắt, các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng, Lê Quang Đại, Lưu Quốc Long... lần lượt sa vào tay giặc Pháp. Hôm nghe tin Lưu Quốc Long, người đồng chí nổi khổ với tôi, nhảy từ trên gác ba xuống, hy sinh, tôi không sao cầm được nước mắt. Còn bao đồng chí khác nữa?

Giữa chừng công việc, tôi lên Thượng Hải chủ động tìm đến người đại diện mới của Đảng Cộng sản Trung Quốc mà tôi vừa được giới thiệu để thông báo, phối hợp, đối chiếu với các nguồn thông tin từ phía Đảng bạn thu thập được. Tưởng là ai, hóa ra là một bạn đồng học ở Võ bị Hoàng Phố trước



đây, lúc này mang tên là Toàn Phong. Gặp nhau, chúng tôi nắm chặt tay nhau đến đau điếng. Ở Trung Quốc, tình đồng hương, đồng học, đồng khóa là thiêng liêng trong tiềm thức, tập quán dân tộc. Toàn Phong lớn hơn tôi vài tuổi. Hai người hồi học Hoàng Phố đã có nhiều ý hợp tâm đồng. Tôi không tiện hỏi nhưng cũng đoán Toàn Phong đang giữ một trọng trách nào đó trong Đảng bạn. Toàn Phong tha thiết đề nghị với tôi là tìm mọi cách lấy cho bằng được kế hoạch tiến công lần này của Tưởng Giới Thạch.

- Qua các nguồn tin - tôi nói - Chúng nghiên cứu rất kỹ sự chỉ đạo tác chiến và cách đánh của Hồng quân để tìm ra một cách đánh có lợi nhất cho chúng.

- Đồng chí thử cho vài dẫn chứng.

- Rút kinh nghiệm các lần trước, đại quân của chúng tiến ào ào vào địa khu của ta, thường không gặp chủ lực của Hồng quân, đến lúc quân của chúng mệt mỏi mới đánh, hoặc khi chúng lui quân thường mới bị truy kích, nên chúng thường bàn với nhau là làm sao không bị "bọn đỏ" cho vào bẫy.

- Đúng đấy - Toàn Phong đáp, giọng hào hứng - kinh nghiệm trên hai chục năm tiến hành du kích chiến tranh của Đảng chúng tôi đã đúc kết lại thành những nguyên tắc chỉ đạo tác chiến cho Hồng quân và các lực lượng vũ trang khác trong toàn quốc.

Tôi kiên nhẫn ngồi nghe người đồng chí của Đảng bạn thuyết trình về những điều hay, điều lợi của những nguyên tắc đó.

- Trong quân sự còn vấn đề vận dụng linh hoạt - tôi nói - Ngay như Nã Phá Luân (Na-pô-lê-ông), một nhà quân sự có tài cũng nói đại ý là thực địa chi phối cả cách cầm quân. Trong Tôn Ngô binh pháp cũng nói nhiều đến thực tế chiến trường.

Toàn Phong ngắt lời tôi:

- Đúng là có vấn đề vận dụng linh hoạt. Nhưng nguyên tắc thì bao giờ cũng là nguyên tắc. Nã Phá Luân dù sao cũng sinh trưởng trước chúng ta hơn một thế kỷ.

Trước khi từ biệt người bạn học cũ, giờ là người cộng tác chặt chẽ với mình, tôi kiên trì nhắc đi nhắc lại: Nó đánh lần này có nhiều cái khác đấy. Trên đường về tôi không khỏi băng khuâng suy nghĩ. Toàn Phong mới ngày nào còn là học sinh quân, rất trí thức, mà nay đã khác nhiều rồi.

\*\*\*

Khoảng vài ba ngày ông Hồ Học Lãm lại cung cấp cho tôi một số chi tiết:  
- Bí mật lắm. Đích thân Tổng tham mưu trưởng điều hành công việc, thành lập một ban công tác đặc biệt gọi là Biệt phái Ban. Tổng tham mưu trưởng duyệt danh sách từng người... Tôi cũng có trong danh sách Biệt phái Ban. Số người trong Ban rất hạn chế.

Việc ông Hồ Học Lãm được chỉ định là một thành viên tham gia xây dựng kế hoạch tác chiến này là một điều rất thuận lợi cho công việc của tôi. Ông được phân công làm tổ trưởng tổ hậu cần bảo đảm cho gần hai chục quân đoàn, sư đoàn và nhiều đơn vị trọng pháo, súng cối, thiết xa và một vài phi đội máy bay cường kích, thám thính, mới được bọn đế quốc Anh - Pháp - Đức viện trợ. Tất cả ước tính một triệu quân.

- Một triệu quân? - Tôi thốt lên.

- Một triệu quân. Đúng đấy. Nhưng dự bị đội rất nhiều. Chưa biết rõ ý đồ sử dụng của họ ra sao?

Những ngày tiếp sau, ông Hồ Học Lãm đi làm về, nom rất phờ phạc, ăn uống sút hẳn đi. Ăn xong ông nằm chợp mắt một hồi lâu, có khi cả nhà sắp

chuẩn bị ngủ ông mới ngồi vào bàn. Ông nhớ lại và đọc cho tôi ghi những con số rất lớn dự trù về xăng dầu, đạn dược, thuốc nổ, phương tiện vận tải phục vụ, về vật liệu: xi măng, gỗ, đá, sắt thép... Con số về lương thực, thực phẩm càng ghê gớm hơn nữa. Theo ông thì chưa thấy một lần nào họ dự trù ghê gớm như lần này.

Suy nghĩ hồi lâu, ông ngủ luôn trên ghế. Tôi che bớt ánh sáng ngọn đèn canh giấc ngủ cho ông. Những con số năm chục vạn tấn, một triệu tấn, chục triệu tấn cứ như nháy nhót trước mắt. Có đêm tôi thức trắng, trần trọc nhưng sớm ra, lại mũ áo chỉnh tề đi làm. Có buổi trưa ông không về. Buổi chiều về nhà ăn cơm xong lại thấy ông đi. Có lúc ông đến cơ quan tiếp tục làm. Có lúc không thấy ông đến cơ quan nhưng đi đến gần nửa đêm mới về. Cả nhà đều biết ông đi là có việc rất cần. Mọi người đều nén lòng không hỏi ông điều gì, khỏi làm ông bị phân tán tư tưởng.

Một hôm, ông về với vẻ mặt tươi tỉnh. Sau bữa cơm chiều, bỏ qua lệ nghe đài, uống nước, ông kéo tôi vào phòng riêng nói nhỏ:

- Đúng như tôi dự đoán từ lâu, chưa nói cho anh biết. Hôm nay họ vừa giới thiệu riêng với chúng tôi một đoàn võ quan Đức do viên tướng Xiếc-tơ (Seekt) cầm đầu, sang làm cố vấn cho Tướng Giới Thạch. Tướng Giới Thạch đã làm việc với họ ở tư thất. Mấy ngày qua họ làm việc riêng với Tổng tham mưu trưởng và tổ lập đồ án tác chiến. Tổ hậu cần của tôi, tổ điều hành của Trần tướng quân, cũng không được tham gia. Tuyệt đối bí mật - Ông dừng lại một lúc lâu mới nói tiếp: Lần này các cố vấn Đức cùng với họ thảo luận nghiên cứu kỹ, rất kỹ mấy nguyên tắc chỉ đạo tác chiến của Hồng quân. Rút kinh nghiệm mấy lần trước, các cố vấn Đức bày cho Tướng đánh theo kiểu trận địa chiến. Chiếm được đâu lập trận địa kiên cố đến đó, có hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh chi viện. Đồng thời triệt để thực hiện chính sách "tam quang" (đốt sạch, phá sạch, giết sạch). Cốt để phía bên kia (ý nói Hồng quân) phải húc đầu vào trận địa kiên cố, bị đại quân, đại pháo của họ nghiền nát.

Nếu Hồng quân vẫn áp dụng cách đánh vừa du kích vừa vận động thì họ đã được những "vỏ áo giáp" che chở rồi.

Dựa vào nguồn tin chính xác của ông, tôi lập tức tìm cách truyền đạt lại kỹ càng cho đảng bạn.

\*\*\*

Tháng 10 năm 1933, cuộc đại tiến công quy mô chưa từng có của Tưởng Giới Thạch vào khu xô - viết Trung ương ở ranh giới hai tỉnh Phúc Kiến và Giang Tây bắt đầu. Đích thân Tưởng Giới Thạch và viên thượng tướng Xiếc-tơ (Seek) cố vấn người Đức trực tiếp chỉ đạo, điều hành. Phần lớn cơ quan Bộ tổng tham mưu Quốc dân đảng xoay quanh phục vụ. Chiến cuộc không ào ào như sóng dâng, lửa cháy mà thận trọng từng bước. Báo chí công khai, các bản tin mật cũng nói với một mức độ vừa phải so với quy mô tầm vóc của nó. Cuộc chiến kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 9 năm sau. Giữa chừng, Tưởng Giới Thạch phải tạm ngừng tiến công do có sự nổi dậy của quân đoàn 19 của Thái Đình Khải ở Phúc Kiến chống lại Tưởng. Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân đã bỏ lỡ cơ hội này.

Một năm trời ông Hồ Học Lãm bận túi bụi. Ông phải điều hành công tác hậu cần chiến dịch đòi hỏi ngày càng lớn "càng cấp bách theo quân lệnh". Nhìn lại việc đánh trả của Hồng quân, nhiều lúc ông phát bực nói với tôi:

- Không hiểu làm sao lúng túng bị động đến thế? Nó đã thay đổi cách đánh rồi mà mình thì cứ khư khư đánh theo lối cũ. Anh hãy giải mã mật điện này rồi tìm cách chuyển ngay cho Hồng quân.

Thời gian này, tôi cũng bị xoay chong chóng, hết đi, lại về gặp các đầu mối liên lạc. Địa điểm gặp nhau từng lúc lại phải thay đổi. Cả nhân mỗi cũng vậy. Sau Toàn Phong lại đến người khác.

Hồng quân theo nguyên tắc chỉ đạo tác chiến cũ, lúc đầu định nhử địch vào sâu mới đánh. Mặc dầu trước đó đã có nhiều ý kiến bàn luận nên chủ động đánh địch từ phía ngoài khu căn cứ. Giữa chừng mới thay đổi - Mở cuộc phản công lớn vào khu trắng (khu Quốc dân đảng) tức vào hậu phương chiến dịch của địch.

- Muộn quá rồi - Ông Hồ Học Lãm được tin, đập tay xuống bàn: Đánh vào khu trắng ở phía bắc Lệ Xuyên - Ông chỉ vào bản đồ - gặp phòng tuyến kiên cố của địch, không thành công. Định phá cái cầu Tự Khê trên tuyến vận chuyển huyết mạch của Bạch quân, cũng không được. Gay go đấy.

Những tin tức tiếp sau về hoạt động của Hồng quân cũng không làm cho mọi người phấn chấn lên chút nào. Hồng quân từ khu trắng ở vòng ngoài chuyển dịch vào quăng giũa. Ở đâu cũng vấp phải tuyến chiến hào kiên cố của chúng.

Dần dà diễn biến chiến đấu giảm dần tốc độ và cường độ, có lợi cho Tưởng Giới Thạch. Ông Hồ Học Lãm chỉ còn một cách ngậm chi viện cho Hồng quân là trì hoãn hay làm chậm được giờ nào hay giờ ấy công tác tiếp tế hậu cần. Tôi đi gặp người của Đảng bạn cũng không còn nhiều nội dung để thông tin trao đổi nữa. Một sự lo lắng bao trùm.

Cho đến ngày được tin đích xác là toàn bộ các lực lượng vũ trang của Hồng quân và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phải bỏ các khu căn cứ, với hàng mấy chục triệu dân, tiến hành cuộc Vạn lý trường chinh theo hướng lên Tứ Xuyên, Thiểm Tây, Cam Túc, từ Bộ Tổng tham mưu về, ông Hồ Học Lãm liền gieo mình xuống ghế, ngồi lạng đi hồi lâu. Tôi ngồi bên cạnh ông, như ngồi trên đồng lửa.

- Lẽ ra thì đâu đến nỗi như thế này. Mất hết đất, mất hết dân! - Nói xong ông đứng dậy, chậm chậm đi vào phòng của mình, khép chặt cửa lại.

Chưa bao giờ tôi thấy trong lòng trống rỗng vô hạn như lúc đó".

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 3

Khoảng đầu hè năm 1934 (đầu tháng 4), gia đình tôi dọn về ở một biệt thự hai tầng có vườn cây rộng đẹp, đó là Mai Viên Tân Thôn.

Tôi rất thích nơi ở này vì nó rộng rãi, thoáng đãng song vì biệt lập cho nên tôi không có bạn bè, chỉ thui thủi chơi một mình ngoài vườn hoa. Tầng một có nhiều phòng, bếp và các công trình phụ. Tầng trên gồm một phòng lớn của mẹ và tôi, cạnh đó một phòng đóng im ỉm suốt ngày là phòng chị tôi. Đối diện phòng hai mẹ con là phòng cha, gồm hai phòng nhỏ cách nhau bằng một hành lang và cầu thang. Phòng cha rộng khoảng 11, 12 mét vuông có cửa sổ thoáng mát và ánh sáng chan hòa. Nhưng cha đi làm việc suốt ngày. Trong phòng bày biện vẫn như phòng của ông ở Pháng Ngọa Cảng, chỉ khác một điều ngày chủ nhật ông làm việc không phải chong đèn. Bàn làm việc của ông vẫn đầy sách báo, cạnh phía sau phòng cha tôi là một phòng kho nhỏ để va ly đồ đạc.

Cũng như ở Pháng Ngọa Cảng, một số chú thoát hiện thoát biến bất thường, tôi chẳng nhớ mặt ai và tên ai ngoài chú Quốc Vọng.

Có một ký ức khó quên là ngôi nhà này rộng và vắng vẻ quá. Đêm, tôi hay bị một số hình ảnh trên trần nhà ám ảnh, đó là những hình tàu xe, người đi kẻ lại làm tôi hoa mắt (có lẽ bệnh hoang tưởng của trẻ em chăng?). Có đêm tôi thấy một con chó lông trắng đi từ phía cửa phòng cha tôi tới gần phòng hai mẹ con, hễ tôi chớp mắt vì mỏi thì thấy con chó lại ở đầu hành lang bên kia. Hiện tượng đó kéo dài khiến tôi sợ, vì trong nhà không nuôi chó, do đó tôi kêu: "Mẹ ơi con sợ", bà vội bế tôi nằm vào phía trong sát tường, sau đó tôi

mới ngủ được. Đến giờ tôi cũng không hiểu hiện tượng đó là nguyên nhân tại sao?

Một buổi sáng đẹp trời, mẹ mặc áo váy đẹp cho tôi và xách một va ly con bằng mây, dắt tôi ngồi lên xe kéo tay ra ga xe lửa. Bà mua vé hạng hai rồi đưa tôi lên ngồi trên toa xe khá sang trọng. Tàu chạy qua làng mạc, cánh đồng lúa, các ga xép, kẻ xuống người lên trông nhộn nhịp và lạ mắt. Buổi trưa, mẹ gọi mấy món ăn, họ bưng một khay vuông có nhiều món đẹp mắt và ngon. Tôi rất thích thú và ăn ngon miệng, trong bụng nghĩ đi đâu mà thú vị quá nhỉ, ước gì mẹ thường xuyên đưa mình đi chơi như vậy! Cuối cùng tàu dừng ở một ga lớn, mẹ và tôi lại ngồi xe đến một khách sạn trung trung. Sau khi rửa mặt, thay quần áo sạch sẽ, mẹ dắt tôi đến một nơi đông người, toàn những người lạ hoắc, tôi không nhớ mặt người nào cũng không biết tên một người nào, chỉ biết mọi người ngồi cả buổi rất buồn tẻ vì chỉ thấy họ nói cái gì đó. Đến bốn năm giờ chiều, hai mẹ con lại lên xe lửa, ngồi toa hạng ba ra về. Vì đi đêm, tôi ngủ gật trong lòng mẹ... Nhưng chuyến đi đó vào buổi sáng để lại một ấn tượng mới mẻ, sâu sắc, bởi vì đó là chuyến đi bằng xe lửa đầu tiên trong đời tuổi thơ của tôi. Về sau tôi lớn lên vẫn hồi tưởng chuyến đi thú vị đó và hỏi mẹ, bà bảo: "Đó là thành phố Thượng Hải, một thành phố lớn và phồn hoa nhất Trung Quốc, cũng là một thành phố có nhiều tô giới các nước như Pháp, Anh, v.v... Mình chỉ đến khu ở của người Trung Quốc thôi, nếu lạc sang tô giới Pháp dễ bị bắt lắm...", "Thế hôm ấy đến Thượng Hải làm gì hở mẹ?", "Anh Cả Nguyễn Lương Bằng triệu tập thầy con đến họp Mặt trận phản đế đồng minh. Vì bận, thầy con không đi được, mẹ đi thay".

Chính ở đây tôi gặp ông Nguyễn Ái Quốc, nhưng do còn quá ít tuổi nên tôi không nhớ được gì thật rõ rệt. Năm 1954, tôi gặp lại Bác ở nhà anh Nguyễn An Ninh, Bác cười nhắc: "Mới ngày nào còn mặc quần thụng dít mà bây giờ to nậy như thế này". Tôi cãi vì tôi chỉ nhớ gặp Bác năm tôi 12, 13 tuổi (khoảng 1943 - 1944) tại Liễu Châu. Bác nói là gặp tôi ở Thượng Hải. Khi kể lại chuyện này cho mẹ tôi nghe, bà giật mình vì trí nhớ của Bác.



Chúng tôi ở Mai Viên Tân Thôn có một tháng thì dọn về số 10 Tam Sơn Lý. Sau này tôi hỏi mẹ: "Mai Viên Tân Thôn đẹp thế sao không ở đó có thích hơn không?", "Tiền thuê nhà đắt quá, nhà mình không kham nổi", "Đất là bao nhiêu, còn ở Tam Sơn Lý là bao nhiêu?", "Thuê ở Mai Viên Tân Thôn mỗi tháng 120 đồng quốc dân tệ, thuê ở Tam Sơn Lý có 70 đồng một tháng thôi. Nhà mình phải nuôi các anh em yêu nước trong nhà cũng tốn kém lắm,... nếu không khéo thu xếp thì không nuôi nổi được đâu. Họ có khó khăn mới đến ở nhờ nhà mình, con ạ". Họ là những ai, mãi về sau tôi mới hiểu. Bởi vì thời điểm đó tôi mới ba tuổi rưỡi, và tôi những tưởng mình là người Trung Quốc, đồng loại với những người hàng xóm. Mẹ tôi dặn: "Ai hỏi con là người ở đâu? Con trả lời mình là người Quảng Đông, Hoa kiều ở Indonexia về...".

Tam Sơn Lý là khu chung cư với nhiều biệt thự hai tầng. Khu đó rộng rãi, có tường bao quanh. Cả khu có năm dãy, mỗi dãy bốn ngôi, các biệt thự xây cùng một kiểu. Giữa các dãy và các ngôi biệt thự là đường bê tông rộng 8 đến 10 mét, ô tô ra vào thoải mái. Ngôi nhà chúng tôi ở gần cuối dãy thứ ba. Trẻ con trong khu kết bạn thoải mái, mặc dù các gia đình sống biệt lập và không quan hệ với nhau. Cho nên ngôi nhà chúng tôi ở là một vương quốc riêng, có lối sống hoàn toàn Việt Nam.

Tầng trên có hai phòng lớn. Phòng trong rộng khoảng 16 mét vuông của mẹ và tôi, phòng ngoài rộng nhất, khoảng 20 mét vuông kê hai tủ sách, một bàn làm việc, một giường đơn. Khoảng cuối năm 1934 đầu năm 1935, có chú Đặng Xuân Thanh đến ở đó. Chú biết cha tôi nuôi nhiều người, kinh tế không sung túc cho lắm, cho nên hàng tháng chú đưa cho mẹ tôi một khoản tiền nhỏ coi như tiền thuê nhà. Chú học ở Đức về. Cha tôi xin cho chú vào làm ở bộ phận dịch thuật tài liệu quân sự của Bộ Tổng tham mưu. Vì chú giỏi chữ Hán, tiếng Anh, Pháp và Đức, do đó sau một thời gian làm việc được phong quân hàm đại úy. Cạnh phòng mẹ là phòng cha tôi, rộng khoảng 14 - 15 mét vuông, cửa sổ thoáng rộng, ánh sáng chan hòa. Trước hai phòng lớn là hành lang, đối diện phòng mẹ là phòng chị khoảng 15, 16 mét vuông. Cạnh phòng

ngoài là phòng tắm, trước phòng tắm là cầu thang xuống tầng một. Cạnh phòng chị và cha có một lối đi nhỏ, có một thang sắt dựng đứng lên sân thượng. Trên sân thượng có một phòng nhỏ khoảng 6, 7 mét vuông. Về sau chú Văn (người Lào) vì thích ở riêng, mình chú ngủ ở đây. Tầng một có cấu trúc tương tự, hai phòng lớn dành cho các chú ở, phòng cha tôi thẳng xuống là kho chứa thực phẩm, v.v... Phòng chị và hành lang thẳng xuống là một phòng rộng lớn khoảng 25 mét vuông đặt một bàn ăn vuông to rộng có thể ngồi 8 người. Khi đông người, kéo bốn cánh hình bán nguyệt ở bốn góc bàn lên, sẽ thành một bàn tròn to. Ngoài ra, một nhà tắm và hành lang khá rộng mở ra phía cửa ra vào của ngôi biệt thự. Tại đó là bếp nấu ăn cho cả nhà. Nồi nấu cơm bằng chảo gang to, một chảo gang vừa để xào nấu thức ăn. Chất đốt là củi to bằng cánh tay trẻ con.

Từ ngày dọn về Tam Sơn Lý, các chú về ở rất đông và ở lâu. Sau này mẹ cho biết, chỗ ở Pháng Ngọa Cảng tiền thuê nhà chỉ có 20 đồng quốc dân tệ. Nếu chỉ cho gia đình bốn người chúng tôi ở là được. Mặc dù chỗ ở không sang, nhưng căn hộ gia đình tôi ở là dãy thứ nhất, trước mặt dãy nhà là sân rộng và khoảng trống mênh mông, kể cũng thoáng. Vì chú Quốc Vọng yêu cầu tìm chỗ ở rộng và biệt lập để đón nhiều người đến ở trong nhà. Nếu ở chung với người Trung Quốc sợ lộ nhà mình là người nước ngoài thì bất tiện và nguy hiểm. Do đó chú Quốc Vọng tìm thuê nhà ở Mai Viên Tân Thôn, nhưng vì tiền thuê nhà đắt quá, chú lại đi lòng sục khắp nơi, cuối cùng tìm tới địa điểm này. Kể chỗ ở này cũng rất khang trang, chỉ thiếu vườn hoa thôi, trẻ con thích hoa, cho nên tôi vẫn quyến luyến Mai Viên Tân Thôn.

Dọn về Tam Sơn Lý đúng đầu hè 1934 (khoảng giữa tháng 5), tôi lớn thêm một tuổi. Có lẽ vì tôi đã lớn? Cũng có lẽ vì các chú đến ở nhà lâu dài, không có tình trạng thoát hiện thoát biến, cho nên tôi nhớ hầu hết tên các chú như: Chú Phục (Đặng Văn Cáp, cố Viện trưởng Đông y Trung ương), chú Đức, Giai, Lộc, Trình (Đỗ Đăng Trình), Hải, Hoa (Lý Quang Hoa), Long (Từ Chí Kiên, biệt danh Long Cong), Trụ đen (Lê Quốc Trụ), Liễu (Mạnh Văn

Liều - Phùng Chí Kiên), Văn (người Lào), Cao (Cao Hồng Lĩnh), v.v... Chú Lê Quốc Vọng nay đổi tên là Lê Tân Dân thời kỳ này không ở trong nhà nữa, cha tôi xin cho chú làm "Liên phó" Đại đội phó ở binh đoàn xe hơi (khí xa binh đoàn) đóng cách Nam Kinh 100 Km. Thỉnh thoảng chú về chơi một vài hôm.

Cũng như tầng hai, các phòng tầng một có sàn bằng gỗ, hai phòng ngủ của các chú luôn được lau sạch bóng. Phòng ngoài chỉ kê một giường đơn và một bàn làm việc, phòng trong kê một giường đôi. Mùa hè các chú nằm dưới sàn ở hai phòng với bốn cái quạt. Mùa đông thiếu chăn, đệm các chú ngủ chung và dồn vào một phòng với một lò sưởi than đá (cái lò thiết kế rất kín, có ống thông khói thoát ra ngoài trời). Hàng ngày mẹ tôi đặt vài tờ "nhật báo", tạp chí v.v... Một số chú là công nông, văn hóa thấp, không đọc sách báo được, mẹ tôi mua bộ cờ tướng để các chú giải trí. Với con mắt trẻ em, tôi thấy cuộc sống trong gia đình đông vui, êm ấm.

Về Tam Sơn Lý, mẹ tôi mua sắm nhiều thứ trong gia đình (không đơn giản như ở Pháng Ngọa Cảng) như bàn ghế ăn, chăn, đệm, quạt, lò sưởi v.v... Sau này mẹ kể nhờ thời gian ở Pháng Ngọa Cảng ít người ở trong nhà, bà dành dụm được mấy trăm quốc dân tệ. Về Tam Sơn Lý nhờ số tiền đó mới mua sắm được nhiều thứ nhưng cũng chỉ là tối thiểu để sử dụng trong gia đình. Ở Trung Quốc, đồ gỗ rất đắt tiền. Có một thời gian, trong nhà cha mẹ tôi có tới hai mươi người đến ở, phải chia làm hai bàn ăn. Thức ăn hàng ngày có thịt, cá đầy đủ, thỉnh thoảng các chú mổ gà, vịt, gói nem rán, v.v... Vì thèm thức ăn dân tộc, thỉnh thoảng mẹ tôi mua nước mắm và mắm tôm về ăn. Người Trung Quốc chủ yếu ăn xì dầu, nếu ăn nước mắm hay mắm tôm là sang vì những thứ đó đắt hơn xì dầu. Thỉnh thoảng mẹ tôi mua bánh mì bơ (cũng là thứ đắt tiền) ăn sáng cho cả nhà. Bình thường chỉ ăn cơm rang, mì sợi, cháo hoa với trứng muối, trứng bắc thảo v.v... Về sau mẹ kể, giá cả những năm đầu thập kỷ 20 rất rẻ. Ăn kham khổ, một tháng chỉ mất 3 đồng quốc dân tệ, ăn vừa phải là 5 đồng, ăn khá là 7 đồng, ăn sang và ngon là 12

đến 15 đồng. Tôi tò mò hỏi: "Thời kỳ đó nhà mình ăn mất bao nhiêu tính theo đầu người hả mẹ?". Bà trả lời: "Thuê nhà mất 70 đồng, điện nước cũng phải đến 20 đồng. Chi tiền ăn cho cả nhà tùy số lượng người khoảng 70 đến 100 đồng hoặc có khi hơn. Người ăn đông, nấu nướng cũng dễ hơn con ạ...". Tôi tròn con mắt nhìn mẹ và hỏi: "Mẹ có dành dụm được xu nào không?".

"Tháng ít người thì tiết kiệm được chút ít, tháng đông người đành dè xèn, ăn uống kham khổ một chút rồi cũng xong... Tiền lương trung tá của thầy con là 220 đồng. Thầy con có chế độ sử dụng hai cần vụ, để cần vụ trong nhà cũng bất tiện cho sinh hoạt của nhà mình, do đó thầy con lấy cớ để vợ đảm đương việc nhà, đề nghị cơ quan cho nhận tiền cần vụ. Mỗi cần vụ là 10 đồng, như vậy là 20 đồng, vị chi thu nhập hàng tháng của thầy con là 240 đồng. Mẹ cứ liều liệu mà chi tiêu thôi... Trên đây tính chỉ là đại khái thôi, chứ thực ra mọi thứ chi phí trong nhà không thể kể hết được... Ví dụ các chú ốm đau, đi bệnh viện khám bệnh, thuốc men cũng do thầy con chi tiền ra... Ví dụ chú Lý Quang Hoa mắc chứng đau đầu, đi khám bệnh ở bệnh viện "Cổ Lâu" cũng khá tốn kém, nhưng cũng chẳng tìm thấy mầm bệnh từ đâu? Thấy tốn kém quá, chú đành thôi việc chữa bệnh. Ngoài ra còn chi học phí cho chị con nữa chứ...". Qua câu chuyện mẹ kể (năm đó tôi 12, 13 tuổi) tôi mới hiểu sự khó khăn của cha mẹ tôi, đó là lý do tại sao khi tôi xin cha tôi mua đàn pianô, ông trả lời đơn giản: "Thầy không có tiền..". Trong lòng tôi bất bình vì nghĩ: "Trong nhà nuôi nhiều người thế mà thầy bảo không có tiền... Chắc thầy tiếc tiền". Cũng như khi tôi hỏi: "Tại sao không cho chị học đại học?", mẹ cũng trả lời không có tiền. Đây là câu chuyện kể sau này, còn khi đó, tôi vẫn là đứa trẻ bốn, năm tuổi, chỉ biết nô đùa suốt ngày ngoài đường với các bạn thôi.

Một buổi chiều, khoảng hai, ba giờ tôi kêu đói, mẹ đang rang cơm cho tôi thì nghe tiếng chuông cửa. Bà mở cửa và tôi đứng ngay cạnh, thấy một người đàn ông mặc Âu phục (các chú ra ngoài đường đều mặc Âu phục, riêng cha tôi thích mặc quần dài và áo dài thụng, mùa đông cũng như mùa hè) bước xuống xe kéo, hỏi bằng tiếng Trung Quốc trọ trọ: "Đây có phải nhà Hồ Học Lãm tiên sinh không?". Mẹ tôi trả lời: "Chính phải, ông là ai?". Người đến

bèn trả lời bằng tiếng Việt: "Tôi là Lý Quang Hoa, người làng cụ Hồ". (Thời đó, ai cũng gọi cha tôi là cụ Hồ, gọi mẹ tôi là chị Hồ, hay bà Hồ - theo phong tục xưng hô bằng họ của người Trung Quốc). Mẹ tôi nhường đường: "Mời anh vào". Chú Hoa đến ở nhà sau nhiều chú. Chú luôn kêu đau đầu, không thích ăn cá. Hàng ngày hay đọc báo và đánh cờ. Vì chú viết chữ Hán rất đẹp, ít lâu sau cha tôi xin cho chú làm văn thư trong cơ quan Bộ Tổng tham mưu. Vì chú chưa qua trường quân sự, nên lúc đầu được phong là binh nhì. Sau thời gian thử việc, chú được phong cấp chuẩn úy (Thời bấy giờ Trung Quốc không có máy chữ, cho nên phải có những người chữ đẹp chuyên chép các công văn hay báo cáo).

Một buổi trưa hè, sau khi chạy trò trốn tìm ngoài đường, mặt đen cháy (tôi được cả nhà nói là cháu ruột chú Trụ đen), người nóng ran, khát nước đến cháy bỏng. Tôi chạy về nhà kêu ầm ĩ: "Ôi, sốt quá, sốt quá, nước, nước!". Chú Trình lấy tay sờ lên đầu bốc "khói" của tôi kêu to: "Chà, cháu tôi sốt quá, mau mang thuốc cảm đến đây...". Miệng nói, tay chú bế tôi đặt lên giường đơn, lấy chăn bông đắp lên người tôi. Còn tôi vừa lấy chân đạp chăn, miệng vừa kêu sốt, hai chú cháu vật lộn trên giường, chú Thước lúng túng bưng nước và thuốc cảm tới. Vừa hay lúc đó mẹ tôi từ ngoài cổng đi vào nhà, chú Trình nói: "Chị ơi, cháu sốt cao quá chị ạ...". "Để tôi xem nào...". Mẹ tôi sờ trán tôi và cười: "Nó có sốt gì đâu, chắc là nô ngoài đường nóng quá đấy mà... À, tiếng Nghệ "sốt" có nghĩa là "nóng" chứ không phải là sốt cảm gì đâu...". Chú Trình cười hiền lành "Thế à!". Các chú khác đang mải đánh cờ, thấy thế phá lên cười và nói: "Người cùng một nước mà không hiểu nhau...". Mẹ tôi tung chăn cho tôi nhảy xuống sàn ngồi cạnh quạt và cho uống một cốc nước sôi để nguội. Nhà không có tủ lạnh, vì thời ấy tủ lạnh đắt tiền lắm.

Kể cũng lạ, tuổi đó ở tôi sao chơi suốt ngày ngoài nắng không biết mệt. Hàng ngày, sau bữa cơm trưa, mẹ bắt tôi nằm cạnh bà để ngủ trưa, nhưng tôi chẳng bao giờ ngủ trưa được. Tôi nằm im chờ khi nào mẹ tôi thiếp đi, bèn nhẹ nhàng lén xuống cầu thang chuồn ra ngoài đường. Nhưng nếu không ra ngoài

đường chơi, ở nhà chả biết làm gì, chẳng có ai trò chuyện với đứa trẻ 4 tuổi. Chỉ vì tôi ham chơi, mẹ hay đánh tôi. Khi tôi thanh minh lý do gì đó, bà "bốp" một cái vả vào mồm: "Cãi trả này, cãi trả này!", lại bốp một cái nữa. Vậy mà tôi vẫn chứng nào tật ấy.

Hôm đó, sau khi hai chú cháu hiểu nhau về ngôn ngữ, chú Trình nói: "Thôi từ nay cháu đừng đi chơi ngoài nắng nữa, ăn cơm xong, trưa nằm dưới sàn với các chú cho mát, chú kể chuyện cho nghe". Từ hôm đó, trưa nào tôi cũng ở nhà, nằm cạnh chú Trình, chú thủ thỉ kể chuyện cổ tích. Những lúc vui, chú cười tít mắt, trông rất hiền, tôi rất mến chú. Dần dần tính tôi hình như thuần lại, không hay ra nô đùa ngoài đường với lũ bạn nữa.

Một hôm chú Trình hỏi: "Cháu biết mình là người đâu không?", "Người đâu? Mình là Hoa kiều ở Indonexia". Các chú cười ồ, chú Trình cười tít mắt, xoa đầu tôi và bảo: "Mình là người An Nam, đó là tên gọi nước ta của người Trung Quốc. Chính phải gọi mình là người Việt Nam cháu ạ!". "Người Việt Nam? Mình không phải người Trung Quốc à? Thế Việt Nam ở đâu?". Chú lấy một bản đồ thế giới trải rộng ra sàn và chỉ: "Trung Quốc to như lá dâu đây này (Thời bấy giờ Trung Quốc in bản đồ gồm cả nước Mông Cổ ngày nay), còn nước mình bé tí tẹo hình chữ "ét" gầy nhom". Tôi tròn mắt nhìn lên bản đồ vừa sửng sốt, vừa thất vọng vì không ngờ nước Trung Quốc to như lá dâu, đẹp ời là đẹp, còn nước mình trông sao bé nhỏ, gầy còm thế. Trông vẻ mặt sửng sốt, như đoán được ý nghĩ tôi, chú nói: "Ấy thế cháu ạ, nước mình tuy bé tẹo so với Trung Quốc nhưng nổi tiếng là bé hạt tiêu!". "Bé hạt tiêu? Nghĩa là thế nào hả chú?". "Hạt tiêu tuy bé nhưng rất cay!". Tôi nghi hoặc nhìn chú vì tuổi ấy không thể nhận thức được vấn đề chính trị, ý nghĩa sâu xa của câu nói. Chú Trình lại cười xoa đầu tôi tỏ vẻ thông cảm nỗi băn khoăn của tôi: "Lớn lên rồi cháu sẽ hiểu!". "Thế nhà mình ở Trung Quốc làm gì, sao không về nước?". "Chết chửa! Câu hỏi hóc búa quá!", một chú nghe đối thoại của hai chú cháu bèn trêu chú Trình. Chú Trình gãi gãi đầu cười rồi nói: "Đánh Tây!". Các chú phá lên cười, tôi không hiểu tại sao các chú cười, hỏi tiếp:

"Tây là ai cơ?", "Tây, Tây là, là thằng Pháp, thằng mắt xanh mũi lõ, chúng nó cướp nước mình, bắt mình làm nô lệ...", "Thế nô lệ là gì hả chú?". Cuối cùng một chú hát: "Thằng Tây nó đi giày Tàu, trên đầu đội mũ trắng, hai tay cầm cần câu...". Sau đó là cả một câu chuyện vui rôm rài và thú vị, cuối cùng một đứa bé bốn tuổi như tôi mới rõ nguồn cơn, gốc gác của mình, vừa hay mẹ tôi đi vào và nói: "Những việc trong nhà mình con tuyệt đối không được kể với ai. Ai có hỏi con vẫn cứ nói mình là người Quảng Đông, Hoa kiều ở Indonexia về nước..., chớ cho ai biết mình là người Việt Nam nhé!". "Tại sao?", "Nhờ thằng Tây biết nó sẽ bắt các chú và cả thầy mẹ...". Từ đó, tôi có ý thức cảnh giác, tuyệt nhiên không bép xép việc nhà với bạn bè của tôi. Và lại cách ăn mặc của cả nhà cũng giống hệt người Trung Quốc, cho nên láng giềng không ai tò mò chuyện gia đình chúng tôi cả. Thực ra chỉ có cơ quan Bộ Tổng tham mưu và Tướng Giới Thạch biết gia đình Hồ Học Lãm là người Việt Nam.

Một hôm mẹ tôi nói với chú Trình: "Chú dạy con bé học chữ quốc ngữ đi". Thế là chú Trình bày giấy bút lên sàn nhà, hai chú cháu nằm bò trên sàn, chú vừa viết vừa nói: "Đây là chữ O, O giống quả trứng gà phải không nào?". Tôi nhìn thấy chữ chú viết khéo quá, đúng là giống quả trứng gà. "Ồ thời đội mũ, Ở thời có râu". Tôi ngạc nhiên lắm và lấy làm thú vị vì chữ quốc ngữ không phải các nét sổ ngang sổ dọc hình vuông như chữ Trung Quốc. Tôi thích quá đòi cầm bút viết. Ôi, chữ O tôi vẽ nét run run, tròn tròn như hòn bi méo, xấu ơi là xấu, không sao vẽ thành hình bầu dục. Vậy mà hai chú cháu lúi húi mấy buổi trưa, tôi đọc được an - pha - bê, nhưng không sao viết được chữ. Cuối cùng chú Trình nói với mẹ tôi: "Cháu bé quá, thôi đừng bắt tội nó. Chữ quốc ngữ dễ học mà. Lớn lên cháu học cũng không muộn". Đành rằng tôi cũng còn bé quá, nhưng quan trọng là chú không có phương pháp sư phạm, nằm bò dưới sàn cũng khó tập viết. Thế là việc quốc ngữ đành gác lại cho tới 12 năm sau, năm đó là hè 1934, tôi mới tròn bốn tuổi.

Mới hôm qua, mẹ nói chị vừa thi tốt nghiệp trung học, đỗ thứ nhì trong

lớp. Bà vẫn nói chị tôi thông minh học giỏi. 6 tuổi đã đi học, hai năm nhảy cóc ba lớp, nghĩa là hè năm 1935, chị mới mười lăm tuổi đã đỗ cao trung (tương đương lớp 12 ngày nay, thông thường 18 tuổi mới tốt nghiệp cao trung. Chế độ học là 12 năm từ tiểu học lên cao trung) và bà chê tôi không thông minh. Với tuổi đó của tôi, tôi chẳng hiểu thế nào là thông minh, nhưng nghe mẹ nói vậy và tin bà nói đúng. Cho nên tôi càng hết sức sùng bái chị tôi. Mẹ tôi vẫn nói khi tôi còn bé, chị Diệc Lan hay bế và dắt tôi đi chơi cùng bạn bè mình. Nhưng từ ngày tôi bắt đầu có trí nhớ, đó là xuân hè năm 1933 ở Pháng Ngọa Cảng, tôi chẳng thấy chị tôi chơi với tôi gì cả. Chị cũng giống cha tôi, ngày hai buổi, sáng đi vào trường, trưa về ăn cơm rồi nghỉ một tý xong lại vào trường chiều tối về, ăn cơm xong lại ngồi vào bàn học (cha thì làm việc). Hai người làm việc đến khuya, trăm ngày như một. Vậy mà tình chị em vẫn đậm chồi nảy lộc... Chị tôi sinh 1920, hơn hẳn tôi 10 tuổi. Trong ảnh chụp ở Pháng Ngọa Cảng, tôi tròn 3 tuổi, chị tôi tròn 13 tuổi. Chị thông minh, chăm học và đứng nhất nhì trong lớp cùng một bạn trai là Trương Nộ Quân. Mãi sau chị mới cho tôi biết, năm 16, 17 tuổi, hai người yêu nhau. Khi cha mẹ tôi biết, hai ông bà giấu nhiều thư của anh Nộ Quân, khiến hai người mất liên lạc với nhau. Sau khi tốt nghiệp cao trung (tương đương lớp 12 ngày nay), anh ấy về quê Hồ Nam. Chị tôi vào làm việc tại trường nuôi tơ tằm. Cha tôi bắt chị phải lấy anh Lê Tân Dân (mặc dù anh hơn chị tôi hơn 10 tuổi. Chị chê anh là người không có tài năng, chỉ là người tốt, trung thành với cách mạng. Cha tôi dọa: "Nếu con không lấy anh ấy, cha sẽ từ con". Do tư tưởng còn phong kiến, do ý thức dân tộc, chị tôi lấy anh Lê Tân Dân vào mùa hè năm 1937 ở Vu Hồ. Sau khi tốt nghiệp, chị tôi vào trường nuôi tằm vừa học vừa làm công nhân chứ không học đại học. Sau này chị kể, các chú trong nhà là cộng sản, cho rằng học lực như chị tôi là quá đủ, điều cần thiết ở chị là rèn luyện "công nông hóa", lối sống ăn học như chị tôi quá nặng "tính chất tiểu tư sản". Trước khi vào trường, cha mẹ tôi cho chị một món tiền thưởng để khích lệ sự phấn đấu của chị tôi. mấy hôm đó chị rất vui, bận rộn, mỗi lần từ ngoài phố về, chị mang hàng chõng sách, giấy, vở, bút và mực, v.v... để chuẩn bị



cho việc đi xa. Một hôm chị về và nói với tôi với đôi mắt to sáng và hóm hình: "Bác ơi, hôm nay là ngày sinh nhật của tôi. Tôi sửa soạn bữa sinh nhật, lát nữa mời bác sang dùng bữa với tôi nhé!". Tôi vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng, háo hức, định chạy ngay sang phòng chị, nhưng chị ngăn lại: "Khoan, bác hãy ở nhà bác chờ, tôi sẽ đến mời bác sau. Bây giờ tôi về nhà chuẩn bị cái đĩa nhé!" Nói xong chị về phòng chị và đóng cửa lại. Tôi đứng tựa cửa phòng mẹ nóng lòng chờ đợi. Eo ơi, sao mà đợi lâu thế. Chờ mãi không thấy cửa phòng chị mở, tôi đứng mãi mỏi cả chân đành ngồi bệt xuống sàn. Khi đang suy nghĩ vẩn vơ, cửa phòng chị mở toang, chị tươi cười cúi rạp người xuống: "Xin mời bác!". Tôi sung sướng ba chân bốn cẳng chạy sang phòng chị. Chị lấy giấy báo trải làm mâm trên giường, cắt các loại hoa văn hình tròn làm đĩa, trên đó có những cái bánh ga tô không kem to bằng lòng bàn tay và rất nhiều loại kẹo, hai chai nước chanh ga. Chị cầm mấy que diêm quanh một cái bánh ga tô và nói: "Giả vờ đây là nến nhé". Nhưng khi chị châm lửa vào, chỉ "xoẹt" một cái, diêm tắt ngấm, chẳng giống bánh ga tô kem to đẹp với những ngọn nến sáng như cảnh trong phim ảnh. Tôi vừa cảm động, vừa buồn buồn, vì thương chị chả có được một bánh ga tô kem thực sự (thực ra, hôm đó có lẽ cũng không phải là sinh nhật chị, chị cố tình bày ra để em gái mình vui trước khi chị đi xa nhà, xa đứa em nhỏ hơn mình 10 tuổi). Hôm đó, hai chị em lấy nước chanh làm rượu, cùng chén tạc chén thù, ăn hết bánh ga tô và kẹo... Thật ra chị tôi vẫn rất trẻ con, vì chị mới 15 tuổi, hơn ảnh chụp ở Pháng Ngọa Cảng 2 tuổi. Đó là một kỷ niệm đẹp, cũng vậy để lại một dư âm "xót xa" trong tôi, không hiểu vì sao. Thật vậy. Còn những kỷ niệm không sao quên được. Chị và tôi đi chơi công viên và chị chụp ảnh cho tôi. Có lần một chú chụp cho hai chị em tôi một kiểu ảnh ngồi trên bãi cỏ, tôi nằm ngả người trong lòng chị... Ít hôm sau, chị biến mất. Hỏi mẹ, bà bảo chị đi làm công nhân rồi. Có lần, mẹ và tôi đến tận trường thăm chị. Chị giới thiệu các công đoạn nuôi tằm và xe tơ. Ở đó có những con tằm nhả tơ vàng và có tằm nhả tơ màu xanh nhạt, màu hồng, màu vàng và trắng, trông đẹp mắt lắm.

Một ngày trước tết âm lịch, có tiếng chuông cửa, mẹ ra mở cửa, tôi lon ton

theo sau. Khi cửa mở toang, hóa ra chị tôi về, nhưng thương chị quá, hai chân chị sưng vù không đi được, mẹ cùng anh kéo xe xích nách hai bên, đỡ chị đi từng bước. Các chú nghe tiếng mẹ tôi gọi với, chú Trụ đen chạy ra, công chị tôi lên gác và đặt ngòai trên giường trong phòng chị. Tôi bần khoăn nhìn chị, mẹ cởi giầy vải (thời ấy ở Trung Quốc thông thường đi giầy vải, sang thì đi giầy da) và bỏ tất ra, tôi thấy từng ngón chân chị sưng tấy, da nứt nẻ và chảy máu. Mùa đông ở vùng Nam Kinh lạnh lắm, có tuyết dày. Tôi còn nhớ, có nhiều hôm rét cóng, trong nhà không có lò sưởi, tay tôi cóng đến mức không cầm được đũa để và cơm. Gót chân và ngón chân lạnh buốt đến mức máu như bị đông lại và đau đau, mà "đông" thật, vì đau buốt... Đến mùa trời ấm, máu tụ ở chân tan ra, gót chân và ngón chân ngứa rất khó chịu. Đây, gia đình tôi ở trong nhà gạch xây kiên cố và ấm áp còn bị lạnh cóng như vậy. Huống hồ nhà ở của trường nuôi tắm là nhà cấp bốn, ăn uống kham khổ, thiếu thốn mọi bề. Ví dụ ở nhà, mẹ tôi hay nấu nước nóng ngâm chân cho tôi, do đó "cước" sưng nhẹ thôi. Còn ở trường, chị tôi làm gì có điều kiện như vậy, cho nên chị bị lên cước trầm trọng. Ngay cả hai bàn tay chị cũng đỏ mọng lên vì cước, chị không cầm được đũa. Hàng ngày mẹ cho chị tôi ngâm chân trong nước nóng pha muối, những chỗ nứt da chảy máu được rửa sạch rồi bôi thuốc mỡ. Ngày ba bữa mẹ tôi và các chú bưng các thức ăn lên phòng, vì chị tôi không đi lại được. Mười ngày sau, chị tôi bình phục, đỏ da thắm thít chứ không tiêu tụy như hôm mới về. Chị xin trường cho nghỉ phép một tháng để chữa bệnh, năm đó chị ăn Tết ở nhà. Những ngày nghỉ phép ở nhà, nhiều đêm ba mẹ con nằm chung và bao giờ chị tôi cũng nằm ở giữa để kể chuyện cuộc sống ở trường. Sáng nào cũng chỉ có ba bát cháo hoa với dưa muối mặn. Ngày chỉ có hai bữa cơm rau dưa, cuối tuần mới có chút thịt lợn mỡ, mọi người tranh nhau ăn. "Con ăn mỗi bữa ba bát cơm đầy, nếu ăn chậm sẽ hết cơm. Hàng ngày nắng cũng như mưa mọi người thay phiên nhau đi hái dâu, đi giữa bụi cỏ rất nguy hiểm, đang đi bất thần rắn độc bò qua. Vùng đó có nhiều loại rắn màu trắng, màu xanh, đỏ, đen, hoa văn; có con mình dẹt dẹt trông rất lạ mắt. Đêm hè cũng như mùa đông, phải thay nhau trực cho tắm ăn. Mùa rét người

không có lò sưởi không sao, nhưng tắm nhất thiết phải có lò sưởi giữ độ ấm. Hè phải mở toang cửa cho thoáng, thậm chí nóng quá phải có quạt. Để tránh ruồi muỗi chích vào tắm, phòng nuôi tắm phải có màn trắng trùm kín, v.v... Mùa đông không đủ chăn ấm, chúng con cứ hai người ngủ chung... Một buổi tối, vừa ăn xong thì nhận được thư thầy mẹ. Con chạy vào phòng khách bật đèn lên đọc thư. Con đứng tựa lưng vào một bàn làm việc kê cạnh cửa sổ kính đóng chặt vì ngoài trời gió rét lắm. Đang đọc thư chăm chú bỗng thấy sống lưng lạnh, vô tình ngoảnh đầu nhìn ra phía sau. Con thấy ngoài cửa kính có một người đàn bà tóc xõa, mặc áo trắng, đang dang hai cánh tay hù dọa, con sợ hết hồn và lạnh cứng người. Vừa lúc đó, các bạn con vừa nói chuyện oang oang vừa từ hành lang đi tới. Khi đó bóng ma biến mất...". Tôi thấy thương chị vô cùng. Trong lòng trẻ thơ, tôi không khỏi thầm oán trách thầy mẹ và nghĩ: nếu được ở nhà học đại học, chị tôi đâu đến nỗi khổ sở như vậy? Mọi người trong nhà ai cũng được no ấm sung sướng, riêng chị bị đầy dọa nơi gian khổ? Về sau mẹ cho biết, bà rất muốn cho chị học đại học, vả lại đó cũng là nguyện vọng và ước mơ của chị. Nhưng học phí đại học rất cao, trong nhà nuôi các đồng chí cách mạng... Như vậy, việc cho chị đi học có khó khăn về kinh tế. "Thế mà con cứ tưởng thầy mẹ giàu lắm, cho nên nuôi nhiều người như vậy". Mẹ cười: "Chỉ có mỗi tiền lương của thầy thôi, làm sao mà giàu được?". Có lần, tôi thắc mắc: "Sao các chú không đi làm việc kiếm tiền đi? Sao các chú ở nhà mình đông và ở lâu thế?". Bà cười: "Con còn nhỏ dại, chưa hiểu gì con ạ. Cấm con không được nói lung tung như vừa rồi với các chú nhé, kéo các chú buồn... hiểu lầm thầy mẹ. Đi làm phải có trình độ nghề nghiệp. Trong các chú, chỉ có mỗi chú Lý Quang Hoa được thầy con xin được việc đi làm thôi, bởi vì chú giỏi chữ Hán, viết chữ Hán rất đẹp. Chú ấy chỉ làm mỗi việc là sao chép công văn, báo cáo thôi. Chú chưa được học trường quân sự, cho nên lương tháng của chú có được mỗi 30 đồng thôi...". "Thế chú có đưa tiền ăn cho mẹ không?" "Có chứ, chú hiểu thầy mẹ có khó khăn, cho nên mỗi tháng đưa mẹ 20 đồng, 10 đồng để chi tiêu các thứ lặt vặt. Chú Trụ đen làm nghề cắt tóc, mỗi tháng đưa mẹ năm, ba đồng". Tô

mò, tôi hỏi mẹ, cha tôi hàng tháng đưa bà bao nhiêu tiền? Bà trả lời: "Hàng tháng thầy con đưa 220 đồng, chỉ giữ 20 đồng để ăn sáng, ngày bốn lần ngồi xe kéo từ nhà đến cơ quan và về nhà, còn ít tiền thầy con hút thuốc lá...". Bà lại nói tiếp: "Thật ra thầy con sống rất tần tặn. Khi nào có những việc "thù tạt" (mời bạn bè đi ăn uống hay chơi mà chược) mẹ phải đưa thêm vài ba chục. Nhưng có khi những bài thầy viết được đăng, hay làm công việc gì ở cơ quan có tiền thưởng, thầy lại đưa mẹ vì biết nhà mình cần tiền nuôi các chú mà...", "Số tiền đó có được bao nhiêu hả mẹ" "Cũng không chừng, khi thì dăm ba chục, khi thì vài trăm. Những khi đó, mẹ vẫn giữ lại ít tiền cho thầy con tiêu thêm khi cần thiết". Mẹ giải thích: "Các chú cũng chẳng muốn ăn bám nhà mình đâu, con ạ, vì cứu nước, các chú phải sang Trung Quốc...". Thật ra các lý lẽ chính trị tôi không hiểu gì, do lối sống và những câu chuyện bàn về thời cuộc trong bữa ăn cơm tối (bữa trưa cha tôi vẫn giữ nếp ăn vội vài bát rồi lên nhà nghỉ để chiều đi làm) dần dần một cái gì đó hình thành ở trong tôi, tuy mọi thứ đó còn lơ mơ, nhưng nó khiến tôi nhạy cảm hơn và có ý thức giữ kín lối sống trong gia đình và vô hình trung để ý các câu chuyện mang tính chất chính trị (khi đó tôi khoảng năm tuổi rưỡi, sáu tuổi gì đó, nghĩa là từ đầu 1936 trở đi).

Trong nhà đông miệng ăn, mình mẹ tôi không làm xuể, một số chú như Đức, Giai, Lộc, Thược, Văn giúp mẹ tôi làm cơm, dọn bàn, bõ củi, rửa bát v.v... các việc vặt trong gia đình.

Bỗng có những hôm, trong nhà xuất hiện nhiều người, trong đó có một chú rất hiền hòa, hay xoa đầu và hỏi han tôi, đó là chú Liễu (sau này là Phùng Chí Kiên). Có chú cao to, giọng nói ồm ồm, tiếng cười sảng khoái, đó là chú Trịnh Đông Hải Hoàng anh v.v... Những hôm đó cha tôi cùng các chú họp hành bàn điều gì đó ở phòng trong của tầng một. Nét mặt mọi người trang nghiêm, nói năng nhỏ nhẹ, kẻ ra người vào. Mẹ tôi cùng các chú Thược, Đức, Giai, Lộc và Văn lo lau dọn, chỢ búa và cơm nước. Trong số những người đến nhà tôi, có một nhân vật rất ngộ nghĩnh, mẹ tôi bảo: "Con chào bác

Nguyễn Hải Thần đi con!". Nghĩa là ông ấy với cha tôi xấp xỉ tuổi nhau (sau này tôi mới biết ông là người cùng xuất dương Đông du như cha tôi). Ông có bộ râu dê hoa râm, thưa thớt, đôi mắt đỏ ngầu đầy dử và luôn nhấp nháy, thỉnh thoảng rút chiếc khăn mùi xoa cáu bẩn lau dử mắt. Tôi không khỏi kêu thâm trong bụng: "Eo ơi, bác ấy lồi thoi và bẩn thỉu quá!". Ngộ nhất khi ông nói tiếng Việt với mọi người hay pha lẫn tiếng Quảng Đông, ví dụ khi tỏ thái độ tán thành ý kiến người ta, ông nói: "Hầy lớ, hầy lơ (phải rồi, phải rồi) tông pào nhất tịnh tán thành lớ (đồng pào nhất định tán thành lớ!". Mực kính của ông một bên có quai, một bên buộc dây đeo vào tai. Hai mắt kính tụt xuống đầu mũi khi đọc báo, mỗi lần nhìn mặt mọi người, đầu cúi gằm, ngược cặp mắt đỏ đục lên nhìn qua đôi kính. Bộ áo ông mặc cũ kỹ tàn tạ, trông cứ thấy tội tội làm sao ấy. Sau này mẹ tôi kể, sau khi Đông du thất bại, ông về Quảng Châu. Vì không có một trình độ nghề nghiệp gì, ông phải ngồi ngoài đầu đường xá chợ xem bói cho người qua lại, kiếm sống, song cuộc sống vẫn hết sức chật vật và nghèo. Ông lấy một bà vợ người Quảng Đông đẻ một lũ con, cho nên gia đình càng túng bấn hơn. "Thầy con viết thư mời ông về Nam Kinh thành lập mặt trận, ông nhiệt tình hưởng ứng ngay". Khi rồi rãi, mẹ tôi mang giấy bút ra nhờ ông viết gì đó. Ông gấp tờ giấy làm nhiều ô vuông, rồi trải phẳng trên bàn. Tay phải cầm bút lông, tay trái bấm từng đốt ngón tay tính toán, nói lẩm bẩm rồi viết quanh trong các ô vuông, đoạn lấy bút khuyên tròn một số chữ. Tôi tròn mắt nhìn vào tờ giấy đầy chữ. Mẹ hỏi gì đó, ông trả lời: "Hầy lớ, hầy lơ, sao này xấu lắm lớ... sao này thì tốt...". Về sau tôi mới biết ông lấy số tử vi, mẹ tôi nói: "Ông lấy số tử vi giỏi, nhưng luận đoán không giỏi". Nghe thế thì biết thế, tôi chả thể hiểu được tử vi là gì, và mẹ lấy cho ai và để làm gì. Vì cha tôi ban ngày phải đi làm việc ở cơ quan, tối đến mới họp nhau bàn công việc. Vậy là ban ngày, mẹ tôi ngồi cạnh xem ông lấy số tử vi, tôi cảm thấy ông dáng vẻ hết sức ngộ nghĩnh, giống các ông thầy bói ngoài đường, ngoài chợ thật. Để tỏ lòng kính trọng, các chú gọi ông là cụ Nguyễn.

Một buổi sáng, cha tôi, ông Nguyễn và các chú kéo nhau đi mãi đến trưa

mới về. Về đến nhà, các chú bàn tán vui vẻ sôi nổi. Các chú Đức, Giai, Lộc v.v... giúp mẹ tôi làm cơm. Bày các món ăn rất thịnh soạn lên một bàn tròn ở phòng ăn, một bàn vuông ở phòng trong (vì đông người quá phải bày hai bàn). Còn tôi ngồi riêng một góc. Ông Nguyễn ngồi cạnh cha tôi với chú Liễu, chú Cao, Hoa, Tân Dân v.v... ở bàn tròn. Buổi cơm trưa mọi người được ăn cua biển. Tôi lần đầu tiên và cũng là cuối cùng được ăn cua biển ở Trung Quốc. Khoảng bảy, tám giờ tối, mọi người vào ngồi ở phòng trong, các bàn bày la liệt kẹo bánh. Trẻ con thích kẹo bánh, cho nên tối hôm đó tôi được ăn thỏa thích. Chị tôi và một bạn gái biểu diễn hát múa, các chú vỗ tay hoan nghênh sôi nổi. Tối hôm đó tôi cảm thấy "vui ơi là vui" buột mồm đánh một câu: "Giá như hôm nào cũng khai hội (họp) như thế thì vui biết mấy". Bỗng mọi người phá lên cười to. Mặt tôi nóng ran, xị xuống và nghĩ thầm: "Mình nói đúng quá chứ lý, người lớn chúa hay cười trẻ con, thật là vô lý!...". Sau đó các chú nói chuyện râm ran, mắt tôi díp lại, mẹ bế tôi lên gác ngủ. Sáng hôm sau tỉnh dậy thấy nhà vắng vẻ như cũ, chỉ mỗi ông Nguyễn Hải Thần ở lại nhà một thời gian khoảng vài ba tuần rồi trở về Quảng Đông. Đó là khoảng cuối năm 1935, đầu năm 1936.

Mãi về sau tôi mới biết đó là đầu năm 1936, ngày thành lập "Việt Nam độc lập vận động đồng minh hội", theo thói quen gọi tắt của Trung Quốc gọi là "Việt Minh", nghĩa đen là Hội đồng minh của phong trào độc lập Việt Nam. Mẹ nói: "Vì cha con thấy các chú ở nhà đông như vậy mà không có danh nghĩa gì dễ gây nghi ngờ là cộng sản, chú Lê Tân Dân (tức chú Quốc Vọng) rất ủng hộ, vì chú thấy bọn Quốc dân đảng Việt Nam hoạt động có sừng có mỏ, lại được bọn Quốc dân đảng Trung Quốc sử dụng giúp đỡ, chú ngại ảnh hưởng của chúng. Chú trao đổi với chú Mạnh Văn Liễu (đại diện của Đảng) và được chú Liễu ủng hộ. Thầy con viết đơn đề nghị với chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc cho phép thành lập hội, mặt khác gọi điện trình bày nguyện vọng thành lập hội với Tưởng Giới Thạch. Tưởng tin thầy con không phải là cộng sản, xét về lâu dài ông ta có thể lợi dụng thầy con với danh nghĩa giúp Việt Nam đánh Pháp, do đó ông ta đồng ý ngay, ra lệnh cấp

dưới ký và đóng dấu chuẩn y cho thầy con thành lập hội. Và thầy con cùng chú Lý Quang Hoa, chú Hải soạn thảo ra tuyên ngôn, điều lệ hội... đăng trên tờ báo ra hàng tháng, lấy tên là "Việt Thanh". Tất cả mọi chi phí do thầy mẹ chi. Lúc đầu hy vọng phía chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc sẽ giúp đỡ kinh phí hoạt động. Nhưng bọn Vi Đăng Tường dèm pha với chính phủ Trung Quốc, cho nên tờ báo ra được hai kỳ tháng 1 và tháng 2 năm 1936 thì đành phải đình bản...". "Ai đọc những báo đó?", "Các chú gửi đi cho Việt kiều ở Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, cả Pháp nữa. Việt kiều gửi tiền ủng hộ hội, nhưng Việt kiều ở Trung Quốc cũng nghèo, số tiền chẳng đáng kể, nhưng đường lối chủ trương của hội tỏ ra được Việt kiều ủng hộ con ạ". "Cuối cùng hội như thế nào? Hoạt động được những gì?" Mẹ tôi cười trả lời: "Cơ quan ngôn luận "Việt Thanh" đình bản do đó hội không hoạt động được. Thầy con và anh Tân Dân bàn với nhau cứ để thế, không tuyên bố giải tán, để các chú ở trong nhà mình có danh nghĩa hội viên "Việt Minh". "Thế ông Nguyễn Hải Thần không làm gì cho hội à?". Mẹ cười nhẹ nói: "Lúc đầu ông phấn khởi lắm, ông nói với thầy con nếu hội hoạt động tốt, ông sẽ bỏ nghề thầy bói, ở lại Nam Kinh làm việc cho hội. Ông cũng chạy đôn đáo nhiều nơi xin kinh phí, nhưng không có hiệu quả gì, do đó ông ở nhà mình gần một tháng, cuối cùng phải bỏ về Quảng Đông với vợ con... Ông cũng sang Nhật cùng thầy con. Sau khi có lệnh trục xuất lưu học sinh, một số người nản chí bỏ về nước, một số người vào học trường sĩ quan lục quân Bảo Định như thầy con. Nguyễn Hải Thần không học gì cả bỏ về kiếm sống ở Quảng Đông. Lớp người học trường sĩ quan ra cũng mỗi người một số phận. Có người sau khi tốt nghiệp tìm đường về nước rồi bị giết hại, người thì ốm chết, v.v... Thực ra, việc thành lập hội Việt Minh cũng rất phức tạp. Lúc đầu các chú không đồng ý mời Nguyễn Hải Thần và Vi Đăng Tường (Quốc dân đảng Việt Nam) tham gia Việt Minh. Thầy con phân tích và thuyết phục mãi rằng: "Tên hội thể hiện tinh thần liên minh các đảng phái trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc. Nếu mình không mời họ vào, sẽ gây sự nghi ngờ đối với chính phủ Trung Quốc. Hơn nữa chúng ta nên có tư tưởng đoàn kết rộng

rãi và tranh thủ hết sức mọi tầng lớp, các đảng phái, không thì cách mạng khó thành công...". "Các chú nói sao hở mẹ?", "Các chú đành chấp nhận ý kiến thầy, nhưng thâm tâm không phục. Các chú cho rằng thầy con chính trị non, thiếu quan điểm lập trường...". "Thầy con nghĩ sao?", "Tất nhiên đó là những ý kiến nói sau lưng... Mẹ kể lại, thầy con cười bảo: "Tính khí thanh niên bao giờ cũng sôi nổi, hăng hái (ông dùng chữ "cương cường") và thẳng thắn. Nhưng họ là những thanh niên tốt, thật lòng vì sự nghiệp cứu nước. Cách mạng phải dựa vào lực lượng như vậy. Bà chớ có tự ái vặt, đừng chấp nhặt những câu nói của thanh niên... nhưng bà hay nóng tính, nên sửa tính đi. Vợ chồng mình xuất dương để tìm đường cứu nước, vậy mà chưa làm được gì thì đã già rồi. Nay anh em ở trong nhà, bà đừng nói linh tinh để anh em hiểu lầm. Bà phải coi nuôi các anh em là một nghĩa vụ của mình, bà ạ. Người thì chờ dịp đi học Liên Xô, người thì chờ dịp về nước hoạt động. Họ cũng sốt ruột và khổ tâm lắm đấy. Nếu gặp thời cơ, họ sẽ đi hết, bà có mời, họ cũng không ở lại nhà mình đâu...". Nhưng tôi lờ mờ cảm thấy các chú chỉ quý cha tôi thôi.

\*\*\*

Để chứng minh việc thành lập "Việt Nam độc lập vận động đồng minh hội" (gọi tắt là Việt Minh) năm 1936 tại Nam Kinh, chúng tôi xin trích dẫn hồi ký "Tôi được làm người học trò nhỏ của Bác Hồ" của Thiếu tướng Lê Thiết Hùng (Đăng trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 10-1986).

Xin lưu ý một điểm: Trong hồi ký, ông Lê Thiết Hùng có sự nhầm lẫn tên hội "Việt Minh" vì mọi việc ông không trực tiếp làm, chỉ đến ngày ra mắt hội ông mới từ Vu Hồ về Nam Kinh họp. Song trong "Giọt nước biển cả" của Hoàng Văn Hoan lại kể rất rõ, và còn nhắc đến tác dụng của "Việt Minh" của ông Hồ Học Lãm trong những năm 1940 ở hải ngoại.

\*\*\*

"...Cũng trong thời gian này, tôi được đồng chí Mạnh Văn Liễu (Phùng



Chí Kiên) thay mặt Ban lãnh đạo hải ngoại gặp tôi giao cho một nhiệm vụ đột xuất là theo dõi Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ... đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng cũ vừa từ Côn Minh (thủ phủ Vân Nam) lên Nam Kinh, xem họ có âm mưu gì thì phải kịp thời đấu tranh ngăn chặn. Anh nói, giọng không vui: - Người mình với người mình, trên đất nước người. Cố gắng lôi kéo, phân hóa, cảm hóa họ, chí ít cũng vô hiệu hóa. Anh dặn tiếp: Việc này rất cần đến sự đồng tình nhất trí ủng hộ của ông Hồ Học Lãm...

Vừa lúc ông Hồ Học Lãm đưa cho tôi một lá thư của một người Việt Nam đến Nam Kinh bị bọn đặc vụ Tưởng Giới Thạch bắt giữ, nhờ ông Hồ Học Lãm bảo lãnh. Xem thư thì hóa ra đồng chí Đông A, người của tổ chức ta phải đến cộng tác với tôi. Ngoài đồng chí Đông A, tổ chức còn phải thêm một vài đồng chí khác nữa.

Qua tìm hiểu, tôi càng rõ Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ... là một bọn đầu cơ chính trị, giả danh cách mạng. Chúng đã phản lại đường lối của Việt Nam Quốc dân đảng hồi còn các lãnh tụ Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Nguyễn Khắc Nhu... hệt như Tưởng Giới Thạch đã phản lại đường lối Tam dân chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn.

Sau cuộc bạo động của Việt Nam Quốc dân đảng tháng 2 năm 1930 bị thất bại, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ và đồng bọn chạy trốn sang Côn Minh, làm những việc xằng bậy. Gần đây, chúng bị tướng Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam trục xuất, bèn chạy lên Nam Kinh, định lôi kéo Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công... khôi phục lại Việt Nam Quốc dân đảng, theo đường lối Tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên. Và tất nhiên để cầu xin sự giúp đỡ của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Trong đội ngũ Quốc dân đảng Trung Hoa lúc đó, không thiếu gì kẻ đang ôm ấp một ý đồ thâm hiểm sau này đối với đất nước Việt Nam.

Trao đổi trong tổ công tác, tôi phát biểu là ta có mặt ở đây mà không làm, để nó làm xong trước, nhất định nó sẽ tố cáo tổ chức của ta với Quốc dân

đảng, sẽ tai hại vô cùng. Bàn đi tính lại, tổ công tác nhất trí dùng hình thức lập một mặt trận lấy tên là Việt Nam giải phóng đồng minh (1) chống đế quốc Pháp, quân phiệt Nhật, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, lôi kéo chúng vào nhưng ta phải nắm quyền lãnh đạo. Tổ công tác phân công cho tôi về vận động ông Hồ Học Lãm, với uy tín chính trị của mình, sẽ làm Chủ tịch Mặt trận. Ông Hồ Học Lãm sẽ đi thuyết phục Nguyễn Hải Thần. Tôi trực tiếp đến gặp Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ. Số anh em khác sẽ đi vận động một số nhân sĩ Việt Nam, bà con Việt kiều và một số nhân sĩ Trung Quốc khác ủng hộ việc thành lập Mặt trận.

- Từ trước tôi đã nói với anh, việc gì có lợi cho dân cho nước là tôi làm, làm với hết sức mình. - Ông Hồ Học Lãm vui vẻ nói với tôi như vậy. Và ông đi gặp Nguyễn Hải Thần ngay tức khắc.

Ông Hồ Học Lãm đến gặp Nguyễn Hải Thần cũng đạt kết quả. Từ ngày cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt đưa về nước, Nguyễn Hải Thần tự phong cho mình là lãnh tụ Việt Nam quang phục Hội. Nhưng gặp những người như ông Hồ Học Lãm thì không dám ho he lấy nửa câu. Được ông Hồ Học Lãm đến nhà, Nguyễn Hải Thần tỏ ra rất phấn khởi. Rồi khi nghe ông Hồ Học Lãm nói về thành lập một Mặt trận, có cả ông Hồ Học Lãm tham gia, Nguyễn Hải Thần vì lợi ích riêng của bản thân liền đồng ý ngay.

Hôm tổ chức Đại hội thành lập Mặt trận Việt Nam giải phóng đồng minh (2) có đông đủ đại biểu các tổ chức cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc, đại diện của Trung ương Quốc dân đảng Trung Hoa, của đương cục Trung Quốc, ông Hồ Học Lãm được bầu làm Chủ tịch Mặt trận. Tôi và Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ (hai tên này cũng buộc phải tham gia) và một vài đồng chí khác của ta được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành. Về tài chính, đương cục Trung Quốc nhận mỗi tháng giúp vài trăm đồng. Mặt trận quyết định ra một tờ báo tháng lấy tên là Việt Thanh.

-----

(1) Những năm thập kỷ 30 của thế kỷ XX, cơ sở Đảng ta ở Thượng Hải do anh Cả (tức Nguyễn Lương Bằng) đứng ra tổ chức hội nghị "Mặt trận phản đế đồng minh" và "Mặt trận giải phóng đồng minh". Anh Cả hai lần mời cha tôi lên Thượng Hải họp. Một lần cha tôi đi họp, một lần mẹ tôi đi họp. Chỗ này tác giả bị nhầm lẫn. (H.M.L)

(2) Lê Thiết Hùng nhớ nhầm tên Mặt trận năm 1936 (H.M.L).

Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng ta đánh giá cao việc này. Một công hai việc: vừa hợp pháp hóa được tổ chức cách mạng của ta với đương cục Trung Quốc và ngăn chặn được âm mưu phản cách mạng của bọn Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ...

Do báo chí công khai ở Nam Ninh có đăng tin về việc này nên ở Mạc Tư Khoa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nắm được. Và Quốc tế cộng sản cũng biết qua tin tức. Lúc đó là những năm 1935 - 1936. Trước nguy cơ chiến tranh thế giới của bọn đế quốc, Quốc tế cộng sản đã có chủ trương thành lập một mặt trận chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hòa bình rộng rãi ở khắp các nước. Việt Nam đã tổ chức được một Mặt trận. Phải chăng theo phương hướng nói trên? Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sau khi đã được báo cáo đầy đủ liền chỉ thị cho Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng ta: Mặt trận là phải có cơ sở phong trào ở trong nước. Do đó Mặt trận không thể tồn tại và phát triển được ở ngoài nước.

Chấp hành chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và của ban lãnh đạo hải ngoại, tôi về báo cáo lại với ông Hồ Học Lãm. Hai bác cháu đều nhất trí: Không tuyên bố giải tán nó, nhưng cũng không hoạt động gì thêm nữa, cứ để nó đấy, sau này lúc nào cần sẽ dựng nó dậy.

... Từ một năm nay, tôi chỉ được biết tin tức cuộc rút lui lên phía Tây Bắc của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Hoa qua các bản báo

cáo gửi về Bộ Tổng tham mưu Tưởng Giới Thạch do ông Hồ Học Lãm nói lại. Gần đây, theo báo cáo tổng hợp cuối cùng thì "quân Cộng sản" đã tới Báo An và Diên An thuộc tỉnh Thiểm Tây. Cứ theo như báo cáo này thì "quân Cộng sản" đã mười phần chết chín, đợi ngày tan rã. Được tin này, cả ông Hồ Học Lãm và tôi đều xót xa vô cùng."...

Hồi ký "Giọt nước biển cả" của Hoàng Văn Hoan kể rất chính xác, rõ ràng về việc thành lập "Việt Nam độc lập vận động đồng minh hội" (Việt Minh) năm 1936 ở Nam Kinh và tác dụng của tổ chức này trong những năm 1940 ở hải ngoại.

Dưới đây chúng tôi xin được trích dẫn một đoạn ngắn của hồi ký này.

"...

Một hôm, sau khi ăn cơm trưa, ông Hồ Học Lãm gọi Hải và tôi đến nói chuyện: Anh em chúng mình ở đây, nhiều người chưa có việc làm, sinh hoạt khó khăn, mà chính trị lại không có danh nghĩa. Danh không chính thì ngôn không thuận. Trước tôi đã bàn với các anh nên lập một tổ chức cách mạng đăng ký với Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc ở đây, như vậy về danh nghĩa sẽ được hợp pháp, đồng thời chúng ta yêu cầu họ giúp đỡ, nếu họ giúp cho được như giúp bọn Vi Đảng Tưởng thành lập một biện sự xứ ở đây thì càng tốt. Vậy các anh đã bàn tính thế nào chưa?

Tôi và Hải trả lời: Việc này chúng tôi đã bàn với các anh em, thấy nếu làm được như vậy thì rất tốt. Chúng tôi định dự thảo một bản điều lệ đưa cụ xem, nếu cụ thấy được thì chúng ta có thể bắt tay vào hoạt động - Ông Hồ tươi hân nét mặt lên bảo: Thế thì các anh thảo ngay đi, thảo xong đưa mình xem, rồi chúng ta cùng làm.

Mấy ngày sau, Hải thảo xong bản điều lệ bằng tiếng Việt, tôi dịch ra tiếng Trung Quốc, nội dung gần giống như điều lệ của Phản đế đồng minh, nhưng

lấy tên hội là Việt Nam độc lập đồng minh hội.

Ông Hồ xem xong khen tốt, nhưng quen theo kinh nghiệm Trung Quốc thì những tổ chức có tên dài thường hay ghi rõ cả cái tên gọi tắt, nên ông đề nghị sau chữ Việt Nam độc lập đồng minh hội nên viết thêm mấy chữ "gọi tắt là Việt Minh".

Chúng tôi đồng ý và đưa ra ngay một kế hoạch hoạt động cụ thể mà chúng tôi đã trao đổi trước:

- Ông Hồ sẽ viết thư mời Nguyễn Hải Thần và một vài người ở Quảng Châu lên đại biểu cho Việt kiều ở Quảng Đông. Còn ở Nam Kinh thì:

- Hồ Học Lãm, Lê Thiết Hùng: Đại biểu Việt kiều ở Nam Kinh. Đặng Nguyên Hùng nếu tham gia thì vào nhóm Nam Kinh, không tham gia thì thôi;

- Lê Quốc Trụ, Từ Chí Kiên: Đại biểu Việt kiều ở Vân Nam;

- Đặng Văn Cáp và tôi: Đại biểu Việt kiều ở Xiêm;

- Hải: Đại biểu Việt kiều ở Pháp.

- Cao Hồng Lĩnh: Đại biểu đoàn thể trong nước.

Không bao lâu, điều lệ được sửa chữa hẳn hoi cả chữ Việt cũng như chữ Trung Quốc.

Nguyễn Hải Thần cũng đã mang một người Việt kiều họ Vi từ Quảng Châu lên. Chúng tôi đưa điều lệ cho Nguyễn Hải Thần xem và nói rõ mục đích yêu cầu như chúng tôi đã bàn. Nguyễn Hải Thần tán thành ngay và rất vui mừng, buột mồm nói một câu: Chúng ta làm thế này nhất định Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc sẽ phải giúp. Lập được biện sự xứ, tôi sẽ ở đây hoạt động, không trở về Quảng Châu làm cái nghề xem số như trước nữa.

Đầu năm 1936, ông Hồ Học Lãm viết thư xin Trung ương Quốc dân đảng tiếp kiến. Ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần, Hải, Lê Quốc Trụ và tôi cùng đi. Đến trụ sở Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc, một đại biểu của Trần Lập Phu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền của Quốc dân đảng Trung Quốc lúc đó ra tiếp. Nghe trình bày xong, ông ta nhận văn kiện, hứa sẽ đăng ký và báo cáo với Bộ trưởng. Thế là việc thành lập Việt Nam độc lập đồng minh hội đã gặp thuận lợi bước đầu.

Cuộc hội nghị tuyên bố thành lập Việt Minh được chuẩn bị gấp.

Qua việc giao thiệp, hội nghị được tổ chức tại phòng họp của Đảng bộ khu phố của Quốc dân đảng Trung Quốc. Tham dự cuộc họp về phía ta có ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và những anh em khác độ 20 người. Về phía Trung Quốc có hai người đại biểu của Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc. Vi Đãng Tường đại biểu biện sự xứ Việt Nam Quốc dân đảng ở Nam Kinh cũng được mời đến dự. Đãng Nguyên Hùng từ chối không tham gia.

Hội nghị bắt đầu bằng lời chào mừng của ông Hồ Học Lãm, rồi giới thiệu quá trình hoạt động của việc lập hội, việc Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc đã đăng ký điều lệ, rồi đọc điều lệ và tuyên ngôn thành lập. Đại biểu Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc (thực sự là người phụ trách của Đảng bộ khu phố) phát biểu ý kiến, đại ý là tỏ vẻ hoan nghênh và có nhắc đến di chúc Tôn Trung Sơn là giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu, nhưng trong cách trình bày vẫn lộ ra cái ý muốn nói Việt Nam trước kia là thuộc Trung Quốc. Vi Đãng Tường cũng phát biểu ý kiến. Hội nghị giới thiệu mấy người phụ trách (giới thiệu chứ không bầu cử, xem như việc đã rồi), đứng đầu là ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và mấy người trong anh em chúng tôi. Cách tổ chức đơn giản như vậy, mục đích là cốt hợp pháp hóa thêm một bước về mặt chính trị của Việt Minh, mà thực chất là để hợp pháp hóa địa vị chính trị của anh em ta ở Nam Kinh trong lúc đó.

Để biểu thị sự hoạt động tích cực của Việt Minh, ông Hồ Học Lãm tự xuất

tiền, ra một tờ tạp chí nhỏ bằng chữ Trung Quốc lấy tên Việt thanh, số lượng phát hành chỉ độ một trăm cuốn, cốt để gửi cho các cơ quan Quốc dân đảng Trung Quốc ở Nam Kinh, cũng có gửi cho Việt kiều ở Quảng Châu và Côn Minh độ vài chục cuốn.

Việc ông Hồ Học Lãm đứng ra thành lập Việt Minh là một việc có tác dụng rất quan trọng. Trên kia tôi đã nói về lai lịch của ông, nay nói thêm một vài điểm để thấy rõ cái tác dụng đó:

Sau khi phong trào Đông du thất bại, ông Hồ Học Lãm ở Nhật về Trung Quốc, lặn lội nhiều nơi, nhưng phần nhiều là ở gần cụ Phan Bội Châu cho đến lúc cụ bị bắt. Năm 1927, Tưởng Giới Thạch ra mặt phản cách mạng, các đồng chí chúng ta ở Trung Quốc gặp rất nhiều khó khăn. Lúc này ông ở Nam Kinh, sau xin được làm tham mưu ở Bộ Tham mưu Tưởng Giới Thạch với cấp trung tá. Ông không tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội, mà cũng không tham gia Đảng cộng sản, nhưng các đồng chí ta mỗi khi gặp khó khăn nguy hiểm chạy đến tìm ông, ông biết là cộng sản nhưng vẫn che chở và giúp đỡ một cách tích cực.

Thí dụ năm 1930, đồng chí Tản Anh (quê ở huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An, tên thật là Lê Hồng Sơn) lấy tên là Lê Bạt Quân đến Vân Nam hoạt động, bị bọn Vũ Hồng Khanh báo cho đương cục Vân Nam bắt. Ông biết tin, liền xin gặp Tổng tham mưu trưởng là Chu Bồi Đức xin đánh điện cho Long Vân bảo tha. Chu Bồi Đức nói: Thanh niên Việt Nam ở Trung Quốc hiện nay đều là cộng sản cả. Ông trả lời một cách thẳng thắn: Người Việt Nam chúng tôi đến Trung Quốc cốt là nhờ Trung Quốc giúp đánh Tây. Quốc dân đảng giúp thì họ theo Quốc dân đảng, Cộng sản đảng giúp thì họ theo Cộng sản đảng. Tôi không biết Lê Bạt Quân có phải là cộng sản không, nhưng tôi biết rõ anh ta là ở Nhật về, được ông Cường Để, một ông vua Việt Nam lưu vong ở Nhật giao phó nhiệm vụ, như vậy chắc chắn anh ta là một người yêu nước. Tôi xin Tổng tham mưu trưởng đánh điện cho Chủ tịch Long Vân yêu cầu tha

cho anh ta. Chu Bồi Đức ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: Ông nói cũng có lý. Vậy ông thảo bức điện, tôi sẽ cho gửi đi cho Long Vân. Ông Hồ thảo ngay bức điện, được Chu Bồi Đức phê chuẩn rồi gửi đi. Đồng chí Tản Anh khỏi bị cầm tù và được trục xuất qua Miến Điện theo sự yêu cầu của đồng chí, sau một thời gian đồng chí đã tìm cách về Xiêm tiếp tục hoạt động cách mạng.

Lại thí dụ như năm 1933, đồng chí Đông A bị hiến binh bắt ở Nam Kinh, đồng chí khai là đến đây để tìm ông Hồ Học Lãm. Bọn hiến binh hỏi ông, ông nói: Người Việt Nam ở Trung Quốc biết tôi rất nhiều, nhưng tôi không biết họ, vậy phải cho tôi gặp mặt đã tôi mới trả lời được. Khi gặp đồng chí Đông A, ông không quen biết nhưng biết thật là người Việt Nam từ Vân Nam đến, ông cứ đảm bảo cho được tha và sau còn giúp cho vào học trường kỵ binh của Quốc dân đảng Trung Quốc.

Ông làm tham mưu cho Quốc dân đảng ở Nam Kinh đã tám năm, nhưng không được thăng chức, cứ vẫn là cấp trung tá. Có người bảo ông nên nhờ bạn đồng học đã làm quan to giới thiệu để được đề bạt. Ông trả lời: Tôi làm việc ở đây chẳng qua chỉ cốt kiếm cơm ăn để sống mà thôi. Có cơm ăn là được, "kẻ sĩ chẳng thà chịu chết ở nơi ngòi rãnh" (dịch nghĩa câu chữ Hán trong sách Mạnh Tử: "Sĩ ninh tử ư câu hác"), chứ tôi không muốn nhờ ai đề bạt.

Lại như năm 1940, ông bị bệnh nặng nằm chữa ở bệnh viện Quế Lâm (Quảng Tây), bạn học của ông là Bạch Sùng Hy đến thăm, gọi Viện trưởng bệnh viện ra bảo phải hết sức cứu chữa cho ông, dù phải dùng thứ thuốc quý mấy cũng cứ dùng, hết bao nhiêu tiền do tôi (Bạch Sùng Hy) phụ trách. Ông cảm ơn Bạch và nói: Cách mạng Việt Nam lúc này đang cần được giúp đỡ, ông là một nhân vật lớn, tôi mong ông giúp cách mạng Việt Nam, còn cá nhân tôi thì những đồng học khác giúp cũng đủ.

Ông không phải là cộng sản. Ông là một người nho học, nhưng đã thực hành đúng mặt tích cực của một số giáo điều của đạo Nho như "ôn, lương,



cung, kiệm, nhượng", "lễ, nghĩa, liêm, sỉ", "nhân, ái", v.v... và ông đã giúp Đảng ta và các đồng chí chúng ta rất nhiều.

Ông không phải là cộng sản, điều này Quốc dân đảng Trung Quốc biết rõ trăm phần trăm. Ông đứng ra lập Việt Minh trong lúc này đối với chúng ta mà nói là một sự che chở rất có hiệu lực.

Nhưng thời gian chúng tôi vận động thành lập Việt Minh, cũng là thời gian Tưởng Giới Thạch đang chống Cộng một cách ác liệt; mặc dầu phong trào đòi chống Nhật đang lan tràn khắp Trung Quốc, nhưng khẩu hiệu phản động của chúng là "Tiên yên nội, hậu nhượng ngoại", hành động của chúng là thà giết oan một trăm người còn hơn bỏ sót một tên cộng sản. Riêng ở Nam Kinh, thì Vũ Hoa Đài, nơi thường xử bắn những người cộng sản, luôn luôn có tiếng súng nổ. Đã vậy, mà trong đám Việt Nam với nhau, những người tố cáo chúng tôi là cộng sản không phải là không có. Vi Đãng Trường căm thù chúng ta đã lôi kéo mấy người "đồng chí" của hắn. Bọn này chính là bọn cung cấp tình báo cho Quốc dân đảng Trung Quốc để phá hoại Việt Minh. Vì vậy, từ Việt thanh chỉ ra được ba bốn số, ông Hồ Học Lãm hết tiền rồi phải đình bản; Nguyễn Hải Thần tuy tích cực chạy vạy hết chỗ này đến chỗ khác đều không có kết quả, cuối cùng phải đưa người Việt kiều họ Vi cùng về Quảng Đông. Thế là mọi hoạt động đình chỉ. Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh hội chỉ nằm trong sổ đăng ký của Văn phòng Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc mà thôi.

Nhưng sau đó bốn năm, cuối năm 1940, tình hình cách mạng đã thay đổi, được sự lãnh đạo trực tiếp của Bác Hồ, Biện sự xứ hải ngoại của Việt Minh được thành lập ở Quế Lâm, ông Hồ Học Lãm là Chủ nhiệm, anh Phạm Văn Đồng là Phó Chủ nhiệm. Hội Trung - Việt văn hóa cách mạng đồng chí được thành lập, ông Hồ Học Lãm và anh Đồng đều tham gia Ban lý sự với tư cách là chánh, phó Chủ nhiệm Việt Minh, thì cái tên Việt Minh mới nổi bật lên và cái tác dụng tích cực của nó mới được phát huy một cách thích đáng.

Việc Quốc dân đảng Trung Quốc không giúp đỡ cách mạng Việt Nam là việc mà chúng tôi đã lường trước. Vì vậy trong khi hoạt động, chúng tôi vẫn luôn luôn nghĩ đến việc tìm kiếm việc làm cho anh em.

...

Ngày 20-6-1940, Pháp mất Pa-ri. Bác gọi các đồng chí Ban hải ngoại đến bàn bạc tình hình, và quyết định chuyển hướng hoạt động công tác về biên giới, rồi về trong nước.

Có thể nói đây là một bước ngoặt lịch sử rất quan trọng.

Quyết định xong, Bác đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc để trao đổi ý kiến về thời cục. Chuyến này Bác đi hơn một tháng mới về, vì lúc đi thì mua được vé máy bay, nhưng lúc về phải đi xe công cộng và chờ đợi ở dọc đường khá lâu.

Một vấn đề đặt ra phải suy nghĩ là về biên giới thì ở vùng nào? Ở đây, ngay từ khi Bác đến đã chú ý xếp đặt người ở biên giới, nhưng chính trị Vân Nam không tốt, dù có người ở biên giới cũng khó lòng hoạt động; hơn nữa, các tỉnh biên giới Việt Nam như Hà Giang, Lào Cai thì cơ sở quần chúng của chúng ta chưa có. Như vậy, cái hướng tính toán là phải nhắm về phía biên giới Quảng Đông hoặc Quảng Tây. Vừa khéo lúc Bác còn ở Trùng Khánh thì chúng tôi nhận được thư của ông Hồ Học Lãm nói cơ hội hoạt động cách mạng đã đến: Trương Bội Công được Quốc dân đảng Trung Quốc giúp đỡ, hiện đang liên lạc các nơi để tìm người cách mạng Việt Nam, đồng thời muốn mời ông Hồ Học Lãm ra hợp tác với ông ta trong việc này. Ông Hồ Học Lãm vốn biết Trương Bội Công không phải là người cách mạng, nên viết thư về Côn Minh đề nghị chúng tôi đi Quảng Tây gặp để nắm lấy ông ta kéo ông ta làm bậy. Khi Bác về đến Côn Minh, chúng tôi đưa việc đó ra báo cáo, Bác liền quyết định các đồng chí Phùng Chí Kiên, Vũ Anh và tôi đi Quý Dương gặp ông Hồ Học Lãm, đồng thời điện cho các anh Đồng, Giáp đang ở Biện sự

xứ Bát lộ quân Quý Dương chờ ngày đi học Diên An, và anh Cao Hồng Lĩnh, người đưa anh Đồng và anh Giáp đi từ Côn Minh đến, cùng ở lại Quý Dương chờ chúng tôi đến để cùng đi Quảng Tây.

...

Trương Bội Công vốn là người Việt Nam làm sĩ quan cấp thiếu tướng trong bộ đội Quốc dân đảng Trung Quốc. Trước đó vì sợ cách mạng liên lụy đến, nên ông ta tránh không gặp một người Việt Nam nào. Lần này, được Quốc dân đảng Trung Quốc giao trách nhiệm tổ chức việc tình báo và chuẩn bị sau này làm tiền đạo cho Hoa quân nhập Việt, ông ta mới cần đến người Việt Nam, và mới cần ông Hồ Học Lãm ra cùng hoạt động.

Theo sự giới thiệu của ông Hồ Học Lãm, chúng tôi đi gặp Trương Bội Công ở Đại Kiều (cách trung tâm Liễu Châu mấy cây số), là chỗ ông ta đặt cơ quan làm việc ở đó. Trương gặp chúng tôi thấy đều là những thanh niên tuấn tú có văn hóa, có chính trị và đặc biệt là am hiểu tình hình trong nước, khác với số người Việt Nam và Hoa kiều mà ông ta đã tập hợp được.

Tự nhiên chúng tôi gặp ông ta là bàn bạc về thời cuộc, về tình thế cách mạng, về tình hình hoạt động của nhân dân trong nước và của kiều bào ở ngoài; đồng thời cũng làm một số việc cụ thể như viết một số tài liệu về tình hình trong nước, xuất bản tập thơ ca cách mạng, thuyết phục một số người Việt Nam và Hoa kiều chung quanh ông ta. Nhưng qua sự bàn bạc với ông ta và qua một vài sự việc, như việc bảo chúng tôi làm dự toán và số chi tiêu về sinh hoạt, việc vận động chúng tôi tập quân sự và đứng nghiêm lúc thấy ông ta đến, v.v... là những việc rất ngu xuẩn, mà chúng tôi đều cự tuyệt, thì thấy rõ ông ta chỉ là một anh quân phiệt, tay sai Quốc dân đảng Trung Quốc, chỉ muốn lợi dụng chúng tôi làm tình báo, và đem khả năng của chúng tôi ra khoe khoang với Quốc dân đảng để lấy tín nhiệm mà thôi.

Nhưng cái việc ngu xuẩn nhất là việc ông ta viết tất cả tên chúng tôi nộp

cho Trương Phát Khuê và báo cáo rằng chúng tôi là nhân viên của cơ quan ông ta. Chúng tôi cực lực phản đối, bắt ông ta phải rút tên chúng tôi ra khỏi danh sách, và phải báo cho Trương Phát Khuê biết chúng tôi là những người cách mạng, không phải là nhân viên của ông. Tự nhiên làm như vậy thì ông ta không còn có chỗ đứng, nhưng chúng tôi vẫn kiên quyết đấu tranh đòi phải làm. (Về tình hình Trương Bội Công sau này còn có chỗ nói rõ thêm).

Một hôm, Bác từ Côn Minh đến, chúng tôi bí mật gặp để báo cáo. Bác phân tích tình hình, rồi chủ trương phải bỏ Trương Bội Công và đưa ông Hồ Học Lãm lên Quế Lâm để làm cơ sở hoạt động. Sau đó ít lâu, chúng tôi thu xếp bỏ Trương Bội Công đi Quế Lâm.

Vào khoảng tháng 10 năm 1940, khi chúng tôi đến Quế Lâm thì Bác đã ở đó. Ông Hồ Học Lãm cũng đã được xếp đặt đến chữa bệnh ở bệnh viện Quế Lâm rồi. Chúng tôi thường bí mật gặp Bác ở Biện sự xứ Bát lộ quân để báo cáo và xin chỉ thị về cách hoạt động.

Vấn đề đầu tiên là vấn đề lấy danh nghĩa gì để hoạt động? Bác chủ trương lấy danh nghĩa Việt Nam độc lập đồng minh hội, và mời ông Hồ Học Lãm đứng ra chủ trì để chúng ta dựa vào đó mà hoạt động. Chủ trương đó xuất phát từ chỗ Việt Minh là một tổ chức mà trước kia đã cùng với ông Hồ Học Lãm lập ra và đăng ký ở Nam Kinh; xuất phát từ chỗ ông Hồ Học Lãm không phải là cộng sản mà lại thật lòng ủng hộ chúng ta, nếu ông đứng ra làm, thì sự hoạt động của chúng ta sẽ được nhiều điều thuận lợi.

Rất đồng tình với ý kiến này, ông Hồ Học Lãm nhận đứng tên là Chủ nhiệm Việt Minh, giới thiệu chúng tôi đi gặp Lâm Uất, bạn học của ông, hiện đang làm Hiệu trưởng Phân hiệu quân sự Trung ương tại Quế Lâm, đồng thời là Phó Chủ nhiệm hành dinh khu Tây Nam của Tưởng Giới Thạch, mà Lý Tế Thâm là Chủ nhiệm. Qua sự giới thiệu của Lâm Uất, chúng tôi đi gặp Lý Tế Thâm.

Hôm gặp Lý Tế Thâm, chúng tôi đi cả sáu người: Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng), Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp), Trịnh Đông Hải (Vũ Anh), Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lĩnh và tôi lấy tên là Lý Quang Hoa. Theo kế hoạch của Bác, chúng tôi chuẩn bị sẵn một bản lý lịch tóm tắt của Việt Minh viết bằng chữ Trung Quốc đưa cho ông, và giới thiệu rằng ở Trung Quốc chúng tôi đã có "Biện sự xứ Việt Minh ở hải ngoại" do ông Hồ Học Lãm là Chủ nhiệm, Lâm Bá Kiệt là Phó Chủ nhiệm. Lúc đưa giấy, chúng tôi nói thêm mấy điểm đại ý như sau:

Ở Việt Nam hiện nay có hai tổ chức chính trị lớn là Đảng cộng sản và Việt Minh. Lực lượng của Đảng cộng sản chủ yếu là công nhân và có sự giúp đỡ quốc tế là Đệ tam Quốc tế. Còn lực lượng Việt Minh thì chủ yếu là trong các tầng lớp trên và ở nông thôn. Chúng tôi vẫn liên hợp với Đảng cộng sản vì họ là một lực lượng chống Nhật khá mạnh. Nhưng chúng tôi cũng rất cần có sự viện trợ quốc tế, rất mong Chủ nhiệm hết sức giúp đỡ chúng tôi.

Lý Tế Thâm trả lời khá ôn tồn, đại ý như sau: Theo di chúc Tôn Tổng lý, chúng tôi phải giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu, nhưng trong phạm vi tôi có thể làm được thì rất nhỏ, nếu muốn có sự giúp đỡ lớn thì phải do Trung ương Đảng chúng tôi. Cuối cùng, ông ta không quên nhắc chúng tôi: Các anh hợp tác với Đảng cộng sản, cần chú ý đừng để cho họ nắm quyền lãnh đạo!

Qua cuộc nói chuyện với Lý Tế Thâm như vậy, cái danh nghĩa Việt Minh thực tế đã được thừa nhận, và cái danh nghĩa Biện sự xứ Việt Minh cũng mặc nhiên thành ra hợp pháp.

Sau đó ít hôm, Bác gợi ý: Chúng ta hoạt động cách mạng, cũng phải tỏ ra mình đã có cái gì trong tay, không đến nỗi nghèo túng lắm. Chúng ta nên thết anh bí thư của Lý Tế Thâm một bữa tiệc, để y kính nể mình và sẽ giúp mình nhiều hơn. Sau khi được Bác xuất cho một số tiền 500 đồng, chúng tôi đã làm một bữa tiệc chiêu đãi tại một hiệu ăn lớn là Quán Sinh Viên. Kết quả đúng như Bác dự kiến.

Cũng trong thời gian này, Bác đã giới thiệu qua nội bộ để anh Đồng gặp một số nhà văn tiến bộ Trung Quốc, vận động thành lập Hội văn hóa Việt - Trung. Ngày 8-12-1940, Hội được thành lập ở Câu lạc bộ Lạc Quần, lấy tên chính thức là "Trung - Việt văn hóa công tác đồng chí hội". Ông Hồ Học Lãm và anh Đồng được giới thiệu vào Ban lý sự (Lý sự ủy viên hội) với tư cách là Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Biện sự xứ Việt Minh ở hải ngoại. Việc thành lập này, các báo ở Quế Lâm hồi đó có đăng tin. Như vậy là địa vị hợp pháp của Việt Minh lại được đề cao lên một mức.

Lý Tế Thâm trước đây vốn là một người chống Cộng. Nhưng bây giờ với cái chức Chủ nhiệm hành dinh, ông ta chỉ có tiếng mà không có miếng, quyền hành thực sự đều nằm trong tay thiếu tướng Dương Kế Vinh, một tên trùm đặc vụ thân tín của Tưởng Giới Thạch được xếp đặt ở đó để bao vây và giám thị ông ta. Ông ta rất rõ điều này, nên đối với Việt Minh mà Trung ương đã đăng ký rồi, tỏ vẻ nhã nhặn và giúp đỡ chút ít thì vẫn không thiệt gì, mà về thể diện thì đối với ông ta lại là một việc có lợi. Còn Dương Kế Vinh thì rất láo xược, mỗi lần gặp chúng tôi, hẵn đều tỏ vẻ xoi mói và thường nói chuyện theo kiểu "huấn thị", thậm chí có lần hẵn cứ nằm trên cái ghế xếp mà nói chuyện. Hẵn đã biết chúng tôi đối với Trương Bội Công như thế nào rồi, nên không dám trắng trợn quá, nhưng hẵn luôn luôn mượn câu chuyện đả kích cộng sản để thăm dò thái độ chúng tôi.

Một hôm, Dương Kế Vinh đến thăm ông Hồ Học Lãm ở bệnh viện, hẵn nói trắng ra rằng chúng tôi là cộng sản. Ông Hồ Học Lãm đã đập lại một vố khá mạnh. Ông nói: Đối với cách mạng Việt Nam, các ông chưa giúp được gì, nhưng về phần riêng như cá nhân ông chẳng hạn, thì đã nhờ cách mạng Việt Nam mà phát tài hàng triệu. Ông muốn đấm thanh niên chúng tôi làm tình báo cho ông thì không được đâu, họ là những người cách mạng. Vì ông lôi kéo không được, nên ông đã vu cho họ là cộng sản chứ gì? Nếu ông nói họ là cộng sản thì ông hãy tìm cho được chứng cứ, tôi sẽ lấy cái đầu của tôi

đảm bảo cho họ. Sau đó, Dương Kế Vinh không gặp ông Hồ Học Lãm nữa, và nói ông ấy cậy nhiều tuổi, nói át cả mình đi, mình nói lại không tiện.

Luôn đây nói sơ qua một chút về việc Nguyễn Hải Thần lúc mới đến Quế Lâm đã muốn chia rẽ ông Hồ Học Lãm với chúng ta, ông Hồ Học Lãm cũng đã cho một bài học đích đáng. Ông nói: Anh (chỉ Nguyễn Hải Thần) với tôi qua Trung Quốc đã hơn bốn mươi năm mà chưa làm được một việc gì cho dân tộc. Nay chúng ta đã già rồi, phải để cho anh em thanh niên họ làm, chính họ mới là những người có năng lực làm nên sự nghiệp. Hiện nay Trung Quốc muốn đưa chúng ta ra chẳng qua là để cho họ lợi dụng mà thôi, chứ thực ra thì chúng ta cũng không thể làm được gì nếu không có lực lượng của anh em trong nước. Tôi khuyên anh cứ ra làm việc tử tế, đừng nên kèn cựa với anh em. Nguyễn Hải Thần nghe nói, không thích thú lắm, nhưng suy tính lợi hại, thì có chân ở Việt Minh lợi hơn, nên khi ở Quế Lâm, cũng như sau này về Tĩnh Tây, về danh nghĩa, ông ta vẫn tự nhận là người Việt Minh (việc này sẽ còn nói thêm ở các phần sau).

Trong thời gian hoạt động ở Quế Lâm, nhờ có sự chỉ đạo trực tiếp của Bác, có tiếng nói và thái độ đúng đắn của ông Hồ Học Lãm, có sự ủng hộ tích cực của những người tiến bộ Trung Quốc, chúng ta đã được sự giúp đỡ nhất định của Lý Tế Thâm và đã có một địa vị hợp pháp rõ rệt.

\*\*\*

Sau khi chúng tôi bỏ Liễu Châu đi Quế Lâm thì Trương Bội Công đưa cả đội ngũ về Tĩnh Tây, một huyện của Trung Quốc gần biên giới Cao Bằng. Trương Trung Phụng, người trong đội của Trương Bội Công nhưng có cảm tình với cách mạng, gửi thư đến Quế Lâm cho chúng tôi, nói cán bộ trong nước chạy ra rất nhiều, các anh nên về gấp. Được tin ấy, Bác liền chỉ định các anh Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh và Cao Hồng Lĩnh đi về Tĩnh Tây trước để bắt liên lạc với đám cán bộ đó, đồng thời vận động Trương Bội Công đánh điện lên Quế Lâm mời Biện sự xứ Việt Minh phái người về Tĩnh Tây để bàn tính

công việc.

Được điện mời của Trương Bội Công, Bác và chúng tôi xếp đặt về Tịnh Tây ngay. Lần này ra đi có vẻ đường hoàng vì Lý Tế Thâm đã tặng tám trăm bạc làm lộ phí và cấp giấy chứng minh thư đi đường với danh nghĩa "Hoa Nam công tác đoàn", đóng dấu có hai chữ "Trung chính" (dấu hành chính của Tưởng Giới Thạch) đỏ lòe và to tướng. Bác và tất cả chúng tôi kéo về Liễu Châu gặp các đồng chí Cáp, Lộc, Trình, Hiền... từ Côn Minh đến đờng chờ ở đó, rồi cùng nhau đường hoàng đi xe công cộng về Nam Ninh. Đến Nam Ninh, ở độ hai ngày, rồi thuê thuyền đi Điền Đông. Trong khi đi thuyền, vì còn bí mật với một số đồng chí, nên Bác đóng vai một ký giả Trung Quốc, thường nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Trung Quốc, khi nói về thời sự phức tạp thì nói bằng tiếng Pháp do anh Phạm Văn Đồng dịch. Đi thuyền độ bảy ngày thì đến Điền Đông, các anh Đồng, Lộc, Trình và chị Hiền đi xe công cộng về Tịnh Tây trước, còn Bác, anh Phùng Chí Kiên, anh Cáp và tôi thì ở lại Thiên Bảo để chờ tin tức từ phía biên giới đến. Sau một hôm, anh Vũ Anh cưỡi xe đạp đến Thiên Bảo gặp Bác, báo cáo mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi. Ngày thứ ba, Bác và chúng tôi đi bộ, ăn cơm trưa ở Túc Vinh (chỗ sau này Bác bị bắt) rồi tiếp tục đi, độ tám giờ tối đến Tân Khư, một phố nhỏ ở dọc đường, cách Tịnh Tây khoảng mười cây số, thì đã thấy các anh Vũ Anh và Hoàng Sâm chờ sẵn ở đấy. Bác và chúng tôi được xếp đặt ở trong một nhà quần chúng ngay trong phố Tân Khư"...



# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 4

Mẹ tôi hay kể chuyện về Thái Lai (Hà Huy Tập), Lê Hồng Phong, Lê Tấn Anh, chị Duy (Nguyễn Thị Minh Khai) và Lưu Quốc Long, v.v... là những người giỏi, bà nói: "Đối với các chú đó, mẹ không hề tiếc một cái gì, họ là những người luôn đặt sự nghiệp cứu nước lên trên hết, họ là những người có nhân cách lớn". Trong một bữa ăn có mẳm tôm và ớt, mẹ tôi kể chuyện vui cho mọi người nghe: "Hôm đó nhà ăn mẳm tôm, nhân lúc Long (Lưu Quốc Long) ngủ trưa, Tấn Anh bôi mẳm tôm vào lỗ mũi Long. Ngủ trưa dậy, Long khịt khịt mũi, mấy anh bặm nhau cười, Long ngửi vào người, vào áo rồi vào nhà tắm. Sau khi ra làm việc một lúc, Long lại khịt khịt mũi phàn nàn: Quái, mình đã tắm rửa sạch sẽ, sao vẫn có mùi mẳm tôm nhỉ? Nói xong lại ngửi ngửi bàn tay, ngửi cả lên bàn làm việc: Quái, chắc lâu không ăn mẳm tôm, hôm nay ăn ngon và ăn nhiều quá, miệng hôi mùi mẳm tôm. Nói xong lại vào nhà vệ sinh đánh răng, khi ra mọi người cười phá lên, Thuận (Lý Phương Thuận) hỏi: "Thế nào, hết mùi chưa?". Long nhúu lông mày nói: cứ cảm thấy phảng phất đâu đấy trong phòng (đó là phòng ngủ) này có mùi mẳm tôm... Tấn Anh chỉ tùm tùm cười. Thuận cười: - Bọn tôi bôi mẳm tôm vào mũi anh đó. Long cười hiền lành nói: "Bậy, bậy quá" rồi lại vào nhà tắm lấy xà phòng thơm rửa lỗ mũi... Chị Duy thì say về chính trị, hễ nói về thời cuộc các nước, chị cứ ngậy người ra nghe, quên cả ăn. Thuận ngồi cạnh Duy, biết chị không ăn được ớt, nhân lúc Duy chăm chú nghe mọi người bàn luận tình hình các nước tư bản Châu Âu, Thuận cho miếng ớt vào bát, rồi gắp miếng thịt đặt lên trên. Duy không hay biết gì, mắt thì nghe, tay thì và miếng cơm vào mồm, ăn phải ớt cay xè, mặt đỏ, nước mắt ràn rụa. Chị kêu ca: "Mình gắp phải miếng ớt mà không biết gì cả". Nhiều người cười phá lên, Thái Lai mãi nói không

hiếu chuyện gì, vẻ ngơ ngác: "Thuận lấy ngay cốc nước lạnh cho Duy uống". Thuận bưng cốc nước cho Duy và bảo: "Tao cho ớt vào bát mi đó". Chị Duy vừa uống nước vừa xuýt xoa, vừa lau nước mắt: "Con khi!" rồi cười nói: "Anh Thái Lai, anh nói tiếp đi!". Các chú nghe chăm chú và thú vị, còn mẹ tôi vừa kể vừa cười khoái chí. Tôi chăm chú nghe và hình dung cảnh trêu đùa hóm hình giữa các chú, các cô. Nhưng họ đều là những nhân vật tôi hoàn toàn không biết mặt, họ ở nhà tôi vào những năm tôi chưa sinh ra đời và tôi ngần ngại, trước kia, cũng đã từng có nhiều chú ăn ở trong nhà như các chú bây giờ, chỉ riêng chị Lý Phương Thuận là tôi biết mặt. Mẹ tôi kể: khi sinh ra tôi, bà không có sữa, tôi lớn bằng sữa bò, có chú Bình hay chăm bữa ăn cho tôi, khi tôi nói bập bẹ, hay kêu: "Bình, bò!". Mỗi lần tôi kêu như vậy, thì chú liền đi pha sữa cho tôi ăn. Tôi hỏi: "Chú Bình đâu rồi? Nhà mình có ảnh chú không", bà trả lời: "Các chú từ đâu đến, thầy mẹ cũng không hỏi, rồi đi đâu cũng không hỏi, đó là một nguyên tắc thỏa thuận ngầm với nhau... Đã gọi là hoạt động bí mật, những việc không thuộc phạm sự mình không nên biết con ạ... Do đó, sau khi rời khỏi nhà mình, mẹ cũng không biết tung tích các chú Thái Lai, Bình, Duy v.v..." Có chú Lưu Quốc Long, nghe chú Tân Dân nói, sau khi rời nhà mình về hoạt động ở Thượng Hải. Một hôm đến chỗ hẹn họp mặt, chạm trán với bọn mật thám Pháp, chú Long bị chúng săn đuổi ráo riết, chú chạy lên tầng cao của tòa nhà nhảy xuống tự tử. Tôi không biết mặt chú Long, nhưng trong thâm tâm luôn lờ mờ hiểu họ là những người "không bình thường", yêu nước và bất chấp hiểm nguy hoạt động cứu nước, do đó cha mẹ tôi mỗi lần nhắc đến họ đều với một thái độ hết sức nể trọng. Còn tôi khi nghe chú Lưu Quốc Long bị hy sinh như vậy vô cùng thương tiếc và cảm phục.

Một hôm, chú Lê Tân Dân từ đơn vị về nhà chơi, trong bữa cơm trưa chú hỏi: "Này các ông, có thèm thịt chó không?". Mọi người hưởng ứng, tôi thích quá chêm một câu: "Cháu cũng thèm thịt chó lắm rồi!". Cả nhà cười âm, từ đó các chú phong chú Dân là "cầu nhục tướng quân", còn tôi là "cầu nhục tiểu thư". Tôi cũng rất khoái cái biệt hiệu đó, mỗi lần các chú gọi "Cầu nhục

tiểu thư ơi", tôi thú vị cười tít mắt. Nói chung, người Trung Quốc không ăn thịt chó (trừ người Quảng Đông). Sáng hôm sau, tôi thấy trong nhà sôi nổi, nhộn nhịp hẳn lên như một ngày hội. Tôi chạy xuống bếp, hóa ra các chú xúm nhau mổ một con chó đã cạo sạch lông. Bữa trưa hôm đó, trên bàn bày mấy đĩa bát đầy ắp nào dồi chó, nào nhụa mỡ, nào xúp chó, chả chó nướng thơm phức, và một đĩa giò chó được thái mỏng (đó là món ăn thơm mềm, dành riêng cho cha con chúng tôi, vì cha tôi răng rụng nhiều chiếc, còn tôi răng hà, răng sún, do đó không ăn được các món khác). Theo mẹ kể, chú Dân, Trụ nướng thơm mấy miếng thịt bò bực nhọc, ra vùng ngoại thành nơi thừa người vào buổi chiều tối, một người đi trước ném thịt bò, dừ chó đi theo mình tới chỗ vắng, người đi sau phang một gậy thật mạnh lên đầu chó cho lăn quay không kịp kêu, hai người vội tống nó vào bao tải xách về nhà làm thịt. Có lần hai người đánh chó kêu ăng ẳng, chủ nhà chạy ra rượt đuổi, hai chú chạy bán sống bán chết. Vậy là cả nhà muốn có bữa thịt chó thịnh soạn, cũng phải tốn nhiều "cơ mưu" và công phu ra trò. Cho nên suốt hai năm ở Tam Sơn Lý, "cẩu nhục tiểu thư" tôi cũng chỉ được ăn có hai lần thịt chó mà thôi.

Một buổi chiều rỗi rãi, mẹ tôi xuống ngồi chơi trò chuyện với các chú ở phòng ngoài, chú Lý Quang Hoa chơi cờ với chú Thước, chú Trình ngồi châu rìa, chú Đông A đọc báo, mấy chú Đức, Giai, Lộc v.v... ngồi nghỉ mát cạnh quạt. Chú Đức hỏi mẹ tôi: "Chị ơi, bọn tôi nghe nói có ông Nguyễn Ái Quốc ở bên Pháp giỏi lắm, phải không chị?". Được hỏi như cởi tấm lòng, mẹ tôi kể vanh vách các chuyện về nhân vật kỳ thú siêu phàm này. Nào là "Bản cáo trạng chủ nghĩa thực dân" làm chấn động dư luận thế giới; nào là thực dân Pháp ra sức lùng sục khắp mọi nơi, nhưng không làm sao bắt được ông. Nào là Lý Thụy tức Nguyễn Ái Quốc bất ngờ bị Anh bắt ở Hồng Kông, cuối cùng một luật sư tiến bộ Anh đã cãi trắng án cho Lý Thụy v.v... Các chú há hốc mồm ra nghe, còn trong khối óc trẻ thơ của tôi hình dung Nguyễn Ái Quốc người cao lớn, đẹp trai, hoạt động đầy đó như xuất quỷ nhập thần... Tất nhiên tôi không nhận thức được các vấn đề chính trị, bởi vì tôi mới khoảng năm, sáu tuổi. Một hôm, mẹ lại kể: "Thuận chơi thân với chị Duy, kể với tôi rằng

Duy ngưỡng mộ Nguyễn Ái Quốc lắm, chỉ ước được gặp Nguyễn Ái Quốc... Một lần tổ chức bố trí Duy làm vợ chồng giả với một đồng chí ở Thượng Hải. Căn phòng chỉ kê được có một giường đôi. Đêm buộc hai người phải nằm chung một giường. Chị Duy lấy chăn xếp dọc để ở giữa giường và bật đèn sáng trưng để ngủ. Đồng chí đó cất chăn đi, chị Duy lại đặt chăn lại chỗ cũ, đồng chí đó tắt đèn đi thì chị Duy lại bật đèn lại, làm như thế vài lần, đồng chí đó để nguyên trạng. Hai người ở với nhau được một tháng thì tổ chức lại điều chị Duy đi làm công việc khác. Khi Thuận và Duy gặp nhau, Thuận hóm hỉnh hỏi: "Thế nào, có mang chưa mi?". Chị Duy nói: "Con khi, người ta sống với nhau với tư cách vợ chồng giả cơ mà". Và chị kể lại đầu đuôi sự tình cho chị Thuận nghe. Chị Thuận nói: "Trời ơi là trời, ngốc ạ, đó chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc đấy!". Chị Duy chết lặng đi... Mấy chú tẩm tắc khen: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cừ thật!". Tôi hỏi mẹ: "Thế chị Thuận cũng ở Thượng Hải à?". "Chị Thuận lấy anh Hồ Tùng Mậu, đẻ được hai thằng con trai ở Thượng Hải. Vì phải hoạt động cách mạng, vả lại cũng không có kinh tế nuôi con, cuối cùng cả hai đứa phải cho người ta làm con nuôi...". Năm 1930, anh Hồ Tùng Mậu bị bắt trong nước, chị Thuận không chờ được, bèn lấy anh Bùi Hải Thiệu. Khi đẻ đứa con gái đầu lòng, chị đến ở nhờ phòng chị Lan vài tháng, sau đó chú Bùi Hải Thiệu đón hai mẹ con đi nơi khác, đi đâu mẹ tôi không rõ. Thời kỳ đó, chị tôi ở trường nuôi tằm, lúc đó khoảng đầu năm 1935, sau Tết âm lịch năm Ất Hợi.

Mẹ tôi là người hay chuyện, nhờ đó tôi được nghe nhiều chuyện về cha và các chú. Năm 1988, khi đọc hồi ký "Tôi được làm người học trò nhỏ của Bác" của Lê Thiết Hùng nói về việc cha tôi lấy tin mật cho Đảng Cộng sản Trung Quốc, tôi không khỏi ngạc nhiên và giật mình. Qua đó ngẫm lại, cha tôi biết bản tính mẹ hay phun ra các chuyện mình biết, do đó, ông làm công tác tình báo cho Đảng Cộng sản Trung Quốc với Lê Quốc Vọng, mẹ tôi tịnh không biết một tí gì, nếu không thì hai chị em chúng tôi đã biết chuyện và nhiều người như các chú Lý Quang Hoa v.v... cũng sẽ biết, như vậy sẽ rất nguy hiểm. Và nếu Lê Thiết Hùng không công bố hồi ký đó, chắc chắn câu

chuyện bí mật này sẽ hoàn toàn câm lặng. Tôi cảm phục cha tôi và nghĩ rằng ông làm như vậy là đúng. Như trên tôi cũng từng nói, mẹ tôi tính nóng và thẳng không đúng chỗ. Một bữa cơm trưa vào ngày chủ nhật, mọi người vừa ăn vừa chuyện trò vui vẻ, không hiểu mẹ tôi nói câu gì đó xúc phạm đến các chú, cha tôi nổi giận đập mạnh ghế mẹ tôi đang ngồi cạnh ông, bà ngã lăn xuống đất, cha tôi lấy chân đá bà: "Sống phải biết nghĩ chứ, ăn nói thế có nghe được không?". Hai chú giữ chặt lấy cha tôi để khỏi đá phải người mẹ tôi, còn mẹ tôi về mặt biết mình sai nhưng hiểu thẳng vẫn nói: "Thì cứ đập đi...". Còn tôi thì khóc òa lên. Đến giờ tôi vẫn nhớ như in cảnh tượng bữa cơm hôm đó. Đó là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất tôi thấy cha tôi nổi giận với mẹ. Sau khi các chú đỡ mẹ tôi ngồi lên ghế, cha tôi ăn vội bát cơm rồi bỏ lên nhà... Bây giờ nghĩ lại, hẳn mẹ tôi hay làm mích lòng các chú ở trong nhà. Năm 1967, 68 gì đó, một lần đến nhà ông Hoàng Văn Hoan ở Phan Đình Phùng, tôi hỏi ông: "Chú ơi, thầy cháu cũng là người thiếu quan điểm lập trường phải không chú? Đảng cộng sản cũng hảo, Quốc dân đảng cũng hảo, phải không chú?". Ông cười nói: "Thế là cháu chưa hiểu thầy mình rồi cháu ạ. Trong đời, chú chỉ mến phục và kính trọng nhất hai người, đó là cụ Đặng Thúc Hứa, không quản mọi gian nan, bươn chải vì cách mạng và thầy cháu. Thầy cháu không phải đảng viên, nhưng là người cộng sản ngoài Đảng. Thầy cháu dám làm bất cứ việc gì có lợi cho Đảng, thực sự ông không nề hà bất cứ việc gì và phân biệt rõ trắng đen phải trái...". "Mẹ cháu thì sao? Mẹ cháu xấu tính phải không chú?". Ông suy nghĩ một lát: "Mẹ cháu là người phụ nữ thông minh, sắc sảo, nhưng tính tình rất thất thường... cũng làm cho nhiều anh em trong nhà không bằng lòng mẹ cháu... Cho nên thầy cháu nói với các chú: "Tất cả mọi chuyện anh em hãy nhìn vào tôi, nhìn vào tôi...". Lại một lần tôi hỏi anh Lê Thiết Hùng, vào khoảng thập kỷ 70: "Thầy là con người thế nào? Tại sao không vào Đảng Cộng sản hả anh?". Anh trả lời: "Thầy là con người tuyệt vời, một lòng vì Đảng, không vào Đảng cũng chẳng ảnh hưởng thái độ chính trị đúng đắn của thầy...", "Còn mẹ hay làm mất lòng các chú ở trong nhà phải không?". Anh nói: "Bị đẻ nhiều lần không nuôi được,

mỗi lần đẻ phải dùng thuốc mê lôi đứa bé ra, do đó mẹ có chứng tâm thần phân liệt, bây giờ vợ chồng em cũng rất khổ vì tính mẹ phải không? Khi mẹ nói linh tinh là khi đầu óc không tỉnh táo, nhưng các anh em trong nhà không hiểu. Thực ra mẹ hoàn toàn không tiếc miếng ăn đối với các anh em. Bác Hồ có lần hỏi anh: - Hình như bà Hồ Học Lãm có chứng tâm thần phải không?". Tôi giật mình về nhận xét của Bác Hồ.

Mẹ tôi rất tự hào về con người, về mọi việc làm của cha tôi. Trong tủ sách gia đình vẫn lưu giữ "Bình sự tạp chí" và bà hay giới thiệu cho các chú đọc. Hình như các chú không lấy gì làm tán thưởng các bài luận văn chính trị của cha tôi đăng ở trong tạp chí, cho nên khiến mẹ tôi bức xúc lắm. Trong một bữa cơm trưa, khi không có cha tôi ở nhà, bà nói: "Ông Hồ nhà tôi cũng chẳng tiếc một cái gì với anh em cách mạng, kể cả tính mạng của mình. Một lần anh Cả (Nguyễn Lương Bằng) từ Thượng Hải điện cho ông nhà tôi, nhờ cứu một đồng chí bị tình nghi là cộng sản, đang bị bắt bỏ tù và có nguy cơ bị xử bắn. Khi ông Hồ gặp trùm đặc vụ Trần Thành, đề nghị hãn tha bổng, Trần trả lời: "Cộng sản là kẻ thù chung của thế giới, dù là người Việt Nam, chính phủ Trung Quốc bắt được cũng có quyền xử tử hình, cho nên không thể thả được!". Ông Hồ phải gọi điện thẳng cho Tưởng Giới Thạch và nói: "Anh đó cũng là người yêu nước như tôi. Sau này nếu các ông tìm được chứng cứ, vì tôi mà phải thả nhầm thì tôi xin lấy đầu của mình thế vào". Cuối cùng Tưởng ra lệnh thả. Tưởng có câu nói chống Cộng khét tiếng: "Thà giết nhầm một trăm người còn hơn thả nhầm một người". Đêm nào Vũ Hoa Đài cũng có tiến súng giết hàng loạt thanh niên bị tình nghi là cộng sản. Thậm chí họ chôn sống hàng trăm thanh niên ở Vũ Hoa Đài. Đây là những tin mật ông Hồ nắm được. Ông Hồ chẳng qua như cá nằm trên thớt, nếu cần, chúng thớt khi nào mà chẳng được". Câu chuyện này tôi nghe mẹ tôi kể lại hai lần, cho nên tôi nhớ rất kỹ. Những năm tôi 12, 13 tuổi, khi nhớ lại câu chuyện đó, tôi hỏi mẹ có nhớ đồng chí đó là ai không, mẹ tôi nói: "Mẹ quên tên, vì thầy con cứu anh em cộng sản nhiều lần...". Về sau tôi có hỏi anh Lê Thiết Hùng, anh trả lời: "Anh cũng có nghe chuyện, nhưng quên không nhớ là ai...". Trong "Giọt

nước biển cả", Hoàng Văn Hoan có kế trường hợp Lê Bất Quần (tức Lê Hồng Sơn, Lê Tấn Anh) thì người ký lệnh thả không nhắc đến Trần Thành. Hay mẹ tôi lẩn? Hay đích thực có một đồng chí khác được cứu mà không phải Lê Bất Quần?

Thường thường, bữa ăn ngày chủ nhật tươi hơn mọi ngày và trong bữa ăn mọi người cũng trò chuyện rôm rả hơn. Cha tôi nói: "Có anh bạn đồng sự, thấy mình làm việc chăm chỉ, có hiệu quả thực sự, anh nói: "Hồ Học Lãm, mày làm việc tốt như vậy mà vẫn chỉ là trung tá, sao không tìm gặp Bạch Sùng Hy, Lý Tế Thâm nói chuyện để họ cất nhắc cho". Mình trả lời: "... Đã đành chơi thân lúc ở trường "Bảo Định quân hiệu", nhưng nay họ đều là tướng lĩnh cấp cao, mình đến gặp cũng làm phiền người ta... họ bận trăm công nghìn việc mà...", "Hồ Học Lãm ơi là Hồ Học Lãm, anh cũng khá tính quá...", "Trước kia họ từng gợi ý mình vào Quốc dân đảng...". Một chú hỏi: "Thế cụ bảo sao?", "Lúc đầu mình ư ư hề hề cho qua chuyện. Về sau trong một lần chuyện trò trên bàn mà chược, mình nói: "Các ông xem, tôi là người nước ngoài, liệu các ông có tin tưởng hoàn toàn ở tôi không?", "Sao không tin, làm việc với ông bao nhiêu năm trời, hiểu ông quá chứ". Mình cười: "Các ông tin, nhưng tổ chức tối cao có tin không?... Tôi là học trò của Phan Bội Châu tiên sinh, nay ông ấy bị bắt, tôi cũng có phần nản chí, thôi sống qua ngày, nuôi vợ con, chẳng màng công danh sự nghiệp nữa đâu...". Nói xong mình cười ha hả rồi tiếp: "Khó lắm, khó lắm, không đơn giản đâu. Mình với họ cùng là sĩ quan Bộ Tổng tham mưu thật đấy, nhưng "đồng sàng dị mộng".

Sở dĩ tôi nhớ câu chuyện hôm đó vì hai lẽ: Một, tôi vẫn nghĩ Quốc dân đảng tốt, nay nghe câu chuyện của cha làm tôi ngờ ngợ, phân vân mãi. Về sau tôi hỏi mẹ: "Quốc dân đảng có tốt không hở mẹ?". Mẹ cười nói tránh đi: "Hỏi làm gì việc người lớn... Quốc dân đảng không xấu, nhưng con không được nói chuyện linh tinh với người ngoài đâu nhé!". "Thế đồng sàng dị mộng là nghĩa thế nào?", "Nghĩa là nằm chung một giường nhưng chiêm bao khác nhau!", "Khác nhau như thế nào cơ?", "Họ làm quan cốt được thăng quan tiến

chức, vinh gia phì thân... Còn cha con chỉ mong cứu nước, khỏi làm nô lệ, hiếu chưa?", "À...". Từ những câu chuyện trong các bữa ăn, dần dần tôi ý thức được chí hướng của cha mẹ và các chú là cứu nước, nghĩa là sau này lớn lên mình cũng phải cứu nước. Tất nhiên đối với đứa trẻ chỉ nghĩ đơn giản việc cứu nước là phải học giỏi, làm việc giỏi. Còn làm việc cứu nước như thế nào thì cứ tưởng đơn giản là làm một việc gì đó rất mơ hồ...

Đến tháng tư, tháng năm năm 1936, khi đó tôi gần 6 tuổi, thì gia đình dọn về chỗ ở mới. Trước khi dọn về đó, các chú Trình, Đông A v.v... trở về Côn Minh, và các chú Lý Quang Hoa, Thước, Đức, Lộc, Giai ra ở khu dân nghèo. Họ thuê một căn nhà lá khoảng 15 mét vuông. Mẹ, chị Lan và tôi có đến thăm. Chú Hoa vẫn đi làm ở Bộ Tổng tham mưu, các chú khác làm các công việc lao động chân tay, cuộc sống cũng rất kham khổ, chật vật. Tôi hỏi mẹ tại sao các chú ra ở riêng. "Các chú cũng muốn tìm cách tự lập, bớt gánh nặng cho thầy con. Vì xuất bản báo Việt Thanh tốn kém quá, nhà mình cũng có khó khăn về kinh tế...". Khi gia đình chuyển về chỗ ở mới, các chú lại quay về ở với gia đình như ngày trước, vì chỗ ở mới tiền thuê nhà mỗi tháng có ba mươi lăm đồng thôi. Hơn nữa, các chú ra ở riêng, thực tế không kiếm được tiền, chỉ dựa vào lương của chú Lý Quang Hoa không sao xoay xở được, do đó cha tôi bảo mẹ tôi mời các chú về ở Long Vương Miếu cùng gia đình.

Về sau tôi mới biết, tình hình chính trị giữa Trung Quốc với Nhật ngày càng xấu. Lúc đầu Nhật đánh chiếm Đông Tam Tỉnh, sau đó gây hấn ở Lư Cầu Kiều để chuẩn bị tấn công Hoa Nam. Nhân dân vùng Đông Bắc Trung Quốc "chạy nạn" về Nam Kinh ngày càng đông. Giá cả thị trường ngày càng đắt đỏ. Lương của cha tôi có hạn, do đó gia đình dọn về chỗ ở mới để dễ sống hơn.

\*\*\*

Đó là khu chung cư do Hội Phật giáo khu phố Long Vương Miếu xây. Một dãy năm căn hộ biệt lập mái ngói một tầng nối liền nhau. Cổng trước các



căn hộ nhìn ra mặt đường với khoảng đất trống rộng mênh mông, khiến tôi liên tưởng tới sân trước của căn hộ ở Pháng Ngọa Cảng. Nhưng khu chung cư này cao ráo sáng sủa, thoáng rộng và đẹp hơn, chỉ có một dãy nhà ở. Cửa sau của các căn hộ mở ra sân sau, đó là một sân khá rộng với một ngôi chùa bỏ hoang, nghĩa là năm gia đình chung nhau một sân sau và sống với nhau hòa thuận, không có sự chung chạ, va chạm.

Mặt tiền của các căn hộ rộng khoảng 6 mét. Chiều dọc kéo dài khoảng 12 mét. Cấu trúc của nhà là một nửa chiều ngang rộng 3 mét xây nhà ở kéo dài ra sau hết chiều dài. Còn lại 3 mét ngang có một phòng mở thoáng rộng với cổng gỗ to, một đường đi lát sỏi rộng khoảng một mét rưỡi chạy dọc ra cửa sau. Dọc theo tường bao với đường đi là rẻo đất dài, mẹ tôi trồng các loại hoa. Ngôi nhà gồm bốn phòng ở và nhà bếp, công trình phụ với diện tích rộng tương đương. Ba phòng chính đi chung một cửa ra vào ở phòng giữa. Phòng rộng khoảng 18 mét, làm phòng ăn và phòng tiếp khách, ở giữa phòng đặt bàn tròn rộng với 12 ghế đẩu. Bên phải là phòng ngủ của ba mẹ con kê một giường đôi và một giường đơn. Bên trái có một hành lang nhỏ đi vào phòng ngủ của cha tôi rộng khoảng 6, 7 mét vuông, tuy nhỏ nhưng có cửa sổ kính sáng sủa nhìn ra mặt đường. Tất nhiên cửa kính luôn đóng chặt. Một bàn làm việc chất đầy các loại báo chí - cách bày biện và cuộc sống của cha tôi vẫn y nguyên như cũ. Cứ về nhà là ông trút bỏ quân phục, thay bộ áo dài thụng và ngồi trước bàn đọc báo và làm việc. Cạnh hành lang một phòng nhỏ 4, 5 mét vuông là kho chứa va ly đồ đạc. Một phòng rộng khoảng 8 mét gần bếp, các chú ở đó. Khi dọn về đây, các chú Thước, Giai, Văn, Hoa... về ở cùng. (Một số các chú khác về ở Côn Minh). Chú Trụ đen theo chú Tân Dân làm thợ cắt tóc cho đơn vị bộ đội. Hai chú vài tuần về chơi nhà một lần. Phòng sát cổng rộng khoảng 20 mét vuông, kê một giường đôi và một chõng tre, mùa hè các chú ra ngủ ở đó cho thoáng mát, trừ chú Văn. Tất nhiên chỗ ở mới này không rộng rãi, kang trang như ở Tam Sơn Lý. Hàng ngày cha tôi và chú Lý Quang Hoa đi làm hai buổi. Còn các chú khác giúp mẹ tôi chợ búa, cơm nước, quét dọn nhà cửa. Tôi rất thích nơi ở này.

Ngôi chùa bỏ hoang, các pho tượng không được chăm sóc, bụi và mạng nhện giăng đầy, trong đó chất đầy gỗ làm nhà của Hội Phật giáo. Nhưng điều quan trọng, ở cuối ngôi chùa đằng kia có một gian phòng cho sư ở, có một ông đạo sĩ. Đó là một người đàn ông búi tóc trên đỉnh đầu, mặc áo quần màu chàm, thắt dây thừng ngang lưng. Nói chung, đối với tôi, trông rất lạ mắt (kể cả cách ăn vận của các nhà sư). Hàng ngày hai buổi, ông đi nhờ qua nhà với một cái sọt rỗng địu sau lưng, khi về địu nhiều thứ lặt vặt ông nhặt từ các thùng rác về. Mỗi lần đi qua nhà, ông mỉm cười gật đầu với mọi người, trông nụ cười rất hiền lành. Ông có gương mặt dài ngay ngắn, có bộ râu dê đã điểm hoa râm. Nhìn ông, tôi lại liên tưởng đến các tranh truyện cổ trong các bao thuốc lá (Mỗi một bao thuốc lá có một tấm tranh liên hoàn vẽ các chuyện Tam Quốc, Đông Chu, đó là một cách khuyến mại thuốc lá thời đó ở Trung Quốc. Trẻ con rất thích sưu tầm các tấm tranh to bằng tấm các-vi-dít, đặc biệt gương mặt thôn thôn, sống mũi cao cao, đôi mắt hiền lành với búi tóc và chòm râu dê, không hiểu sao tôi lại cứ nghĩ giống gương mặt Khổng Minh, một nhân vật tài giỏi siêu phàm trong truyện Tam Quốc mà mẹ tôi hay kể cho các chú Giai, Thước nghe. Có lần tôi nằm gác đầu trên đùi mẹ, ông đạo sĩ từ ngoài đi vào, cho tôi một hộp gỗ đồ chơi mà ông nhặt được hay ông mua? nhưng ông đã lau rửa sạch sẽ, trông mới nguyên. Hộp đó gọi là "Thất xảo bản" (bảy miếng gỗ có hình thù khác nhau, với một tấm giấy có các hình khác nhau, để trẻ con xếp hình, luyện trí thông minh). Một hôm khác ông mang về một con búp bê cũ còn chơi tốt đưa cho tôi. Mẹ tôi nói, hàng ngày ông kiếm sống bằng nhặt phế phẩm đem đi bán. Có một đặc điểm ông chỉ cười gật đầu, làm dấu chứ không nói, cả nhà gọi ông là "đạo sĩ câm". Một lần ngồi hóng mát ở nhà ngoài, mẹ tôi kể rằng: Ông đạo sĩ người Hồ Nam (là nơi khá xa Nam Kinh). Vì giết người tình của vợ, ông phải trốn ở ngôi chùa này và làm đạo sĩ. Tôi ngạc nhiên và không tin con người như ông có thể giết người. Một buổi chiều, tôi ra chơi sân sau, thấy ông đạo sĩ lạy sòng lạy chết một bà láng giềng, còn bà kia trên tay cầm một pho tượng Phật, ngồi chễm chệ trên ghế đang chửi ông. Tiếng Hồ Nam rất khó nghe, tôi chẳng hiểu bà

chửi gì, nhưng trông ông đạo sĩ thật tội nghiệp, chỉ cảm lặng lẽ. Đứng xem lâu cũng chán, tôi bỏ về nhà. Do thương ông đạo sĩ, tôi hay tha thân đứng cạnh trong phòng ông, xem ông xếp "Nguyên bảo" (đó là những tờ giấy trang kim bằng bạc hoặc bằng vàng, ông xếp thế nào đó trông giống như những thỏi vàng, bạc cổ xưa và rất đẹp. Vào những ngày đó, chắc là ngày tuần, ông lấy ra hóa). Ngày ông ăn hai bữa cơm hết sức đạm bạc, quần áo ông mặc có những mụn vá to ngay ngắn, sạch sẽ. Về sau tôi mới biết: Ở trong chùa đó đi ra ngoài phố, phải đi nhờ qua các căn hộ, nhưng không gia đình nào cho ông đi nhờ, chỉ riêng mẹ tôi cho ông đi qua, ngày hai buổi sáng chiều.

Ở đây, tôi cũng có những bạn nhỏ láng giềng, chúng tôi hay rủ nhau dạo trong các ngõ phố đông và chật hẹp. Một hôm, thấy có đám người xúm đông xúm đò, có tiếng quát tháo và tiếng khóc thảm thiết, lũ trẻ chúng tôi tò mò cố chui vào phía trong. Tôi thấy một người đàn ông cao to, lực lưỡng, bàn tay hộ pháp của hắn túm tóc dài của một người đàn bà đang nằm sóng soài dưới đất, chị ta mếu máo van xin, nhưng người đàn ông đó không hề động lòng, bàn chân to như bàn cuốc liên tục đá không thương tiếc vào đầu vào mặt người đàn bà, máu chảy đầy mặt và cả trên nền nhà. Không một người nào can ngăn. Tôi bị sốc trước cảnh dã man và máu me, người nao nao buồn nôn, vội lui ra chạy về nhà. Song hình ảnh bất nhẫn và tiếng khóc của người đàn bà ám ảnh tôi nhiều ngày. Về sau, hễ cứ nghe tiếng gì như tiếng khóc của người đàn bà, người tôi lại nôn nao và bồn chồn. Một hôm, ngồi trên xe kéo cùng mẹ, thấy một bà già tóc bạc phơ đang ăn xin. Tiếng kêu nghe rất thê thảm, người tôi lại nao nao bứt rứt. Mẹ tôi nói: "Con thấy đấy, có nhiều người nghèo không có lấy một miếng ăn". Cho nên hễ có ăn mày đến cổng ăn xin, mẹ tôi bèn lấy cơm nguội và thức ăn thừa cho họ.

Về Long Vương Miếu, nhà ở gần rạp chiếu bóng. Cả gia đình tôi thường đi xem phim. Ở đây được xem cả phim Liên Xô. Tôi nhớ có một chú bảo với mọi người: Trung Quốc là thành viên của năm nước Đồng Minh (Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc), do đó chính phủ Trung Quốc cho chiếu phim

Liên Xô, mặc dù họ chống cộng ráo riết. Nhờ vậy, tôi được chị và mẹ chỉ trên màn ảnh, đó là Stalin, Lênin đấy. Với cặp mắt trẻ thơ, tôi thấy Stalin có bộ ria đẹp và oai với nụ cười đáng yêu. Lênin có bộ râu vểnh, trán hói với động tác cử chỉ nhanh nhẹn, sôi nổi cũng thật khác người. Mầm cây sùng bái lãnh tụ bắt đầu đâm chồi nảy lộc. Do đó, tôi yêu cả đất nước Liên Xô, vì nhân dân Liên Xô tươi vui như ngày hội. Tất nhiên chị tôi luôn nói: "Lênin vĩ đại, Stalin vĩ đại". Tôi hỏi: "Thế nước Liên Xô có ăn mày không? Có đàn ông đánh đàn bà không?". "Liên Xô không có ăn mày, ai ai cũng có cơm no áo ấm. Họ làm việc hết sức mình và được hưởng mọi thứ do họ làm ra. Tất nhiên không có chuyện đàn ông đánh đàn bà, đàn ông đàn bà có quyền như nhau, gọi là nam nữ bình quyền em ạ!". "Thích quá nhỉ, hôm nọ em ra đường, thấy một người đàn ông đánh một người đàn bà, sợ ơ là sợ, thế là Trung Quốc không có nam nữ bình quyền phải không?". Chị tôi có đôi mắt to tròn và sáng, nghe tôi hỏi, chị tròn mắt nhìn tôi với nụ cười vừa vui vừa hóm: "Trung Quốc đang đấu tranh đòi nam nữ bình quyền...". Tất nhiên, không thể lý sự chính trị với đứa trẻ sắp tròn 6 tuổi được. Hôm sau, chị với mẹ bàn nhau phải giải quyết việc học hành cho tôi, bởi vì tôi đã đến tuổi đi học rồi. Chị tôi mua về một tập giấy màu, một hộp tranh có chữ, bút chì màu, giấy, dao gọt bút chì, một túi đựng sách khoác ở vai. Chắc chắn lúc đó mắt tôi long lanh, miệng cười ngoác lên. Buổi sáng, chị dạy tôi nhận các loại màu, buổi chiều mẹ lấy các miếng giấy bìa cứng hình vuông, một mặt là chữ, một mặt là hình vẽ. Học trong một tiếng. Như thế, hai người dạy tôi vài ngày, mẹ khoe chú Thước: "Con La một buổi chiều học một tiếng đấy, nhận được năm mươi mặt chữ". Chú Thước tròn mắt cười nói: "Con bé khá quá nhỉ, thế là nhanh quá đấy, giỏi!". Trong bụng tôi nghĩ, giỏi gì mà giỏi, nhận mặt chữ dễ ợt. Một sáng đẹp trời, chị đưa tôi vào trường "Ấu Trĩ Viên" (mẫu giáo) giới thiệu với cô giáo và tôi bắt đầu vào cuộc sống ngày hai buổi đến trường. Chú Thước và chú Văn thay phiên nhau đưa và đón tôi đi học. Tôi rất thích thú vì được học vẽ, cắt giấy, học hát học múa và học chữ. Học khoảng 3 tháng, đến đầu tháng 9 năm đó (1936) tôi vào học lớp một. Cuộc sống đi học đối với tôi vừa mới

mê vừa hào hứng. Chiều về, tôi lấy vở và bút chì ra tập viết, nghĩa là tôi không chỉ nhận mặt chữ, mà còn biết cách viết các chữ. Trong đó có cả cách học viết tên mình. Thâm tâm, tôi rất ghét tên của mình, bởi vì hai chữ Mộ La nhiều nét phức tạp, khó viết đẹp, hơn nữa cái tên gọi lên chẳng kêu gì cả, nam bất nam, nữ bất nữ, giá như cha mẹ tôi đặt tên là Xuân Lan hay Thu Cúc gì đó nghe nó uyển chuyển, dịu dàng ra tên con gái. Sau này, lớn tuổi hơn, các bạn còn trêu làm tôi hơi chột dạ: "Tên mày chẳng giống tên người Trung Quốc", "Thì tao là Hoa kiều ở Indonexia về mà!", "Ừ, đúng, thảo nào nước da mày đen thế!". Khi đó tôi mới vững dạ, mặc dù bạn học chê mình da đen. Tóm lại, cái tuổi lên sáu, lên bảy, tôi bắt đầu tiếp xúc rộng ra thế giới bên ngoài, hình như có khôn hơn trước...

Thời gian khoảng ba, bốn tháng gì đó, chị tôi nghỉ làm ở Trường nuôi tằm, về ở hẳn với gia đình, và tôi được gần gũi với chị nhiều hơn. Nhiều buổi hai chị em lấy kéo cắt hình rồi xếp hình, rồi vẽ chuột Miki, vẽ bảy chú lùn (tất nhiên chủ yếu chị vẽ, cắt, xếp, tôi cố làm theo với kết quả xấu và hỏng nhiều). Song tôi vô cùng thích thú. Nhưng cái thích thú lớn nhất là đến tối, ba mẹ con nằm chung một giường, chị tôi nằm giữa, mẹ nằm ngoài cùng, tôi nằm trong cùng rồi tắt đèn nghe chị kể chuyện Angdecsen, truyện cổ Grim và đặc biệt chuyện "Một nghìn một đêm lẻ". Tôi thầm phục chị tôi vì đọc nhiều nên biết nhiều chuyện ly kỳ và thú vị. Có những chuyện về sau tôi được xem trên màn ảnh hoạt hình như "Em bé bán diêm", "Con vịt xấu xí" v.v... Có những chuyện làm tôi khóc thút thít vì cảm động, mẹ và chị lại mắng: "Có gì là đáng khóc đâu, chuyện bịa đấy mà". Tôi nghĩ thầm "chuyện Lọ Lem bị mù dì ghê hắt hủi giống hệt chuyện A Bảo, có thật đấy chứ, chỉ có điều A Bảo không có bà tiên trợ giúp, vì A Bảo là con trai...". Đó là những ngày nhiều kỷ niệm đẹp, cuộc sống điểm thêm màu sắc thơ mộng... Được xem phim hề Shali - Schaplin, tôi yêu thích nhân vật hề có ria như hai cục mực ở hai bên nhân trung, đôi mắt to tròn, đi chân chữ bát với đôi giày to quá cỡ v.v... Về nhà tôi như con khỉ con đống giả các động tác Shali Schaplin khiến cả nhà cười bò, rồi bảo lớn lên tôi có thể làm minh tinh màn bạc. Rồi đến một phim,

cô thiếu nữ tiễn người yêu trong rừng, ngựa phi đưa người yêu đi xa, cô thiếu nữ hát vocalise một đoạn nhạc rất du dương. Tôi yêu và nhớ một câu nhạc vocalise trong phim. Về nhà tôi quần khăn trải giường quanh người giả làm váy dài rồi hát "A" đúng câu nhạc đó. Chị tôi bảo tôi hát rất đúng nhạc. Khi hát, hai tay tôi chấp trước ngực, đôi mắt đung đưa để biểu tỏ tình cảm, hẳn là hồn nhiên lắm. Một số chú cười thú vị. Chú Lý Quang Hoa nói: Lớn lên con bé này lẳng lơ lắm đấy! Tôi hỏi: "Lẳng lơ là gì hở mẹ?". Bà cười không nói. Một chú nói: "Trẻ con như con khi con, biết gì đâu!".

Trẻ con rất thích khách đến chơi nhà. Một ngày chủ nhật, cha tôi rủ mấy bạn đồng liêu đến nhà xô mà chược (vì thỉnh thoảng ông cũng đến nhà bạn chơi như vậy), thế là tôi được cho kẹo, còn mẹ tôi và một chú hầu nước và nấu chè đậu xanh mời cả hội ăn điểm tâm (tất nhiên tôi được ăn ké). Sau này, có lần tôi hỏi mẹ: "Mẹ ơi, sao mẹ bảo đánh bạc là xấu, tại sao khi ở Nam Kinh, con thấy thầy cũng mời bạn bè đến nhà xô mà chược". Bà trả lời: "Thầy con đánh bài để ứng thù", một cách ứng xử xây dựng quan hệ ngoại giao với đồng liêu con ạ. Con xem, ở nhà thầy con làm việc suốt ngày, có khi nào nghỉ ngơi đâu? Mẹ con mình đi văn cảnh đây đó, chụp ảnh, có khi nào thầy con cùng đi đâu?... Thật ra, xô mà chược là việc cực chẳng đã...".

Sau khi tôi lên học lớp một, hai lần cha tôi đưa tôi đi chơi vào ngày chủ nhật. Lần thứ nhất, cha dẫn tôi vào một tòa nhà sang trọng ăn cưới con trai người bạn học. Lần đầu tiên đến đám cưới (cũng là lần duy nhất). Người đông chật và mọi người ăn mặc sang trọng, họ cũng dắt trẻ con đi theo. Sau khi đưa "tiểu hồng bao" (phong bì đỏ), ông trò chuyện hàn huyên với mấy người rồi dắt tôi vào ngồi một bàn tròn. Khi ăn, cha gắp những thức ăn ngon và lạ miệng cho tôi. Ăn xong, mọi người lên gác đến phòng cô dâu chú rể gọi là "náo động phòng" (trêu đùa cô dâu chú rể), một người lấy trong một thùng gỗ sơn son thếp vàng rất đẹp và có nắp đậy hẳn hoi ra rất nhiều kẹo phân phát cho trẻ con, gọi là phát lộc, sinh con đẻ cái đầy đàn (cái thùng gỗ đó sau này sẽ là cái bô).

Ăn tượng chung về đám cưới nhà giàu là phô trương bề thế, sang trọng và các thứ đều màu đỏ rực như trong phim ảnh. Tôi thích lắm, đúng là "đi một ngày đàng học một sàng khôn", tất cả đều khiến tôi cảm thấy mới mẻ và thú vị. Tôi chỉ ước ao thỉnh thoảng được cha dẫn đi ăn đám cưới. Tối muộn hai cha con mới về tới nhà.

Lần thứ hai vào một sáng chủ nhật, cha dắt tôi đi chơi "Phu Tử Miếu" (Miếu thờ Khổng Tử). Hai cha con thung thăng đi bộ. Bàn tay nhỏ của tôi nắm lọt thỏm trong bàn tay to, mềm, ấm áp của cha. Ông đi khoan thai, chậm rãi, hai mắt phóng ra phía trước. Tôi luýnh quính đi hai bước một mới theo kịp một bước chân của cha. Thỉnh thoảng tôi ngược mắt nhìn ông, trong lòng sung sướng, tự hào. Khi đến nơi, ông vào một quán trà lộ thiên gọi một "bát" trà, vừa hút thuốc lá vừa uống trà, hai mắt phóng ra cõi vô tận như đang suy nghĩ điều gì đó. Còn tôi vừa ăn kẹo, vừa nhìn người qua lại. Kể thật ra, đối với trẻ con như vậy là rất buồn tẻ. Nhưng chẳng mấy khi được cha quan tâm dắt đi chơi, lòng sung sướng trong tôi át đi nỗi buồn tẻ. Khi trở về nhà, cha ghé vào một cửa hàng sang trọng mua tôm he rim đỏ rồi hai cha con ngồi xe kéo về nhà. Bữa cơm tối hôm đó ai cũng khen tôm rim ngon quá. Mọi người nói chuyện rôm rả. Cha tôi nói: "Trương Học Lương mời Tưởng lên Tây An bàn chuyện thống nhất quân đội dưới sự chỉ huy của Tưởng để kháng Nhật. Khi Tưởng lên ở một biệt thự sang trọng, Trương đưa ra yêu cầu Tưởng phải hợp tác với đảng Cộng sản Trung Quốc để cùng nhau chống Nhật, Tưởng tỏ ý phản đối. Trương tuyên bố: "Nếu Tưởng không nhận lời thì Trương sẽ không thả Tưởng về Nam Kinh". Cuối cùng buộc Tưởng phải gặp đại diện Đảng Cộng sản và ký kết "Quốc Cộng hợp tác kháng Nhật". Nói xong cha tôi cười khoái chí và hóm hỉnh: "Do đó vừa rồi Bộ Tổng tham mưu rối mù, và cả cơ quan cuống quýt. Nay Tưởng đã về Nam Kinh an toàn, song cũng bê mặt. Ông ta yêu cầu mọi người trong cơ quan viết "Thư hiến kế chống Nhật". Mình đã viết xong bức thư với nội dung: Một, nước ta (cha tôi phải viết với giọng mình là người dân Trung Quốc) đất rộng, người đông, tài nguyên phong phú, tiềm lực nhân tài, vật lực dồi dào mà nước Nhật bé con không thể

bì được; hai, nếu huy động mỗi một người dân góp một đồng, chúng ta sẽ có một khoản tiền lớn cho sự giải quyết trang thiết quân sự; ba, nếu chính phủ ta kêu gọi đoàn kết các đảng phái yêu nước cùng đồng lòng chống Nhật, khả năng thắng Nhật dễ như trở bàn tay...". Các chú vui vẻ tỏ ý thích thú và tán thành. Một thời gian sau, trong bữa cơm tối, cha tôi đưa một phong bì đầy cộp đặt trên bàn ăn và nói: "Bốn ngàn đồng tiền thưởng về bức thư hiến kế đây!". Mọi người trầm trồ. Cha tôi nói: "Nhưng chưa hiểu họ có chấp nhận ý kiến của mình không? Do nhân dân đấu tranh mạnh, Tưởng bề mặt hợp tác với cộng sản, bên trong vẫn ngấm ngầm tiêu diệt cộng sản, cái nguy hiểm của Tưởng là ở chỗ đó".

Xuân hè 1937, trong bữa cơm tối, cha tôi hay nói tình hình thời sự Trung - Nhật. Một hôm mọi người bàn tán vụ Nhật gây hấn ở Lư Cấu Kiều và báo Nhật sẽ đánh Thượng Hải và Nam Kinh... Năm đó tôi gần tròn 7 tuổi và sắp học hết lớp một. Mọi người xôn xao vấn đề chính trị, tôi chả hiểu tý gì, tháng ngày vẫn đi học đều. Cuối học kỳ tổng kết học tập, một bạn trai đứng nhất lớp, tôi đứng nhì lớp. Hàng ngày tôi tự động làm bài tập, nhưng chỉ học trọn vẹn cái mà trường dạy, do đó không được như chị tôi học vượt lớp. Mẹ tôi nói tôi không thông minh bằng chị, không hiểu học bằng chị.

Một hôm có một người phụ nữ rất xinh đẹp mặc áo dài trắng, đi xăng-đan trắng, tay xách ví đầm trắng trông có vẻ sang diện, một tay xách cái hộp bánh kẹo đến thăm gia đình. Mẹ tôi cùng người phụ nữ đó tay bắt mặt mừng, còn tôi mắt sáng lên, lòng khấp khởi về quà bánh. Hai người nói chuyện rôm rả, rất lâu, nhưng chị không chịu ở lại ăn cơm tối với gia đình, sau vài tiếng, chị đi ngay. Khi chị tôi về nhà, mẹ kể chuyện với chị tôi:

"Chiều nay chị Lý Phương Đức đến chơi, chị nói là từ Hồng Kông đến giải quyết một số việc rồi đi ngay. Chị vẫn đẹp như xưa. Chị Thuận kể chuyện với mẹ chị Đức rất yêu anh Lê Hồng Phong, theo đuổi anh ấy, nhưng anh ấy trốn tránh vì không yêu. Đức đau khổ lắm... Chị kể chuyện với mẹ là



sau khi bị bắt về nước, bị Pháp tra tấn dã man, cuối cùng vì không tìm được chứng cứ, đành phải thả. Chị về Hồng Kông với anh ruột Ngô Chính Quốc. Cũng giống Ngô Chính Quốc, chị bị Đảng nghi ngờ và xa lánh. Nay chị lấy một người Trung Quốc làm cùng công sở. Chị tâm sự với mẹ đã có một đứa con trai hơn một tuổi. Hai người rất yêu nhau, nhưng anh Ngô Chính Quốc bắt chị ly dị với chồng để lấy Đặng Xuân Thanh, người mà chị không hề yêu thương".

Chú Thanh từng ở tầng hai nhà bố mẹ tôi tại Tam Sơn Lý. Chú là con người ít nói, hầu như tuyệt nhiên không quan hệ với bất cứ người nào trong các chú ở tầng một. Mẹ tôi kể: "Chú Hoa, chú Thước và chú Thanh vốn từng quen biết nhau ở Thái Lan. Không hiểu vì lý do gì, các chú ấy rất ghét nhau, do đó ở cùng nhà mà hoàn toàn không nói chuyện với nhau". Bà nói: "Chú Lý Quang Hoa nói chú Thanh là đặc vụ của Quốc dân đảng Trung Quốc". Mẹ nói nếu quả thật như vậy thì các chú và chú Hoa sẽ lần lượt bị bắt và gia đình mình cũng sẽ tan nát, chẳng được sống yên. Chú Thanh thì chê các chú ấy lười biếng, không chịu học hành, không chịu làm việc... Chú Thanh rất quý trọng cha mẹ tôi. Chú Thanh ở nhà tôi khoảng một năm (từ khoảng tháng 8 năm 1934 đến tháng 8 năm 1935. Mẹ nói vì chú không chịu đựng được các chú Hoa, Thước... nên bỏ đi ở nơi khác). Sau đó hầu như chú không quay về thăm gia đình tôi lần nào.

Sau khi gặp chị Lý Phương Đức, khoảng tháng 7 năm 1937, có một người đàn ông cao lớn, đẹp trai, mặc bộ comple trắng, đội mũ trắng và đi giày da trắng đến thăm gia đình (cũng ở Hồng Kông) đến và cũng mấy hộp bánh kẹo sang đẹp khiến lòng tôi xốn xang. Sau khi người đàn ông ấy đi khỏi, mẹ kể chuyện đó là Ngô Chính Quốc, đến Nam Kinh sắp xếp hôn nhân cho em gái, vì ông không muốn em gái mình lấy người Trung Quốc. Tất nhiên cuộc viếng thăm của hai anh em vào những buổi cha tôi đi làm, do đó ông không gặp họ. Các chú trong nhà ở nhà dưới cũng không hay biết gì. Và mẹ tôi cũng không kể chuyện cho các chú ấy nghe. Cũng là đi cứu nước, mỗi người mỗi số phận,

nhưng có một điều là hễ ai từng bị Pháp bắt rồi thả, Đảng sẽ xa rời họ, dù lòng họ vẫn kiên trinh, trung thành với Đảng, với Tổ quốc, điển hình là chị Lý Phương Đức.

Tôi còn nhớ, khoảng thập kỷ 70, bà Lý Phương Đức đem hai người con về nước... Trong một lần tôi đến thăm ông Hoàng Văn Hoan (tức Lý Quang Hoa), tôi vui vẻ báo tin (vì tưởng ông muốn biết chuyện): "Chú ơi, chị Đức về nước rồi...", "Ừ... bà ấy là người xấu lắm!". Tôi giật mình im lặng, cũng không dám hỏi thêm... Đến nay, năm 2007, Bà Đức mới được minh oan, nhưng bà chết trong đau khổ và sự nghi kỵ tà trời...

# HỒ TƯỜNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lâm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 5

Hôm đó, dọn cơm trưa xong, mọi người không thấy cha tôi ra ăn cơm bèn hỏi: "Cụ đâu hả chị?" "Ông đang lên cơn hen, không ăn, bảo mình cứ ăn đi". Tôi vội chạy vào phòng cha, thấy ông ngồi tựa lưng vào tường, thở khò khè nặng nề, trông cặp mắt lơ đãng. Dưới sàn, ấm thuốc bắc đang được sắc với than củi. Trông ông tội lỗi. Đứng tần ngần một lúc, chẳng biết làm gì, tôi chạy ra ăn cơm rồi quên mất. Khoảng 3 giờ sức nhớ cha ồm, tôi chạy vào phòng thì không thấy ông đâu nữa, hỏi mẹ, bà cho biết ông đã vào cơ quan làm việc rồi. "Thầy mệt sao vẫn đi làm?", "Không làm thì lấy gì mà ăn?". "Sao không chữa cho cha khỏi bệnh đi?", "Cũng muốn lắm, nhưng phải uống thuốc thường xuyên...", "Thì sắc thuốc thường xuyên cho cha uống có được không hả mẹ?". "Nhà mình không có tiền, con ạ!". "Không có tiền?". Hôm tôi xin cha tôi mua cho tôi một đàn piano hay armonium, ông cũng trả lời không có tiền. Tôi rất sững sốt, trong bụng vẫn đinh ninh cha mẹ mình có nhiều tiền cho nên mới nuôi được nhiều người trong nhà. Nay nghĩ lại thì mới hiểu hết hoàn cảnh của gia đình tôi những năm tháng ở Nam Kinh.

Lúc đó Nhật đang lấn le đánh Thượng Hải, Nam Kinh. Do đó, trong nhà bàn việc đưa hai mẹ con tôi đi Vu Hồ trước khi xảy ra chiến tranh. Tôi đang nghỉ hè, một buổi sáng dậy, tôi theo mẹ ra sân có mái hiên, mẹ ngồi trên chõng tre, tôi nằm gối đầu trên đùi bà. Các chú cũng đang ngồi chơi ở đó. Mẹ tôi nói:

"Các "cụ" ơi, e sáng ngày kia đi không được suôn sẻ. Đêm qua tôi nằm thấy chiêm bao lạ lắm... Tôi mơ thấy sáng dậy, mọi người kéo nhau lên ngồi trên một xe ngựa, đi đến nửa đường, ông Giai bảo: Đói lắm, xuống xe đi mua

thức ăn ăn sáng. Giai vừa xuống xe thì có còi báo động...". Chú Lý Quang Hoa cười khùng khục: "Chị thật là "dạ trường mộng đa" (Đêm dài lắm mộng).

Hôm sau là ngày chủ nhật, mẹ tôi cùng các chú soạn những đồ đạc cho vào va ly và hòm gỗ. Tôi chẳng hiểu chuyện gì. Đến sáng thứ hai, chú Trụ đen gọi một xe ngựa to, chất va ly hòm xiểng lên phía sau xe, chú Lộc và chú Thước ngồi trong xe, chú Trụ đen ngồi phía trước cạnh anh xà ích. Vào giữa trung tâm, nơi có nhiều cửa hàng ăn, chú Trụ đen kêu đói và xuống mua thức ăn sáng, xe ngựa đỗ bên lề đường được dăm mười phút thì có tiếng còi rú lên xuống nghe rùng rợn như tiếng khóc. (Hàng ngày, cứ đúng 12 giờ trưa thì có tiếng còi, nhưng tiếng còi kêu thảng). Đang khi mọi người lúng túng vì không thấy chú Trụ đâu và ngơ ngác thì cảnh sát đến xua đuổi: "Đi đi! Nhanh! Sắp có máy bay Nhật". Thế là lạc mất chú Trụ. Xà ích đánh xe chạy nhanh ra ga, mọi người xách đồ đạc vào ga và ngồi trong ga suốt từ sáng đến tối, vì máy bay Nhật lượn suốt ngày trên thành phố Nam Kinh và bắn súng liên thanh hết đợt này đến đợt nọ để khủng bố tinh thần người dân Nam Kinh (chúng không thả bom). Khoảng hai tiếng sau, chú Trụ mới mang thức ăn cho mọi người, đó là bữa ăn cho cả ngày. Gần 7 giờ tối, xe lửa mới chạy được. Khoảng 10 giờ đêm mới đến Vu Hồ, nơi đóng quân của anh Lê Tân Dân. Chỉ có chú Trụ đưa hai mẹ con tôi đi, còn chú Lộc, chú Thước quay về nhà. Giấc chiêm bao của mẹ tôi hóa ra sự thật. Câu chuyện xảy ra với các chi tiết y hệt, chỉ có một chi tiết khác là chú Trụ xuống xe ngựa và bị lạc. Chú Giai hôm đó ở nhà. Đây là một câu chuyện ly kỳ, cho nên tôi vẫn nhớ như in các sự việc xảy ra hôm đó. Có một ông sĩ quan người gầy nhom, tuổi trạc bốn mươi. Suốt buổi, ông ta ngồi chấp tay, mắt nhắm nghiền, miệng khấn lầm rầm gì đó. Nhiều đàn bà trẻ em sợ quá và khóc. Còn tôi chưa hiểu "sự chết" là thế nào, cho nên không biết sợ. Các chú Lộc, chú Thước cũng chờ đến khi đưa mẹ con tôi với hành lý đồ đạc lên xe rồi mới ra về. Về mặt các chú có vẻ băn khoăn suy nghĩ...

Xuống ga Vu Hồ đèn sáng trưng, cho nên anh Tân Dân và chị Diệc Lan

nhanh chóng tìm thấy chúng tôi và bảo họ đã chờ suốt từ trưa đến giờ, không hiểu chuyện gì xảy ra.

\*\*\*

Vu Hồ là một thị trấn cách Nam Kinh 100 kilômét. Nhưng doanh trại của anh Tân Dân đóng ở vùng nông thôn và lần đầu tiên trong đời tôi về ở nhà gạch của một gia đình nông thôn.

Từ hôm lên xe lửa về Vu Hồ, cuộc sống học tập của tôi bị đảo lộn, tiếp sau đó là những ngày tháng chạy dài. Trong dân gian có câu truyền miệng: "Quân đội Nhật và quân đội Quốc dân đảng chạy đua, nhưng bao giờ quân đội Quốc dân đảng cũng thắng cuộc". Vì Nhật chưa đến nơi, quân Quốc dân đảng đã bỏ chạy. Thực ra Tưởng vẫn không chủ trương "kháng Nhật" mà chủ trương "An nội - diệt cộng" trước. Đó là bi kịch chín năm kháng chiến của chính phủ Tưởng Giới Thạch. Nhật đánh chiếm Trung Quốc một cách dễ dàng, ngoài các tỉnh miền Hoa Bắc, nay Nhật chiếm các tỉnh Hoa Nam. Có lần mẹ tôi nói: "Cứ kiểu bỏ đất nhiều như vậy, Trung Quốc mất nước đến mấy chục lần so với nước bé nhỏ như nước ta..."

Về vùng quê, đối với tôi cái gì cũng lạ và hào hứng. Tôi bắt chước bện "dây thảo" (dây bện bằng rơm) ra ngoài đồng bắt châu chấu, chuồn chuồn cùng các bạn, xem nông dân xay lúa giã gạo... Ở đó không có trường học, hàng ngày chị viết bài để tôi học (không có sách giáo khoa), học bữa đực bữa cái, chơi là chính. Có hôm tôi theo anh Tân Dân ra thao trường xem anh cùng bộ đội diễn tập quân sự.

Một hôm mẹ tôi trở về Nam Kinh thăm cha. Khi quay lại Vu Hồ, bà cho biết cha tôi yếu, bác sĩ bảo bị suy tim. Đi khỏi Long Vương Miếu tôi chỉ bán khoản về ông Đạo sĩ, mẹ cho biết: Ông tâm sự với mẹ sẽ về quê Hồ Nam, mẹ cho ông ba bát gạo và một đồng quốc dân tệ. Miệng không dám nói ra, nhưng tôi nghĩ giá như mẹ cho ông ba đồng với mười bát gạo thì hay biết mấy.

Đúng là tính "hào tâm" của một đứa trẻ, chứ không biết cuộc sống gia đình tôi đang gặp những khó khăn. Chúng tôi rời Nam Kinh vào tháng 8, khoảng cuối tháng 9 (hình như ngày 29 tháng 9), cha tôi cùng anh Văn, tức Vương Quang về Vu Hồ, cả nhà, kể cả chú Trụ đến khách sạn gặp cha. Nhìn thấy ông, tôi giật mình vì ông gầy xọp, đôi mắt mệt mỏi. Trưa hôm đó, chúng tôi ăn cơm ở khách sạn thị trấn. Trong bữa cơm, cha tôi kể chuyện: "Lý Quang Hoa theo một bộ phận của cơ quan về Vũ Hán. Toàn bộ tổng hành dinh dời về Trùng Khánh. Tưởng giao cho mình chức "lưu thủ chủ nhiệm", trông coi mọi việc sau khi dời Bộ Tổng đi. Nay xong việc, báo mình về Trùng Khánh nhận nhiệm vụ mới. Chuyển đi này chưa biết hay dở thế nào... Thước đưa Giai, Lộc về Côn Minh, Văn đi theo mình. Mọi thứ vứt bỏ lại Nam Kinh. Nhật chiếm xong Thượng Hải rồi sẽ đánh vào Nam Kinh thôi". Sáng sớm hôm sau, cha tôi cùng chú Văn đi Trùng Khánh. Sau bữa cơm trưa, cả nhà chụp ảnh kỷ niệm.

Sau khi cha tôi đi một thời gian ngắn, đơn vị "Khí xa binh đoàn" cũng di chuyển về hậu phương. Gia đình tôi ngồi tàu thủy quân sự của đơn vị anh Tân Dân đi ngược sông Trường Giang (dọc đường đi qua Động Đình Hồ, một thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Hồ Bắc. Truyền thuyết nói ở đó có tiên, hẳn là nơi đó thơ mộng lắm) về Hồ Nam đến Trường Sa - thủ phủ tỉnh Hồ Nam. Cha tôi đã về đó được một tháng. Trong bữa cơm gặp mặt, cha kể chuyện: "Mình và Văn đi mất mười ngày mới đến Trùng Khánh, đến ở Chiêu đài sở của Bộ Quốc phòng châu chực mất gần hai mươi ngày, nhận được lệnh điều động công tác làm tham mưu đốc quân Trường Sa, nghĩa là dưới trướng của Trương Trị Trung (Trương là cha đẻ của Trương Học Lương, ông nguyên là quân phiệt Bắc Dương bị Tưởng hàng phục)". Nói xong cha tôi mỉm cười. "Thế nghĩa là họ không cho ông làm ở Bộ Tổng tham mưu nữa? Tại sao nhỉ" - mẹ tôi hỏi. Ông trả lời: "Mình thấy họ bắt mình giữ chức Lưu thư chủ nhiệm mình đã dự đoán họ sẽ không sử dụng mình nữa. Còn việc tại sao? Có thể có những lý do. Trong giai đoạn kháng Nhật, một mặt Tưởng bắt tay với Đảng Cộng sản, nhưng thâm tâm Tưởng không muốn, do đó, Tưởng vẫn

ngấm ngấm tìm cách diệt cộng. Bức thư hiến kế của mình có thể rất không hợp "khẩu vị" của Tưởng. Mặt khác, mình là người ngoại quốc, lại không phải đảng viên Quốc dân đảng, họ muốn làm triệt để trong sạch đội ngũ của họ, hơn nữa nay thấy sức khỏe mình yếu, tuổi đã cao, cho nên họ không muốn giữ mình lại Bộ Tổng (năm đó là cuối năm 1937, cha tôi 52, 53 tuổi, vừa bị hen vừa bị suy tim)... Nhưng cũng có thể họ nghi ngờ mình một cái gì đó... (Gần đây đọc hồi ký của Lê Thiết Hùng nói về cha tôi làm tình báo cho Đảng Cộng sản Trung Quốc, tôi mới hiểu được câu nói này. Nhưng tôi tin rằng khi đó cả nhà không ai hiểu ý nghĩa của câu đó ngoài Lê Tân Dân). Thật ra cũng có can hệ gì đâu, mục tiêu cuộc sống của mình khác cơ mà, vậy làm đâu mà chả như nhau, vẫn chỉ là một sĩ quan trung tá...". "Ông cũng cứng quá, nếu hồi ở Nam Kinh chịu gặp Bạch Sùng Hy để ông ta lưu ý cất nhắc cho thì bây giờ mình cũng là thượng tá rồi". Cha tôi cười với vẻ khoan dung: "Thế là bà mới chỉ biết có một thôi... Trong cơ quan đầu não của Tưởng, chúng cũng chia năm bè bảy cánh. Bạch, Lý (Lý Tế Thâm) đều không ăn ý hẳn với Tưởng, thậm chí vì vấn đề kháng Nhật, thấy Tưởng có thái độ kháng Nhật lừng khừng, Lý từng có ý định lật đổ Tưởng. Họ từng muốn lôi kéo mình nữa, nhưng mình chẳng ngả sang phe nào cả. Mình chỉ một mực nói: Chí hướng của tôi là cứu nước, mong các ông sau khi ổn định quốc nội sẽ thực hiện di chí của Tôn Trung Sơn là "ủng hộ các nước nhược tiểu" mà giúp Việt Nam đánh đuổi Pháp... Nay mình muốn thăng quan tiến chức bằng cách nhờ vả họ, bà phải hiểu, không ai chịu cho không ai cái gì đâu...". Anh Tân Dân phụ họa: "Thầy nói đúng lắm, ngay trong binh đoàn của con, trên dưới đâu có hoàn toàn đồng lòng nhất trí với nhau, họ cũng có thái độ lôi kéo con, còn con như thẳng ngù ngù ngờ ngờ, không để ý đến vấn đề chính trị, con tỏ ra chỉ chú tâm vào công tác quân sự thôi"... Câu chuyện hôm đó rất rôm rả. Thời điểm đó tôi đã bước sang tuổi thứ tám, tôi không ghi nhớ hết được. Vì câu chuyện liên quan đến vấn đề thu nhập của gia đình, nhắc đến Bạch Sùng Hy vị tướng nổi tiếng của Quốc dân đảng, cho nên tôi để ý nghe và quan tâm ghi nhớ, và lại sau này tôi cũng hỏi lại mẹ việc đó. Chiến tranh liên quan đến

lạm phát, đến giá cả thị trường, mà mẹ tôi hay kêu ca sau những lần đi chợ về. Mẹ và tôi theo anh chị về ở Ích Dương, ở Trường Sa chỉ có cha tôi, chú Văn và chú Hoa (thời kỳ này chú bỏ công việc ở Vũ Hán về với cha tôi. Gần đây đọc "Giọt nước và biển cả" tôi mới rõ lý do bỏ việc của ông ấy). Ít lâu sau, mẹ tôi về Trường Sa chữa bệnh, một lần chị tôi đi Trường Sa về kể chuyện: "Thầy nói: Diệc Lan, mẹ con độ này là lạ thế nào đó, bà khi nào cũng nghĩ có người muốn hãm hại bà...". Nghĩa là bệnh tâm thần phân lập của bà nặng hơn trước. Nhưng cả nhà không ai hiểu điều đó, không để ý chữa bệnh dứt điểm cho bà, vả lại chiến tranh, đất đỏ, việc nâng lương không theo kịp sự lạm phát, nay tôi nghĩ, gia đình tôi cũng không đủ khả năng chữa bệnh cho mẹ tôi, đặc biệt là cha tôi.

Khi ở Trường Sa, có một người đến với gia đình, tên là Trần Báo, người thấp lùn, nhìn kỹ hao hao giống mẹ tôi, đó là cậu ruột tôi. Tên thật là Ngô Chính Học. Cậu không ở hẳn với gia đình, cậu hoạt động ở Xiêm, nay vì công việc sang Trung Quốc và cũng rất thạo tiếng Trung Quốc. Về sau tôi được biết chú Lý Quang Hoa rất ghét cậu tôi cũng như rất ghét chú Đặng Xuân Thanh, đều gọi hai người đó là đặc vụ Quốc dân đảng Trung Quốc. Thật hư thế nào không rõ, nay đọc "Giọt nước biển cả" cũng thấy ông nói hai người không ra gì.

Sau khi cậu tôi đến Trường Sa, tôi thấy chị tôi thỉnh thoảng về Trường Sa có việc. Đến khoảng tháng 2, tháng 3 năm 1938, nghĩa là sau Tết âm lịch, cả nhà kéo nhau ra khách sạn ăn cơm. Mẹ nói với tôi chị sẽ đi học xa, đây là bữa cơm tiễn chị và chú Cao Hồng Lĩnh. Bữa cơm có năm người của gia đình và các chú Văn, chú Trụ, chú Hoa, cậu Trần Báo và chú Cao, tất cả khoảng mười người. Gần cuối bữa ăn, cậu Trần Báo bảo: "Đến giờ rồi, chúng ta đi thôi!". Chị tôi và anh Tân Dân đứng phắt dậy, chú Cao và mọi người cùng đứng dậy theo. Nghĩ đến việc phải xa chị, tôi bật lên khóc nức nở, khiến chị tôi bịn rịn ôm tôi. Cậu Báo giục, chị đành buông tay ra, tôi lại càng khóc to hơn... Mãi về sau, tôi mới biết chị và chú Cao đi học ở vùng Thiểm Bắc,



chính cậu tôi giới thiệu hai người với ban liên lạc của Đảng Cộng sản Trung Quốc (đó là bộ phận bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức các thanh niên tiến bộ đi học chính trị và quân sự ở khu đò). Học có một năm thôi, nhưng vì tôi nhớ chị, cảm thấy lâu lắm. Nhiều khi ở vùng quê, tôi ngắm nhìn những hòn núi xa xa thấy cây lay động trong gió, tôi tưởng tượng chị tôi đang vượt qua núi đó để về với tôi, và thốt thức rên lên: "Chị ơi, về với em"...

Sau khi chị tôi đi một thời gian, chẳng hiểu cha mẹ và cậu bàn bạc thế nào, cậu đưa hai mẹ con tôi đi Quảng Châu. Cha và chú Hoa, chú Văn ở Trường Sa, anh Tân Dân vẫn ở Ích Dương với đơn vị.

Chúng tôi đi bằng xe lửa. Dọc đường mẹ nói thủ thỉ với tôi: "Quảng Châu là một thành phố to rộng, có nhà cao đến 11, 12 tầng. Người đông, đường phố rắc rối và có nhiều mẹ mìn. Đến Quảng Châu, con đừng đi lung tung, đừng tin ai ngoài đường, nếu chẳng may lạc đường thì con đến tìm công an". Bà sợ tôi quên, nói đi nói lại nhiều lần. Tôi hỏi: "Mình đi Quảng Châu làm gì hả mẹ?", "Vì chạy giặc Nhật liên miên, không có chỗ ở cố định, ảnh hưởng việc học của con. Thầy mẹ và cậu bàn nhau đưa con đến ở Hồng Kông để ổn định việc học hành. Hàng tháng, thầy sẽ gửi tiền qua bưu điện cho mẹ con mình". Nghe viễn cảnh có vẻ thích thú. Một năm qua, từ 1937 đến 1938, tôi chơi suốt, chẳng học hành gì được. Đến Quảng Châu (thời đó đứng sau Thượng Hải và Thiên Tân), tôi thấy đúng là một thành phố hiện đại, đường phố rộng, các nhà gạch từ hai tầng trở lên (Trường Sa đa số nhà một tầng, xây kiểu cổ) xây theo kiểu phương Tây. Có một số khách sạn hiện đại cao hơn mười tầng (tôi không nhớ rõ). Tầng dưới cùng là hầm bê tông cốt sắt. Mỗi lần báo động, nhân dân quanh đó đến trú ẩn. Chỗ ở của gia đình tôi trong "Hội quán Hoa kiều" (nghĩa là cậu tôi có mối quan hệ với các "hội quán" ở Quảng Châu hay ở Hồng Kông...). Chúng tôi ở một phòng tầng hai, tầng một là trường tiểu học Tế Thời. Chúng tôi đến cuối tháng 8, đầu tháng 9 tôi vào học lớp ba (nghĩa là nhảy cóc) không phải vì tôi học giỏi, mà tôi bị ép học theo tuổi. Về mặt chữ

tôi theo kịp, vì ở nhà vẫn học chữ, nhưng về toán là một vấn đề khá khó khăn vì tôi chưa biết làm các phép tính nhân và chia. Do đó tôi học không được hào hứng lắm, nhưng vẫn giữ nề nếp ngày hai buổi đến lớp. Mặt khác, còn có một khó khăn trong học tập đó là ở đây học bằng tiếng Quảng Đông, thầy giảng trên lớp tôi chẳng hiểu gì, do đó sự học càng ù ù cạc cạc, lơ mơ hơn. Các bạn học chỉ số nào biết nói tiếng phổ thông mới chơi với tôi, vì tôi không biết nói tiếng Quảng Đông. Con bạn ngồi cùng bàn rất quý tôi, chơi và giúp tôi đọc bài "Quốc văn" bằng tiếng Quảng Đông. Tôi phàn nàn với mẹ, bà bảo: Không sao, đây là cơ hội để tôi tập nói tiếng Quảng Đông để khi đến Hồng Kông học chính thức sẽ dễ dàng hơn. Tôi hỏi: Khi nào mình đi Hồng Kông? Bà trả lời còn chờ. Chờ ai? Tại sao phải chờ? Thì không thấy bà trả lời.

Một buổi trưa, cô bạn gái đến rủ tôi đi mua bút chì. Nhưng khi đó đã 12 giờ 20 rồi, 1 giờ đúng thì lên lớp. Tôi ngần ngại không muốn đi, sợ không kịp về học, bạn đó khẩn khoản rủ đi cùng cho vui, hứa không trễ giờ học. Tôi nể quá đi theo. Trường Tế Thời tiểu học ở trong một ngõ hẻm rất dài, ra cổng rẽ trái ra phố lớn, trước mặt là "Ái Quần Lữ Xã", tôi sẽ dễ nhận ra đường, nhưng cô bạn dẫn tôi rẽ phải, đi ngược chiều và đường đi ngoặt ngoẹo, song tôi rất chú tâm theo dõi đường đi ngoặt sang phải, ngoặt sang trái rồi đến một phố lớn rẽ phía trái... Đi rất xa và lâu, cô bạn vẫn chưa mua được cái bút vừa ý. Nhìn lên đồng hồ treo tường của cửa hàng thì đã 1 giờ kém 10, tôi đòi về, cô bạn động viên tôi đi tiếp, nhưng tôi lắc đầu. "Thế mà có nhớ đường không?". Ngần ngại một lúc tôi trả lời có. Vì mẹ tôi vẫn nói tôi là đứa trẻ nhớ đường giỏi, và lại khi đi mình đã quan sát cẩn thận rồi. Thế là hai đứa chia tay. Tôi quay về đường cũ theo trí nhớ, nghĩa là khi đi rẽ trái thì khi về rẽ phải, khi đi rẽ phải thì bây giờ rẽ trái. Rẽ đi, rẽ lại đi mãi chẳng tìm thấy Hội quán Hoa kiều - Tiểu học Tế Thời. Tôi bắt đầu hoảng trở về đường cũ, bụng bảo dạ, có lẽ có nhiều ngõ, mình rẽ nhầm ngõ chẳng, thế là rẽ vào một ngõ khác, rồi lại một ngõ khác nữa, loanh quanh càng đi càng lạc lung tung, ngõ nào cũng không tìm thấy nhà mình, tôi bắt đầu chảy nước mắt, mồm kêu lẩm bầm: "Trời phạt mình", vì tôi ở nhà hay cãi mẹ, thế là bất hiếu... hứ, hứ, hứ...

Khi đó tôi đi trên một phố lớn, thấy người lớn kẻ đi người lại tấp nập, nhưng chẳng biết ai ngay ai gian, cho nên không dám hỏi. Một ông ăn mặc sang trọng, đeo kính, đội mũ phớt đi ngược phía tôi, thấy tôi khóc, ông ấy hỏi: "Tiểu bằng hữu (cô bạn nhỏ), tại sao em khóc?". Thần kinh tôi căng thẳng, nghĩ thầm "ăn mặc sang thế chắc gì là người tử tế!", tôi lừ lừ mắt nhìn ông ta. Chắc rằng bộ dạng một bé gái 8 tuổi, nước mắt đầm đìa mà lại lừ lừ mắt với dáng người lớn trông buồn cười lắm. Ông ta bật cười rồi bỏ đi. Tôi đi mãi đến một ngã tư, thấy có công an đứng ở bực giữa đường, tôi đành đến tìm công an như mẹ đã dặn. Khốn nỗi, tôi lại nói nhầm tên trường là "Trung Sơn tiểu học". Một anh công an khác thấy tôi nói tiếng phổ thông biết là không phải người Quảng Châu, anh tỏ vẻ thông cảm và đích thân dẫn tôi đến trường "Trung Sơn tiểu học". Tôi thấy lạ hoắc, lắc đầu. Anh ta bảo "Đây chính là Trung Sơn tiểu học". Tôi lắc đầu quây quây, và cũng chẳng nhớ trường mình đang học là trường gì nữa. Anh công an đó đành đưa tôi quay về bực công an, trao đổi bằng tiếng Quảng Đông với anh công an kia rồi dẫn tôi đi một quãng đường xa về đồn công an khu phố, vừa khi đó thì có còi báo động. Một nữ công an rót cốc nước lọc cho tôi uống, bảo: "Đang báo động, em cứ ở đây, rồi các anh chị sẽ tìm và đưa em về nhà. Đừng sợ nhé". Tất nhiên, khi vào đồn công an, tôi thấy vững dạ, nhưng không khỏi băn khoăn vì không biết khi nào mới gặp được mẹ và cậu. Mãi đến hơn 5 giờ chiều, thấy một công an dẫn mẹ, cậu và một chú Hoa kiều đến nhận diện tôi. Nỗi sung sướng tìm thấy mẹ thì khỏi nói là sướng vô cùng tận. Sau đó cậu tôi và chú Hoa kiều khai báo, ký tên v.v... rồi cả nhà dắt tôi về.

Khi cô bạn về trường không thấy tôi đâu, đoán chắc tôi bị lạc đường, nó báo với cô giáo chủ nhiệm và mẹ tôi. Mẹ, cậu và chú Hoa kiều đánh điện đến các đồn công an hỏi trẻ lạc, lại vừa hay có báo động, mãi sau mới gọi được tới đồn công an tôi đang trú chân, và mọi người kéo nhau đến xem có phải Mộ La đang ngồi chờ ở đồn công an không. Khi về tới nhà trời đã sẫm tối. Đây là một kỷ niệm khó quên...

Chúng tôi ở Quảng Châu vừa được một tháng, nghĩa là khoảng cuối tháng 9, tình hình chiến sự rất phức tạp, Nhật sắp đánh tới Quảng Châu. Không hiểu vì lý do gì, chúng tôi cũng chưa thể đi Hồng Kông được. Mọi người vẫn cho rằng Hồng Kông là tô giới Anh, chắc rằng Nhật không đánh Hồng Kông, vì vậy muốn đưa tôi về học ở Hồng Kông. Nhưng bây giờ cậu tôi với các chú Hoa kiều đang mua vé để trở về Trường Sa. Nhưng không sao mua được vé. Một buổi chiều, khoảng 4, 5 giờ, cậu và hai chú Hoa kiều vác hành lý đồ đạc để đưa mẹ con tôi ra ga. Đi được khoảng ba trăm mét, thấy có tiếng gọi đuổi sau lưng, ngoảnh lại thấy chị Trầm Huệ Phượng chạy tới đưa bức thư của chị tôi. Khi chia tay, chị cứ rơm rớm nước mắt. Mẹ tôi động lòng trắc ẩn: "A Phượng, mày có muốn đi với chúng tao không? Nếu tao có cơm mày ăn cơm, tao có cháo mày ăn cháo, dám cùng cam cộng khổ, cùng hoạn nạn thì mày đi với tao". Chị ấy gật đầu lia lịa, rồi chạy về nhà xách một va ly mây cầm tay đi theo chúng tôi ra ga. Năm đó chị 17 tuổi. Dọc đường, cậu phàn nàn: "Mình còn chưa biết nắng mưa ra sao, còn chưa biết có lo được cho mình hay không, chị lại còn đèo bè thêm người dưng nước lã...". Mẹ tôi nói: "Chị nó bỏ nó về Hồng Kông một mình, nó về ngoại thành ở với họ hàng xa, mai kia Nhật vào Quảng Châu, thân con gái... biết rồi sẽ ra sao?". "Nói như chị thì phải thương hết tất cả những đứa con gái khác có số phận như nó, liệu chị có làm được không?". Mẹ tôi im lặng. Về đến Trường Sa, chú Lý Quang Hoa cũng ca cẩm như cậu tôi, chỉ riêng cha tôi im lặng. Sự đã rồi, nay không thể mang con bỏ chợ được, thế là chị Trầm Huệ Phượng, một cô gái Trung Quốc, sống giữa đại gia đình người ngoại quốc - Việt Nam, bằng lương của cha tôi. Cảm kích tấm lòng của ông bà, chị gọi cha mẹ tôi bằng "papa, mama", và chị là con người có suy nghĩ và tình nghĩa thủy chung.

Về Trường Sa cũng phải di chuyển, bạn của anh Lê Tân Dân đưa chú Quốc Trụ, mẹ, chị Phượng và tôi về Hoàng Bình, một thị trấn gần tỉnh Quý Châu. Về đó một thời gian, cha tôi vì ốm, coi như bệnh binh, cơ quan cho nghỉ công việc đi theo gia đình về Hoàng Bình, có cả cậu tôi, chú Hoa và chú Văn. Chú Trụ ở trong đơn vị bộ đội, ngày ngày về nhà ăn cơm với gia đình.

Nhưng cuối năm 1938, gia đình tôi về hẳn thành phố Quý Dương, thủ phủ của tỉnh Quý Châu.

\*\*\*

Quý Dương là một thành phố thanh bình, người ở thưa thớt. Ở đó có một ông Việt kiều họ Đỗ từ Vân Nam về Quý Dương lập nghiệp. Ông Đỗ sở hữu một ngôi nhà to rộng mái ngói một tầng trong một ngõ vắng. Ở ngoài phố, ông có một cửa hàng to bán các loại bánh kẹo do ông sản xuất, người bán hàng kiêm kế toán chính là chị Lý Phương Thuận. Chị làm việc và ở đó nuôi hai con gái nhỏ Bùi Lệ Tân và Bùi Lệ Lan. Còn chồng chị làm việc trong cơ quan quân nhu của một đơn vị Quốc dân đảng Trung Quốc, thỉnh thoảng mới về thăm vợ con.

Ông Đỗ không hoạt động chính trị, ông chỉ là một thương nhân trọng nghĩa khí. Gia đình vợ chồng ông Vũ Hồng Khanh thuê hai phòng của ông Đỗ. Ngoài ra, hai ông bà thuê một ngôi nhà mặt phố (gồm hai tầng) mở cửa hàng giặt là khô và khâu mạng hàng len dạ. Chú Trụ vốn quen ông Đỗ ở Côn Minh đến liên hệ xin ở nhờ. Vì ông Đỗ được nhiều người truyền tụng về tính hào hiệp, nuôi dưỡng những người Việt Nam ở Nam Kinh của cụ Hồ Học Lãm, nay gia đình chạy giặc Nhật đến xin ở nhờ một thời gian, ông Đỗ cho ở ngay. Và lại, nay được biết cụ Hồ Học Lãm mắc bệnh nặng, gia đình có khó khăn, do đó ông cho ở không lấy tiền thuê. Về đây một thời gian ngắn, chị Phương xin vào một trường đào tạo hộ lý, do đó, chị bắt đầu thoát ly khỏi gia đình vì biết kinh tế cha mẹ tôi có khó khăn. Sau đó chị phục vụ trong một bệnh viện, năm đó chị 18 tuổi. Trước khi đi học chị nói chuyện với mẹ tôi: "Nay con cũng 18 tuổi rồi, cũng phải học một nghề để tự lập, papa, mama già rồi, không thể nuôi con mãi được". Chị sống với chúng tôi khoảng một năm, quen mấy sĩ quan tiến bộ, con người chị trở nên tự tin hẳn. Thời gian chị đi học, cha tôi đang trên đường theo quân y viện về Quý Dương với sự hộ tống của cậu, chú Hoa và chú Văn. Vì quân y viện cũng có khó khăn về phương

tiện di chuyển, các bệnh nhân và gia đình di chuyển theo từng địa điểm đóng quân của bệnh viện, do đó vài tháng sau cha tôi mới về Quý Dương và nằm trong bệnh viện. Chú Hoa, Văn, cậu đến báo tin. Chú Trụ đưa mẹ và tôi đến thăm. Trông cha tôi rất tiêu tụy, bụng to như đàn bà chữa, nhưng chân tay khẳng khiu, ngồi trên giường gãi sồn sột, kêu ca rận rệp hành hạ ông. Hôm sau mẹ tôi và chú Trụ mang áo quần sạch đến cho cha tôi thay, còn toàn bộ chăn màn áo quần (cá nhân) đem về nhà, chú Trụ mượn chảo gang to, đun nước sôi nhúng. Vì lúc đó mùa đông (cuối 1938), cha tôi mặc áo dày mùa đông, cho nên rận rệp làm ổ trong áo. Song, tuy đỡ phần nào, nhưng giường gỗ mới là ổ rận rệp, hết lớp này đến lớp khác tiếp tục hành hạ cha tôi. Hàng ngày chú Trụ mang những thức ăn do mẹ tôi nấu có dinh dưỡng hơn đưa vào cho cha tôi. Bác sĩ gặp gia đình thông báo "Hồ Học Lãm tiên sinh suy tim nặng, gan cũng yếu, do bệnh hen lâu năm gây ra. Nay các dinh dưỡng không chuyển hóa thành máu được, tích nước trong bụng gây khó thở. Bây giờ chúng tôi mở một mũi nhỏ để hút nước trong bụng ra. Cứ 3 tháng phải tiểu thủ thuật một lần. Sau khi tiểu thủ thuật xong, tiên sinh có thể về gia đình tĩnh dưỡng. Tránh hoạt động và xúc động, chỉ nên nằm bất động trên giường bệnh. 3 tháng sau lại đến khám và chữa bệnh...". Sau một lần tiểu thủ thuật, cha tôi mệt mất một tuần nằm bất động. Về nhà, chú Trụ và chú Văn nấu nước lá tắm rửa sạch sẽ cho cha tôi, lại thay toàn bộ áo quần chăn màn. Nửa tháng sau, tinh thần và sức khỏe của cha tôi bắt đầu khởi sắc. Mẹ tôi cố sắc vài chục thang thuốc Bắc cho cha tôi uống. Là trẻ con nhưng tôi rất có thiện cảm với mùi thuốc Bắc vì nó thơm thơm, nhưng tôi sợ phải uống. Thấy cha chịu khó uống, tôi lấy làm phục lắm.

Gia đình tôi bốn người (về sau các chú Hoa, Văn và cậu đều rời khỏi Quý Dương), chú Trụ chuyển sang ăn cơm chung với gia đình ông Vũ Hồng Khanh. Gia đình này có cô em vợ chuyên lo bếp núc, do đó chúng tôi đóng tiền ăn chung. Các bữa ăn cũng thơm tất, ngon lành, mỗi bữa cha tôi ăn được hai lưng bát với ít món ăn thêm để bồi dưỡng sức khỏe. Quý Dương như một đại hậu phương, mọi người có thể ở yên ổn hơn và tôi đi học ngày hai buổi.

Bây giờ tôi cũng không nhớ mình học lớp mấy, nói chung học lớp thấp hơn so với tuổi, vì tôi đã bắt đầu 9 tuổi, nay tính lại có lẽ là học lớp hai? Nghĩa là tiện lớp nào vào học lớp ấy.

Tôi nhớ là khoảng tháng 3 năm 1939, một buổi chiều đi học về, không thấy cha mẹ đâu, hỏi thím Khanh, bà bảo: "Thím không biết, chắc là đi chơi đâu đó. Thôi đến giờ ăn cơm rồi, cháu cứ ăn đi..." Tôi òa lên khóc nức nở, nhất định không chịu ăn uống gì. Bà Khanh hết lời khuyên giải không được. Bà bưng cơm vào phòng ngủ cho, tôi cũng nhất quyết không ăn, chỉ gào khóc ầm ĩ, và trong bụng lo thực sự. Nhưng khóc mãi cũng mệt rồi tôi ngủ thiếp đi. Đang ngủ say nghe tiếng nựng của mẹ, tôi ôm choàng lấy mẹ vừa mừng vừa tủi lại khóc òa lên. Bà Khanh kể chuyện về tôi mà ôm bụng cười: "Cháu vừa khóc vừa nói: "Trời ơi là trời, có con chị thì bỏ đi xa; bây giờ chỉ còn con mẹ và thằng bố cũng bỏ đi nốt, cháu biết ở với ai bây giờ?...".

Mẹ tôi cười theo làm tôi xấu hổ. Bà nói: "Ông Hồ thấy người khỏe khỏe ra ngoài đi cắt tóc, vừa hay tôi và ông gặp hai vợ chồng người bạn Trung Quốc chơi thân nhau ở Nam Kinh, thế là bốn người rủ nhau đi ăn và trò chuyện", "Thì em cũng bảo cháu thầy mẹ cháu đi chơi một lúc rồi sẽ về, nhưng cháu nhất định không tin và bỏ ăn....".

Chiều hôm sau, cơm tối xong, mẹ dắt tôi ra phố vào một quán trọ và gõ cửa một phòng. Tôi sững sốt thấy chú Liễu và chú Thước ra mở cửa đón chúng tôi vào. Mẹ tôi nói: "Bây giờ chú Liễu gọi là chú Phùng Chí Kiên nhá. Về nhà cấm không được cho ai biết mình gặp hai chú nhá". Hai chú cho tôi một thỏi sôcôla. Câu chuyện của mẹ tôi làm tôi không hiểu đầu cua tai nheo như thế nào, chỉ thấy bà nhắc đi nhắc lại: "Ông Hồ bị suy tim nặng, sống chết thế nào không lường được. Ông ấy nhớ Diệc Lan lắm, nhưng là đàn ông cho nên ông không hé một lời nào với các anh, nhưng tôi biết tâm sự của ông ấy. Hai vợ chồng chúng tôi đã nói rồi, Diệc Lan là người của các anh, các anh sử dụng nó thế nào tùy yêu cầu của cách mạng, chúng tôi quyết không dám giữ,

chỉ xin các anh một điều, trước khi nó đi, cho nó về thăm cha một lần...". Anh Liễu cười: "Diệc Lan vẫn ở Lão Hà Khẩu với Tân Dân, đã về Côn Minh đâu? Nếu về Côn Minh thế nào cũng đi qua Quý Dương, Diệc Lan thế nào cũng ghé thăm cụ và chị mà, chị cứ yên tâm đi...". Nhưng mẹ tôi nhất quyết không tin lời chú Phùng Chí Kiên. Mẹ tôi cứ nói đi nói lại, chú Kiên cứ thanh minh hoài, còn tôi cứ suy nghĩ, chị sẽ đi đâu? làm gì, tại sao lại không về thăm nhà được mà mẹ tôi phải nhắc các chú điều đó?

Ít lâu sau, mẹ tôi mới kể cho tôi nghe: Hôm tôi khóc nức nở vì không thấy cha mẹ đâu, chiều hôm đó khoảng 3 giờ, cha tôi nằm ốm lâu ngày quá, nay thấy khỏe khỏe được một chút bèn đi thật chậm rãi ra phố cắt tóc, sau đó đứng đọc các báo trên bảng ở hè phố (ở nhà vẫn đặt nhật báo, cha tôi vẫn không bỏ thói quen đọc báo. Trung Quốc có thói quen dựng bảng gỗ to trên hè phố, trên đó hàng ngày dán các loại báo lớn để nhân dân có điều kiện tìm hiểu tin tức thời sự hàng ngày). Bỗng thấy có người vỗ vai sau lưng, ngoảnh đầu lại thấy chú Thước và chú Phùng Chí Kiên. Cha tôi vô cùng mừng rỡ, hai chú hỏi cha tôi ở đâu? Ông trả lời: "Nơi tôi ở các anh không đến được, vợ chồng Vũ Hồng Khanh đang ở đó. Thôi chúng mình kiếm một quán ăn vừa ăn vừa nói chuyện". Khi ba người đang đi kiếm quán ăn thì vừa gặp mẹ tôi ở đầu kia đi lại, do đó bốn người kéo nhau vào một quán bình dân ăn cơm, trò chuyện với nhau (chuyện gì thì mẹ tôi không kể). Mãi đến 8 giờ tối mới chia tay nhau, do đó về nhà muộn.

Từ lâu, hồi còn ở Nam Kinh, tôi được nghe tên Nghiêm Kế Tổ, Vũ Hồng Khanh, nghe chuyện bọn Quốc dân đảng Việt Nam ở Côn Minh làm nhiều xằng bậy và họ rất ghét cộng sản. Do đó tôi hiểu ngay chuyện cha mẹ tôi muốn bảo vệ ông Phùng Chí Kiên và ông Thước, còn câu chuyện gặp bạn Trung Quốc là chuyện đánh lạc hướng...

Rồi mẹ tôi nói chuyện các chú viết thư gọi chị tôi và chú Cao Hồng Lĩnh về Côn Minh nhận nhiệm vụ. Chị tôi viết thư về cho hai ông bà rằng khoảng



đầu năm 1939, hai người sẽ từ Lão Hà Khẩu (nơi đóng quân của anh Tân Dân) về Côn Minh, thế nào cũng sẽ đi qua Quý Dương, do đó chị hẹn sẽ về thăm nhà ít hôm. Nay đã tháng 3 rồi mà chẳng thấy chị đâu. Mẹ tôi hay nằm mê thấy có người báo "nếu muốn gặp con gái hãy đến nhà trọ tìm...". Do đó bà bảo hầu như ngày nào bà cũng đến các nhà trọ loại tầm tầm tìm hai người mà không gặp, mẹ tôi nghi các ông không cho chị tôi về thăm nhà, sợ gặp cha ốm rồi bịn rịn không ra đi được (Mẹ tôi là con người hết sức nhạy cảm, lắm khi nhạy cảm đến mức tâm thần. Thực ra bà cũng đã mắc chứng tâm phân lập nhẹ rồi). Cùng với những giấc chiêm bao, bà suy đoán nhiều khi làm mọi người giật mình vì sự lập luận có lý của bà.

Khi gặp hai ông bà, ông Phùng Chí Kiên cho biết họ đang ở Côn Minh, đến Quý Dương đón một đồng chí nhưng không gặp. Dặn hai ông bà sau này có việc gì cần liên hệ, thì đến Côn Minh gặp Trịnh Đông Hải. Sau khi ông Phùng Chí Kiên về Côn Minh được vài ba tháng gì đó (khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7, vì tôi bắt đầu nghỉ hè) cha tôi nhận được thư của ông Trương Bội Công. Tôi còn nhớ như in, khi mẹ và tôi ra phố trở về nhà, hai mẹ con đang định leo lên gác xép thì cha tôi gọi giật lại: "Bà Hồ ơi, bà đến đây, có bức thư lạ lắm". Mẹ tôi quay lại ngồi bên giường cha tôi, còn tôi đi theo và đứng cạnh mẹ. "Trương Bội Công rủ tôi về Quảng Tây cùng hoạt động cách mạng, bà đọc thư đi". Sau khi mẹ tôi đọc xong thư, ông nói tiếp: "Như bà cũng biết đấy, mấy chục năm qua ông ta tránh gặp mặt các anh em yêu nước, không gặp gỡ bất cứ một ai. Ông ta vào Quốc dân đảng Trung Quốc, nay được lên cấp thiếu tướng. Nay bỗng giở giọng yêu nước thăm thiết, kêu gọi mình về Quảng Tây cùng hoạt động cứu nước, thật là một việc lạ!", "Thế ông tính sao?", "Để mình viết thư thăm dò cái đã xem sao". Ít lâu sau cha tôi nhận được thư trả lời. Đại ý bức thư Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê yêu cầu ông ta tập hợp lực lượng thanh niên Việt Nam yêu nước để tổ chức đội ngũ, "lần nữa khẩn khoản cha tôi về cùng hoạt động". Cha tôi nói: "Bà nghĩ sao?". Mẹ tôi trả lời: "Ở hải ngoại ai cũng biết tiếng ông, quý mến ông, Trương Bội Công muốn lợi dụng uy tín ông...", "Vấn đề hẳn là chỗ

Tướng Giới Thạch có chỉ thị cho Trương Phát Khuê về việc này. Báo chí không phản ánh hết mọi tình hình thời sự, chắc tình hình thế giới có sự biến động gì đây, cho nên Tướng đã trù tính chuyện Hoa quân nhập Việt. Họ tính việc này, thế nào cũng sẽ có dự trù kinh phí. Trương Bội Công nhân cơ hội này vừa đầu cơ chính trị, vừa kiếm chác cho mình. Điều quan trọng đừng để họ nắm lực lượng thanh niên yêu nước của mình...", "Thế ông tính làm sao?", "Phải viết thư báo ngay cho Phùng Chí Kiên biết tin này, và đề nghị các anh chuyển địa bàn hoạt động về Quảng Tây. Tỉnh trưởng kiêm Tư lệnh trưởng Vân Nam là Long Vân, hẳn là quân phiệt cũ rất phản động. Bề mặt hẳn là quân dưới trướng của Tướng, nhưng hẳn ngấm ngầm chống Tướng. Hẳn chưa bao giờ tỏ ra có thiện cảm với cách mạng Việt Nam. Đành rằng Côn Minh - Lào Cai có con đường sắt, thuận lợi cho đường đi lại, nhưng không thuận lợi về chính trị. Với tình hình này, các anh về Quảng Tây có lẽ có lợi hơn... Bà có muốn gặp Diệc Lan không? Có chứ gì? Vậy nhân việc đưa thư tôi cho anh Phùng Chí Kiên, bà về Côn Minh một chuyến, may ra sẽ gặp Diệc Lan... Tôi sẽ bảo Trụ đưa hai mẹ con về Côn Minh. Tôi ở đây nhờ vợ chồng Vũ Hồng Khanh giúp đỡ". Thế là ba chúng tôi về Côn Minh vào khoảng đầu tháng 9 (nghĩa là tôi lại bỏ học). Chú Trụ bố trí chúng tôi ở chung với vợ chồng chú Trình và cô Hiền.

Một buổi chiều sau bữa cơm tối, chú Trụ nói điều gì với mẹ tôi. Bà dắt tôi ra đầu phố, dưới bóng đèn lờ mờ gặp một người đàn ông cao lớn, tiếng nói to ấm, đó là chú Trịnh Đông Hải (hồi thành lập Mặt trận Việt Minh năm 1936, chú có về nhà tôi ở một thời gian ngắn). Có sẵn hai xe kéo, chúng tôi (ba người) ngồi xe vào một phố giữa trung tâm Côn Minh, kẻ qua người lại đông đúc và huyên náo. Sau khi xuống xe, lại đi một quãng đường xa rồi chú Hải đưa hai mẹ con chúng tôi vào một quán trà ồn ã. Vào sau một bàn thấy chú Phùng Chí Kiên ngồi sẵn đó đón, chúng tôi ngồi xuống uống trà trò chuyện. Mẹ tôi kín đáo đưa bức thư của cha tôi cho chú Kiên rồi hàn huyên, rồi lại nhắc đến chuyện muốn gặp mặt chị Diệc Lan. Còn chú Kiên nhất quyết thanh minh Diệc Lan vẫn còn ở Lão Hà Khẩu với Lê Tân Dân...

Trước khi ra về, mẹ tôi nói: "Mọi tình hình ông nhà tôi viết rõ trong thư rồi, có nhấn mạnh với tôi là: Thời cơ hoạt động đã đến, các anh nên chuyển địa bàn hoạt động...". Sau đó chú Hải đưa hai mẹ con tôi về tận nhà. (Đó là khoảng giữa tháng 10-1939).

Cuộc sống cứ trôi một cách phẳng lặng, tôi cứ việc chơi với các bạn Việt kiều và Trung Quốc, chẳng học hành gì cả. Giữa tụi trẻ con chúng tôi cũng có sự cãi cọ. Khi mấy bạn Trung Quốc không bằng lòng chúng tôi, cứ chửi chúng tôi là "vong quốc nô" (đồ mất nước). Tôi tức lắm, nhớ đến câu mẹ nói: Trung Quốc chẳng qua đất rộng, bỏ đất cho Nhật bằng mất nước mấy chục lần Việt Nam, tôi gân cổ chửi lại: "Chúng mày cũng là vong quốc nô", nhưng chúng nó ngạc nhiên, cãi "mất đâu mà mất, mày chẳng đang ở trên đất nước tao là gì?". "Ừ nhỉ", bụng bảo dạ vậy nhưng vẫn cứ chửi bừa: "Mày bảo chúng tao là đồ mất nước thì chúng mày cũng thế". Hai bên cãi nhau từ 7 giờ tối đến 8 giờ tối, bất phân thắng bại, cuối cùng hai bên đều mỗi mồm, ai về nhà nấy.

Lại một buổi chiều đầu tháng 11, sau bữa ăn, chú Trụ thăm thì điều gì với mẹ tôi, bà lại dắt tôi ra đầu phố gặp chú Trịnh Đông Hải. Hai người nói điều gì đó rồi ba người lên hai chiếc xe kéo. Tôi nghĩ chắc lại đi gặp chú Phùng Chí Kiên. Nhưng lần này xe đi vào những phố vắng, tôi hỏi mẹ: "Đi đâu thế mẹ?", "Đi gặp chị!", "Gặp chị?". Tôi không tin ở tai mình nữa, ngỡ là chiêm bao. Trong các giấc mơ tôi thấy chị nhiều lần, sững ơì là sững, tỉnh dậy chẳng thấy chị đâu. Do đó, trên đường đi tôi vừa hỏi mẹ: "Có thật không?" vừa lấy tay cấu thật đau vào người để kiểm chứng xem có phải chiêm bao không. Đến một nhà trọ giữa phố vắng, chú Hải đưa hai mẹ con lên tầng hai, gõ cửa thì thấy chị tôi ra mở cửa, mặt mũi tươi cười. Tôi ôm chầm lấy chị. Chú Hải ngồi một lúc thì ra về. Thế là lại được nằm cạnh chị, tất nhiên chị tôi nằm giữa, mẹ nằm ngoài, tôi nằm trong sát tường. Đêm hôm ấy ba mẹ con thức khuya lắm vì trò chuyện.

Khi chú Hải vừa đi khỏi, mẹ tôi hỏi: "Hành lý con đâu?... Về từ hôm nào?". Chị tôi chưa kịp trả lời, bà đã mở tủ áo ra, thấy trong tủ chỉ có một va ly con xách tay thôi, bà hỏi tiếp: "Áo quần, chăn màn đâu mà chỉ có một va ly xách tay thế này?". Chị cười ngượng nghịu trả lời: "Con về sáng qua, đồ đạc đang để ở nhà người bạn gái". Mẹ cười tùm không nói gì nữa.

Nằm trên giường chị kể chuyện dọc đường đi vất vả làm sao, vì ô tô khách không ghé qua Quý Dương, cho nên không vào thăm cha được v.v... và v.v... Mẹ tôi cứ để cho chị tôi kể. Chị kể như lắp lổ trống, cuối cùng câu chuyện của chị cũng kết thúc. Mẹ tôi nói mà tôi sững sờ: "Con về Côn Minh lâu rồi, đi qua Quý Dương sợ thầy mẹ giữ cho nên không dám ghé thăm nhà...". Chị tôi hết lời thanh minh. Tôi cũng chẳng hiểu ai phải ai trái. Ngày hôm sau, chị bảo: "Con sẽ đến nhà bạn con lấy hành lý, đồ đạc và thu xếp một số công việc, khoảng một tháng gì đó sẽ về ở hẳn với mẹ và em".

Sau khi chia tay về nhà, mẹ bàn với các chú thu xếp cho một chỗ ở riêng. May gần đó có một căn buồng khoảng 6 mét vuông, đặt vừa được một chiếc giường đôi và một bàn làm việc, va ly áo quần để trên giường, nôi niêu soong chảo để dưới gầm giường và gầm bàn. Hàng ngày hai mẹ con sống với nhau và phấp phỏng ngóng chị về. Vào khoảng tháng 11, chị tôi xách va ly chăn màn về. Thế là ba mẹ con lại được ở bên nhau. Không hiểu vì lý do gì, mẹ và chị dặn, ai có hỏi nói chị là bạn thân của chị tôi, còn chị Diệc Lan vẫn ở Lão Hà Khẩu với chồng. Do đó, chỉ khi nào có ba mẹ con với nhau mới được nói tiếng mẹ đẻ, trước mặt mọi người thì nói tiếng Trung Quốc. Được cái căn buồng đó tương đối biệt lập. Trong láng giềng hàng xóm phần lớn là Việt kiều - họ cũng tưởng như vậy, chỉ riêng chú Trụ, Trình là biết chị tôi.

Ngày trước, mặt chị tôi bầu bĩnh, người tương đối đầy đà, bây giờ trông chị tôi gầy nhom, hai gò má lộ, nước da xanh và hay húng hắng ho. Trước khi ra đi, anh Tân Dân đưa chị tôi một khoản tiền để uống thuốc, vì chị bị sơ nhiễm lao. Buổi sáng, mặt chị tái nhợt, đến khoảng một, hai giờ chiều, hai

con mắt chị sáng long lanh, hai má hây hây màu hồng. Hai, ba giờ sáng chị thường đổ mồ hôi trộm. Thời đó bệnh này coi như bó tay, chỉ điều trị bằng cách ăn uống bồi dưỡng sức khỏe để lui căn bệnh. Mẹ và chị đưa nhau đi khám thầy lang và hàng ngày sắc thuốc uống. Nhờ nghỉ ngơi công việc, ăn uống điều độ, uống thuốc bắc thường xuyên, con bệnh có vẻ lui lui. Nhưng thực ra mầm bệnh vẫn y nguyên, đó là điều tác hại lâu dài sau này.

Ở một thời gian, mẹ phân tích các lý lẽ và nhận xét sắc sảo, cuối cùng chị tôi thú nhận:

"Con về Côn Minh từ hè năm 1939, các anh sợ bị rịn cảnh thầy ốm nặng, khuyên con đi thẳng về Côn Minh. Các anh bố trí con và anh Cao Hồng Lĩnh về Hà Nội đóng giả Hoa kiều để làm cơ sở liên lạc trong và ngoài nước. Không ngờ chưa chuẩn bị xong mọi công việc thì anh Lâm Bá Kiệt và anh Dương Hoài Nam từ trong nước ra, cho biết trong nước bị vỡ cơ sở, nhiều đồng chí bị bắt, do đó tạm thời chưa thể về được. Hai anh Lâm Bá Kiệt và Dương Hoài Nam đều đỗ cử nhân, Đảng bố trí sang Liên Xô học. Trong khi chờ đợi, con được bố trí dạy Trung văn cho các anh. Các anh đã học được ba tháng rồi. Anh Phùng Chí Kiên thấy mẹ thắc mắc về con, vả lại trước mắt cũng chưa có điều kiện về nước, hơn nữa thấy con ốm yếu, các anh bàn nhau cho con về với mẹ một thời gian rồi tính sau. Còn hai anh Nam và Kiệt đang chuẩn bị lên vùng đỏ để Đảng Cộng sản Trung Quốc bố trí đi học Liên Xô, do đó mới có cuộc gặp mẹ ở nhà trọ. Con về kể chuyện mẹ nghi ngờ về cuộc gặp gỡ, các anh cười và lắc đầu bảo mẹ sắc sảo quá..."

Ba mẹ con sống đầm ấm với nhau trong một thời gian khá dài thì có thư của cha tôi viết chuẩn bị về Liễu Châu, các anh Lý Quang Hoa, Cao Hồng Lĩnh đưa cha tôi đi trước. Ít lâu sau nữa, có thư cho biết cha tôi đang nằm ở bệnh viện Quế Lâm, anh Tân Dân cũng đã về đó, giục ba mẹ con chúng tôi đi Quế Lâm. Thế là chúng tôi từ giã Côn Minh và chú Trụ đen đưa chúng tôi về Quế Lâm. Các chú thuê được hai phòng với một gian phòng nhỏ làm bếp ở

tầng hai. Phòng lớn khoảng 16, 18 mét vuông các chú ở, một phòng vừa khoảng 8 đến 10 mét vuông, mẹ và tôi nằm ở một giường đơn, dưới sàn chị và anh Tân Dân nằm. Hai anh chị trò chuyện như đôi chim bồ câu vừa cười rúc rích thú vị. Ít tuần sau đến ngày Tết âm lịch năm Tân Ty, tức đầu năm 1940, anh Tân Dân còn ít tiền đưa các chú sắm Tết. Các chú mua một thủ trâu to tướng về hì hụi cạo lông, lóc thịt, bổ đầu lấy bộ óc, chặt xương và mượn một chảo gang to về ninh xương ngay trong phòng lớn. (Không hiểu các chú kê gác thế nào mà trên sàn gỗ đặt kiềng ba chân, đun củi to bằng cổ tay người lớn, mặc dù nồi xương ninh từ trưa đến bốn, năm giờ chiều mà sàn gỗ không bị cháy).

Đêm ba mươi Tết ngoài trời mưa phùn gió rét. Cả nhà ngồi quây quần. Nếu nhớ không sai, đêm đó có chú Trụ (người chỉ đạo, chủ trì bữa cơm tất niên), Lý Quang Hoa, chú Thước, chú Văn, chú Từ Chí Kiên, anh Tân Dân, bốn mẹ con chúng tôi (tất cả 10 người), chỉ thiếu cha tôi nằm trong viện sống thui thui một mình. Đó là bữa tất niên với món ăn rẻ tiền nhất, nhưng cũng ngon lành nhất, mọi người sì sụp và trò chuyện khiến tôi không thể quên được. Đêm giao thừa pháo nổ râm ran khắp phố. Sáng hôm sau ra cổng thấy ngoài đường toàn xác pháo. Trẻ con đua nhau đi đoàn khắp nơi. Cả nhà kéo nhau sang bên kia sông Ly Giang vào viện chúc Tết cha tôi. Ông kể đêm Ba mươi bệnh viện cũng cho ăn tươi.

Có lẽ Quế Lâm sẽ là chỗ ở lâu dài, chị tôi liên hệ cho tôi học một trường gần nhà. Hàng ngày tôi lại đi học hai buổi, mỗi lần về nhà lại thấy vắng mặt một số chú. Cuối cùng anh Tân Dân cũng đi mất, còn lại chú Trụ và chú Văn. Để gần bệnh viện, trước khi đi xa anh Tân Dân và chú Trụ tìm được một ngôi nhà gỗ hai tầng. Chúng tôi thuê hẳn bốn phòng tầng trên. Ngôi nhà có sân rộng, có một nhà bếp riêng phía sau sân với các công trình phụ. Nhưng anh Tân Dân đi trước khi dọn nhà. Có chú Trụ, Thước, Văn cùng bốn mẹ con về ở đó.

Cấu trúc nhà này theo kiểu truyền thống, hai bên nhà là hai phòng ngủ, ở giữa gồm tiền sảnh và hậu sảnh. Xung quanh tầng hai có ban công, phía trước nhà là đường qua lại, cách đó không xa là sông Ly Giang nước trong xanh chảy êm đềm, xa xa trên sông có một đám đá trồi lên nhấp nhô, nhân dân quanh vùng gọi đó là "đảo Bông". Đúng là giống một đám bông nổi trên mặt nước. Khi nào mùa lũ, nước dâng cao lấp "đảo Bông" và nước đỏ đục ngầu. Có một bến đò gần đó, hàng ngày chở khách hai bên bờ qua lại. Chúng tôi đi đò sang bến bên kia bờ Mộc Long Động. Đi khỏi động là đến cửa sau của bệnh viện, một dãy nhà một tầng nằm ngang trong vườn bệnh viện, trong đó có một phòng khoảng 10 - 12 mét vuông cha tôi nằm đó. Chị Lan đi làm cho một hiệu sách ở bên kia sông, chiều về ghé thăm cha rồi mới về nhà. Tôi hàng ngày vẫn đi học ở trường tiểu học gần đó.

Chị Thẩm Huệ Quần làm y tá vất vả quá, cũng bỏ bệnh viện Quý Dương theo gia đình về Quế Lâm. Chị tìm được chân bán sách ở một cửa hàng sách. Mẹ và chị Diệc Lan bảo về nhà ở, chị nói: "Con có nghề y tá, con biết cách chăm sóc cha, để con về ở trong phòng bệnh cùng cha, vừa để chăm cha vừa để học thêm". Mẹ và chị sợ chị Huệ Quần vất vả, không đồng ý, nhưng chị nhất quyết đòi làm vậy. "Hãy để con có cơ hội hiếu kính papa". Về sau chị lại đi học kế toán 6 tháng và chuyển sang làm kế toán cho một công ty. Ít lâu sau vì bệnh nhân đông, bệnh viện xếp thêm một bệnh nhân nằm cùng cha tôi, chị phải về ở cùng gia đình. Chị là một người sống có tình nghĩa thủy chung. Sau vì một cuộc chạy trốn vì tình, chị đến ở thành phố khác.

Sau này nghe mẹ và chị kể chuyện về bệnh tình của cha tôi như sau: Khi ở Quý Dương, cứ ba tháng cha tôi vào bệnh viện một lần để rút nước trong bụng ra, ông rất mệt và sợ thủ thuật đó. Nhưng nếu cứ để bụng to mãi, chèn ép tim phổi, khó thở. Bệnh viện Quảng Tây ở Quế Lâm là quân y viện lớn nhất của Đệ tứ chiến khu, có phương pháp và thuốc men chữa trị hiện đại, do đó cha tôi không bị thủ thuật đó nữa mà được tiêm một loại thuốc của Mỹ, nước trong ổ bụng sẽ theo đường tiểu tiện ra ngoài, nhờ đó cha tôi đỡ mệt và

người nhẹ nhõm hẳn, tinh thần sáng khoái hơn, đôi mắt đỡ mệt mỏi hơn. Nhưng ông vẫn phải nằm bất động vì tim to.

Trong những đêm ba mẹ con nằm trò chuyện, chị mới kể chuyện như sau:

"Sau khi anh Phùng Chí Kiên nhận được thư cha tôi, anh đọc cho mọi người trong nhóm lãnh đạo ở Côn Minh, trong đó có một lão đồng chí (Mẹ tôi cắt lời chị nói ngay: "Đó là Nguyễn Ái Quốc, chỉ có ông ta được mọi người tôn trọng đến thế. Khi mẹ đi trên phố Côn Minh để tìm xem có tình cờ gặp con không, một hôm thấy một người đàn ông dong dỏng cao, trán rộng và hói, mũi cao và thẳng từ đầu kia đi tới, nhìn thấy mẹ, ông vội kéo sụp mũ phớt xuống và đi nhanh qua người mẹ. Vì gặp bất thần, mẹ hơi ngỡ ngàng, khi định thần, ông ta đã đi khuất rồi. Mẹ ngầm đoán Nguyễn Ái Quốc đang có mặt ở Côn Minh"). Chị tôi nói: "Nếu thế thì con cũng gặp ông cụ trong một buổi họp mặt những người yêu nước; ông có chòm râu cằm thưa thớt. Ông cụ hay nhìn con, quan sát con từ chỗ ngồi xa xa, con cứ tưởng đó là một ông già yêu nước nào đó. (Thật ra đó là cuộc họp chi bộ, chị tôi vẫn giấu gia đình mình là đảng viên).

Sau các anh nhận định tình hình thế giới, trong nước và địa bàn hoạt động, thấy ý kiến và cơ hội mà thầy đưa ra là hợp tình hợp lý. Khi đó anh Lâm Bá Kiệt và Dương Hoài Nam đã ở Quý Dương chờ dịp đi Liên Xô. Cuối cùng các anh quyết định cử người về Liễu Châu tiền trạm, cử Lý Quang Hoa, Cao Hồng Lĩnh đến đón thầy đi Liễu Châu và đánh điện báo Kiệt, Nam về Liễu Châu gặp mặt nhận nhiệm vụ mới. Thế là các anh chia làm nhiều đợt đi về Quảng Tây. (Trong câu chuyện anh Tân Dân kể, tránh nói đến Nguyễn Ái Quốc, để mọi người cứ tưởng mọi việc do nhóm lãnh đạo mà người đứng đầu là Phùng Chí Kiên quyết định - đó là nhằm mục đích bảo mật tung tích của Nguyễn Ái Quốc). Khi thầy về Liễu Châu, các anh đều có mặt ở đấy, và thầy đưa một số các anh Phùng Chí Kiên, Lý Quang Hoa gặp mặt Trương Phát Khuê, Trương Bội Công, giới thiệu họ là thanh niên yêu nước Việt Nam. Ở



đó, cha còn gặp Bạch Sùng Hy, thấy ông bị bệnh tim nặng, hai người viết thư giới thiệu cha về điều trị ở "Quảng Tây y viện" tại Quế Lâm. Do đó các anh đưa cha về Quế Lâm. Mặt khác, các anh cũng không muốn hợp tác với Trương Bội Công, do đó kéo nhau về Quế Lâm".

Khi cha tôi không được chế độ ưu đãi đặc biệt nữa, mẹ tôi bán khoán lằm. Ông bảo: "Năm chung với mọi người càng vui, có người trò chuyện, bà không việc gì phải bán khoán". Ông tỏ vẻ bình thản và vui vẻ, và nói với chị tôi: "Chuyện thầy là chuyện vật, điều quan trọng là các anh về nước, hoạt động tốt là điều thầy mong mỏi nhất".

\*\*\*

Anh Dương Hoài Nam đến với gia đình tôi lúc cuộc sống tương đối chật vật. Chú Trụ là người tháo vát, đảm đang, chú mua một đàn vịt con về nuôi. Đêm nào chú cũng cầm đèn dầu hỏa đi bắt giun cho vịt ăn. Tất nhiên, do tính tò mò, tôi cũng theo chú đi bắt giun. Lúc đầu còn sờ sợ, về sau quen tay, hễ thấy đầu giun lộ ra khỏi lỗ, tôi nắm chặt và rút chúng ra khỏi đất cho vào ống bơ. Những lần bắt được con giun dài béo mẫm thì thích thú lắm. Đi cùng có chú Văn và chú Thước. Chú Trụ muối một vại to dưa cải. Có hôm trên mâm có dưa chua ăn sống, dưa chua xào dầu lạc và dưa chua nấu canh. Cả nhà ăn vẫn rất ngon lành. Đàn vịt mười con, nuôi một chập chỉ còn lại dăm con. Tôi những tưởng khi nào chúng kêu quạc quạc thì mới làm thịt, không ngờ chú Trụ bắt ráo mấy con vịt nhờ vật lông làm thịt, cả nhà được bữa chén tươi. Ít hôm sau, ba chú Trụ, Thước, Văn biến mất, chỉ còn chú Nam ở lại.

Chị tôi hết lời ca ngợi chú Dương Hoài Nam thông minh xuất chúng. Lúc còn ở Côn Minh chị kể:

"Anh Lâm Bá Kiệt nước da ngăm đen, hai mắt sáng với gương mặt xương xương, trông rất đàn ông. Anh ít nói. Còn anh Dương Hoài Nam nước da trắng, gương mặt khôi ngô, thư sinh, tính tình hoạt bát sôi nổi, làm việc suốt

ngày. Hễ anh nghĩ xả hơi, anh liền hỏi chị bằng tiếng Trung Quốc: "Cái này là cái gì? Cái kia gọi là gì v.v..." và chắp nối các từ nói những tiếng Trung Quốc dài và phức tạp. Do tính hiếu học, anh học tiếng Trung Quốc nhanh và giỏi. Con người anh lạ và mới mẻ, có hôm chị đang giặt đồng quần áo bẩn, anh nghĩ xả hơi cũng ngồi xuống cạnh chị, thò tay giặt giúp chị và luôn miệng nói tiếng Trung Quốc. Thấy anh giặt đồ của chị, chị ngỡ ngàng ơ là ngỡ ngàng nhưng anh thân nhiên, vui vẻ trò chuyện với chị bằng tiếng Trung Quốc để cố học được nhiều từ mới. Anh khoe vợ anh rất đẹp và vừa sinh một cháu gái rất kháu khỉnh... Có hôm anh kêu lên: "Chị Lan ơi, tôi nhớ vợ quá". Chị tôi nói với giọng hết sức ngạc nhiên, bởi vì chị tôi sùng bái các vị lãnh tụ của giai cấp vô sản: "Stalin nói: Người cộng sản là con người làm bằng chất liệu đặc biệt, con người thép. Có nghĩa là người vô sản rất "thần thánh", "khác người", không có những tình cảm bình thường". Chính quan niệm của chị tôi cũng ảnh hưởng lớn đến tư duy sau này của tôi.

Một hôm, chị tôi nói: "Đêm qua chị học tiếng Anh đến 11 giờ, anh Dương Hoài Nam thấy đèn phòng chị vẫn sáng, anh gọi: "Chị Lan ơi, chị đi ngủ chưa?... Ra ngoài này cùng trò chuyện một lúc nhé". Chị và anh ấy ra đứng ở ban công, ánh trăng sáng vàng vàng, dòng nước Ly Giang lấp la lấp lánh rất đẹp. Anh kể chuyện hoạt động trong nước, kể chuyện vợ anh cũng tham gia hoạt động. Anh ước chừng con gái anh gần một tuổi, anh mong chóng có ngày giải phóng đất nước, đoàn tụ với vợ con. Anh nói anh thích sử học và chưa thấy trong nước có cuốn sử nào viết hay, vì các sử gia không viết sử theo quan điểm duy vật biện chứng. Nếu nước nhà giành được độc lập, anh sẽ chuyên nghiên cứu sử của dân tộc mình... Chị kể lại với tôi chuyện này với đôi mắt long lanh đầy tình cảm sùng bái. Đó là hè thu năm 1940, chị tôi mới 20 tuổi, tôi vẫn là đứa trẻ 10 tuổi. Chị tôi nói gì tôi cũng hoàn toàn nghe theo chị, tin ở chị, vì tôi sùng bái chị, chị sùng bái những lãnh tụ của giai cấp vô sản, tất nhiên tôi cũng vậy.

Những khi rỗi, tôi chạy đến đứng trước bàn làm việc của chú Dương Hoài

Nam, đứng chăm chú xem chú làm việc. Trên bàn chú có một lọ mực nho đựng loại mực đen, với cán bút và ngòi bút thon nhỏ (khác những ngòi bút thông thường). Bên trái, chú để một cuốn sách dày bằng chữ Trung Quốc, bên phải là tập giấy pơluya màu vàng. Mắt chú nhìn vào sách, tay chú viết nét chữ thanh, đều tắp và rất đẹp. Đối với tôi, đó là một việc làm phi thường, bởi vì mắt chú không nhìn vào trang giấy viết, các dòng chữ vẫn đều thẳng. Tôi hỏi chị: "Chị ơi, sao chú tài thế, giỏi thế? Chú đang dịch gì đấy?". Chị cười trả lời: "Hình như dịch Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô. Những trang viết đó sẽ dán vào đá và in ra sách! Em biết không, anh Nam học tiếng Trung Quốc mới 6 tháng, vậy mà buổi họp mặt tọa đàm về vấn đề văn hóa Việt - Trung, anh trình bày tình hình trong nước bằng tiếng Việt, chị dịch sang tiếng Trung Quốc, thấy chị dịch chưa đúng tinh thần, anh nói thẳng bằng tiếng Trung Quốc luôn, nói rất trôi chảy. Các nhà báo Trung Quốc hết sức ngạc nhiên, hỏi anh học tiếng Trung Quốc bao lâu rồi, chị trả lời thay là "mới 6 tháng". Mọi người kinh ngạc và hết sức kính phục. Có thể nói anh là một người rất tài năng...

Mẹ tôi tính nóng, bực trực cho nên bà hay làm mất lòng mấy người trong nhà. Đối với một người cần cù làm việc ngày đêm và tài năng như anh Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp), mẹ tôi hết sức trọng và nể. Cũng như mẹ tôi hay nhắc những người ngày trước đến ở trong nhà chúng tôi, như Thái Lai (Hà Huy Tập), chị Duy (Nguyễn Thị Minh Khai), Lê Hồng Phong... với giọng hết sức trân trọng kính nể. Bà thường nói với chúng tôi: "Các con xem, người chỉ biết làm việc cả ngày lẫn đêm, tâm hồn họ làm gì còn chứa được điều gì tẹp nhẹp".

Chú Dương Hoài Nam là người cuối cùng rời khỏi gia đình tôi vào cuối mùa hè. Sau khi chú đi khỏi nhà, ngoài cha tôi đang nằm bệnh viện, chỉ còn lại ba mẹ con chúng tôi. Chưa đến kỳ lĩnh lương, ba mẹ con đi mua khoai tây, khoai lang ăn trừ bữa. Sợ láng giềng biết sự túng bấn của mình họ sẽ coi thường, do đó chúng tôi không dám luộc khoai dưới bếp chung của các gia

đình ở đó.

Chị Huệ Quần cứ ngày chủ nhật lại về chơi. Nhà ở thừa hai phòng, chúng tôi cho người ta thuê lại.

Sau khi không còn chú nào ở lại trong gia đình nữa, nhu cầu chỗ ở không lớn, để tiết kiệm và cũng để tiện công việc của chị và việc chăm nom cha tôi, cuối cùng chị tôi thuê được một phòng khoảng 12 - 14 mét vuông và một phòng khoảng 6 mét vuông. Gia đình chúng tôi chuyển về ở đó. Đó là Quế Hoa Lộ. Từ chỗ đó đến bệnh viện nơi cha tôi điều trị khoảng nửa kilômét và không phải sang sông. Lúc đó khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 1941.

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 6

Chị Diệc Lan làm chủ biên tạp chí "Quảng Tây phụ nữ" lương cao hơn nhưng cũng bận hơn. Chị thuê được chỗ ở bên này sông Ly, nơi gần sát bệnh viện Quảng Tây. Đó là ngôi nhà gỗ hai tầng ở Quế Hoa Lộ, chủ nhà ở tầng một và chái nhà kéo sâu ra phía sau cùng công trình phụ. Chúng tôi ở tầng hai. Gác hai gồm hai phòng: phòng lớn khoảng 15 - 16 mét vuông, kê một giường to ba mẹ con nằm chung. Mặt trước có cửa sổ to rộng hướng đông nhìn xuống mặt đường, phía trước là khoảng trống thoáng không có nhà cửa, phóng mắt ra xa là sông Ly (Ly Giang) nước sông xanh trong. Bên kia sông lưa thưa nhà một tầng, xa nữa là những hòn núi đá xanh có hình thù kỳ thú, trông rất ngoạn mục. Nước Trung Quốc có câu: "Phong cảnh Quế Lâm giáp (nhất) thiên hạ". Phía trước giường kê bàn làm việc của chị tôi, đêm đêm, chị Diệc Lan cặm cụi viết hoặc sửa bài cho tạp chí. Đó cũng là bàn học của tôi. Gần cửa sổ là một bàn nhỏ với bốn ghế, đó là bàn ăn cũng là bàn tiếp khách. Liền vách là phòng trong nhỏ khoảng 6 mét vuông, ngăn một lối đi xuống cầu thang. Trong phòng kê một giường đơn, một đôn để đầu giường, và một vài va ly để áo quần mùa đông.

Ba mẹ con chúng tôi dọn về trước Tết âm lịch (năm Nhâm Ngọ) khoảng giữa tháng 1 năm 1941. Từ ngày về đây, chị tôi đi làm đỡ xa và mẹ con chúng tôi đi lại chăm sóc cha tôi thuận tiện hơn. Ngày hai buổi, sau giờ tan học, tôi đến ngay bệnh viện thăm cha, lúc cốc nước uống, lúc đỡ bô cho cha. Sau một thời gian dài được chữa bệnh chu đáo của một bác sĩ nữ trẻ đẹp, tốt nghiệp y khoa ở Mỹ về, bệnh cha tôi thuyên giảm hẳn. Cha tôi không còn bị mổ bụng rút nước, họ cho tiêm một loại thuốc đặc trị, dịch nước trong bụng

được tiêu thoát bằng đường tiểu tiện. Do đó, cha tôi không bị cổ chướng nữa, ông thở nhẹ nhàng hơn. Theo nguyện vọng của cha tôi, họ cho ông về nhà và dặn: "Không được leo gác, không được đi lại nhiều và tránh xúc động. Sáu tháng sau vào viện kiểm tra và tiêm thuốc". Đó là khoảng cuối tháng 9 năm 1941.

Về nhà, cha tôi ngủ phòng trong, tuy tối vì không có cửa sổ, nhưng cha tôi phải nằm bất động là chính. Những ngày ấm trời hoặc mùa hè, buổi sáng, cha tôi đi chậm rãi, nhẹ nhàng ra phòng ngoài, ngồi trước cửa sổ hưởng chút không khí thoáng mát và ánh nắng ban mai. Ông phóng mắt nhìn ra xa để hưởng chút cảm giác không gian thoáng rộng. Thật tội nghiệp cho cha tôi, suốt cuộc đời làm ra tiền nuôi vợ con và anh em yêu nước, nhưng bản thân mình sống giản dị, đơn sơ và tiết kiệm, khi nào cũng chỉ được ở một phòng nhỏ tối tăm như ở Pháng Ngọa Cảng, ở Long Vương Miếu và giờ đây ở Quế Hoa Lộ thành phố Quế Lâm này.

Chỗ ở này thực ra khá chật, tổng diện tích khoảng 25 mét vuông, cuộc sống gia đình tuy đạm bạc, nhưng đầm ấm, vì cha tôi được ở cùng gia đình.

Năm mãi cũng buồn, cha tôi nói với chị: "Các cuốn Đông Chu liệt quốc, Tam Quốc chí" thầy đều đọc cả rồi, có mỗi "Tây du ký" chưa đọc, con mua về cho thầy đọc tiêu khiển thì giờ". Nhiều khi đang đọc, cha tôi khoái chí cười khà khà, mỗi tối ông kể cho tôi nghe một câu chuyện về Tôn Ngộ Không với giọng rất dí dỏm, hấp dẫn, miêu tả tính hiên ngang của Tôn Ngộ Không trước Ngọc Hoàng thượng đế, các vua chúa, nhưng cuối cùng không thoát khỏi bàn tay của Phật Như Lai. Ông nói: "Thần thông quảng đại như Tôn Ngộ Không cuối cùng bị thần quyền nhất dưới Ngũ Hành Sơn... có nghĩa là một khi tinh thần bị áp chế, tài trí cũng không làm gì được,

con ạ".

Thỉnh thoảng Quế Lâm kéo còi báo động, dân chúng kéo nhau vào trú ở

các hang động (Quế Lâm là một thành phố núi đá xanh, tương truyền vùng này trước kia là biển, do đó có nhiều hang động). Những lúc còi kéo với tiếng rung mạnh, máy bay Nhật sắp đến ném bom và đã có những lần ném bom đổ nhà chết nhiều người. Mỗi lần báo động gấp, mẹ đưa tôi đi trú ẩn, riêng cha tôi đi làm nhiệm vụ ở nhà, ông chẳng hề tỏ ra sợ hãi.

Chị tôi ngày đi làm hai buổi, đêm khuya vẫn làm việc, thỉnh thoảng húng hắng ho. Nhẽ ra bữa ăn hàng ngày cha tôi và chị tôi phải có chế độ đặc biệt, nhưng vì kinh tế gia đình chỉ trông vào lương cha tôi (cha tôi coi như bệnh binh, chưa đến tuổi hưu, được hưởng nguyên lương) và chị tôi. Mẹ tôi chỉ làm công việc nội trợ, tôi còn tuổi đi học. Thời kỳ đó đồng tiền quốc dân tệ mất giá, cho nên đồng lương chỉ đủ nuôi bốn miệng ăn. Giờ đây nhớ lại, lòng tôi không khỏi se sắt vì thương cha và chị vô hạn. Nhưng lúc đó tôi hoàn toàn không hiểu và không biết băn khoăn gì cả, chỉ thấy mẹ tôi hay thở dài mà mình không hiểu nguyên nhân vì sao.

Một hôm, tôi đang tập viết bút lông mẫu chữ "tiểu khái" (tức mẫu chữ nhỏ; "đại khái" là mẫu chữ to). Học sinh tiểu học và cao tiểu học 6 năm, phải tập viết bút lông tiểu khái và đại khái, không được phép viết bút máy. Cha tôi đến sau lưng và kêu lên:

"Con ơi, tuy luyện viết tiểu khái, nhưng cũng phải luyện khổ chữ to hơn. Có vậy, nét chữ mới nở nang, vuông vắn, cứng cáp, đàng hoàng. Còn con viết khổ chữ nhỏ quá đường nét lí nhí thế kia thì không thể luyện chữ đẹp được, hỏng mất chữ viết mà hỏng cả tâm hồn, con ạ. Người có nhân cách và tâm hồn cao thượng, nét chữ nở nang, phóng khoáng; người mà nhân cách ty tiện nhỏ nhen, nét chữ vụn vặt lít nhít... ". Từ đó trở đi, tôi để ý cách luyện chữ và ngầm nhủ sau này mình không được sống ty tiện nhỏ nhen, phải khoáng đạt.

Thực ra từ bé đến giờ, chính thời gian này tôi được gần gũi cha mình nhiều nhất, được ông dạy bảo nhiều điều mới chưa từng hay biết.

Có nhiều hôm rồi rã, tôi ngồi cạnh giường cha, nghe ông kể chuyện Thánh Gióng, Hai Bà Trưng và bà Triệu Ẩu, chuyện đạo hiếu nghĩa đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em, làng nước... Ông nói:

"Anh em như chân với tay, nếu cụt chân hay tay con người ta làm gì cũng khó khăn, vả lại không ai lại tự chặt chân tay mình, phải không con? Thầy mẹ sống với hai chị em chỉ có hạn thôi, cho nên con phải thương yêu chị, chị con vất vả, đau yếu. Hai chị em con suốt cuộc đời phải gần gũi, thương yêu nhau nhé.

"Con người ta ai cũng có gốc như cây có rễ, nước có nguồn, đó là quê hương, Tổ quốc mình. Một con người không biết yêu thương cha mẹ, anh chị em, gia tộc, làng xóm, bạn bè... là người không biết yêu giống thương nòi. Cây chết vì mất rễ, nước cạn vì mất nguồn. Nước Việt Nam mình là một dân tộc bé nhỏ, hàng ngàn năm bị Trung Quốc đô hộ, vậy mà cuối cùng đã nổi dậy chống Bắc thuộc... Nay bị thực dân Pháp đô hộ, cho nên chúng ta phải tạm gửi thân ở Trung Quốc. Thầy sẽ kể dần cho con nghe chuyện các đời vua chống ngoại xâm của nước ta".

"Thầy ra đi từ năm 1906, đến nay là 35 năm tròn. Nhiều đêm thầy trăn trở không ngủ được vì nhớ bà nội, bác ruột con và làng Quỳnh, chợ Nôi... đau đớn vì mình chưa làm được gì cho đất nước theo lời căn dặn của bà nội, nay ốm đau không khéo chết bỏ xương quê người đất khách con ạ...".

... Rồi cha tôi kể chuyện...

Dưới đây là chuyện kể của cha tôi:

Thủy tổ họ Hồ là Trạng nguyên Hồ Hưng Dật, người Kim Hoa, Chiết Giang, Trung Quốc. Ông sang Việt Nam làm Thái thú Diễn Châu (Nghệ An) từ thời Ngũ đại (1) đời Hậu Hán. Về sau ở ẩn, lập ấp ở thôn Bào Đột (trước thuộc Diễn Châu), Quỳnh Lưu ngày nay. Cụ tổ Hồ Hồng (2) làng Quỳnh Đồi



là cháu 14 đời của Hồ Hưng Dật. Ông làm chức đội trưởng (tòng tam phẩm), hy sinh khi đánh giặc chiếm thành ở Quảng Trị. Hồ Hồng cùng con trai là Hồ Kha dời về ở Thổ Đồi Trang, tức Quỳnh Đồi ngày nay.

Làng Quỳnh (3)(cái tên gọi thân thiết của người Quỳnh Đồi) có cảnh rất đẹp và thanh lịch: phía bắc có lèn (núi nhỏ) như tán che, phía nam có núi Yên Ngựa chầu, phía đông có lèn Bàng, còn gọi là Giáp Bàng chiếu, phía tây có lèn Bào, cũng hình giống Giáp Bàng đối chiếu. Cho nên dân làng Quỳnh cho rằng vì có các hòn núi kể trên bốn phương chiếu về, do đó làng Quỳnh xuất hiện nhiều nhân tài, khoa bảng...

Ngoài họ Hồ ra, làng Quỳnh còn có họ Nguyễn, họ Hoàng, họ Phan, họ Dương, họ Bùi, họ Văn v.v... Họ Hồ cùng các dòng họ khác khai hoang mở rộng đất đai từ đời này qua đời nọ tính đến năm 1850 đã có tới 678 mẫu, trong đó có 228 mẫu thực điền. Cuối thế kỷ XVIII, năm 1786, số đình trong làng được ghi là 500 người. (4)

Sau này, vì người đông đất ít, đồng chua đất mặn, nông nghiệp phát triển có hạn, cuộc sống dân làng Quỳnh có nhiều khó khăn. Đầu thế kỷ XVIII, Đàm thị phu nhân, vợ quận công Hồ Phi Tích đưa nghề dệt lụa của Hà Đông về truyền cho phụ nữ làng Quỳnh. Đến giữa thế kỷ XIX, nghề lụa làng Quỳnh phát triển thành nghề chính, hầu hết các gia đình đều có khung cửi (khung dệt lụa), phụ nữ làng Quỳnh hầu như đều biết dệt cửi (dệt lụa). Một số người chuyên buôn tơ lụa, họ mua tơ Cống Thanh Hóa về cho chị em phụ nữ trong làng, rồi mang lụa Quỳnh đi bán khắp vùng Thanh, Nghệ Tĩnh, vì lụa Quỳnh có chất lượng cao.

Từ đầu thế kỷ XV, Hồ Hân (Con Hồ Hồng) mời thầy đồ giỏi là Dương Văn Khai (gốc Bắc Ninh) về làng mở trường dạy chữ Nho. Năm 1440, đời vua Lê Nhân Tông, con trai Hồ Hân là Hồ Ước Lễ thi đỗ tiến sĩ. Từ đó, dân làng đua nhau học hành, đến giữa thế kỷ XIX, hầu như không một họ nào không có người thi cử, đỗ đạt (5). Trong suốt mấy trăm năm, làng Quỳnh Đồi

có hơn 700 người thi đỗ từ tú tài đến tiến sĩ, trong đó họ Hồ chiếm số đông. Nhờ truyền thống hiếu học, dân trí được nâng cao, đạo lý làm người và tinh thần tự hào dân tộc và yêu nước cũng được nâng cao.

-----

(1) Từ năm 907 đến năm 960 ở Trung Quốc là một thời kỳ tranh quyền của năm dòng họ thay nhau làm vua gọi là Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Có lẽ vì chán cảnh quý tộc tranh đoạt ngôi vua, dân tình khốn khổ điêu đứng, khi về già, ông Hồ Hưng Dật đã ở hẳn Việt Nam sinh cơ lập nghiệp.

(2) Gần đây, năm 2000 mới tìm thấy mộ của ông.

(3) Ngày nay, vì cuộc sống, dân chúng phá các núi kể trên nung vôi làm nhà, nay quang cảnh không còn được như cha tôi đã kể trên đây nữa.

(4) Đến năm 1944, số dân tăng lên 1.116 người. Họ Hồ chiếm gần một nửa.

(5) Tính từ năm 1440, Hồ Ước Lễ lều chõng đi thi, cho tới năm 1918 mới chấm dứt hẳn thi cử Hán học

Thổ Đồi Trang hình thành từ đời Trần Phế Đế. Khi quân Minh sang xâm lược, Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, nhiều nhân sĩ của làng đã hăng hái tham gia nghĩa quân, có công trạng không nhỏ:

Nguyễn Tu, con cụ Tổ Nguyễn Thạc, năm 1425 trúng kỳ thi võ do Lê Lợi tổ chức. Ông phụ trách đội tượng binh đánh thành Diễn Châu. Sau chiến thắng quân Minh, ông giữ chức Tứ thành đề hạt, chỉ huy Cấm vệ quân bảo vệ kinh thành...

Hồ Hân, con trai cụ Tổ Hồ Hồng làm tham mưu cho nghĩa quân Lê Lợi,

chuyên lo việc khảo sát địa hình, cùng Nguyễn Chích kiến nghị Lê Lợi lấy Nghệ An làm "chỗ đứng"... Sau được phong là Quản đình hầu chánh tam phẩm...

Phan Hoàng Nhiễu (hay Phan Hoàng Nghĩa) cụ Tổ họ Phan, đã đem cơ nghiệp, tiền bạc, gạo thóc hiến dâng nghĩa quân chống giặc Minh, được phong Đại tư nông..

Con và cháu cụ Tổ Hoàng Khánh đều có công đánh quân Minh, xây dựng đất nước dưới triều Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông (từ 1428 - 1442)...

Đến ngày thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, trước Hồ Bá Ôn, đã từng có Văn Đức Giai vào Nam đánh giặc, Tiến sĩ Hồ Sĩ Tuần can triều đình chớ đầu hàng, Tú tài Hoàng Liên tham gia khởi nghĩa của Trâu Tuấn và Đặng Như Mai v.v... Một quê hương như vậy, một dòng họ như vậy đáng được chúng ta tự hào lắm, phải không con?

Tổ quốc là gì? Thu nhỏ lại đó là một dòng họ trong cộng đồng các dòng họ. Cộng đồng đó có lịch sử văn hóa và truyền thống giữ nước. Chúng ta tuy có gốc Trung Quốc, nay Tổ tiên, cha ông chúng ta hàng nghìn năm sống ở đất Việt Nam, vậy chúng ta là người Việt Nam, con chớ có quên"...

Cứ rá rích hàng ngày, hàng đêm, cha tôi kể cho tôi nghe các chuyện về truyền thống của gia tộc. Sau này, khi có điều kiện tôi tìm hiểu, tra cứu mới rõ hết ngọn ngành...

Hồ Trọng Điềm (1748 - 1826), cháu nhiều đời của cụ Tổ Hồ Hồng. Nhà vốn nghèo, quanh năm chỉ một manh áo vải. Nhờ chịu khó và quyết chí học hành, năm 1785 thi đỗ Phó bảng. Tính ông thẳng thắn, không chịu khuất phục ai. Thời vua Quang Trung, ông bỏ đi ở ẩn. Đến năm 1820, dưới triều Minh Mạng, ông ra nhận chức Giáo thụ Nghệ An. Môn sinh có tới năm, sáu trăm người, hầu hết đều thành đạt...

Con trai thứ ba của Hồ Trọng Diễm là Hồ Trọng Toàn (còn gọi là Hồ Trọng Tuấn) sinh năm 1801, mất năm 1864. Tuy chỉ đậu tú tài (1821) nhưng do trình độ, năng lực giỏi, cuối cùng được triều đình cử làm Án sát liên tiếp của ba tỉnh Quảng Yên, Hưng Yên, cuối cùng là Án sát Thái Nguyên. Ông bà được dân làng quý mến vì thường giúp đỡ người nghèo, góp nhiều tiền của xây dựng quê hương, được dân làng gọi là cụ Án Thái.

Hồ Trọng Toàn và bà Phạm Thị Khanh có cả thảy tám người con. Con trưởng Hồ Văn Hoảng cưới vợ chưa kịp có con thì ốm mất. Vợ ông là Nguyễn Thị Tấn, con nhà thư hương, bà là phụ nữ thông thạo tứ thư ngũ kinh, trọng lễ nghĩa, gia phong nề nếp. Bố mẹ chồng và chồng qua đời để lại gia sản khá khá với đàn em chồng chưa kịp trưởng thành. Bà Tấn thủ tiết thờ chồng, cai quản đại gia đình và nuôi dạy các em ăn học. Bà được các em chồng yêu quý như chị ruột, như mẹ già, được gia tộc họ Hồ nể trọng. Trong bảy người em, có Hồ Bá Ôn (1842 - 1883), em kế cận của Hồ Trọng Hoảng là người thông minh, hiếu học hơn cả. Cậu rất mực vâng lời chị dâu, ngày đêmùi mài kinh sử. Có lần mài chơi quên làm bài, bà Tấn bắt cậu quỳ trước bàn thờ tổ tiên nhận lỗi, nằm phủ phục trên sàn nhà chịu mấy roi của chị dâu quất vào mông. Cậu hứa với bà Tấn từ nay xin chừa, năm đó cậu khoảng mười sáu, mười bảy tuổi. Đến năm 1875, Hồ Bá Ôn trải kinh thi Hội đỗ phó bảng. Sau một thời gian làm việc ở kinh thành, đến năm 1881, triều đình bổ nhiệm ông làm Án sát Nam Định. Các em dưới Hồ Bá Ôn tuy đều học tứ thư, ngũ kinh, nhưng vì kinh tế gia đình có hạn, mỗi người mỗi tính mỗi nết, họ vừa học vừa làm ruộng, không ai thi cử làm quan. Sau khi các em trưởng thành, bà Tấn dựng vợ gả chồng cho các em chu toàn. Khi bà qua đời, các em chồng thương tiếc vô hạn, tang ma thờ cúng bà chị dâu cả chu đáo.

Hồ Bá Ôn nhậm chức được một năm, thực dân Pháp đem quân từ trong Nam ra đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai. Mồng 8 tháng 3 năm 1882, Hà Nội thất thủ, quan Tổng đốc Hoàng Diệu tuấn tiết. Đến ngày 28 tháng 2 năm 1883, Pháp kéo quân đánh thành Nam Định, quan Tổng đốc Vũ Trọng Bình

sợ hãi bỏ chạy. Hồ Bá Ôn tuy là quan văn, nhưng ông đã sát cánh chiến đấu dũng cảm cùng đề đốc Lê Văn Diêm và quan chỉ huy dân quân Nguyễn Hữu Bản. Cuối cùng Lê Văn Diêm và Nguyễn Hữu Bản anh dũng hy sinh, còn Hồ Bá Ôn bị trọng thương, thành Nam Định thất thủ. Quân dân Nam Định dùng cáng và thuyền, lén đưa Hồ Bá Ôn về tận quê nhà Quỳnh Đôi.

Sau một thời gian chữa chạy, vết thương trên bụng sắp lành, song vết thương lòng về nỗi đau mất nước vẫn rỉ máu. Hồ Bá Ôn ôm chí sau này tìm cách cùng sĩ phu và nhân dân yêu nước tiếp tục chống lại quân xâm lược Pháp. Một hôm, có người bà con bên vợ, từ xa đến thăm, kể chuyện việc làm hung tàn của thực dân Pháp đối với đồng bào ta, chuyện một số người có danh phận hèn nhất đầu hàng, v.v... Nỗi uất hận trào dâng đột ngột, khiến cả hai vết thương cùng chảy máu. Hồ Bá Ôn nấc lên, thở nặng nề rồi hôn mê, ba hôm sau từ giã cuộc đời.

Cái chết của Hồ Bá Ôn là một nỗi đau riêng của gia đình, cũng là một tiếng chuông lớn cảnh tỉnh đối với gia tộc họ Hồ, nhân dân làng Quỳnh và các làng huyện quanh vùng chớ quên nợ nước thù nhà. Ông tuy mất đi, nhưng tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất trở thành một tư tưởng, một truyền thống trong dòng họ và trong làng.

Người trước ngã xuống, người sau đứng dậy, hai người con của Hồ Bá Ôn là Hồ Bá Kiện và Hồ Thúc Linh nối chí cha: Hồ Bá Kiện cuối cùng hy sinh trong cuộc nổi dậy ở nhà tù Lao Bảo; Hồ Thúc Linh hoạt động bị Pháp bắt tra tấn dã man. Khi chúng nung mâm đồng để dọa, ông đã đứng dậy ngời cả mâm đồng lên mâm đồng, đúng là một ý chí kiên cường, sắt đá...

Cha tôi kể:

"Hồ Bá Trị, con trai thứ bảy của cụ Hồ Trọng Toàn, em trai áp út của Hồ Bá Ôn, ông nội của con, là người có chí khí kiên cường, can đảm, có tinh thần yêu nước giữ làng. Do chính sách "Bình Tây sát Tả" của triều đình nhà

Nguyễn, do âm mưu chia rẽ, ly gián giữa lương và giáo của thực dân Pháp, cuối năm 1885, dân các làng công giáo quanh vùng kéo đến đánh phá làng Quỳnh Đôi, một làng nổi tiếng yêu nước chống Pháp. Cậu ấm bảy Hồ Bá Trị cùng những thanh niên yêu nước trong làng dũng cảm chống cự, cuối cùng đuổi được dân công giáo bị kích động ra khỏi làng. Nhưng Hồ Bá Trị bị trọng thương, hy sinh ngày 24 tháng 12 năm 1885. Ngày hôm đó, có tới 80 thanh niên bị hy sinh, nhà cửa bị thiêu đốt, lúa gạo bị cướp bóc, tiếng khóc than của đàn bà trẻ em vang động cả một vùng Quỳnh Lưu, khăn tang trên đầu mẹ góa con cô trắng xóa. Nhiều người bỏ làng ra đi, ruộng đồng bỏ hoang. Hàng năm cứ đến ngày đó là ngày giỗ làng.

"Bà nội con là Trần Thị Trâm, con gái danh sĩ yêu nước Trần Hữu Dực ở làng Cao. Năm đó bà mới hai mươi lăm tuổi, một nách hai con thơ - bác Hồ Xuân Kiêm lên bốn, thầy mới đầy năm. Cái tang của anh chồng Hồ Bá Ôn và sự hy sinh của chồng đã nung nấu mối thù nhà nợ nước ở người đàn bà góa còn tươi trẻ.

"Cuối thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam vẫn phong kiến lắm. Phụ nữ Việt Nam một nắng hai sương tần tảo lao động, thờ phụng bố mẹ chồng, nuôi chồng con ăn học thi cử khoa trường, họ những mong kiếm được một phẩm tước để rạng danh tổ tông. Trong gia đình đến bữa ăn, bố mẹ, chồng và con trai ngồi ăn ở mâm trong gian nhà giữa, nơi cao sang nhất của gia đình. Sau khi mọi người ăn uống xong, mình - tức con dâu - mới bưng mâm cơm thừa canh cặn ngồi ăn ở xó bếp. Đối với bề trên một thưa hai bầm, nói năng khép nép, nhỏ nhẹ. Đi qua trước mặt mọi người, đặc biệt là trước đàn ông, phải cúi đầu, đi lom khom, không được nói chuyện ngang hàng với đàn ông. Dân ta thời ấy tuyệt nhiên không có khái niệm nam nữ bình quyền... (Lúc đó, tôi tròn con mắt ngồi nghe cha kể mà hết sức sửng sốt).

"Bà nội con, người cao lớn, vai rộng, giọng nói to vang như chuông đồng, đi đứng đàng hoàng chừng chạc như đàn ông. Bà con mồ côi cha từ năm một

tuổi, anh ruột là người có học và cho em gái học đôi ba chữ Nho, giảng dạy lễ nghĩa, đạo lý làm người. Cậu đối xử với em gái tương đối dân chủ. Tuy nhiên, bà về ở nhà chồng cũng giữ đúng lễ giáo phong kiến của nước mình.

"Sau khi ông nội mất, bà nội con sống khác hẳn phụ nữ bình thường. Người có hiểu biết thông cảm, nể trọng, người thiếu hiểu biết tất nhiên không tránh khỏi có điều dị nghị, nhưng bà im lặng, vẫn sống theo chí hướng riêng của mình.

Mới đầu, khi con còn quá nhỏ, bà chỉ đi quanh vùng vài ngày lại về chăm con. Những hôm bà đi bán lụa xa, bà nhờ người thân trong họ đến trông nom nhà cửa, chăm sóc bác và thầy, vì thầy còn quá nhỏ. Đến khi hai anh em lớn hơn một chút, bà gửi hai anh em đến nhà bác họ Hồ Bá Kiện (con của ông Hồ Bá Ôn) ăn và học. Khi bác mười một, mười hai tuổi, thầy tám, chín tuổi, hai anh em ở hẳn nhà mình tự lo nấu nướng, ăn uống, trông nom nhà cửa. Lúc đầu, những lần bà đi bán lụa còn thưa, đến khi hai anh em quen cuộc sống vắng mẹ và tự lập, bà đi vắng nhà nhiều hơn, thời gian đi lâu hơn. Những năm đó, thầy còn nhỏ quá, hay khóc nhớ mẹ. Lớn lên một chút, chiều chiều thầy tha thẩn một mình ra đầu làng ngóng mẹ. Hoàng hôn mùa thu đông, bầu trời âm đạm, thầy ngóng mẹ hoa cả mắt, thấy ai gánh gồng từ xa cũng tưởng là mẹ về. Những người thân tình, thấy thầy đứng thui thui ngóng mẹ, họ đổ dành, dắt về nhà; những người ác ý thì nói: "Thôi về đi, mẹ mi theo trai rồi, không về nữa đâu...". Cả đám đông cười ồ bỏ đi. Thầy tưởng thật òa lên khóc... Bác con lớn tuổi hơn, tính tình vô tư, mê xem người lớn chơi cờ tướng quên cả em. Khi sức nhớ, vội chạy ra đầu làng dắt thầy về.

"Mỗi lần bà đi vắng ít nhất là dăm bảy ngày hoặc nửa tháng, có lần vài ba tháng mới về. Mỗi lần bà đi xa về, thầy suốt ngày nằm gấu áo mẹ, quanh quần bên mẹ, chỉ sợ mẹ lại bất thần ra đi. Mỗi lần về, bà đều đưa hai anh em ra chợ Nồi (một chợ của làng) ăn bún, giá, cá, ruốc (mắm tôm). Đó là món ăn "đặc sản" của làng Quỳnh. Đêm đến, bác con lớn tuổi hơn, lại là con trai

trường, bà bắt nằm ngủ trên phản lim kê cạnh bàn thờ ông nội ở gian giữa. Thầy nhỏ tuổi, được nằm ngủ cùng mẹ ở buồng trong, được bà ôm ấp, nghe bà kể chuyện Thánh Gióng... Có lần thầy không cầm lòng hỏi bà: "Mẹ, sao mẹ hay đi vắng thế... có người cứ bảo mẹ đi lấy chồng rồi, con sợ lắm mẹ ạ...". Trong đêm tối, lặng đi một lúc lâu, bà thở dài nảo nuột, trả lời: "Không đi buôn thì lấy chi mà ăn, con?" "Ừ ừ, nhà mình có nhiều thóc lúa, con ăn cơm rau cũng được mà, mẹ, đừng bỏ con đi, con nhớ mẹ lắm...". Bà xoa đầu, ôm chặt thầy vào lòng, đọc hai câu thơ, đến giờ thầy vẫn nhớ: "Hai mươi lăm tuổi kể chi, thương hai con dại mẹ đi không đành". Thôi ngủ đi, lớn lên, con sẽ hiểu...". Khi thầy lấy bàn tay nhỏ sờ lên mặt bà, thấy hai má ướm đầm nước mắt. Đối với thầy, những ngày bà ở nhà là những ngày đầy ánh nắng, sung sướng và hạnh phúc vô cùng tận. Theo năm tháng cuộc sống vắng mẹ rồi cũng quen dần.

"Năm lên bảy, bà cho thầy cắp sách theo bác ruột con và các chú bác trong họ đi học chữ Nho. Nhờ đi học, nỗi day dứt vắng mẹ cũng khuây khỏa dần. Để đỡ nhớ mẹ, thương mẹ, thầy chăm chỉ học tập, tiến bộ trông thấy, được thầy đồ khen là văn hay chữ đẹp. Thực ra, thầy chỉ ham đọc sách, có hoa tay, thích những điều viết trong sách Tứ thư, Ngũ kinh chứ chẳng phải mình thông minh giỏi giang gì hơn người đâu. Bà về nhà, thấy thầy học giỏi, bà vui ra mặt, tỏ ý càng yêu quý thầy hơn. Bác con mê cờ tướng, càng lớn càng hay bỏ nhà đi chơi cờ quên cả đường về. Nhiều lần, bà phải lặn lội đi tìm và quở trách. Tính bác rất hiền, mẹ mắng không dám cãi lại một lời, hứa sẽ chữa. Nhưng rồi vẫn chứng nào tật ấy. Tuy nhiên, bác học khá giỏi, có ý thức tìm hiểu y thuật. Bà nhờ thầy đồ giỏi dạy thêm cách sử dụng các loại thảo dược, cách chẩn đoán bệnh. Những khi người hàng xóm nhức đầu, sổ mũi, đau bụng, bác con bắt mạch, bốc thuốc. Bác vừa làm vừa tự nghiên cứu thêm, lâu dần thành thầy lang có tiếng trong làng. Tính bác điềm đạm, thật thà... Còn thầy hiếu động, tinh nghịch hơn. Bác hay bị thầy trêu ghẹo, mắc lừa những trò tinh nghịch quái ác của thầy. Nhưng thấy em mình nhỏ dại, bác không hề trách mắng hay đánh thầy. Nay nghĩ lại, thầy thấy ân hận và thương



bác con vô cùng.

"Những năm thầy tám, chín tuổi, bà nội con hay cho thầy đi theo. Được gần mẹ, lại được đi đây đó, được biết thêm những cái mới cái lạ, thầy thích lắm. Lúc đầu đi những nơi gần, dần dà bà đưa thầy đi xa hơn. Có đi với bà mới hiểu bà nội con thật vất vả, phải dầm sương dãi nắng, khi đói khi rét. Khi đó thầy mới hiểu tại sao sau những lần bà đi xa về, người bà nội con gầy gò, da đen sạm. Nhưng cũng thấy rõ bà là người phụ nữ nhanh nhẹn, tháo vát, ứng biến rất nhanh. Lúc thì mềm mỏng, khi thì rắn rỏi, can trường. Bà đi bán tơ lụa, khi gánh đôi quang gánh, khi xách một tay nải. Đi đến các chợ xa gần bất kỳ. Đến các chợ lớn, bán lụa xong thì mua tơ mang về. Nhưng cũng rất lạ, nhiều khi bà xách tay nải đi vào chợ xem cái này, hỏi giá cái nọ, nhưng bà không bán lụa, cũng chẳng mua tơ. Hóa ra việc buôn bán của bà chỉ cốt che mắt thiên hạ. Bà tìm gặp nhiều người ở trên các chặng đường đi, đa số là đàn ông. Mỗi lần gặp họ, bà bảo thầy ra đánh đáo với lũ trẻ ngoài sân, còn bà ngồi trong nhà nói chuyện to nhỏ với họ. Có khi hai mẹ con ra đi ngay, có khi ngủ lại một đêm rồi trời chưa sáng, thầy đang say ngủ, bà đã gọi dậy ăn vội củ khoai luộc của nhà chủ rồi ra đi lúc chưa rõ mặt người.

Có một lần, bà và thầy đi trên đường cái số một, đó là con đường dài nhất nước mình, con đường dẫn từ Bắc chí Nam. Đi mãi chưa đến nhà người quen thì trời tối sầm. Hai bên đường không có làng mạc, đường vắng tanh không một bóng người qua lại. Gió mùa thu rít từng cơn, hai mẹ con đi lúi lũi trên con đường mấp mô, tối om. Đang đi, bỗng cảm thấy rờn rợn dưới bàn chân (Thời ấy dân ta rất nghèo, đa số đi chân đất, nhất là đi bộ đường xa) thầy nói: "Mẹ, con sợ!". "Có chi mà sợ, có mẹ đây, con không phải sợ chi", "Không, con sợ lắm..." thầy nói mếu máo, hai tay kéo bà đứng lại. Bà mắng nhưng giọng dịu dàng: "Con trai chi mà nhát như cáy, sau ni lớn lên làm được việc chi...". Bà nắm chặt tay thầy lôi đi theo. Bỗng thầy dẫm phải một cái gì lạnh lạnh, nhùn nhũn, thầy hét to: "Mẹ ơi!" giọng thất thanh. Bà vội kéo thầy sang một bên rồi ngồi xõm xuống, lấy tay sờ sờ mặt đất một lúc, điềm tĩnh đứng

dậy, dắt thầy đi tiếp. "Chi rửa mẹ?", "Có chi mô, xác một ông ăn mày chết đói giữa đường... Con thấy không, dân mình khổ ra rửa đó". Năm đó thầy mới có tám, chín tuổi.

"Có lần trước khi ra đi, bà bắt con cóc con nhái băm nát đập vào chân, xé vải cũ làm băng băng vào chân. Mùa hè, trời nóng, đến chiều mùi thối bốc lên rất khó chịu. Thầy hỏi: "Sao mẹ lại làm ra rửa?", "Hôm ni sẽ đi qua bột canh bọ Tây, thấy mình hôi thối nó sẽ bỏ qua cho khỏi lôi thôi". Khi đến trạm gác, chúng đòi lục soát tay nải. Bà ném bịch tay nải xuống ngay cạnh chân chúng, nói oang oang: "Thì cứ soát đi. Chân tui bị sâu quặng, các thầy có thuốc chi cho tui xin ít". Bà ngồi phệt xuống đất, miệng nói tay tháo băng, chúng thấy một cái vết loét đo đỏ, thối hoắc. Chúng bịt mũi bảo nhau: "Con đàn bà này hôi thối quá" rồi xua tay lia lịa: "Thôi, mục đi đi, chúng tao không có thuốc gì đâu". Bà tỏ vẻ muốn nán lại, chúng càng xua tợn: "Con mục này hôi thối quá chừng". Thế là hai mẹ con đi thoát an toàn. Đi xa vài dặm có một vũng nước, bà tháo băng rửa sạch thịt cóc thối rồi lại đi tiếp. Đến một nơi đồn trú của nghĩa quân, bà rút một thư liên lạc giấu dưới đáy hộp cau trầu để trong tay nải, đó là thư báo tình hình quân Pháp - Ngụy để hai đơn vị cùng tập kích. Sau đó bà nói: "Những việc mẹ làm, con chớ hở với ai, nếu không, bọn Tây sẽ bắt và giết mẹ đó". "Dạ". Trong bụng thầm nghĩ, mẹ mình liều thật. Mẹ mà có chuyện chi e mình không sống nổi, cho nên thầy không bao giờ để lộ bất cứ việc gì bà làm. Lớn lên, thầy mới hiểu dần mẹ mình và càng cảm phục và tự hào về mẹ mình, bà nội là ngôi sao Hôm của thầy suốt cuộc đời thầy con ạ.

"Bà nội con là người đàn bà can đảm, nhiều mưu lăm mẻo. Đối với bọn địch, bà khi mềm mỏng, nhẹ nhàng; khi cứng rắn, liều lĩnh, thậm chí táo tợn đánh đá. Bà kể rằng có lần chúng đòi lục soát người bà, vậy mà lá thư mật đang giấu trong thắt lưng. Bà bỏ qua sĩ diện của người đàn bà còn trẻ, chửi tục: "Soát chi mà soát, có soát thì soát cái "l" mẹ mày đây!", rồi lấy tay chực tung váy. Chúng ngượng trước mặt những người dân đang đứng chung

quanh, lấy tay xoa: "Con mụ đàn bà ni đánh đá quá, thôi đi đi". Sau khi đi thoát, bà phải ngồi bên vệ đường nghỉ một lúc cho hoàn hồn. Bà nói: "Mẹ sợ cho mình thì ít, nhưng sợ lộ thư mật thì nghĩa quân sẽ bị khốn đốn, con ạ".

"Có một hôm, thầy đang đánh đáo với các bạn, thấy có tiếng gọi của bà hàng xóm: "Cu Lan ơi, mau về đi, mẹ mi sắp về tới nhà rồi...". Thầy sung sướng ba chân bốn cẳng, chạy tới sân, thấy mấy người dìu bà nội con từ trên cáng vào nằm lên giường, trông người bà tiều tụy, da mặt vàng vố, gầy guộc, thầy mếu máo chạy tới: "Chi rứa... mẹ ốm hay sao?". Mấy ông cáng vờ nói: "Mẹ cháu bị chúng tra tấn dã man, nhưng bà vẫn không chịu khai, chúng đành thả. Thấy bà đau không đi nổi, chúng tôi cáng về đây...". Sau đó, thầy mới thấy một vết chày đỏ trên bắp vế mẹ, bác con bốc thuốc uống và thuốc đắp lên vết thương. Người trong họ, người làng đến thăm hỏi đông lắm. Khi bà bị lưỡi cày nung đỏ dí lên bắp đùi, bà chửi Án sát Cao Ngọc Lễ: "Ông cha tôi mấy đời làm án sát, có ai ác độc chi mô mà con cháu phải chịu tội ra rứa!". Không tìm được tang chứng, Cao Ngọc Lễ bị chửi bóng gió, xấu hổ đành phải thả bà ra. Việc nghĩa kiên trinh vì nước, dần dà mọi người đều hiểu ra, ai ai cũng quý mến, cảm phục bà. Mọi dư luận tẹp nhẹp bao năm xẹp hết, mọi người mới hiểu việc buôn lụa chỉ là cái cớ, từ đó mọi người gọi bà là chị Lụa hay bà Lụa (ngày trước gọi là chị cu Kiêm). Con cháu trong họ hỏi sao bà gan lì được như vậy, bà nói: "Thực ra bị chúng bắt bớ, giam cầm đây không phải là lần đầu tiên. Nhiều lần bà bị đánh đập tàn nhẫn, vì nghĩa quân, vì chống Pháp trả thù nhà nợ nước, bà chịu được hết. Để khỏi sa sầy câu nói, bà hay chửi tục để chúng kiêng mặt: "Nam quốc nhân văn cái "đ" chi mà vẫn lắm ra rứa?". Đôi khi cũng phải làm liều, bà cứ nhai trầu với một nắm to thuốc Lào nuốt vào bụng rồi ngất đi quên cả đau, nói rồi bà cười hóm hỉnh, khoái chí.

"Một hôm, sau một thời gian vắng nhà rất lâu, bà về tới nhà, chưa kịp hỏi han tình hình hai anh em học hành ra sao (đó là điều bà rất quan tâm) bà đã bỏ đi đâu mất hút. Hôm sau thấy có người trong làng đến lập kế ước bán 20

mẫu ruộng và cả ngôi nhà ngói năm gian đang ở. Ba mẹ con xuống ở nhà ngang lợp gianh, đó vốn dĩ là nhà bếp, nhà kho. Bà giải thích với hai anh em: "Mẹ tham lãi lớn, vay tiền đi buôn, không ngờ bị một thằng lái buôn người Tàu quỵt mất tiền, mẹ đành bán ruộng nhà, chỉ để vài sào phát canh là đủ ăn. Sau ni làm ra, mẹ sẽ tậu ruộng lại". Từ đó, cuộc sống gia đình sa sút hẳn. Về sau thầy mới biết bà bị lừa mất món tiền lớn của cụ Phan Đình Phùng đưa bà mua súng ống. Bà sợ cụ Phan hiểu lầm, cũng không muốn để nghĩa quân thiếu súng đạn đánh Pháp, bà lấy tiền bán ruộng bán nhà đi mua súng đạn cho nghĩa quân. Bà nói: "Nước nhà mất, sá chi mấy mẫu ruộng và nhà cửa". Có lần bà kể: Mình phải cùng mấy người đàn ông từ Vũ Quang huyện Hương Khê luôn rừng qua Lào sang tận thị trấn Nakhon Phanôm thuộc đất Xiêm mua và tìm cách chở thuốc súng về. Ngày đi, đêm nghỉ giữa rừng, phải đốt đồng lửa to để hổ beo không dám mò tới. Nhưng những ngày lặn lội như vậy, đáng sợ nhất là ngày hè gặp cơn giông, cơn lũ ào ào từ đầu nguồn đổ xuống không cẩn thận sẽ bị nước lũ cuốn mất xác. Vượt dòng Mê Kông nhiều khi không có thuyền, ông Đoàn Thương người làng Văn Phúc xã Quỳnh Thọ phải bơi qua sông, dùng dây kéo bà và những người không biết bơi sang sông. Khi vượt sông còn bị cá sấu đớp vào người nữa... Những chuyện bà lặn lội đi hoạt động như vậy không kể xiết được, con ạ...

"Thầy xa Tổ quốc, quê hương đã 35 năm, chưa làm được gì thì đổ bệnh, lực bất tòng tâm, thầy rất buồn. Trong cuộc đời, những lúc gian truân, những lúc gặp điều bất hạnh, những lúc đau yếu, mềm lòng, nhụt chí, thầy lại nhớ đến tấm gương của bà nội con, thương bà vô hạn. Gọi tiếng mẹ ơi, lòng nhẹ hẳn đi, ý chí lại trở lại với mình..."

Thực ra, lúc đó tôi chưa hiểu hết ý nghĩa những câu nói của cha mình, tôi chỉ thầm suy nghĩ: "Tình yêu mẹ của cha mình thật sâu sắc biết bao. Kể cũng lạ, cha già như vậy vẫn yêu thương mẹ để không phút nào quên như đứa trẻ".

Cha tôi nói: "Thầy ân hận không được gặp lại bà nội, chẳng biết bà còn

sống hay không... Chưa biết cách mạng giải phóng dân tộc khi nào mới thành công... Sau này, hai chị em con phải tìm đường về nước, phải đi theo con đường cứu nước của cha ông mình. Đó là nghĩa vụ của mỗi một người dân, con ạ..."

Cuối năm 1941, gia đình tôi chuyển sang bên kia sông Ly Giang, chỗ ở mới gần ngay bệnh viện nơi cha tôi điều dưỡng. Khoảng tháng 5 năm 1942, khi bệnh tim to được điều trị ổn định, cha tôi được về dưỡng bệnh tại nhà. Đến cuối năm bệnh tình của ông lại trầm trọng, lại phải tái nhập viện. Hai tháng sau, tức tháng 4 năm 1943 thì cha tôi mất.

Từ đây mọi gánh nặng - nuôi mẹ, nuôi em - đều trút lên đôi vai bé nhỏ của chị tôi - một người đang mang bệnh phổi. Tôi còn nhỏ dại, chưa làm được việc gì. Mẹ tôi mấy chục năm qua chỉ đơn thuần là một phụ nữ nội trợ.

\*\*\*

Trong hồi tưởng của mình, những lần được gặp cụ Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc lúc tôi mới 12, 13 tuổi luôn làm tôi xúc động mạnh.

Tôi nhớ một buổi chiều mùa thu năm 1942 gia đình tôi nhận được một bức thư gửi từ trong nước sang. Đó là thư của anh Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng). Trong thư anh Kiệt tả vắn tắt tình hình của các đồng chí và anh Tân Dân ở chiến khu, nhưng phần quan trọng hơn cả là ở giữa bức thư, có đoạn viết: "Có lão đồng chí Hồ Chí Minh trong khi đi công tác ở biên giới Việt - Trung bỗng nhiên bị mất tích. Chúng tôi tha thiết mong chị và ông cụ (chỉ bố mẹ tôi - H.M.L) tìm mọi cách thăm dò và cứu lão đồng chí Hồ Chí Minh..."

Lúc đó cha tôi bệnh ngày một nặng. Chị tôi đọc lá thư này cho cha tôi nghe ở bệnh viện. Ông nghe và trầm tư suy nghĩ, còn mẹ tôi lập tức nói ngay: "Chẳng có lão đồng chí nào là Hồ Chí Minh mà các anh em lo lắng quan tâm

như vậy, đó chắc chắn là biệt danh của Nguyễn Ái Quốc". Bà nói quả quyết như đinh đóng cột. Sau đó bà bảo chị tôi: "Con đến các nhà tù thấy ai có đôi mắt rất sáng, vầng trán cao, sống mũi dọc dừa, khuôn mặt trái xoan xương xương, dáng người tầm thước, giọng nói nghe khào khào xứ Nghệ thì chính là ông cụ đó"... Còn cha tôi thì dặn: "Con tìm mấy người bạn học xưa của thầy đang làm việc ở đây nhờ họ tìm cách đưa con vào các nhà tù giam chính trị phạm mà tìm...". Theo lời cha, chị tôi đã đến được nhiều nơi có tù chính trị, mặt khác do chị là đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc nên chị cũng nhờ nhiều đồng chí cộng sản Trung Quốc tìm giúp. Song dù đã đến nhiều nhà tù mà chị tôi chẳng tìm được ai có đặc điểm như mẹ tôi mô tả. Chị tôi còn lấy danh nghĩa cha tôi viết thư cho Tưởng Giới Thạch (lúc đó đang ở Trùng Khánh) yêu cầu ông ta thả Hồ Chí Minh - là người thân thích của cha tôi. Ngoài ra chị Diệc Lan còn lấy danh nghĩa cha tôi là Chủ nhiệm Việt Minh tại Quế Lâm gửi thư tới các đoàn thể, báo chí tiến bộ ở Trung Quốc và tổ chức Hồng Thập Tự quốc tế tường thuật lại việc nhân sĩ yêu nước Hồ Chí Minh mất tích ở biên giới Việt - Trung để yêu cầu họ giúp đỡ, tìm kiếm.

Sau khi cha tôi mất ít lâu, vào một buổi chiều giữa tháng 5 năm 1943, có một phụ nữ lạ mặt chừng 30 tuổi, tóc đuôi sam để trước ngực đến hỏi nhà tôi. Đó là chị Đỗ Lạc, thay mặt Phục quốc quân ở Liễu Châu đến thăm vừa chia buồn với gia đình tôi. Mẹ tôi giữ chị lại chơi nhiều ngày liền. Chị Đỗ Lạc là một phụ nữ rất dễ gần và cởi mở. Thấy tôi thiếu áo ấm, chị tháo ngay cái áo len còn mới và đang mặc, đan cho tôi một chiếc áo cộc tay rất đẹp. Tôi nhớ trong một bữa cơm tối chị kể một câu chuyện, giọng đầy huyền bí: "... Gần đây ở Liễu Châu xuất hiện một nhân vật rất kỳ lạ, ông ấy tên là Hồ Chí Minh. Ông ấy biết nhiều ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc ông nói lầu lầu. Ông có đôi mắt sắc sảo, giọng nói âm áp lại là người rất từ tốn, hòa nhã... Nghe nói ông ấy bị chính phủ Trung Quốc cầm tù gần hai năm trời rồi. Gần đây Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê giam lỏng ông ở trường Cải huấn Liễu Châu và ông được tự do gặp gỡ với các anh em Việt Nam cách mạng đồng chí hội (Việt Cách) của Nguyễn Hải Thần..."

Trong khi chị Đỗ Lạc kể chuyện sôi nổi, tôi lén nhìn mẹ và chị Diệc Lan, thấy hai người liếc nhìn nhau, đầu cũng gật nhẹ. Chị Đỗ Lạc kể tiếp: "Vì bị giam cầm lâu trong tù nên đôi mắt của ông cụ bị mờ, người rất yếu. Mọi người kể rằng hàng ngày vào lúc sáng sớm ông cụ ngồi trên đồi nhìn xuống cánh đồng lúa xa xa để luyện thị lực. Trăm ngày như một, sáng nào ông cũng dậy sớm chạy bộ nhiều lần từ chân đồi lên đỉnh đồi rồi lại chạy xuống. Khi người đã nóng ấm lên ông chạy tới sông Liễu Giang để bơi lội. Nhờ vậy chỉ trong một thời gian ngắn sức khỏe của ông đã hồi phục, đôi mắt tinh tường hơn, đi lại nhanh nhẹn, hoạt bát hơn. Đúng là một người đầy nghị lực, khác hẳn mọi người ở Liễu Châu..."

Năm ngày sau khi chị Đỗ Lạc về Liễu Châu, mẹ tôi lấy cớ đi cùng với chị để thăm cậu tôi đang ở đó. Một tuần sau, từ Liễu Châu về mẹ tôi kể cho chúng tôi nghe nhiều chuyện về Cụ Hồ Chí Minh. Mẹ tôi kể rằng trước khi về bà có biếu ông cụ một chiếc nhẫn vàng để ông sử dụng, nhưng vật nài thế nào ông cụ cũng nhất quyết không nhận và nói: "Bà và các cháu còn nhiều thiếu thốn, khó khăn. Cái này để cho Diệc Lan chữa bệnh, còn tôi sống ở đây cũng tạm đủ. Bà không phải băn khoăn gì cả..."

Sau đó nửa tháng chị Diệc Lan xin nghỉ phép về Liễu Châu thăm ông cụ. Trở về chị kể với tôi: "Em ạ, ông Nguyễn Ái Quốc là một lãnh tụ lỗi lạc, một con người xuất chúng. Chị xin được về nước hoạt động, cụ động viên chị yên tâm ở lại chăm sóc mẹ, em và chữa bệnh cho khỏi. Ông cụ nói cuộc sống ở chiến khu thiếu thốn và gian khổ lắm, sức khỏe của chị không thể kham nổi đâu. Ông cụ còn khẳng định rằng: "Cách mạng của ta sắp thành công rồi. Năm 1945 ta sẽ giành được độc lập....". Tôi tròn mắt hỏi chị: "Làm sao ông cụ có thể khẳng định được điều đó chị nhỉ?". Chị tôi tủm tỉm cười, giải thích: "Bởi vì ông cụ nắm vững tình hình quốc tế và có phương pháp tư tưởng, nghĩa là nắm vững duy vật biện chứng... Em biết không, ông cụ là người cực kỳ khiêm tốn. Khi ăn cơm với mọi người ở trụ sở Việt Cách, ông cụ ăn ba bát đầy cơm gạo lức mà thức ăn chỉ có rau luộc chấm xì dầu loại rẻ tiền. Còn chị

ăn mãi mà không hết một bát cơm. Sau khi ăn xong ông cụ rửa sạch bát và xới một bát đặt bên cạnh chị bắt chị phải ăn hết. Lúc nói chuyện ông cụ luôn xưng chú với chị và luôn khuyên chị rèn luyện sức khỏe.."

Ít hôm sau mẹ hỏi tôi có muốn đi Liễu Châu thăm ông cụ không. Tôi cười toe toét, mắt sáng lên trả lời nga là có, bởi vì lúc đó là cuối tháng 6, tôi được nghỉ hè. Tôi giấu mẹ là từ đầu tháng 7 tôi phải đại diện cho nhà trường đi thi hát. Sợ rằng nếu mẹ biết sẽ không cho tôi đi Liễu Châu nữa. Còn tôi thì khao khát, nôn nóng muốn được thấy mặt Nguyễn Ái Quốc - Lý Thụy, một nhân vật như huyền thoại.

Đến Liễu Châu vào lúc rạng sáng, chúng tôi ngồi xe kéo đến trụ sở Việt Cách, khi đó mọi người ở đây đang ăn sáng ở nhà ăn. Hai mẹ con tôi được đưa vào một phòng khách rộng để chờ. Một lúc sau chúng tôi thấy có nhiều người bước vào phòng khách. Tôi giương to mắt, đầu óc căng thẳng nhìn mọi người nhưng không nhìn ra ai có dáng vẻ như mẹ tôi đã kể với tôi nhiều lần. Đang lúc hoang mang giữa mọi người bỗng thấy một cánh tay kéo tôi và đặt tôi ngồi trên đùi người đó. Ngoảnh lại tôi thấy đó là một ông cụ có chòm râu cằm thưa thớt hoa râm. Thần thái tôi như thoát tục, tôi nghĩ ngay: Cụ Nguyễn Ái Quốc đây rồi. Khi đó cậu ruột tôi (Ngô Chính Học) ngồi cạnh ông cụ đưa một câu: "Một sợi râu, một xâu bánh, vôi bánh Cụ Hồ đi". Tôi tùm tùm cười bên lên.

Hai mẹ con tôi được bố trí ở một phòng nhỏ ở tầng hai. Thường buổi trưa khi mọi người đã nghỉ, mẹ con tôi sang phòng của anh Nguyễn Thanh Đồng chơi. Đó là căn phòng cũng ở tầng hai, có một giường đơn, một bàn làm việc và dăm chiếc ghế tựa. Có hôm ông cụ ở lại đó và trò chuyện với hai mẹ con chúng tôi. Khi đã gần gũi, thân tình thì tính tò mò nghịch ngợm của trẻ con trong tôi như được dịp bùng phát. Tôi bắt ông cụ dạy tôi chào hỏi bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga. Rồi tôi bắt ông cụ dạy tôi nhảy quốc tế vũ. Vì không có nhạc đệm nên một già một trẻ cầm tay nhau đi theo nhịp 1, 2, 3



hoặc 1, 2, 3, 4... Được một lúc tôi chán lại vùi ông cụ dạy tôi múa Thái cực quyền. Ông cụ múa rất dẻo, nhiều tư thế rất khó bắt chước. Rồi tôi lại chán, không múa theo nữa. Ông cụ cười hiền hậu, xoa đầu tôi và ôm tôi vào lòng. Cụ hỏi: "Lớn lên cháu thích làm gì?". Tôi trả lời: "Cháu thích học nhạc. Thế có được không hả cụ?". Cụ cười tủm tỉm: "Chú thấy học nghề gì cũng được, miễn là yêu nước, lấy nghề đó phục vụ nhân dân". Cụ còn kể cho tôi biết là: Trong âm nhạc thế giới có nhạc sĩ vĩ đại nhưng hai mắt lại mù lòa; lại có nhạc sĩ hai tai bị điếc, nhưng hai nhạc sĩ đó đều vĩ đại. Sáng tác của họ đều ca ngợi tinh thần anh hùng của nhân dân lao động...

Vào một buổi trưa thấy ông cụ mặc chiếc quần len bị rách ở hai đầu gối, tôi xin cụ cho tôi được mạng lại chỗ rách. Buổi chiều ông cụ có cuộc họp 3 - 4 tiếng đồng hồ với Ban chấp hành Việt Cách. Tôi đã lợi dụng thời gian đó rút chỉ ở ve quần mạng lại hai chỗ sờn rách một cách khéo léo, nhìn thoáng qua không thể biết được.

Lúc này cụ đã dịch xong cuốn sách "Trung Quốc chí mệnh vận" của Tưởng Giới Thạch ra tiếng Việt. Sách được phát cho anh em Việt Cách đọc. Ông được nhận nhuận bút bốn ngàn quan kim. Có tiền ông cụ đã làm bộ răng giả (mất hai nghìn tư quan kim). Nhờ vậy trông ông cụ đỡ gầy gò, hom hem hơn. Nghe anh Nguyễn Thanh Đồng kể vậy tôi càng thương ông cụ hơn.

Một buổi sớm anh Nguyễn Thanh Đồng dẫn hai mẹ con tôi đi thăm ông cụ ở trường cải huấn. Trường nằm trên một ngọn đồi cao, chúng tôi đi trên các bậc tam cấp phải hơn mười lăm phút mới tới đỉnh đồi. Đỉnh đồi là một khoảng đất khá rộng, bằng phẳng có 5 - 6 ngôi nhà tranh rộng rãi được bố trí rất trật tự. Anh Nguyễn Thanh Đồng đưa chúng tôi vào một trong những ngôi nhà đó. Tôi thấy nó rộng mênh mông và không một bóng người, đi sâu vào cuối phòng đến một chiếc giường cá nhân (như mọi chiếc giường khác) anh Đồng nói đó là giường của ông cụ. Chắc ông cụ đi ăn sáng chưa về. Anh Đồng cho chúng tôi biết trung tâm này tập hợp toàn những người có xu

hướng chính trị khác với Quốc dân đảng Trung Quốc. Người phụ trách trung tâm này là chủ nhiệm chính trị của Đệ Tứ chiến khu - tướng Hầu Chí Minh. Ông ta là người giỏi tiếng Anh, thấy ông cụ nhà mình uyên bác, lịch lãm, hơn nữa lại có tên gọi gần trùng nhau nên khá tâm đầu ý hợp trong các cuộc đàm đạo. Ông Hầu Chí Minh miễn cho ông cụ các buổi lên lớp, chỉ đưa các sách Tam Dân chủ nghĩa... để ông cụ xem...

Một lúc sau ông cụ tươi cười từ ngoài đi vào nói: "Tôi mời các vị đi ăn sáng". Rồi ông cụ đưa chúng tôi đến một quầy hàng bình dân gọi 4 bát sũa đậu nành và một đĩa to quấy nóng. Về sau tôi mới biết đó là bữa ăn sáng sang trọng nhất của ông cụ, còn bình thường thì hàng sáng ông cụ chỉ ăn cháo loãng với dưa muối.

Mẹ và tôi ở lại Liễu Châu khoảng một tuần. Tối tối mẹ thường đưa tôi đi thăm những người quen. Một hôm Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần và cậu ruột tôi hẹn mẹ tôi đi chơi. Mẹ tôi hỏi ý kiến ông cụ. Ông cụ chỉ nói: "Đi như vậy xem có lợi ích gì không?". Mẹ tôi hiểu ý nên cáo ốm và cho tôi đi theo họ. Đó là cuộc đi chơi hết sức miễn cưỡng với một đứa trẻ như tôi. Trong một quán trà tôi ngồi đối diện với ông Nguyễn Hải Thần, bên trái tôi là ông Trương Bội Công, bên phải là cậu ruột tôi. Mọi người tán gẫu, tôi thì ngoảnh mặt nhìn phố xá và người qua lại cho đỡ buồn. Tôi bỗng nghe ông Nguyễn Hải Thần nói: "Này các ông, tôi nghi Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc. Các ông nghĩ sao?". Khi nghe họ nhắc đến tên ông cụ, thần kinh tôi bỗng căng thẳng. Tôi dỏng tai nghe câu chuyện của ba vị, nhưng mặt vẫn làm như nhìn ra ngoài phố. Khi đó Trương Bội Công nói: "Ừ, tôi cũng nghi lắm, Trần Báo thấy thế nào? Cậu từng hoạt động ở Xiêm, có gặp Thầu Chín - Nguyễn Ái Quốc, vậy đây có phải Nguyễn Ái Quốc không?". Nguyễn Hải Thần chen vào: "Hãy lơ, hãy lơ. Cậu xem gương mặt Hồ Chí Minh giống Nguyễn Ái Quốc không?". Cậu tôi trả lời ngay là không phải bởi gương mặt hai người hoàn toàn khác nhau. Rồi câu chuyện giữa ba người chuyển sang đề tài khác. Tôi không quan tâm tới những chuyện của họ nữa, mà chỉ thấy

trong lòng vô cùng mừng rỡ bởi cho đến lúc này, cậu tôi (Trần Báo - Ngô Chính Học) vẫn bị mang tiếng là kẻ bán nước. Về nhà tôi kể lại cho mẹ nghe, mẹ nói: "Cậu con biết rõ mặt ông Nguyễn Ái Quốc mà trả lời như vậy chứng tỏ cậu con không thể là kẻ phản quốc...". Sau đó mẹ tôi đã kể lại câu chuyện này với anh Nguyễn Thanh Đồng.

Buổi chiều trước hôm mẹ con tôi về lại Quế Lâm, ông cụ rút hai tờ hai trăm quan kim mới tinh cho tôi. Vì thương ông cụ đang ốm yếu lại thiếu thốn mọi bề, nên tôi không nỡ nhận số tiền đó. Ông cụ nài thế nào tôi cũng không chịu nhận. Anh Nguyễn Thanh Đồng bảo: "Em nhận đi cho cụ vui...". Tôi ngược nhìn mẹ, thấy bà cũng gật gật đầu, khi đó tôi đành miễn cưỡng cầm hai tờ bạc. Đó là số tiền nhuận bút ít ỏi còn lại của ông cụ. Tối đó ông cụ và anh Đồng đưa mẹ con tôi tới chia tay với cậu ruột tôi, ông Nguyễn Hải Thần và ông Trương Bội Công. Khi ba người đó mỗi người cho tôi một trăm quan kim tôi liền nhận ngay...

Sáng hôm sau anh Nguyễn Thanh Đồng nói với mẹ tôi: Ông cụ khen con bé khôn và ngoan quá, ông cụ có ngỏ lời nhờ anh nói với mẹ tôi muốn xin Mộ La làm con nuôi đưa về chiến khu cùng ông cụ... Mẹ tôi đã từ chối. Mãi sau mẹ tôi mới kể chuyện này cho tôi biết.

Cuối năm 1943 khi quân Nhật sắp đánh xuống Quảng Tây, ba mẹ con chúng tôi phải qua Liễu Châu để đi về phía bắc lánh nạn. Thời gian đó Đệ tứ chiến khu đã trả lại tự do cho Bác Hồ. Bác về ở trên gác xép tầng 5 của trụ sở Việt Cách, làm việc ngày đêm không nghỉ. Một buổi chiều, mẹ và tôi đến thăm Bác, không ngờ thời tiết thay đổi đột ngột. Tôi mặc phong phanh nên người hâm hấp sốt. Bác Hồ liền cởi chiếc áo len trấn thủ còn ấm hơi người mặc vào cho tôi. Buổi chiều trước hôm chúng tôi đi xe lửa lên phía bắc, Bác Hồ và anh Nguyễn Thanh Đồng đến tiễn chúng tôi. Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp Bác ở Trung Quốc. Hai tay tôi nâng chiếc áo len trấn thủ lên trả Bác. Bác tỏ ra ái ngại cho tôi rồi Bác ôm tôi vào lòng. Tôi nghẹn nghẹn trong

cảm giác vô cùng gần gũi, ấm áp, yêu thương...

# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 7

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhiễ vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Tôi xin dâng tặng bài ca dao đẹp đẽ vô ngần này cho vong linh người cha kính yêu của tôi - Chí sĩ Hồ Học Lãm.

Với tôi, viết về cha thật là khó, bởi vì rất nhiều sự kiện xảy ra khi tôi chưa ra đời hoặc khi tôi còn quá nhỏ, chưa đủ trí khôn và ý thức tìm hiểu và ghi nhớ mọi việc làm của cha mình. Cha tôi hay kể chuyện quê hương, đất nước để bồi dưỡng ý thức về quê cha đất tổ, nhưng chưa một lần kể về cống hiến của mình đối với cách mạng. Ông chưa bao giờ có biểu hiện về tư tưởng "công thần, địa vị", cho nên mặc dù tôi được nghe mẹ kể nhiều chuyện về ông, trong tâm tưởng của hai chị em chúng tôi vẫn cho đó là những hành vi giản dị, bình thường của một người yêu nước như cha tôi mà thôi.

Đó là năm 1946, (sau khi ba mẹ con chúng tôi về nước) có một số đồng chí cộng sản nói với chúng tôi: "Nếu cụ Hồ Học Lãm không mất, cụ sẽ làm Chủ tịch nước, còn Bác Hồ sẽ nấp trong bóng tối lãnh đạo, đó là dự kiến của Bác Hồ...". Chị em chúng tôi thực sự sửng sốt trước ý kiến đó và cho rằng mình chưa đánh giá đúng về cha mình. Sau đó anh Hồ Tùng Mậu - người anh họ nói với chị tôi: "May mà chú mất, nếu chú còn sống không làm nổi Chủ

tịch nước đâu...". Chị em chúng tôi cũng lại sững sốt lần nữa, cho rằng mình vẫn chưa đánh giá đúng con người, trình độ, năng lực của cha mình. Năm đó chị tôi 26 tuổi tây, tôi 16 tuổi tây, hai chị em chúng tôi sùng bái những người cộng sản, thấy họ nói thế nào cũng đúng.(1)

Năm nay 2007, tôi tròn 77 tuổi, cầm bút viết về cha mình, người đã được "đóng quan" từ lâu, tôi vô cùng tự hào về cuộc đời, với những cống hiến nhỏ nhưng thật sự không đơn giản của cha mình, đặc biệt nhân cách lớn của ông, trí tuệ minh mẫn, sáng suốt của ông. Dù ông luôn kêu gọi "đại đoàn kết", song ông phân biệt rõ trắng đen, phải trái, đã từng có sáng kiến về vấn đề chuyển địa bàn hoạt động của các đồng chí cộng sản năm 1940...

Vấn đề Bác Hồ dự kiến cha tôi làm Chủ tịch nước đó chỉ là một nước cờ của Bác Hồ khi Người nghĩ đến nếu năm 1945 cướp được chính quyền, tình thế đất nước sẽ ngàn cân treo sợi tóc. Cha tôi là chí sĩ yêu nước không đảng phái, nhưng ông biết chính nghĩa ở đâu, biết vì đại cục và sự nghiệp lớn của cách mạng giải phóng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Để đảm bảo mức độ chính xác nhất định, tôi đã tìm đọc "Sử Việt Nam" của Trần Trọng Kim, "Lịch sử Quốc dân đảng Trung Quốc", "Lịch sử Đảng cộng sản Trung Quốc", hồi ký của Lê Thiết Hùng: "Tôi được làm người học trò nhỏ của Bác Hồ", "Giọt nước biển cả" của Hoàng Văn Hoan... (Nếu như tôi còn trẻ, sẽ phải tìm đọc lịch sử thế giới, Nhật Bản và Trung Quốc... thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX; hơn nữa tôi phải sưu tầm đầy đủ các bài luận văn đăng trong "Bình sự tạp chí" Hàng Châu từ 1916 đến 1927, hai kỳ báo Việt Thanh tháng 1 và tháng 2 năm 1936... Để tìm hiểu đầy đủ con người cha tôi, thật ra không phải dễ, nhưng với tuổi quá "cổ lai hy" và với đôi mắt bắt đầu lòa, các việc đó đã quá tầm tay của tôi...

\*\*\*

Khoảng cuối năm 1937 cha tôi và anh Văn đi qua Vu Hồ. Sau khi ăn bữa

cơm chia tay ở khách sạn (cỡ trung trung) ở thị trấn, cả nhà chụp ảnh kỷ niệm, đây là tấm ảnh kỷ niệm thứ hai của cả nhà. Cha và mẹ ngồi, tôi đứng ở giữa, đằng sau từ trái sang phải là Lê Tân Dân, Hồ Diệc Lan, Lê Quốc Trụ và anh Văn. Trong ảnh cha tôi trông gầy gò với đôi mắt mệt mỏi. Khi đó cha đã mắc bệnh tim to. Mẹ tôi cho rằng cha bị tim to vì một lần từ mặt trận về phép, trong túi không có tiền, ông phải đi lậu vé xe lửa. Đến khi người soát vé xuất hiện, ông liền chuồn ra cửa toa, đang lúc tàu chạy, ông nhảy xuống và bị ngã đau. Nay nghĩ lại, nguyên nhân tim to là do cha tôi bị hen suyễn lâu năm. Thời gian làm "Lưu thủ chủ nhiệm" phần vì thu dọn cơ quan cho các vị đi lên Trùng Khánh, công việc hết sức bề bộn và bận rộn, phần vì Nhật đêm ngày bắn phá thành phố Nam Kinh, tinh thần bị mệt mỏi ức chế, phần vì suy nghĩ về cách đối xử của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc có cái gì đó không bình thường...

1- Suy cho cùng, cha tôi là người chủ yếu tư duy quân sự, ít có đầu óc suy tính sâu xa về chính trị, "Bức thư hiến kế" của cha tôi đã bộc lộ tư tưởng không cùng dòng với bọn Tưởng. Tôi cho rằng những năm 1930 - 1933, cha tôi hoạt động tình báo, Quốc dân đảng Trung Quốc nghi Lê Quốc Vọng làm gián điệp cho cộng sản, anh lại là bà con thân thích với cha tôi, tất nhiên khi đó cũng đã có một dấu hỏi về cha tôi, vì không tìm được chứng cứ, họ đành để im.

2- Nhiều lần Quốc dân đảng Trung Quốc tình nghi những hoạt động của cha tôi và những người Việt Nam được ông bảo trợ có liên quan đến cộng sản, cho nên năm 1936, tuy họ cho thành lập Mặt trận Việt Minh song không trợ cấp một khoản kinh phí nào để ông hoạt động. Hơn nữa, bọn Nghiêm Kế Tổ chắc có báo cáo gì đó với Quốc dân đảng Trung Quốc (tham khảo hồi ký Lê Tân Dân gặp Nghiêm Kế Tổ) và bọn Quốc dân đảng Việt Nam tìm cách phá sự hoạt động của Việt Minh (Cao Hồng Lĩnh kể với tôi). Do đó cuối cùng Việt Minh không hoạt động gì được, báo Việt Thanh ra được hai kỳ thì đình bản.

3- Hiến kế thư của ông kêu gọi đoàn kết mọi đảng phái yêu nước chống Nhật, tất nhiên hàm ý đoàn kết với Đảng Cộng sản Trung Quốc (không hợp "gu" của Tưởng). Qua đó Tưởng thấy xu hướng tư tưởng của cha tôi đã khác hẳn.

4- Một số đồng liêu khuyên cha tôi vào Quốc dân đảng Trung Quốc, cha tôi từ chối khéo, họ tất nhiên thấy cha tôi không đủ độ tin cậy.

Bốn điều trên dẫn đến khi Tổng hành dinh của Quốc dân đảng Trung Quốc dời về Trùng Khánh, họ loại cha tôi ra.

Cha về quân khu Trường Sa do Trương Trị Trung làm Tư lệnh. Ở đó, họ để cha tôi ngồi lĩnh lương, không giao công việc gì quan trọng. Còn sức khỏe ông ngày càng kém, cho nên ông cũng buông xuôi. Ông nghĩ những gì mình đáng làm - tham gia cách mạng phản phong phản đế ở Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn thì đã làm; Viết những luận văn quân sự, tham mưu một số công việc tác chiến ở Bộ Tổng tham mưu Nam Kinh mà không gây hại cho việc chống quân phiệt, ông đã làm. Ngoài ra những việc vận chuyển, cung cấp khí tài quân sự do trên chỉ đạo, ông buộc phải làm (nhưng chắc ông cũng có phần an tâm vì đã kịp chuyển những tin mật này cho Đảng cộng sản Trung Quốc); những việc làm cho cách mạng Việt Nam cũng như các đảng viên công sản Việt Nam, ông cũng làm đầy đủ. Tự xét mình không xu thời, không háo danh lợi nịnh bợ bọn đồng liêu, cấp trên... ông tự xét không hổ thẹn với mình, với anh em đồng chí. Tuy đứng ngoài Đảng, lòng ông khi nào cũng nghĩ về các đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Phùng Chí Kiên... nghĩ đến cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phải do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo mới thành công. Chỉ có điều ông nhấn mạnh đại đoàn kết, phát huy mọi lực lượng trong nước... Cho nên có thể nói "Bản hiến kế thư" của ông viết cho Tưởng Giới Thạch là suy nghĩ, là tâm tư cũng là nguyện vọng của ông đối với đất nước mình. Ông nói với gia đình:

"Giờ mình cũng già yếu, sự nghiệp cứu nước chỉ trông chờ các anh em trẻ



cộng sản. Nay bọn Tưởng đối xử mình như vậy cũng được, cái gì đáng làm thì cũng đã làm rồi...". Nay đọc hồi ký của Lê Thiết Hùng, tôi sực ngộ ra câu nói "Cái gì đáng làm thì cũng đã làm rồi". Chúng tôi vẫn nghĩ đó là ý nói về sự cứu mạng và nuôi dưỡng anh em cách mạng, nhưng thật ra vợ con ông chưa hiểu điều sâu xa hơn về câu nói đó.

Cả gia đình tôi lại gặp nhau cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm đó. Sau đó mẹ tôi ở lại Trường Sa, tôi theo chị về Ích Dương, nơi đóng quân của Lê Tân Dân. Từ Trường Sa về Ích Dương chỉ khoảng 100 km, cho nên tiện xe quân sự, hai chị em thỉnh thoảng (vài tuần) về Trường Sa thăm cha. Tôi bây giờ nhớ lại, chị Lan hay qua lại Trường Sa không chỉ thăm cha, mà còn đến liên hệ với cơ sở Đảng cộng sản Trung Quốc ở Trường Sa, Thiểm Bắc.

Có một câu chuyện vui:

Hôm đó, sau khi ăn cơm trưa ở Trường Sa với cha mẹ tôi, anh Hùng lái xe (xe con) đưa hai chị em về Ích Dương ngay giữa trưa. Có lẽ vì anh uống một chén rượu, lái xe lâu buồn ngủ, cuối cùng cái xe bốn vó chổng lên trời giữa ruộng. Khi đó chị và tôi ngồi đằng sau, tôi ôm hộp ruốc trứng tôm đang gà vịt, bỗng thấy ụpnh một cái, không hiểu chuyện trò gì, một lúc sau mới định thần thấy hai chị em nằm lộn ngược trong xe. Anh Tân Dân mở cửa xe, chị và tôi lồm cồm bò ra mới biết xe bị lộn ngược... Nhưng ba người không việc gì, tôi chỉ mất một chiếc răng.

Người đời, những người yêu cách mạng họ quý trọng cha tôi. Họ đánh giá cao nghĩa cử của cha tôi, họ tôn cha tôi là tướng Quốc dân đảng, mặc dù tôi thanh minh cha tôi chỉ là trung tá (họ không tin điều đó). Tôi không thích bất cứ một loại hào quang nào khoác lên gia đình tôi và ngay cả bản thân tôi, đó là loại hào quang hữu danh vô thực. Trong một gia đình cao quý: Bà nội tôi, cụ Lựa can trường vì nước, được cụ Phan Bội Châu tôn vinh danh hiệu "Tiểu Trưng", cha tôi nuôi hàng chục người cách mạng, trong đó chủ yếu là những đảng viên cộng sản, hơn nữa cha tôi từng cứu một số người (cộng sản) bị

Quốc dân đảng tình nghi là cộng sản.

Hồ Tùng Mậu, Lê Tấn Anh là hai thanh niên cộng sản đến với gia đình tôi sớm nhất. Những năm 1921, Lê Tấn Anh theo hoàng thân Nguyễn Cường Để xử tử tên mật thám Pháp Phan Bá Ngọc. Hai anh từng giác ngộ cha tôi tham gia tổ chức cộng sản. Sau khi cha tôi làm tình báo ba năm với Lê Thiết Hùng (1930 - 1933), Lê Tân Dân - Lê Thiết Hùng, hồi đó lấy tên là Lê Quốc Vọng, từng giác ngộ cha tôi tham gia Đảng cộng sản Đông Dương, cha tôi từ chối khéo: "Tôi đã tuổi già sức yếu, vào Đảng nhờ có khi vì sức khỏe không đáp ứng được với yêu cầu của Đảng thì hóa ra có lỗi. Mặc dù tôi không phải đảng viên, Đảng cần gì, tôi sẽ làm hết lòng thì có sao đâu chứ. Diệc Lan sẽ noi gương Hoa Mộc Lan đòi nhà Tống thay cha đi đánh giặc, nó sẽ thay tôi. Tôi giao Diệc Lan cho các anh đó...".

Khoảng hè 1937, Đảng điều động Hồ Diệc Lan, Cao Hồng Lĩnh đến Côn Minh gấp để về Hà Nội đóng vai Hoa kiều hoạt động bí mật. Đang chuẩn bị về nước, Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp) và Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng) ở trong nước tới Côn Minh, cho biết cơ sở Đảng ở Hà Nội bị vỡ, trước mắt không thể về nước được. Về sau chị ngày càng ốm yếu, lại vương cha tôi ốm nặng. Mẹ tôi bất lực, tôi còn quá nhỏ, cho nên năm 1940 - 1941, chị tôi không cùng Lê Thiết Hùng về nước hoạt động.

Riêng trong tâm hồn tôi đánh giá rất cao nhân cách, phẩm chất và đức độ của cha tôi. Thái độ ôn tồn, lời lẽ ôn tồn, cử chỉ, đi đứng ôn tồn là phong độ của cha tôi. Mẹ tôi tính thẳng, nóng nảy, suy cho cùng cũng không tránh khỏi tính hẹp hòi của người phụ nữ nội trợ. Do đó cha tôi có căn dặn các chú:

"Vợ tôi nóng tính, hay nói linh tinh, lèm bèm, dù sao cũng là đàn bà, các anh đừng có chấp. Cứ hãy nhìn vào tôi... (Hoàng Văn Hoan kể lại với tôi).

Có một đảng viên cộng sản từng xúc phạm sau lưng cha tôi, ông vẫn bỏ qua, hết lòng cộng tác công việc cách mạng với anh ta, không mảy may tỏ

một thái độ gì với anh. Ông vẫn nói, thanh niên tính khí cương cường hăng hái, nóng nảy, nhờ vậy làm được việc, nhược điểm không tránh khỏi, đừng chấp, hãy vì việc lớn. Tại sao ông ứng xử như vậy? Chung quy vì sự nghiệp cứu nước. Ông chủ trương đoàn kết rộng rãi để tranh thủ mọi khả năng cứu nước. Tuy nhiên ông chẳng hề hồ đồ chút nào. Ví dụ ông nói: "Nguyễn Hải Thần vì yêu nước, cũng là thế hệ "Đông du". Sau này cụ Phan mất, bọn tôi như rắn mất đầu, do đó ông ấy cũng đành lấy vợ Trung Quốc, vì sinh kế phải đi làm thầy bói. Nhưng nếu có dịp hoạt động, ông ta cũng sốt sắng, chỉ có mỗi tính tham tiểu lợi, ngại cộng sản. Tôi mời ông tham gia "Việt Minh" chỉ có lợi cho chúng ta, không nên ngại. Đã gọi là "Việt Nam độc lập vận động đồng minh hội", càng nhiều phe, đảng, càng là lá chắn tốt cho chúng ta, bọn Tưởng sẽ không nghi ngờ sự hoạt động của chúng ta".

Như trên đã kể, cha tôi đau yếu, nhưng ông vẫn làm việc tích cực ngày đêm, luôn theo dõi thời cuộc thế giới cũng như Trung Quốc. Tình hình cứu nước ông nắm được chủ yếu dựa vào các đảng viên cộng sản. Cha tôi rất khâm phục Nguyễn Ái Quốc có tầm nhìn xa và sâu sắc, rất mến phục những thanh niên như Lê Tản Anh, Thái Lai (Hà Huy Tập), Mạnh Văn Liễu (Phùng Chí Kiên), Lê Hồng Phong, chị Duy (Nguyễn Thị Minh Khai)... Ông đánh giá cao tài năng và nghị lực của họ.

Tôi vẫn suy nghĩ và thắc mắc, từng hỏi chị Lan và mẹ tôi, tại sao ông không chịu vào Đảng. Chị Lan vẫn nghĩ là vì cha tôi sức khỏe yếu, còn mẹ tôi nói: "Cha con theo chủ nghĩa Quốc gia của Phan Bội Châu (tức chủ nghĩa dân tộc)". Tân Tam dân chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn được cha tôi tin tưởng. Vậy tư tưởng của cha tôi là gì? Phải chăng là dân tộc dân chủ? Các đảng viên cộng sản vẫn cho Tam Dân chủ nghĩa của Tôn rất hạn chế, không có tầm tư tưởng cao như chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là khoảng cách về quan điểm giữa ông với các đảng viên cộng sản.

Cha tôi hoàn toàn không ủng hộ đường lối tư tưởng phản động tàn bạo của

Tưởng. Cho nên khi xảy ra "Sự biến Tây An" (Trương Học Lương, Dương Hồ Thành mời Tưởng lên Tây An bàn kế chống Nhật hay hòa đàm với Nhật. Tưởng lên Tây An, vùng căn cứ quân sự của Trương và Hồ, nơi giáp ranh với vùng của Đảng cộng sản Trung Quốc, Tưởng bị Trương cầm giữ vì lý do: nếu Tưởng không hợp tác với Đảng Cộng sản cùng nhau chống Nhật sẽ không thả Tưởng về Nam Kinh). Cha tôi kể lại câu chuyện đó với thái độ rất thú vị. Và trong "thư hiến kế" ông nói rõ đoàn kết với cộng sản. Nhưng ông đề nghị đoàn kết các đảng phái tiến bộ, đồng lòng kháng Nhật...

Không hiểu đây có phải là sự gặp nhau về tư tưởng giữa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với Hồ Học Lãm hay không. Bác Hồ có chỗ đứng là chủ nghĩa cộng sản, chỗ dựa là Đảng Cộng sản và quần chúng cách mạng. Còn Hồ Học Lãm chỉ có chỗ đứng là chủ nghĩa Dân tộc. Chỗ dựa của ông là sự giúp đỡ và sự tin tưởng ở lực lượng cộng sản là những người thực sự yêu nước, làm cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Đối với người cộng sản, họ chưa thể hài lòng với cha tôi vì họ cho ông không có quan điểm giai cấp, lập trường giai cấp. Điều này ở thời điểm đó là một mất một còn.

Thực tế, thời điểm cướp chính quyền, thành lập chính phủ Lâm thời, Bác Hồ đã xử lý đúng, cho các phe phái vào chính phủ. Nhưng công cụ bạo lực vẫn nằm trong tay Đảng, lực lượng quần chúng vẫn nằm trong tay Đảng. Cha tôi mất năm 1943. Nếu sống, ắt hẳn ông ủng hộ sách lược của Bác Hồ. Có lẽ cũng vì vậy, Bác dự kiến (hình như năm 41, 42 gì đó) nếu cướp được chính quyền, cử cho cha tôi làm Chủ tịch nước. Chúng tôi hiểu rõ rằng đó là thời kỳ "ngàn cân treo sợi tóc". Bác vẫn chủ trương như vậy chứng tỏ Bác có độ tin cậy cao đối với Hồ Học Lãm.

Có những tài liệu nói Bác Hồ gặp Hồ Học Lãm ở Trùng Khánh năm 1939. Điều đó không chính xác.

Hồ Học Lãm đến Trùng Khánh tháng 10 năm 1937 (từ Nam Kinh đến Trùng Khánh chờ lệnh nhận công tác khoảng gần một tháng). Nếu Bác Hồ thời kỳ đó không ở Trung Quốc, có nghĩa là hai người không gặp nhau.

Có khả năng là hai người gặp nhau năm 1939 ở Quý Châu (sau khi chúng tôi - mẹ tôi, chú Quốc Trụ và tôi đi Côn Minh).

Phùng Chí Kiên hai lần từ Côn Minh về Quý Dương, thủ phủ tỉnh Quý Châu đón Bác Hồ đều không gặp. Lần thứ hai, Phùng Chí Kiên và Đặng Văn Cáp (hồi đó gọi là Thước) gặp cha mẹ tôi. Tôi phỏng đoán: Phùng Chí Kiên có lấy địa chỉ của gia đình chúng tôi ở nhà ông Đỗ và để lại địa chỉ ở "Biện sự xứ Bát lộ quân" hoặc "Tân Hoa thư điểm" là trụ sở bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc (thành phố nào cũng có Tân Hoa thư điểm, nghĩa là đều có trụ sở bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc), đồng thời để lại chỗ hai ông bà địa chỉ của Trịnh Đông Hải...

Nếu quả thật có cuộc gặp bí mật giữa cha tôi với Bác Hồ, tôi nghĩ chỉ có thể ở thời kỳ đó. Cũng có thể không, bởi vì Bác Hồ không hề tiết lộ việc Bác có gặp cha tôi. Có lần tôi hỏi anh Lê Thiết Hùng: "Bác Hồ và thầy đã gặp nhau lần nào chưa?", anh trả lời dứt khoát là chưa.

Tôi nghĩ: Bác Hồ là người quen hoạt động bí mật, tính cảnh giác rất cao. Nếu không cần thiết lắm thì không gặp cha tôi. Vậy phải có cơ sở nào khẳng định hai người gặp nhau chứ?

Qua chuyện hoạt động tình báo, chứng tỏ tinh thần giữ bí mật của cha tôi cũng rất cao. Ông rất hiểu tính bép xép của vợ. Những gì ông nói với mẹ tôi đều thuộc loại không đáng bảo mật. Do đó, nếu có chuyện cuối năm 1939 (trước khi Bác Hồ về Côn Minh) hai ông gặp nhau, chả ai biết được.

Tất nhiên nếu có thì nội dung cuộc gặp gỡ phải rất quan trọng. Song, sau khi Phùng Chí Kiên nhận được thư cha tôi, một thời gian sau (chắc cũng

khoảng nửa tháng hay một tháng), Bác Hồ với các anh Phùng Chí Kiên mới gặp mặt ở Côn Minh và anh Kiên có đưa bức thư của ông Lãm cho Bác xem. Vậy có nghĩa là ông Hồ, ông Lãm chưa hề gặp mặt.

Cũng có thể hai người có gặp nhau (tôi giả thiết suy đoán) có trao đổi tình hình và thời cuộc. Tất cả đấy là tôi suy đoán. Chẳng có cơ sở gì chứng tỏ 1939 hai người có gặp mặt nhau. Điều quan trọng là Bác có cần thiết gặp Hồ Học Lãm không?

Trở về chủ đề chính, cha tôi theo chủ nghĩa dân tộc, dân chủ, nó là đúng hay sai tùy đời phán xét.

Cha tôi chủ trương đại đoàn kết. Ông nói đã gọi là làm cách mạng giải phóng đất nước, phải tranh thủ mọi thời cơ, mọi lực lượng, mọi khả năng. Sau khi đuổi Pháp khỏi nước mình mới giải quyết vấn đề nội bộ. Những người cộng sản cho rằng ngay từ trứng nước, những ai "dị kỷ" (khác với mình) thì phải diệt ngay. Chính cha tôi có khả năng đoàn kết rộng rãi nên bọn Vũ Hồng Khanh hết sức nể ông cụ. Nguyễn Hải Thần tuy cùng lứa tuổi với cha tôi, ông cũng rất quý cha tôi. Về thái độ quan điểm cha tôi khác họ, nhưng họ không có chứng cứ gì kết luận ông là cộng sản hay theo cộng sản. Bởi như ông đã nói với Nguyễn Hải Thần: "Bọn mình xuất dương Đông Du vì mục đích cứu nước. Kết cục bọn mình chẳng làm được gì và bây giờ chúng mình đều già rồi. Bọn thanh niên chúng nó hăng hái, xông xáo, làm được việc, hãy để họ làm thay chúng ta. Đừng gây khó khăn cho họ...".

Trong thâm tâm, cha tôi cho tư tưởng cộng sản có cái gì đó còn "hẹp hòi và cực đoan quá". Nay đã trải mấy chục năm chủ nghĩa xã hội, nhìn lại lịch sử cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, tôi thiết nghĩ những bản khoán của cha tôi là có cơ sở.

\*\*\*

Cách mạng tháng Mười là gương sáng một thời cho những ai có tư tưởng tiến bộ. Gia đình tôi năm 1936, 1937 thường đi xem một số phim Liên Xô. Tôi nghe nói Lenin, Stalin là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Liên Xô, qua phim ảnh tôi rất có thiện cảm với hai gương mặt đó.

Chị Lan thì không ngớt lời ca ngợi. Tôi hỏi mẹ hai lần tại sao cha tôi không vào Đảng. Một lần bà nói: "Thầy con rất khâm phục Nguyễn Ái Quốc, rất quý trọng anh Lê Hồng Phong, Phùng Chí Kiên, Thái Lai và chị Duy. Ông cho những thanh niên cộng sản đó thực sự dám làm cách mạng cứu nước cứu nòi, cho nên thầy con hết lòng giúp đỡ họ... Nhưng mà thầy con cho họ hẹp hòi, không có tinh thần đại đoàn kết vì sự nghiệp cứu nước...".

Nay đọc lại sách viết về thời kỳ cách mạng của Tôn Trung Sơn, chủ quan tôi cho rằng cha tôi chịu ảnh hưởng lớn của tư tưởng Tôn. Kể cả cụ Phan cũng vậy. Thế hệ các ông không có đường lối độc riêng của mình. Nếu họ không ngả sang tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản tiến bộ của Tôn Trung Sơn thì tất sẽ ngả sang tư tưởng chủ nghĩa cộng sản. Dù sao các cụ thuộc phái ôn hòa hơn, thích dân tộc độc lập, dân sinh tự do dân chủ, xây dựng kinh tế tư bản chủ nghĩa để dân giàu nước mạnh. Cha tôi theo tư tưởng Dân tộc chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn mà không đề cao nền tảng công nông thái quá. Ông rất coi trọng đoàn kết, không phân biệt giai cấp, không đề cao đấu tranh giai cấp. Vì thế những người cộng sản cho rằng trình độ chính trị của cha tôi yếu kém và ông không có lập trường.

Song trong đám "Đông du" chỉ có mỗi cha tôi là người ủng hộ những người cộng sản, là nơi những người cộng sản có thể dựa dẫm được.

Nhân cách của Hồ Học Lãm cao thượng, ông đã làm được nhiều việc lớn cho cách mạng Việt Nam, cho những người cộng sản Việt Nam và cho cả cách mạng và những người cộng sản Trung Quốc. Có lẽ vì vậy mà những người cộng sản chưa và không loại bỏ cha tôi ra khỏi hàng ngũ "cách mạng".

Hôm nay tôi viết những dòng này không thấy run tay. Hiện thực đã trả lời rõ khuynh hướng phát triển tất yếu của xã hội, nhưng nếu hai, ba mươi năm về trước, viết ra những suy nghĩ này chắc chắn tôi sẽ bị quy kết, phải điêu đứng, gia đình tôi không mọc mũi sủi tăm được. Khi đó, con người hay mắc chứng giả dối, nói những điều không thật với lòng mình.

Tôi thiết tưởng nhiều người bị chết oan vì không giả dối, họ nói cái mà họ nhận thức chứ không nói rập khuôn theo kiểu cấp trên dạy bảo.

Con người là sản phẩm của lịch sử. Vì cha tôi không tán thành tuyệt đối đường lối cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin, bị những người cộng sản sống trong gia đình ứng xử với thái độ nể ông Lãm vì "nghĩa", không trọng hãn vì "lý". Vì sách lược, thấy ông là người yêu nước thực sự, cho nên họ sử dụng ông cũng chỉ như một con bài chính trị mà thôi. Cha tôi cũng hiểu thế. Ông không trách móc, chỉ luôn tự nhắc mình: Miễn là được việc cứu nước! Ông dám gạt bỏ cái "tôi" - sẵn sàng làm lá chắn cho những người cộng sản.

Đó là cái vĩ đại về nhân cách, phẩm chất về tư tưởng yêu nước của Hồ Học Lãm. Ông không hám danh lợi cá nhân. Ông có làm chủ tịch hay chủ nhiệm cũng vì vị thế ông là sĩ quan Quốc dân đảng Trung Quốc có thể che mắt bọn Tưởng.

Một hôm ông kể chuyện trong bữa ăn: "Bọn đồng liêu là bạn thời trường Bảo Định có khuyên mình (ông xưng mình với mọi người) nên vào Quốc dân đảng. Nhưng vào làm gì, Quốc dân đảng nay thoái hóa, không đi đúng đường lối cách mạng của Tôn Trung Sơn, tất nhiên mình không thể vào được. Cho nên mình từ chối khéo".

Ngày chủ nhật, cha tôi hay chơi "mà chược" với bọn đồng liêu, tôi những tưởng cha tôi thích chơi "cờ bạc". Nay nghĩ lại mới hiểu đó là một phép che mắt thiên hạ của ông. Chắc chắn những năm 1930 - 1933, ông sẵn được nhiều tin cũng nhờ "xô mà chược". Việc cha tôi hoạt động tình báo mãi khi đọc hồi



ký của Lê Thiết Hùng tôi mới biết.

1. Năm 1996, Ban Bí thư Trung ương Đảng hỏi Viện Hồ Chí Minh về ý kiến của Bác Hồ đối với chí sĩ Hồ Học Lãm. Trong bản dự thảo tờ trình ngày 19-3-1995 của Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, có đoạn: "Lời Bác Hồ nói với thiếu tướng Lê Thiết Hùng" như sau:

"Ông Hồ Học Lãm là người yêu nước cùng thời với Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân... là những bậc lão thành cách mạng hết lòng vì nước vì dân. Tuy ông chưa phải là người cộng sản, chúng ta vẫn coi ông như người trong tổ chức của chúng ta. Nếu ông còn sống, có thể mời ông tham gia Chính phủ, làm Chủ tịch nước năm 1945".

Lời văn trích này được Giáo sư Tiến sĩ Chương Thâu trang trọng đưa vào đầu bản tham luận của ông trong hội thảo về chí sĩ Hồ Học Lãm tổ chức tháng 6-1996 ở Vinh.

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 8

Mẹ tôi tên là Ngô Khôn Duy, là con gái cả của Thần Sơn Ngô Quảng - một bộ tướng của Phan Đình Phùng (phó lãnh binh). Ông ngoại tôi là người mưu trí, gan dạ, tôi nghĩ ông cụ là người nhỏ nhắn và cực kỳ nhanh nhẹn. Ông đã nhiều lần trốn thoát sự vây lùng của giặc Pháp ở các vùng núi cũng như trên sông, do đó nhân dân phong ông là Thần Sơn Thánh Thủy.

Sau thất bại của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Vũ Quang, ông ngoại tôi trốn tránh sự truy lùng của giặc Pháp và tập hợp các bạn chiến đấu, các nghĩa sỹ gây dựng cơ sở nhưng sự nghiệp dở dang. Ông quê ở làng Tam Đa, xã Thần Lĩnh, huyện Nghi Lộc (Nghệ An) - nay là xã Nghi Hưng. Thần Lĩnh là tên xã sau Cách mạng tháng Tám 1945 lấy tên hai nhà cách mạng ở địa phương: Thần là Thần Sơn Ngô Quảng; Lĩnh là Trương Văn Lĩnh người làng Tuy Anh nay thuộc xã Nghi Phương. Trương Văn Lĩnh vốn là thanh niên công giáo yêu nước xuất dương sang Tàu, đã tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố, là đảng viên cộng sản Trung Quốc, tham gia Quảng Châu công xã. Ông Lĩnh là người có nhiều công lao với cách mạng Trung Quốc và Việt Nam. Ông về nước năm 1940, bị Pháp bắt và cầm tù. Xã Thần Lĩnh nay gồm các xã: Nghi Phương, Nghi Hưng, Nghi Đông.

Nhìn ảnh lúc trẻ, mẹ tôi là một người phụ nữ xinh xắn, nhỏ nhắn. Bà tính rất nhanh nhẹn, hoạt bát, hay đọc Truyện Kiều và thơ Đường. Bà kém cha tôi 9 tuổi, nghĩa là sinh năm 1893. Mẹ tôi có đôi mắt nhanh, rất sắc sảo, đồng tử màu hơi xanh lục. Mẹ tôi là người có khả năng ngoại cảm và tôi liên tưởng bà rất giống ông ngoại tôi. Cậu tôi là Ngô Chính Học có gương mặt rất giống mẹ tôi - nghĩa là ba cha con cụ Ngô Quảng rất giống nhau.

Theo mẹ kể, ông ngoại nay đây, mai đó, do đó phải gửi bà ở nhà cậu ruột - anh bà ngoại tôi ở một làng ven sông La. Cuối tháng 8-1946, mẹ có đưa tôi về quê ngoại ở Hà Tĩnh, những ông bà bằng tuổi gọi mẹ tôi là o Quảng. Người nhà con cháu ông cậu hầu như không còn ai... Mẹ về thăm vài tiếng rồi đi khỏi làng luôn. (Hồi đó tôi còn ngô nghê quá, cho nên không ghi nhớ tên làng xã gì cả).

Bà nói, quê ông ngoại là làng Tam Đa, Nghi Lộc, Nghệ An, ở quê cưới vợ chưa kịp có con ông đã bỏ nhà theo cụ Phan Đình Phùng. Bà ngoại đẻ ra mẹ tôi là vợ thứ hai, người Hà Tĩnh. Sinh mẹ được vài ba tuổi thì bà sinh thêm một em gái. Mẹ tôi từ nhỏ không được ở gần cha mẹ. Về sau bà ngoại tôi bị Pháp bắt vì là vợ "giặc" và ốm chết trong tù. Người em gái thất lạc đâu không biết.

Bà kể: Vì thương em gái mình lặn lội theo chồng đây đó, cho nên ông cậu rất thương và cưng mẹ tôi. Bà khó tính đủ đường, mợ rất ghét bà, nhưng cậu rất mực cưng chiều, do đó tính tình mẹ càng canh cải hơn. Sau khi cụ Phan Đình Phùng ốm mất, nghĩa quân tan rã, ông ngoại vẫn tiếp tục hoạt động, thường hay tập kích vào doanh trại Pháp, chúng căm tức lắm, lùng sục khắp nơi, ông ngoại suýt bị bắt nhiều lần. Ông lấy tên con gái làm tên mình. Về sau lấy tên là Ngô Chính hoạt động ở các vùng làng đạo một thời gian.

Mẹ kể: Lần cuối cùng ông con bị săn đuổi ráo riết, ông trốn lên núi Ngàn Hồng (Hồng Lĩnh), chúng đổ xăng đốt rừng, ông trốn khỏi núi, bơi từ bên này bờ sang bờ tây, cải trang thành người đốn củi (tiều phu) và chạy trốn sang Lào, sang Xiêm. Năm mẹ hơn mười tuổi, từng làm giao thông liên lạc cho các nhóm hoạt động bí mật. 16, 17 tuổi mẹ sang Xiêm, học chữ Nho với cụ Đặng Thúc Hứa, đứng đầu lớp, do đó được cụ Đặng Thúc Hứa rất quý và mẹ là niềm tự hào của ông ngoại. 19 tuổi, mẹ được cụ Đặng Thúc Hứa đưa sang Trung Quốc học cùng một số thanh niên yêu nước khác.

Không rõ cụ Đặng Thúc Hứa và cụ Phan Bội Châu liên hệ thế nào, gửi mẹ

tôi vào học trường Đức Hoa nữ tử cao đẳng tiểu học tại Khúc Giang, Quảng Đông. Học 6 năm, bà tốt nghiệp năm 25 tuổi, qua mối lái của cụ Phan Bội Châu, cha mẹ tôi lấy nhau ở Hàng Châu. Hai năm sau thì sinh chị tôi - Hồ Diệc Lan năm 1920 (khi bà 27 tuổi, cha tôi 36 tuổi). Thế nghĩa là hai ông bà lấy nhau năm 1918.

Vì sinh nở nhiều lần, con chết yếu, bà bị chấn thương tinh thần (nhưng cha tôi không biết một tý gì). Bà kể, có lần đẻ xong con chết, bà ngủ 3 tháng 10 ngày, cứ thấy một con ngựa trắng chạy qua trước mặt. Sau uống nhiều thuốc bắc mới khỏi chứng mất ngủ và ảo giác (Sau này tôi kể cho bạn bè bác sĩ, họ cho biết bà bị tâm thần từ lần đó, nhưng vì trong nhà không ai biết, không chữa dứt điểm, cho nên bệnh tâm thần hoang tưởng nặng dần).

Bệnh tâm thần của mẹ tôi cũng quái ác lắm. Không ai biết bà có bệnh, bà không đập phá. Bà hay cáu và nói linh tinh, mọi người (các đồng chí cộng sản trong nhà) cho là bà khó tính, khắt khe và hay mắng mỏ người này người nọ. Các đồng chí ở trong nhà bằng mặt không bằng lòng, nghĩ là bà tiếc miếng ăn với anh em. Ngay cha tôi cũng không biết nguồn cơn sâu xa về mẹ tôi. Bây giờ tôi hồi tưởng lại mới thấy.

Mẹ tôi luôn nghi kỵ người xung quanh ghét mình, nói xấu về mình, do đó cứ tự nhiên vô cớ sinh sự trong nhà. Về sau luôn nghi kỵ có đặc vụ Quốc dân đảng, lưu manh theo dõi, muốn hãm hại bà. Trong tai bà luôn nghe văng vẳng tiếng người ta nói xấu mình (bà hay tâm sự với tôi như vậy, và bắt tôi theo dõi người ta - một người hàng xóm Trung Quốc đang nói xấu gì bà. Nhưng tôi chẳng hề nghe thấy ai nói gì về bà cả, họ chỉ kể cho nhau nghe thấy "rồng từ trên trời thả vòi rồng xuống hút nước như thế nào". Còn tôi rất thú vị những câu chuyện lý thú đó...).

Ở mẹ tôi pha trộn lẫn lộn cái thông minh, sắc sảo, trượng nghĩa, trọng người tài, yêu nước, thích làm việc nghĩa, việc thiện. Nhưng vì tính nghi kỵ, sinh ra khó tính, canh cải, tự cao tự đại, coi thường người khác, mặt sát người

khác thẳng cánh khi trái ý mình, sống không mềm dẻo, khéo léo lấy lòng người khác...

Những đồng chí như Thái Lai (Hà Huy Tập), Lê Hồng Phong, chị Duy (Nguyễn Thị Minh Khai), anh Liễu (Mạnh Văn Liễu - Phùng Chí Kiên), mẹ tôi hết lời ca ngợi: Họ là những người tài giỏi, không tẹt nhẹp hay nói xấu đồng chí của mình, biết tôn trọng người khác... Bà chê một số đồng chí ở trong nhà là trình độ văn hóa thấp nhưng lười đọc sách báo, không có chí tiến thủ, vô công rồi nghề, chuyên nói xấu nhau... (Có thật vậy không? tôi không rõ).

Thực ra cũng có không ít những người ở nhà tôi, do trình độ văn hóa thấp, nhận thức còn nhiều hạn chế, có lúc lại chờ thời cơ đi Liên Xô học chính trị, nhưng thời kỳ sau 1934 - 1935, Đảng Cộng sản Trung Quốc gặp rất nhiều khó khăn, không tạo điều kiện được cho các đồng chí cộng sản Việt Nam sang Liên Xô học được. Số người này cũng không về nước hoạt động được. Ở lại Trung Quốc, họ không có trình độ gì, cho nên cha tôi cũng không kiếm được việc làm cho họ. Mặt khác, họ cũng sống theo kiểu buông xuôi và chờ đợi... Tôi nhớ có anh Văn người Lào, anh hiền lành, văn hóa thấp, tiếp thu chậm, Lý Quang Hoa giúp anh học quốc ngữ (đa số những người ở nhà tôi không đọc được sách báo Trung Quốc), học một số kiến thức chính trị... Anh Văn cùng anh Giai, Đức, Thước (Đặng Văn Cáp sau này) giúp mẹ tôi làm việc nhà, cùng mẹ tôi đi chợ búa, nấu nướng hàng ngày. Một số khác như Lý Quang Hoa, Đỗ Đăng Trình, Hải (gì Hải không rõ), Đông A v.v... lau dọn nhà cửa. Chú Quốc Trụ cũng thuộc loại văn hóa thấp, chú đi làm nghề cắt tóc kiếm tiền. Lê Tân Dân lúc đầu là Ban trưởng (trung đội trưởng) về sau lên Liên trưởng (Đại đội trưởng) ở Binh đoàn cơ giới (Trung Quốc gọi là Khí xa binh đoàn). Khi lấy chị tôi hè 1937, anh là Liên phó (đại đội phó). Thời kỳ ở Lão Hà Khẩu là Dinh phó (Tiểu đoàn phó, có lẽ vì là người ngoại quốc, họ chỉ cho giữ chức phó). Lý Quang Hoa văn hay chữ đẹp đến năm 1938 là chuẩn úy văn thư trong quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc. Sau này tôi

phỏng đoán (trẻ con đâu có biết việc và mối quan hệ giữa người lớn) mẹ tôi đắc tội với nhiều đồng chí cộng sản. Họ ở nhờ cũng là điều bất đắc dĩ, ngoài mặt họ tỏ ra vui vẻ, trong bụng hết sức không bằng lòng mẹ tôi.

Căn bệnh mẹ tôi mắc phải là chứng tâm thần phân lập bị tiếp tục phát triển. Bệnh này, nghĩ lại thật đáng sợ, người bệnh không hề biết mình có bệnh, bên tai họ có những tiếng nói văng vẳng về sự thù ghét, hãm hại. Người ngoài không thể biết và không thể tin mẹ tôi mắc bệnh. Bà không đập phá gì, nói năng, suy nghĩ vẫn tỉnh táo, tinh tường. Cha, chị và tôi không hề biết mẹ có bệnh, chỉ riêng anh Lê Tân Dân biết, nhưng có lẽ anh cũng phỏng đoán vậy thôi.

Sau khi thầy tôi mất (1943), cuối năm 1945, Chính phủ ta cho người đón ba mẹ con tôi về nước. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, mẹ tôi sống ở làng Quỳnh Đôi. Bà có tham gia một số công tác ở làng và được kết nạp vào Đảng cộng sản, được bầu làm Chủ tịch Hội Liên Việt của làng Quỳnh Đôi. Sau năm 1954, mẹ tôi chuyển ra Hà Nội, làm việc tại báo Nhân Dân và sống với gia đình tôi.

Khi ở Hà Nội, khoảng những năm 1960, 1970, có lần tôi nói chuyện với anh Lê Tân Dân:

"Anh nhỉ, khi ở Trung Quốc, anh em trong nhà ghét mẹ, có lẽ cho rằng mẹ tiếc miếng ăn, hay mẹ có như vậy thật?".

Anh nói:

"Không phải đâu, mẹ tính nóng và thẳng, hơi "điên điên", em và Sinh, (chồng tôi, họa sĩ Đặng Đức Sinh) đừng chấp mẹ, mặc mẹ, mẹ có bệnh. Do anh em không hiểu chứ mẹ không có tính nhỏ mọn như vậy đâu... Mẹ sinh nở nhiều lần mà không nuôi dưỡng được, cho nên mẹ buồn sinh ra chứng yếu thần kinh...".

Năm 1977, mẹ tôi mắng chửi suốt đêm, nghi một cậu hàng xóm 15 tuổi bêu xấu hình mình dán ở Bạch Mai, nghi con gái mình ăn cắp tiền của mình... Có lúc bà cụ dẫn vật, chửi bới, làm sôi xương nổi thịt đến mức tôi muốn tự tử. Mẹ tôi ghét Sinh lắm, tôi cũng không hiểu vì lý do gì lại thế. Vì thương con trai (Hiền) mới 8, 9 tuổi, tôi nguôi được ý nghĩ đó. Anh Lê Thiết Hùng đưa xe đón mẹ tôi đi bệnh viện Tâm thần Thường Tín. Đến bệnh viện, toàn người điên, cơ sở vật chất rất tồi tàn. Tôi thương mẹ quá, khóc nức nở. Ba hôm sau, tôi yêu cầu anh Hùng cho xe đón mẹ tôi về. Cuộc sống lại điên đảo. Cho mẹ đi nhà thương điên thì thật không nỡ, không thể yên tâm được, đón mẹ về, cuộc sống gia đình lại như địa ngục.

Một hôm, bà Thanh (Nguyễn Thị Thanh - vợ ông Thiệp), cán bộ chính sách ở Văn phòng Trung ương Đảng, đến nói rằng sẽ cho mẹ tôi về trại "dưỡng lão" dành cho những người có công với cách mạng ở An Dương. Ở đó toàn các bà mẹ cô đơn có con hy sinh trong chiến tranh. Cơ sở và điều kiện mọi mặt với thời bấy giờ là ổn. Mẹ tôi được ở riêng một buồng. Do đó tôi cũng tạm yên tâm. Nửa năm sau, bà Thanh nói:

"Chồng em đến khóc với chị, kêu là bà cụ làm cho cả nhà sống không yên, hỏi chị có thể gửi bà về đâu được không? Một thằng đàn ông mà phải khóc thì khổ quá, cho nên chị mới xin cho cụ về đây...". Khi đó tôi mới vỡ lẽ, có lẽ nghĩ cái nghĩa đối với ông Hồ Học Lãm, cho nên Văn phòng Trung ương đã xử lý như vậy... Nhưng đúng hơn là nhờ bà Thanh, bà thương hai vợ chồng tôi nên mới giúp đỡ tận tình như vậy, đó là khoảng tháng 10 năm 1977. Trước đó, bà Thanh còn gửi mẹ tôi vào chữa bệnh ở bệnh viện E một tháng. Bác sĩ, y tá, bệnh nhân kêu trời vì sự khó tính "điên điên" của mẹ tôi.

Đến đầu năm 1980 thì mẹ tôi mất.

# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lâm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 9

Chị tôi là con gái đầu lòng, sinh năm 1920 - khi đó mẹ tôi 27 tuổi, cha tôi 36 tuổi. Tên khai sinh của chị đọc theo âm Hán - Việt là Hồ Diệc Lan. Diệc có nghĩa cũng là, có lẽ cha mẹ tôi mong con gái sẽ được như nàng Mộc Lan xưa, thay cha đánh giặc, trọn đường trung hiếu.

Chị tôi ra đời ở Hàng Châu, lớn lên ở Hàng Châu, từ nhỏ đã học rất giỏi, mới 16 tuổi đã tốt nghiệp Trung học. Chị là người có năng khiếu văn học và có ý chí muốn học lên đại học. Nhưng do sớm tham gia hoạt động cách mạng, theo trào lưu "vô sản hóa" và "trí thức công nông hóa", những người cách mạng đã thuyết phục chị tôi vào học và làm ở một trường nuôi tằm.

Vốn dĩ chị có sức khỏe rất tốt. Vì đi học và làm ở "Trường Tư tằm", ăn đói, mặc rét, đêm trực trông nom tằm ăn dỗi, chị từ một thiếu nữ to béo biến thành một tiểu thư gầy gò, ốm yếu. Sau khi về hãn nhà và lấy anh Lê Tân Dân, chị uống thuốc bắc, bồi dưỡng sức khỏe, hơn nữa khi đó chị mới 17, 18 tuổi, cho nên sức khỏe phục hồi khá nhanh. Nhưng đầu năm 1938, chị đi Thiểm Bắc (Khu Đỏ của Đảng cộng sản Trung Quốc), cuộc sống còn gian nan hơn thời kỳ ở trường nuôi tằm. Chị tôi kể với mẹ và tôi:

"Vùng Thiểm Bắc cực lạnh, dân phải đào hang động trong núi để ở. Trường Thiêm Công cũng vậy. Vùng đó núi đất đỏ, chị và mọi người đào rất nhiều hang, người ở trong hang hè mát, đông ấm, tuyết phủ dày cũng không việc gì. Mùa đông rét quá, một tháng mới tắm một lần, nước nóng dội, gió thổi rách da. Một lần lớp con đi hành quân để rèn luyện sức chịu đựng gian khổ. Cả đi cả về ba, bốn chục cây số. Một anh trong lớp về tới đơn vị, chân



cóng quá, nấu nước nóng ngâm chân. Vừa đung chân vào chậu, anh hét lên một tiếng, ngã ngất đi. Mọi người chạy tới, thấy mùi ngón chân anh rụng trong chậu, từ đó anh thành người tàn phế. Do đó, về sau đi hành quân về, chân dù cóng đến đâu, không ai dám ngâm nước nóng, chỉ lấy bàn tay xoa cho tan giá rồi ngâm nước âm ấm thôi. Đi ngoài trời rét đau hai tròng mắt, mũi tím tái không ai dám ủ khăn ấm, chỉ dám bốc tuyết xoa lên mặt và mũi. Cả tháng chỉ ăn bánh làm bằng bo bo với đậu khô om muối. Mỗi tháng được ăn thịt một lần. Cũng chẳng ai có tiền, cho dù có tiền cũng không có gì để mua... Áo quần quân dụng do quân đội cấp phát. Mùa rét ai cũng mặc quần áo bông dài, quần xà cạp...". Sự gian khổ mà chị tôi kể nghe thật hãi hùng. "Chương trình học là lý luận Mác - Lê (gồm Tư bản luận, Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử v.v...). Luận văn tốt nghiệp một anh đỗ đầu, con đỗ nhì". (Tôi thật tự hào về chị, nhưng cái giá trả quá đắt). Khi về tới Lão Hà Khẩu, chỗ giáp ranh giữa Khu Đỏ với Khu Trắng, chị tôi mắc bệnh lao. Khi đó chị tôi có hiện tượng húng hắng ho. Sáng ra, mặt trắng bệnh, hai giờ chiều hai má đỏ hây hây, một hai giờ đêm sốt nhẹ, đó là hiện tượng sơ nhiễm lao. Đó là xuân hè năm 1939. Vì thời kỳ đó không có thuốc đặc trị, vả lại không có tiền uống thuốc bổ, ăn uống đầy đủ, về sau phổi chị bị vi trùng lao ăn thành hang. Vì cuộc sống, chị tôi vẫn phải làm việc khuya. Đến 25 tháng 6 năm 1946, ba mẹ con về tới Hải Phòng. Sau khi về nước, bác sĩ Tôn Thất Tùng kiểm tra sức khỏe và kết luận chị tôi đã bị lao xương.

Thời kỳ ở Lão Hà Khẩu với anh Tân Dân, anh hết sức dành dụm tiền để chị tôi uống thuốc bắc và ăn uống bồi bổ sức khỏe. Sau này chị tôi tâm sự với tôi, "tuy không yêu anh ấy, nhưng chị phải công nhận anh là người chồng tốt, là một đảng viên trung kiên với Đảng; chị chỉ có tình thương đối với anh ấy thôi. Vì hai tâm hồn khác nhau quá. Anh ấy chỉ biết quân sự, không hiểu gì về văn học nghệ thuật và không chút rung cảm gì về văn học nghệ thuật... Trong 3, 4 tháng dưỡng bệnh ở với anh, chị viết một bộ tiểu thuyết 10 vạn chữ, nói về thanh niên yêu nước Trung Quốc tham gia cách mạng như thế nào, viết về những người bạn đồng học của chị. Tiếc rằng khi đi không mang

theo được, chị gửi anh ấy giữ hộ. Rút cuộc, trong một trận đụng độ giữa quân của hai bên, anh rút lui bằng xe cơ giới mà không chút thương tiếc, vứt bản thảo của chị... ". Chị nói với giọng rất đau buồn, xót xa, đó là tâm huyết của chị, là xương máu của chị những ngày tháng sống ở vùng Đỏ Thiểm Bắc Trung Quốc. Mùa hè năm 1939, chị về ở với mẹ và em, khi đó tôi 9, 10 tuổi, chị tôi 19, 20 tuổi. Hai chị em hay tâm sự với nhau. Tất nhiên, tôi nghe là chính. Chắc rằng qua đôi mắt và tinh thần chăm chú lắng nghe của tôi, chị tìm thấy sự chia sẻ, đồng cảm sâu sắc ở đứa em gái bé nhỏ của mình. Với lại, ngoài con em ra, chị tôi còn ai mà tâm sự nữa. Có những chuyện chị chỉ kể với tôi để vơi bớt những nỗi niềm trăn trở. Chị là người đa sầu đa cảm. Nhưng bây giờ, khi tôi đã lớn tuổi, hồi tưởng lại, tôi mới thực sự hiểu nỗi đau khổ của chị một cách sâu sắc và cay đắng.

Thật vậy, hai chị em cách xa nhau mười tuổi, chị là tấm gương sáng của tôi, tôi yêu chị, sùng bái chị và chịu ảnh hưởng lớn ở chị như nghị lực và lòng hiếu học. Đọc các tiểu thuyết văn học Trung Quốc, Nga Xô, Pháp, tôi đều theo sự hướng dẫn của chị. Bạn chị nói tôi có cặp mắt già trước tuổi (Sau này tôi bị va vấp rất nhiều về cuộc đời vì tôi sống quá vụng dại với đời, không hiểu tại sao bạn chị lại có nhận xét tôi như vậy? Có lẽ vì ở tôi, chịu ảnh hưởng của chị, sớm hình thành lý tưởng đối với cuộc sống, "lý tưởng" đó trở nên một sự mơ mộng viễn vông và quá viễn vông, đó là lý do tại sao ở tôi có cái "tôi" tỏ ra rất "khôn", nhưng va vào thực tế, chứng tỏ "tôi" lại rất khờ dại). Thôi, không nói về tôi làm gì. Hãy nói về chị tôi...

Vì từ bé tôi đã biết chị tôi yêu Trương Nộ Quân, đó là mối tình đầu sâu sắc, cao đẹp của đời con gái đầy thơ mộng và ước mơ của chị tôi. Do tư tưởng phong kiến, hẹp hòi và ích kỷ, cha mẹ tôi vô tình đã sớm bóp chết mối tình đầu đẹp đẽ của chị tôi. Nhẽ ra chị tôi có thể phát triển tài năng văn học của mình. Cũng vì tư tưởng vô sản hóa, học ít thôi, làm là chính. Thời kỳ đó cần sự hành động cách mạng, chị tôi không thể sống khác được. Kết cục chị tôi chết với cái tuổi mới 27, 28 trong đau thương, tiếc nuối vô hạn.

Có lẽ đó là cuộc sống! Sau khi chị tôi về nước một thời gian, gia đình anh Lê Thiết Hùng muốn anh ấy lấy vợ lẽ để sinh cháu đích tôn. Anh Hùng cũng không chịu nổi sự "góa sống", cho nên anh cũng đặt vấn đề đó với chị tôi. Chị tôi biết là mình không thể sống khác được, vì chị không thể sinh con cho anh ấy được. Chị đồng ý với một yêu cầu: cho chị được ly dị. Nhưng trong phẩm chất đạo đức cộng sản của anh Hùng lại pha nhuộm tư tưởng phong kiến. Anh muốn chị tôi vẫn là vợ cả, quan hệ giữa hai người trở nên khá gay gắt.

Tôi nghĩ, anh Hùng không muốn mình trở thành người phản bội người vợ thuở hàn vi, do đó anh phải bảo vệ danh tiếng "chung thủy". Chị tôi trả lời: "Tôi không quen làm vợ cả của ai cả. Tôi là một phụ nữ độc lập...".

Vì thấy chị tôi quá ốm yếu, anh Hùng biết chị tôi "gần đất, xa trời", anh phải nhượng bộ, không đòi lấy vợ nữa và ra Việt Bắc nhận nhiệm vụ mới. Thế là xong. Trước khi đi, anh sắp xếp chỗ ăn ở chu đáo cho chị tôi. Nghĩa là anh vẫn là một người chồng có "thủy chung". Suy cho cùng, anh cũng có cái khổ, và cũng không thể sống khác được.

Anh Hùng tuy không lấy vợ nhưng việc anh đòi lấy vợ lẽ cũng coi như một cú xóc, gây tử thương cho chị tôi. Sức khỏe chị tôi ngày càng xấu đi. Thật ra, chị tôi cũng quá "lý tưởng hóa" người cộng sản. Vì vậy, chị bị dẫn vật và đau khổ một cách uổng công.

Khi ở Bạch Ngọc chị nói: "Chính cuộc sống đầy cay đắng, chua xót, khiến chị càng muốn sống, nếu chị sống, chị sẽ là một nhà văn giỏi, chị căm thù tư tưởng phong kiến chà đạp lên những người phụ nữ... Em ơi, chị không muốn chết em ạ...". Tôi thương chị, lời thốn thức của chị như con dao đâm vào trái tim tôi, nếu như có phép lạ, tôi sẵn sàng chết để chị tôi được sống. Đó là suy nghĩ hết sức chân thành của tôi đối với chị tôi. Nhưng làm gì có phép lạ!!

Có lẽ trong 27 tuổi đời, chị tôi chỉ có từ sơ sinh đến 15, 16 tuổi là sống có

hạnh phúc, đó là hạnh phúc của một thiếu nữ được ăn học, vô tư lự chưa nếm trải mặt trái cuộc đời.

Chị tôi nói: "Chị là vật hy sinh của người khác, chị không có quyền sống như một con người đáng sống".

Khi chị tôi nói những điều đó, tôi hiểu ý của chị, nhưng hiểu một cách hơi hợt nông cạn vì tôi mới 16, 17 tuổi đời...

Về sau, mỗi lần hồi tưởng, lòng tôi thật đau xót, tôi chỉ có mỗi một người chị yêu quý mà tôi hằng sùng bái. Có những lúc, tôi thầm trách cha tôi và rất oán hận mẹ tôi.

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lâm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 10

Tôi yêu thích âm nhạc từ nhỏ. Năm 1936 - 1937 khi học lớp một, tôi được bố mẹ dẫn đi xem phim, nhớ được nhạc trong phim và tôi đã rất thích học piano. Cứ nghĩ là nhà mình giàu có, tôi ngỏ lời với cha: "Thầy ơi mua cho con cái piano". Cha tôi nhẹ nhàng bảo: "Không có tiền con ạ!". "Thế mua cho con đàn aminiom...", "Nhà mình cũng không mua nổi đâu con ạ". Tôi ngạc nhiên lắm và nghĩ trong bụng: "Lạ nhỉ, nuôi nhiều người thế mà thầy bảo không có tiền". Bây giờ nghĩ lại, thấy mình đúng là trẻ con chả biết gì, piano chỉ có gia đình tư sản thời đó mới có tiền mua. Armoniom tuy rẻ hơn piano, nhưng cũng to tiền lắm. Tiền thuốc thang bồi dưỡng cho cha tôi cũng không có, miếng ăn hàng ngày cũng như mọi người. Mặc dù cha tôi là trụ cột của gia đình, nơi nương tựa của nhiều đồng chí cách mạng, nhưng cha tôi chẳng được sống ưu ái gì hơn mọi người, song ông rất hòa nhã, vui vẻ với mọi người, không ai có mặc cảm là mình phải ăn nhờ ở đậu. Họ coi gia đình tôi là nhà của họ.

Sau khi cha tôi mất, tôi vẫn học phổ thông ở Quế Lâm. Cuối năm 1944, ba mẹ con tôi chuyển về ở Trùng Khánh. Tại đây tôi học ở trường Dục Tài. Ở trường này học sinh được nuôi ăn, học không mất tiền. Trường này dạy nhiều môn học như: văn học, vật lý, toán, hóa học, hội họa, kịch, âm nhạc... Tôi thích âm nhạc nên xin thi vào khoa âm nhạc. Sau một năm học văn hóa, tôi thi đỗ vào trường (thi năng khiếu) và được nhập học. Lúc đó là cuối năm 1944. Học được gần hai năm, đầu năm 1946, tôi theo mẹ và chị lên Thượng Hải.

Một hôm tôi đang tập piano thì có một người khách lạ đến nhà. Đó là một

người đàn ông thấp lùn, trắng trẻo trong bộ comple đắt tiền và đi đôi giày da bóng lộn. Ban đầu tôi rất có ác cảm với người này vì nghĩ rất cảm tính là: mọi người đều nghèo, đều khó khăn chỉ có người giàu có và bọn Quốc dân đảng mới ăn diện như thế. Mẹ tôi và chị Diệc Lan giới thiệu khách tên là Cấn Hào, người Sơn Tây. Vị khách mời ba mẹ con tôi đi ăn ở một tiệm cơm rất sang trọng.

Ít lâu sau tôi mới biết anh Cấn Hào là cán bộ của Đảng và anh đang tìm cách đưa ba mẹ con tôi về nước.

Đường về nước của ba mẹ con không ít gian nan.

Tháng 3 năm 1946, anh Cấn Hào chỉ đủ tiền mua 2 vé đi Thượng Hải cho mẹ tôi và chị Diệc Lan. Lúc này, gia đình tôi đang ở Trùng Khánh (thủ phủ của chính quyền Quốc dân đảng). Đầu tháng 5 năm 1946, anh Cấn Hào mua vé cho tôi đi Thượng Hải bằng đường thủy. Mới 16 tuổi lại phải đi một mình trên sông nước suốt một hành trình dài 10 ngày nên tôi rất sợ hãi. May mắn là trên tàu có một số nữ sinh đại học nên tôi vững tâm trong suốt hành trình. Đến Nam Kinh, tôi mua vé xe lửa đi Thượng Hải rồi đi xe tay đến tô giới Pháp (trại lính khố xanh, khố đỏ) gặp mẹ và chị.

Một tháng sau, anh Cấn Hào từ Trùng Khánh về Thượng Hải. Lúc đó mẹ tôi mới biết anh Cấn Hào đã thương lượng xong với Quốc dân đảng về việc tập hợp lính khố xanh, khố đỏ lại để đưa họ về nước. Ba mẹ con tôi cùng đi theo họ từ bến tàu thủy Thượng Hải về Hải Phòng. Đó là ngày 20 tháng 6 năm 1946.

Tôi vẫn nhớ rõ buổi tối hôm đó. Hầu như suốt đêm cả tàu không ai ngủ được. Những người lính khố xanh khố đỏ xa quê hương bản quán đã hàng chục năm nay được về nước nên họ rất nhiều tâm sự. Ba mẹ con tôi nằm ở tầng giữa. Chị tôi bị lao nên càng mệt... Ban đêm bỗng có tiếng hô thất thanh "Tàu chìm" và không khí trong tàu bỗng trở nên rất hoảng loạn. Lúc đó ba mẹ

con tôi chỉ biết nhìn nhau, tưởng chết... Hóa ra có một anh lính nằm mơ mà thốt ra hai tiếng khủng khiếp đó.

Tàu thủy chạy ba ngày ba đêm, đến ngày thứ tư thì hết lương thực. Cũng là lúc tàu sắp vào cảng Hải Phòng. Tàu thủy của Pháp ra yêu cầu dẫn tàu của chúng tôi vào đảo Cô Tô. Lãnh đạo trên tàu không làm theo yêu cầu của hoa tiêu Pháp, cử một số người trên tàu bơi vào bờ, những người này đều bị Pháp bắt giữ. Đến 12 giờ ngày 25-6-1946, chính phủ ta phải can thiệp với người Pháp, tàu chúng tôi mới vào được cảng Hải Phòng.

Sau này tôi mới biết con tàu chở chúng tôi vốn là tàu thủy chở vũ khí cho Quốc dân đảng đi Hoa Bắc đánh cộng sản Trung Quốc; nay lại chở người Việt Nam nên người Pháp sợ có vận chuyển cả vũ khí nên mới gây khó dễ.

Đến Hải Phòng, chúng tôi rất đói vì đã phải nhịn ăn từ chiều hôm trước. May là anh Cấn Hào còn ít tiền Đông Dương, anh mua một ít bánh cuốn chay chấm nước mắm. Bữa ăn đối với chúng tôi rất ngon và lạ, vì ở Trung Quốc không có, phần vì chúng tôi cũng đã quá đói.

Những ngày đầu ở Hải Phòng chúng tôi (ba mẹ con) ở nhà chủ tịch thành phố, sau đó có xe Quân tiếp phòng của anh Lê Thiết Hùng từ Hà Nội lên đón. Tháng sau (7-1946) ba mẹ con tôi về Nghệ An. Mọi sinh hoạt của chúng tôi do anh rể Lê Thiết Hùng chu cấp.

Cho đến mãi gần đây, tôi mới biết rõ về nhân thân anh Cấn Hào - ân nhân của gia đình chúng tôi. Anh Cấn Hào sau đổi tên là Cao Thanh Tùng, được biệt phái công tác ở Lào nhiều năm. Mãi sau anh mới chuyển về công tác ở trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương và về hưu tại đây.

Anh Cấn Hào - Cao Thanh Tùng đúng là ân nhân của gia đình chúng tôi. Tôi được biết rằng khi Phái đoàn Chính phủ ta sang Trung Quốc thương thảo (có Bảo Đại tham gia) về việc kết hợp đưa Hải ngoại quân Việt Nam về

nước, trong đoàn có ông Hà Phú Hương. Ông Hương có nhận chỉ thị của Cụ Hồ là đến Trùng Khánh tìm gặp bà Hồ Học Lãm và hai người con gái, nếu họ có nguyện vọng về nước thì đưa họ về. Bản thân anh Cấn Hào đã tự bán bộ comple sang trọng để chỉ đủ mua hai vé tàu cho mẹ và chị tôi lên Thượng Hải (khi đó đoàn của ông Hà Phú Hương chưa đến Trung Quốc). Còn với tôi, cực chẳng đã, anh đành phải nói với ông Hương là không thể lo được, khi đó ông Hương mới cấp kinh phí cho nốt tôi về nước.

Đầu năm 1947, tôi tham gia đội tuyên truyền kháng chiến Liên khu IV. Việc làm là các hoạt động văn nghệ, hát hò, diễn thuyết chủ yếu cho Hoa kiều để động viên họ tham gia kháng chiến. Sau đó tôi được chuyển vào hoạt động ở nội thành Huế.

Tôi sinh ra, lớn lên và học hành từ nhỏ ở Trung Quốc nên khi về nước tôi mới học Quốc ngữ. Nhờ nhà thơ Chế Lan Viên dạy mà tôi mới biết viết câu văn tiếng Việt. Đó là thời gian khoảng 1948 - 1949. Biết được điểm yếu này nên anh Hồ Tùng Mậu (người anh con chú tôi) xin cho tôi học trường Văn hóa Hoàng Hữu Nam ở Nghệ An. Tại trường này tôi được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Một năm sau, tôi lại được điều ra công tác ở Công an khu IV. Tại đây, tôi quen và yêu họa sĩ Đặng Đức Sinh, người chồng của tôi và là cha của các con tôi sau này.

Rồi tôi lại được chuyển sang Khu ủy khu IV, dạy lớp đào tạo phiên dịch tiếng Trung 6 tháng. Cùng dạy với tôi ở lớp này có anh Nguyễn Tài Cấn. Chúng tôi cùng soạn giáo án, dạy phát âm.

Rồi cả lớp học được lệnh chuyển ra Việt Bắc.

Tôi nhớ lúc: năm 1947 khi anh rể tôi - Thiếu tướng Lê Thiết Hùng được điều động ra Việt Bắc có để lại một số tiền lớn lắm. Mẹ tôi dùng tiền đó mua một số vàng và để bồi dưỡng cho chị Diệc Lan. Mẹ tôi khâu 12 cái lặc vào một giải vải rồi buộc vào lưng tôi, dặn giữ gìn cho hậu vận. Trên đường cùng



học viên ra Việt Bắc, đến Nông Cống (Thanh Hóa) tôi bán một cái lắc để có tiền chi tiêu và gửi về cho mẹ và chị. Còn toàn bộ số vàng (11 cái lắc) tôi hiến Đảng. (1)

-----

(1) Có Thư báo công của Văn phòng Trung ương Đảng, có chữ ký của các ông Phạm Văn Đồng, Vũ Kỳ và bà Thanh. Hiên tôi còn giữ thư này. (HML)

Cuối năm 1953, ông Nguyễn Chí Thanh sang Trung Quốc chữa bệnh, tôi được ông Thanh chọn làm phiên dịch. Có lẽ khi đó do tôi còn trẻ, sinh hoạt, nói năng còn quá tự nhiên chảnh, hoặc giả có lần do nhớ thầy tôi quá mà tôi đã muốn xin ông Thanh cho tôi thăm mộ thầy tôi, mà ông Thanh có nói: "Mi vào Đảng đã mấy năm rồi mà Đảng tính còn non lắm...". Rồi trong suốt ba tháng ở Trung Quốc chữa bệnh ông liên tục bồi dưỡng chính trị và các vấn đề lập trường, tư tưởng cho tôi. Khi đến Bắc Kinh, chúng tôi gặp cả ông Lê Duẩn cũng đang chữa bệnh. Ông Lê Duẩn có gợi ý để ông Thanh cho tôi ở lại Trung Quốc học, ông Thanh có nói: "Đàn bà không có việc gì về vang bằng làm phiên dịch... Mi thiếu là cần rèn luyện tính Đảng... Mi sẽ làm con nuôi ta...". Ông Thanh chỉ hơn tôi 14 - 15 tuổi!

Hòa bình lập lại, tôi được cử làm giáo viên Trung văn Trường Văn hóa Quân đội (phiên hiệu đơn vị là 126) ở Kiến An. Tại đây tôi có viết thư cho ông Nguyễn Chí Thanh xin được chuyển về Đoàn văn công Tổng cục chính trị để làm phiên dịch và được ông Thanh chấp nhận. Tôi về đoàn Văn công Tổng cục chính trị đúng dịp có lớp đào tạo thanh nhạc, tôi còn trẻ lại có năng khiếu âm nhạc nên được lãnh đạo đoàn giữ lại làm diễn viên. Đây là bước ngoặt quan trọng và lớn nhất của cuộc đời tôi. Từ đây cuộc đời tôi hoàn toàn gắn bó với âm nhạc. Mẹ tôi và cả người yêu tôi - Đặng Đức Sinh đều không muốn và không đồng ý cho tôi làm diễn viên. Có lẽ lúc đó và thậm chí cho đến bây giờ tôi nhiều ít biết được suy nghĩ thực, lo âu thực của mẹ và anh. Song tôi đã lựa chọn và không ân hận về sự chọn lựa của mình.

Tháng 5 năm 1955, tôi và họa sĩ Đặng Đức Sinh làm lễ cưới.

\*\*\*

Cuối năm 1956, Đoàn Ca nhạc dân gian Hunggari sang thăm và biểu diễn ở nước ta. Đoàn văn công chúng tôi có dịp giao lưu và biểu diễn với đoàn bạn. Khi sắp kết thúc chuyến thăm và biểu diễn, ông Laslodomahydi - đơn ca giọng nam trầm đồng thời cũng là người phụ trách đoàn bạn đã chính thức đề nghị Chính phủ và Bác Hồ cho nghệ sĩ Quốc Hương và Hồ Mộ La sang Hungari học hát, mọi chi phí do Chính phủ Hung đài thọ. Trên cơ sở lời đề nghị này, Bác Hồ đã đồng ý. Thật tiếc là lúc đó tôi đang có mang (cháu gái đầu lòng Hồ Lam Hồng) nên không đi được.

Đầu 1958, Nhà chỉ huy hợp xưởng Bắc Triều Tiên, ông Triệu Đại Nguyên đề nghị Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị (Cục trưởng là Võ Hồng Cương) cho tôi và Quang Hưng, Vũ Tự Lân đi học nước ngoài. Dịp này cũng là lúc hoàn cảnh gia đình tôi quá khó khăn. Mẹ tôi lúc đó đã sắp đến tuổi nghỉ hưu, bà làm một công việc bình thường ở Báo Nhân dân với mức lương bình thường là 51,5 đồng (có lẽ tương đương với lương Cán sự 2 gì đó). Lương chồng tôi chỉ cao hơn lương bà cụ mấy đồng, tôi thì không có lương, thêm một đứa con nhỏ quả là cuộc sống của chúng tôi không dễ chịu gì. Lại nữa, mẹ tôi là người tính khí không bình thường, bà và con rể rất không hợp nhau, tới mức không thể ở chung được. Chồng tôi phải ở riêng trong căn buồng vên vên có 6 mét vuông trên gác hai trong một ngõ nhỏ ở phố Dã Tượng. Ba mẹ con bà cháu tôi ở một phòng tầng trệt khu tập thể Kim Liên. Chỉ những đi lại, chịu đựng cũng đủ làm cho vợ chồng tôi kiệt quệ, thậm chí có lúc tôi vô cùng bế tắc...

Trong hoàn cảnh đó bỗng dưng tôi chợt nhớ tới những người mà một thời rất thân tình với gia đình chúng tôi, mà cũng đã rất lâu rồi tôi chưa có dịp gặp lại. Giờ đây hầu như tất cả họ đều có địa vị cao trong xã hội. Biết kể với ai,

biết ai là người có thể san sẻ cùng mình đây? Một buổi tối - khi đó tôi đang tập trung học ngoại ngữ ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - như một bản năng tôi ngồi vào bàn và viết thư cho Bác Hồ. Trong thư tôi kể thực hòa cảnh của gia đình tôi chứ không có đề nghị gì với Bác cả. Quả thực khi viết lá thư đặc biệt này tôi hoàn toàn không ý thức được hết việc làm của mình. Tôi chỉ mong muốn được một sự cảm thông và dù không có đề nghị gì nhưng tôi vẫn ngầm mong một điều gì đó như một phép lạ sẽ đến với mình. Tôi biết như vậy là yếu đuối, là tự mình làm tổn thương mình. Tôi đã định không gửi bức thư này. Sau đó tôi nhờ chị Nguyệt Ánh (vợ nhạc sỹ Doãn Nho) chuyển thư tới Bác nhân một dịp chị cùng đoàn nghệ thuật biểu diễn phục vụ tại Phủ Chủ tịch. Ít ngày sau anh Kháng (Cục Bảo vệ) đến gặp tôi báo tin là Bác đã đọc thư của tôi và gọi tôi tới gặp Bác. Ngồi trong phòng thường trực của Trường Đại học Sư phạm tôi khóc nức nở. Không phải vì vui mừng mà vì tủi thân khi chợt nhớ đến thầy tôi, tới những năm tháng chưa xa khi gia đình chúng tôi còn ở Trung Quốc; nhớ tới những hy sinh lớn lao của thầy tôi, người đã không quản ngại an nguy của cá nhân và vợ con để nuôi, cứu và hỗ trợ nhiều việc cho những người cách mạng Việt Nam... Sâu thẳm trong tôi có một cái gì đó lặng lẽ đổ vỡ, không một tiếng động, không thể phục dựng lại được nữa.

Tôi nhớ vào thứ bảy hay chủ nhật gì đó sau khi ông Kháng báo tin, tôi đến Phủ Chủ tịch. Trước khi gặp Bác, anh Vũ Kỳ có khuyên tôi đừng khóc. Có lẽ qua ông Kháng anh đã biết tường tận về trận khóc của tôi ở Trường Đại học Sư phạm. Đây không phải là lần đầu tôi được gặp Bác. Trông Bác khỏe, nhanh nhẹn và đẹp như một ông tiên vậy. Tôi cảm nhận được ở Bác có một cái gì đó rất phi phàm, khiến cho suốt thời gian bên Bác tôi không nói được câu gì, ý gì cho ra hồn cả. Bác hỏi thăm mọi người trong gia đình tôi, việc học tiếng Nga của tôi và động viên tôi yên tâm đi Liên Xô học. (Lúc đó tôi đã có quyết định đi tu nghiệp tại Nhạc viện Traicõpxki của Liên Xô). Bác còn khuyên tôi nên đưa cháu Lam Hồng (con gái tôi) cho bà nội nuôi, sợ ở với bà ngoại (mẹ tôi) cháu sẽ ảnh hưởng. Bác vẫn nhớ và đặc biệt rất không thích

tính tình của mẹ tôi. Ngoài những việc trên, Bác không hỏi thêm gì cả.

Cuối năm 1959, khi đang tu nghiệp ở Liên Xô, tôi nhận được thư của mẹ tôi. Bà cho tôi biết đã về hưu và được hưởng nguyên mức lương là 51,5 đồng. Bà còn viết thêm: "... Như thế là mẹ được ưu đãi lắm rồi".

Sau khóa đào tạo 1959 - 1966, tôi lại có dịp trở lại Nhạc viện Traicốpski thực tập một năm (1987 - 1988). Được đào tạo có bài bản, cơ bản về âm nhạc - mà đặc biệt là thanh nhạc - ở một nhạc viện danh giá mang tên Traicốpski đã giúp tôi rất nhiều trong việc giảng dạy và đào tạo các tài năng âm nhạc trong nước. Tôi tự tin trong công việc giảng dạy, đào tạo cũng như nghiên cứu thanh nhạc. Tôi say mê với công việc tới mức như quên cả bản thân.

Năm 2005, sau 6 năm miệt mài dịch và biên soạn, tôi cho xuất bản cuốn "Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương Tây" (sách dày 500 trang 16x24). Sách được giới nhạc sĩ và nhiều người trong nghề đánh giá cao về tính hệ thống về chiều sâu và chất lượng về lịch sử thanh nhạc. Cuốn sách này được giải nhì về sách biên soạn của Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Tháng 11 năm 2008, tôi xuất bản cuốn sách thứ hai mang tên "Phương pháp giảng dạy thanh nhạc". Đây là công trình mà tôi vô cùng tâm huyết vì nó là thành quả của cả một đời hoạt động thanh nhạc của tôi. Cũng như cuốn sách trước, cuốn này cũng được những người có liên quan trong giới đánh giá cao ở tính hệ thống, sự đúc kết tỉ mỉ mà đặc biệt có nhiều thông tin quốc tế mới về thực nghiệm khoa học về hoạt động của thanh quản trong ca hát. Đây là vấn đề mà trong nghiên cứu cũng như giảng dạy thanh nhạc ở nước ta chưa có ai đề cập. Trong cuốn sách thứ hai này tôi rất đặc nguyện khi đưa ra được những chính kiến riêng của mình trong lĩnh vực chuyên môn sâu của mình. Đó là: Những chính kiến riêng của tôi về vận dụng phương pháp thanh nhạc phương Tây vào ngôn ngữ thanh nhạc Việt Nam. Với trách nhiệm và lòng say đắm với nghề dạy thanh nhạc, với tất cả sự tự tin, trong cuốn sách này tôi cũng nêu rõ một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục nói chung -

đó là tư cách làm thầy: Đừng bao giờ đánh mất phẩm giá của người thầy.

Sau khi viết xong hai cuốn sách trên, hai mắt tôi thị lực giảm hẳn, rồi bị lòa. Tôi không đọc được sách báo, không đọc được Kinh Phật hàng ngày nữa, cũng như không xem được tivi. Các con cháu tôi lo lắng thuốc men điều trị, song cái cơ thể gần 80 tuổi của tôi xem ra đã đầu hàng. Cả hai cuốn sách tôi đều tự bỏ tiền ra lo mọi chi phí in ấn. Phần phát hành được không đáng bao nhiêu. Song tôi vô cùng phấn chấn vì mình đã làm được một việc có ích cho đời, cho nghề. Tâm thái tôi vô cùng thanh thản.

Liên tục suốt mấy chục năm làm công tác sư phạm thanh nhạc (khi thì ở Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội, khi thì ở Nhạc viện Hà Nội và cho tới giờ sau khi đã về hưu gần hai mươi năm), tôi không thể nhớ hết bao nhiêu lứa học trò, bao nhiêu ca sĩ mà tôi đã trực tiếp hướng dẫn, rèn cặp. Đa số họ từ rất lâu đã thành danh, đã có vị trí xứng đáng trong nền âm nhạc hiện đại, được đông đảo những người yêu mến âm nhạc hâm mộ. Họ luôn nhớ tới tôi như nhớ tới một người thầy có phương pháp thanh nhạc hoàn hảo, có phương pháp sư phạm tốt với thái độ chu đáo, tỉ mỉ, triệt để, đãi cát tìm vàng... Những buổi học của thầy trò chúng tôi luôn diễn ra trong không khí thân mật và phấn hứng. Chúng tôi vừa dạy vừa học hỏi lẫn nhau, cùng tìm ra chỗ nào (điều gì) đạt hay chưa đạt, cùng "đãi cát tìm vàng" nên thường thành công. Trong giảng dạy, rèn cặp học trò, tôi luôn hướng giọng hát của họ theo các chuẩn mực thanh nhạc cơ bản nhất như: Âm thanh phải tròn, đầy, mềm mại, uyển chuyển - Hát cổ điển, thính phòng phải đúng phong cách, hát dân tộc (dân ca) phải cố gắng vận dụng phương pháp thanh nhạc phương Tây kết hợp với các đặc điểm dân tộc.

Tôi nhớ tới ca sĩ - Nghệ sĩ ưu tú Rơchămpheng. Trong các học trò của tôi thì với tôi, Rơchămpheng là giọng thính phòng đẹp nhất. Cô ca sĩ có tính cách mạnh mẽ người dân tộc Giarai đã được giải ba Cuộc thi âm nhạc mang tên "Cẩm Chương đỏ" ở Liên Xô năm 1983; Giải nhất Liên hoan ca nhạc

quốc tế ở Bình Nhưỡng (Bắc Triều Tiên) năm 1990; Giải nhất cuộc thi âm nhạc thính phòng toàn quốc đầu năm 1996...

Tôi nhớ tới ca sĩ Xuân Thanh - tuy chưa có danh hiệu (Ưu tú hay Nhân dân) nhưng đã đạt những giải thưởng lớn ở nước ngoài: Giải nhất cuộc thi âm nhạc quốc tế ở Mông Cổ năm 1986; Cùng năm đó cô lại có giải khuyến khích về hát dân ca Côngcua Traicõxki ở Liên Xô.

Tôi nhớ tới các nữ ca sĩ - nghệ sĩ ưu tú khác như Hà Thủy với giọng hát bốc lửa; rồi Tố Uyên, Kim Khánh, Thu Hằng, Thúy Loan, Ngọc Hà... Mỗi người một vẻ đều có được những thành công về nghề nghiệp. Họ không còn ít tuổi nữa nhưng họ luôn giữ được ngọn lửa trẻ trung trong tiếng hát.

Đặc biệt tôi nhớ tới Nghệ sĩ Nhân dân Thanh Hoa. Cô học với tôi một năm và tôi đánh giá cao các tư chất của cô. Thanh Hoa có chất giọng đẹp trời phú đầy nhạc cảm. Cô nhả chữ mềm mại, biểu cảm đẹp, có tình. Ngoài ra, với tôi, Thanh Hoa còn là người đàn bà thông minh tuyệt vời.

Gần đây trong số học trò của tôi, nữ ca sĩ trẻ Anh Thơ nổi lên như một giọng ca đầy triển vọng. Cô chưa có danh hiệu, các giải thưởng âm nhạc cô đạt được tuy chưa thực ấn tượng lắm (Giải ba cuộc thi âm nhạc Sao Mai toàn quốc; Giải nhì cuộc thi ca nhạc thính phòng toàn quốc năm 2000) nhưng được người trong giới âm nhạc đánh giá cao. Trong trình tấu các ca khúc dân tộc Anh Thơ đã vận dụng rất mềm mại, uyển chuyển và có tình các kỹ thuật thanh nhạc hiện đại nên rất được công chúng ưa thích...

\*\*\*

Các học trò của tôi, đa số họ giờ đều đã thành đạt phương trưởng. Nhiều người trong họ giờ đã là bà nội, bà ngoại. Tôi tự hào là trong thành công về âm nhạc của họ có một phần đóng góp nhỏ của tôi. Tất cả họ đều có quan hệ thân tình, đầm ấm với bà giáo già là tôi. Đó là niềm tự hào và hạnh phúc

lớn lao của tôi.

Trong cuộc sống (có lẽ của bất kỳ ai cũng vậy chẳng?) có những việc bình thường bỗng trở nên làm người ta rất khó chịu, nó không quyết liệt, gay gắt nhưng không thể xả bỏ đi được, nó như ma dại lúc mờ lúc tỏ, ngấm ngấm, dai dẳng làm khổ ta. Đó là câu chuyện về việc phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ. Theo tôi có một cái gì đó không ổn trong việc thực hiện chủ trương chung cũng như việc đặt ra các tiêu chí có tính kỹ thuật trong các bước tiến hành. Ai cũng biết các danh hiệu được phong tặng là cao quý nếu nó phản ánh đúng thực chất những đóng góp, cống hiến của người được phong tặng. Là cao quý nên nó hấp dẫn mọi người. Là cao quý nên có được nó là hơn điểm người khác, thậm chí là tài giỏi hơn người khác v.v... và v.v....

Năm 1987 mới có đợt phong tặng danh hiệu đầu tiên cho cả giới nghệ sĩ. Tôi chuyển về Nhạc viện Hà Nội từ Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội năm 1984. Lúc đó, theo hướng dẫn của cấp trên mỗi khoa trong Nhạc viện chỉ được bầu một chỉ tiêu (tức được bầu một người). Tôi mới chuyển công tác về nên đã chủ động đề cử người khác. Cùng lúc đó ở nơi tôi công tác cũ (Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội) nhiều đồng nghiệp cũ đã đề cử tôi dù tôi không còn ở đó nữa. Tiếc là ông giám đốc N.V.Q đã thừa lý do để bác đề cử rất thiện chí này.

Năm 1990 (trước khi tôi về hưu một năm) tại khoa Thanh nhạc Nhạc viện Hà Nội tôi lại có trong danh sách đề cử cho việc phong tặng danh hiệu, nhưng chỉ được 59 phiếu, còn thiếu 2 phiếu mới đạt. Điều đáng nói là trong lần bầu bán này cả các anh chị ở nhà bếp, bảo vệ, tạp vụ đều được tham gia bỏ phiếu! Nếu tôi "linh hoạt" một chút, "đời" một chút thì chắc không phải chờ đợi thêm 8 năm nữa.

Năm 1991 tôi về hưu, cũng chính thức bị gạt ra khỏi diện được đề cử hay bầu bán. Ông Thứ trưởng kiêm Chủ tịch Hội đồng xét phong tặng danh hiệu nghệ sĩ nói thẳng thừng là không xét cho người đã về hưu, dù đã là giáo sư

hay phó giáo sư cũng không xét. Số người như tôi khi ấy không phải là ít và cũng không ít người nổi tiếng.

Mãi cho đến năm 2008 mới có chủ trương xét phong tặng danh hiệu nghệ sĩ và nhà giáo cho những người đã về hưu. Hội đồng xét duyệt của Nhạc viện Hà Nội đã đề nghị đặc cách xét phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân cho tôi và giáo sư Nguyễn Thị Nhung (vợ nhạc sĩ Huy Du).

Chắc các đồng nghiệp và những người có trách nhiệm trong Hội đồng xét duyệt của Nhạc viện Hà Nội đã nhận thấy những bất hợp lý trong trường hợp "tồn đọng" quá lâu của chúng tôi. Cá nhân tôi, tự nhìn thẳng vào mình một cách nghiêm túc nhất, tôi thấy rằng: Nếu lấy cái mốc là năm 1991 (năm tôi về hưu) thì cả trước và sau đó với tư cách là một nhà giáo thanh nhạc tôi đều có những thành tích nổi bật trong giảng dạy và đào tạo. Sự thành đạt của các học trò, các giải thưởng lớn nhỏ trong ngoài nước mà họ đạt được là một minh chứng. Các công trình khoa học, nghiên cứu của tôi đều được giới âm nhạc đánh giá cao, đặt biệt là cuốn sách "Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương Tây" được xem là có thể xếp vào loại sách giáo khoa về thanh nhạc... Cho nên xét toàn diện tôi tự thấy mình xứng đáng với sự đề cử đặc cách của Hội đồng xét duyệt Nhạc viện Hà Nội. Tôi vô cùng biết ơn các đồng nghiệp. Lá phiếu tín nhiệm (đặc cách) của họ có một ý nghĩa vô cùng đặc biệt đối với tôi, là sự ghi nhận cũng là một tình cảm ấm áp của họ dành cho tôi.

Thế nhưng Hội đồng xét duyệt có thẩm quyền cao nhất đã không chấp nhận đề nghị xét đặc cách. Lý do khá đơn giản: phải qua "Ưu tú" rồi mới được xét đến "Nhân dân". Tôi nhận danh hiệu Nhà giáo Ưu tú cuối năm 2008 ở tuổi 79, không vui không buồn.

\*\*\*

Nỗi dẫn vạt lớn nhất trong đời tôi là đã làm mất mộ người cha kính yêu. Cha tôi mất tháng 4 năm 1943 tại bệnh viện Quế Lâm Trung Quốc. Tôi nhớ



hôm đó đưa tang trời mưa tầm tã, chỉ có ba mẹ con tôi và một ít bạn thân người Trung Quốc đi theo chiếc xe chở quan tài cha tôi từ bệnh viện đến Cửa Nam thành phố Quế Lâm. Cha tôi được an táng tại Bát Kỳ nghĩa địa, ngoài cửa Nam không xa. Mộ ông nằm ở một khoảng đất rộng khá bằng phẳng, phía sau mộ có một ngọn đồi nhỏ, trên đồi có ngôi mộ một ông cử nhân đời Thanh.

Từ sau khi cha tôi mất, gia đình tôi đã chịu nhiều biến động lớn lao, trong những biến động còn lớn lao hơn của xã hội. Nhớ cha, thương cha nhưng tôi chẳng còn cách nào khác là nghĩ "vọng" tới cha trong niềm đau khổ vô bờ.

Cuối năm 1953 khi làm phiên dịch cho ông Nguyễn Chí Thanh an dưỡng chữa bệnh ở Trung Quốc, lúc ở Bằng Tường (chỉ cách mộ cha tôi 100 km xe lửa) tôi có nhiều lần gợi ý xa gần với ông Thanh cho phép tôi đi thăm mộ cha nhưng ông không để tâm tới. Ông cho đó là biểu hiện của Đảng tính non nớt và chỉ chú tâm bồi dưỡng lập trường cách mạng cho tôi. Trước sự cứng rắn của cấp trên, tôi không dám nài nỉ gì thêm nữa.

Năm 1961 khi đang học ở Nhạc viện Traicốpski Liên Xô, tôi có viết thư cho Công an thành phố Quế Lâm hỏi khá chi tiết về mộ cha. Họ trả lời tôi rằng: Năm 1960 họ đã có thông báo di dời tất cả mồ mả ở nghĩa địa Bát Kỳ, hiện tại đó không còn ngôi mộ nào nữa. Sự thật phũ phàng đó ám ảnh tôi. Nhiều lần tôi nằm mơ thấy mình vào một căn hầm rất to có rất nhiều hài cốt, trong mơ ảo lạnh lẽo tôi vừa khóc vừa lần tìm hài cốt cha mà không thấy. Tôi là người có lý trí mạnh mẽ, không mấy tin vào những chuyện "quàng xiên". Có lẽ do cụ báo mộng, tôi cũng không thể cắt nghĩa được.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1993 (sau khi chồng tôi bị tai biến mạch máu não) tôi làm phiên dịch cho Đoàn Cựu chiến binh Việt Nam do ông Trần Văn Quang dẫn đầu thăm Trung Quốc. Phía Trung Quốc có tạo điều kiện cho tôi về Quế Lâm. Tôi đến Bát Kỳ nghĩa địa thì toàn bộ đã biến thành những tòa nhà chung cư cho công nhân ở. Ngọn đồi nhỏ gần nơi cha tôi nằm vẫn

còn. Trên ngọn đồi đó ngôi mộ của ông cử nhân đời Thanh vẫn nguyên vẹn. Ôi, giá như...

Các con tôi thường động viên tôi rằng: "Mẹ đừng buồn nhiều, hoàn cảnh như thế là bất khả với tất cả mọi người...". Có thể thật nhưng tôi vẫn thấy mình là người có lỗi nhiều nhất với cha và hình ảnh căn hầm mờ ảo có nhiều hài cốt vẫn thường trở lại trong những giấc mơ ngắn ngủi của tuổi già tôi.

\*\*\*

Chị Diệc Lan tôi mất ngày 25 tháng 10 năm 1947 tại Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An. Lúc này ba mẹ con tôi vẫn ở với nhau. Chị tôi được an táng ngay tại nghĩa địa của làng. Hai tháng sau khi chị tôi mất có người anh em họ đăng chồng chị (Lê Thiết Hùng) từ quê sang Nam Kim nói với mẹ tôi: "Cụ ơi, đêm qua tôi chiêm bao lạ lắm. Thấy chị Lan kêu rằng: Anh Liêu ơi tội lắm, tôi nằm giữa vũng nước lạnh lắm". Mẹ tôi sai tôi và mọi người ra xem sự thể thế nào. Tới nơi thì thấy một rãnh nước ai đó khơi chảy qua mộ chị. Tôi và mọi người phải khơi cái rãnh khác và lấp cái rãnh cũ đi.

Trong gia đình tôi đặc biệt thương và nể phục chị Diệc Lan. Chị đối với tôi vừa đầm ấm mà gần gũi và chị không giấu tôi gần như bất cứ điều gì. Trước khi mất ít lâu chị có nói với tôi:

- "Em ơi chị không cam lòng chết. Nếu chị được sống chị sẽ là một nhà văn giỏi. Những nhà văn lỗi lạc đều sống trong đau khổ... Chị thấy chủ nghĩa phong kiến vẫn còn đè nặng lên cuộc sống của người phụ nữ, đây là một loại bóc lột nhân công không phải trả lương..."

Chị còn nói:

- "Nếu chị mất mỗi năm em đến thăm chị một lần và cho chị một bông hồng..."

Rồi chị lại nói: "Nói thế cho vui thôi. Chết là hết..."

Tôi hứa với chị nhưng chỉ thăm chị được có một lần và lần duy nhất đó cũng chẳng có bông hoa nào. Tìm đâu ra hoa lúc đó...

Khoảng đầu những năm 60 người em dâu của ông Lê Thiết Hùng có nói là đã cải táng và xây mộ lập bia cho chị Diệc Lan. Tôi tin là thật. Sau Hiệp nghị Pari 1972, tôi có hỏi ông Hùng để cùng về quê thăm mộ chị. Ông Hùng trả lời: "Anh đã đưa cho em dâu 100 đồng để cải táng, xây mộ làm bia cho chị Lan rồi. Không mất mộ đâu mà sợ". Ông Hùng có ý từ chối cho tôi đi cùng vì sợ bà vợ rất hay ghen ngược.

Năm 1993 tôi có dịp vào Nghệ An và liền về Nam Kim thăm mộ chị. Thì hời ơi, không có ngôi mộ nào được xây và có bia ghi tên chị tôi. Tôi có hỏi mấy người cải táng, họ nói: Chồng người em dâu bà có mang một cái tiểu đến và đưa cho họ 30 đồng làm mâm cơm cúng. Cái tiểu không có nắp họ phải tìm một tấm gạch bê tông (xi măng) làm nắp. Cái nắp bất đắc dĩ (thay thế) này không đủ che kín cái tiểu, phải lấy hai viên gạch đập thêm vào cho kín...

Nhiều năm rồi nên tôi không nhớ một chị táng ở vị trí cụ thể nào.

Về Vinh gặp người em dâu ông Hùng tôi khóc và muốn xỉ vả bà ta thật cay độc, song nhìn bà đã quá già nên tôi kìm lại.

Năm 1994, theo hướng dẫn của các nhà ngoại cảm, tôi vào Nam Kim lần thứ hai nhưng vô duyên nên vẫn không tìm thấy mộ chị.

Đầu năm 2003 vợ ông Hồ Học Hải (chị dâu ông Hồ Đức Việt) cho tôi biết: Bà Phương ở Hàm Rồng (Thanh Hóa) có nói: "Họ nhà chị có người tên Lan đã chết muốn nói chuyện với một người tên là La, hiện còn sống". Tôi và cháu Hiền (con trai tôi) thuê một chuyến ô tô vào Hàm Rồng hỏi chuyện cô

Phương, nhưng cô Phương nói không trúng.

Mùa hè năm ấy gia đình tôi đi nghỉ ở Cửa Lò. Cả nhà tôi lại về Nam Kim, song vẫn vô vọng. Về Hà Nội, tôi đến gặp nhà ngoại cảm Nguyễn Khắc Bảy và ông đồng ý đi theo gia đình chúng tôi về Nam Kim. Đến nghĩa trang ông Bảy có khẩn, đại ý là: "Cô Lan ơi, em ruột cô với cháu ruột cô đến tìm mộ cô... Xin cô cho con chuồn chuồn chỉ mộ cô...". Một lúc sau quả nhiên có con chuồn chuồn bay đến đậu rất lâu lên cái túi đựng đồ cúng, rồi bay lên đậu vào vai tôi. Lúc đó tôi đang bận bày đồ lễ nên ít để ý. Rồi con chuồn chuồn lại bay sang đậu vào vai cháu Hiền, lúc sau nó lại bay đậu khá lâu trên mu bàn tay (bàn tay đang cầm điếu thuốc lá) của người lái xe. Rồi con chuồn chuồn lại quay lại đậu trên chiếc túi du lịch đựng đồ cúng... rồi bay mất dạng. Nhà ngoại cảm Nguyễn Khắc Bảy chỉ mô đất cao bảo đào, đào mãi vẫn không thấy gì.

Lần thứ tư vào mùa xuân năm 2004 chúng tôi lại về Nam Kim. Lần này cháu Hiền mua mấy cái thuẫn sắt để thuẫn đất. Trước đó ít lâu, con dâu tôi - Trà, vợ cháu Hiền - có bạn quen nhà ngoại cảm tên là Nhã sống ở Sài Gòn. Cháu Trà có nhờ ông Nhã, ông Nhã nói rằng: "Chỗ nào có hoa tím là mộ bà Lan". Đến nghĩa trang chúng tôi thấy có một bụi hoa tím to, thuẫn mãi mà không thấy gì. Chúng tôi không hề để ý đến một bụi hoa tím nhỏ hơn ở mép ngoài nghĩa địa cạnh bờ ruộng. Lúc đã gần hết hi vọng, cháu Hiền gọi điện cho ông Nhã, ông bảo: "Hãy chờ, từ 12 giờ trở đi sẽ có một con vật đến báo". Rồi tôi thấy một con nhái nhảy vọt ra, chúng tôi hốt hoảng ùa theo nó và nó biến mất cũng bất ngờ như khi nhảy vọt ra vậy. Gần như tuyệt vọng tôi thắp mấy nén hương rồi gào to lên giữa nghĩa địa rằng: "Chị Lan ơi! Em biết lỗi với chị rồi. Chị cho em được tìm thấy chị, dù chỉ còn một năm đất chị ơi...". Chúng tôi tuyệt vọng ra về.

Sáu bảy tháng sau có người trong quê báo tin đã tìm thấy tiểu chị Diệc Lan tôi. Ở trong quê tôi đến lúc đó không có ai táng hài cốt trong tiểu. Nhà

nào giàu có thì hài cốt người đã khuất được cải táng vào nồi đất. Đa số cải táng trong chiếu cói hoặc tấm ni lông... Chiếc tiểu đó đứt khoát là tiểu chị tôi. Hai mẹ con tôi liền vào Nam Kim. Hóa ra một chú nông dân đi săn chuột đồng, con chuột bị săn liền chui vào một hốc nhỏ cạnh chiếc tiểu. Chú nông dân bới đất tìm chuột và phát hiện ra chiếc tiểu liền đánh dấu lại và báo với người làng. Khi chúng tôi đào lên thì quả nhiên nắp tiểu là một tấm bê tông xi măng che không hết miệng tiểu, hai viên gạch đập thêm đã rơi vào trong tiểu. Chúng tôi lấy hai viên gạch ra, trong tiểu chỉ còn một ít đất đen tươi xốp... Cháu Hiền có đóng một cái quách bằng gỗ giồi để đặt chiếc tiểu chứa hài cốt của dì Lan vào, rồi chúng tôi chuyển dì về an táng lại ở nghĩa trang thành phố Hà Đông.

Từ đây tôi mới thực hiện được lời hứa với chị Diệc Lan: Mỗi tháng tôi đến thắp hương cho chị tôi một lần và lần nào cũng có 5 bông hoa hồng, và lần nào hương hóa cũng rất đẹp.

\*

Ông thân sinh ra mẹ tôi (ông ngoại tôi) là cụ Thần Sơn Ngô Quảng. Cụ đã sớm tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Phan Đình Phùng. Sau thất bại của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Vũ Quang, ông ngoại tôi trốn tránh sự truy lùng của giặc Pháp và tập hợp lại các bạn chiến đấu, các nghĩa sĩ gây dựng lại cơ sở nhưng sự nghiệp dở dang. Cụ cùng một số chiến hữu phải dạt sang Thái Lan. Chúng tôi chỉ được biết cụ mất ở một địa danh là Trại Cây ở Thái Lan. Tất cả chỉ có vậy.

Người có tâm tìm mộ cụ là con trai tôi, Đặng Tri Hiền. Cháu Hiền là một kiến trúc sư trẻ có năng lực, nhưng điều tôi tự hào là cái tâm của Hiền đối với bố mẹ, ông bà, tổ tiên. Từ sau khi tìm được mộ dì Lan và đưa dì về an táng ở nghĩa trang Hà Đông, Hiền rất phấn chấn. Cháu nói với tôi: "Phải tìm bằng được mộ cụ Cố thì con mới toại lòng. Con sẽ cố tìm hỏi các nguồn bà con Việt kiều ở Thái Lan...". Tôi rất mừng nhưng lại nghĩ khó khăn quá.

Thật may là cơ duyên đã đưa hai mẹ con tôi đến dự buổi hội thảo về cụ Lý Phương Đức - một nhà cách mạng Việt Nam tiền bối bị những nỗi oan khuất tưởng như không thể giải được. Buổi hội thảo này do các con của cụ phối hợp với Hội Sử học tổ chức. Trong buổi hội thảo có ông Hồng là cháu đích tôn của cụ Đặng Thúc Hứa, ông đưa cho tôi xem một tấm ảnh. Bức ảnh chụp toàn cảnh một tấm bia mộ lớn, trên bia mộ có ghi rõ tên cụ Đặng Thúc Hứa, người thứ hai là cụ Cố Khôn và tiếp 3 người nữa. Dưới tấm ảnh có ghi rõ "5 liệt sĩ vì sự nghiệp cứu nước". Ngôi mộ và bia do đồng bào Việt kiều ở Thái Lan xây dựng trong một ngôi chùa lớn ở U Đon, cách Viên Chăn (Lào) 100 km. Trong hồi ký của cụ Lý Phương Đức có ghi rõ rằng: "Cố Khôn là bố đẻ của bà Ngô Khôn Duy vợ ông Hồ Học Lãm". Hai mẹ con tôi vô cùng mừng rỡ, đã xin chụp lại tấm ảnh quý giá này.

Năm 2006 tôi và cháu Hiền sang Thái Lan, đến U Đon và tìm tới ngôi chùa kể trên. Trong chùa có ngôi mộ lớn hợp táng 5 người Việt Nam yêu nước đã bỏ mình ở Thái Lan, trong đó có ông ngoại tôi là cụ Ngô Quảng. Vì là ngôi mộ hợp táng, lại được xây dựng rất công phu, đồ sộ cho nên chúng tôi không có điều kiện rước Cụ về Việt Nam. Sống giữa những Việt kiều yêu nước ở Thái Lan các cụ vẫn được ngưỡng mộ, chăm sóc đầy đủ như giữa những người ruột thịt. Không đón được cụ về nhưng lòng chúng tôi vô cùng cảm động ấm áp. Hai mẹ con tôi thắp hương, dâng lễ cầu khẩn các cụ, chụp ảnh lưu niệm rồi về nước.

\*\*\*

Tôi viết những trang đầu của tập Hồi tưởng này khi 78 tuổi. Giờ ở tuổi暮 80 tôi muốn kết thúc nó, một sự hồi tưởng ít vui sướng nhiều đau đớn, dường như cả cảm xúc nữa cũng đã quá sức chịu đựng của tôi. Hồi tưởng lại mọi sự việc xảy ra trong gia đình tôi mới hiểu sâu sắc với đầy đủ ý nghĩa của nó và trái tim tôi rỉ máu. Thật vậy, tất cả những người ruột thịt thân yêu của tôi được nhắc tới như những nhân vật chính trong Hồi tưởng này đã không còn

trên đời này nữa. Tất cả mọi đau khổ, cay đắng của họ không còn đối với cuộc đời của họ nữa. Còn tôi, tôi vẫn sống trên đời với đàn con cháu yêu quý của mình, đặc biệt là đứa con trai thông minh, khôn ngoan, hiếu đễ của tôi đã thương yêu tôi bằng hành động thiết thực là làm đủ cách tìm lại di hài - một nắm đất đen của dì ruột nó, chị ruột tôi. Tôi sung sướng trong đau đớn, nhiều đêm thổn thức khi nghĩ đến chị và cha tôi. Tôi thấy bây giờ tôi mới hiểu họ thực sự và mới yêu họ thực sự thì đã quá muộn... Song nếu không muộn thì phỏng tôi sẽ làm được gì nào?

Tôi thương xót cho mẹ tôi. Bà đã bị lãng quên một cách tàn nhẫn. Cha tôi không vụ lợi, ông đã mất. Chị tôi cũng mất sớm, mới chỉ cay đắng nửa phần đời trước khi ra đi. Còn tôi từ gần 10 năm nay đã là "phó thường dân". Nhưng tôi không oán thán, tiếc nuối điều gì vì chí ít tôi đã sống trọn vẹn cuộc đời mình. Nhưng tôi không phải là họ. Ngày mai tôi từ giã cuộc đời này cũng sẽ thanh thản. Chắc chắn là như vậy.

Tôi không có gì phải thất vọng.

Viết xong và hoàn chỉnh tháng 1 - Kỷ Sửu

H.M.L.

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Một Số Di Thảo Của Hồ Học Lãm

### "DỤNG BINH QUÝ CHỦ ĐỘNG"

(Việc dùng binh, quan trọng nhất là chủ động)

Từ khai thiên lập địa đến nay, có hàng nghìn vạn quốc gia trên trái đất này; khi đụng độ nhau, xảy ra chiến tranh thì chỉ có hai đường lối: chủ động hay bị động.

Tôi nghiên cứu, tìm tòi, thấy rằng thường là tám chín phần mười chủ động thắng bị động. Tại sao vậy?

Kẻ chủ động sức lực dồi dào, tư tưởng quả quyết, khí phách dũng mạnh. Kẻ bị động thì sức yếu kém, lòng do dự, tinh thần bạc nhược. Lấy yếu kém sánh với dồi dào, lấy do dự chọi với quả quyết, lấy bạc nhược chống lại dũng mạnh, không phải là kẻ trí giả cũng có thể phán đoán được phần thắng thuộc về ai.

Muốn dẫn chứng thực tế, có thể xem xét tình hình các nước cận đại khắc rõ:

Trong chiến tranh Đức - Pháp (1870 - 1871 - ND), nước Đức ở thế chủ động, ý chí sắc bén, mưu lược tinh vi, đánh ngay khi Pháp đang lúng túng, hốt hoảng nên chỉ trong trận đầu đã bắt sống vua Pháp, qua trận nữa chiếm kinh thành thủ đô nước Pháp.

Về chiến tranh Nhật - Nga (1905 - ND), Nhật chủ động tấn công. Binh lực



Nhật hùng mạnh, dân chúng trong nước hăng hái; còn quân Nga miễn cưỡng nghênh chiến, cho nên qua trận lục chiến, Nga thua tại Mãn Châu, sau trận hải chiến, quân Nga bị diệt ở Đối Mã. Nếu như Nga chủ động kháng chiến mau thì chắc đã thắng lớn hồi ấy. Kinh nghiệm lịch sử, chứng minh rằng chủ động là yếu tố không thể thiếu được trong phép dùng binh.

Xem lại Trung Quốc thì sao?

Trung Quốc có trên bốn trăm triệu dân, đất đai rộng lớn hơn hai mươi tỉnh thành. Đất rộng người nhiều như vậy há chẳng mạnh như voi, như sư tử hay sao? Đúng ra thừa sức đánh đông dẹp bắc, tung hoành giữa trời đất. Thế nhưng nay tra cứu lại lịch sử đối ngoại của Trung Quốc, qua bao trận đánh lớn nhỏ, trận nào cũng đến kết cục đại bại

Vì sao thế? Vì quốc gia giáo dục sai lầm về căn bản, lại mắc vào bốn chữ "bất cần viễn lược" (không chăm lo trù tính mưu lược lâu dài). Chính phủ thì chỉ biết lạm dụng vũ lực, sử dụng cạn kiệt sức lính. Dân chúng thì cầu an sợ chết. Giặc chưa đến đã hoang mang. Khi lâm trận thì hốt hoảng sợ sệt, đa số chỉ muốn chuồn nhanh. Quân thua thì nước mang họa, điều đó không thể tránh được.

Thử xem lại các cuộc chiến tranh lịch sử, ta sẽ thấy hầu như đa phần nước người tiến đánh Trung Quốc trước, mà Trung Quốc thì bị động. Nước Hiên Doãn xâm phạm bờ cõi, nhà Chu đánh trả yếu ớt. Quân Hung Nô đã lấn chiếm rồi, nhà Hán mới cử quân bắc chinh. Dần dần đến Ngũ Hồ làm loạn nhà Tấn; Thổ Phiên, Hồi Kỳ quấy phá nhà Đường; Tây Hạ, Bắc Liêu xâm phạm nhà Tống ngày càng dữ dội. Chỉ tại kẻ địch biết chỗ mạnh của họ là chỗ yếu của ta, nên đã giành quyền chủ động chế ngự ta ngay từ đầu, chiếm cửa ải, tiến thẳng vào nội địa.

Hốt Tất Liệt chỉ là một tù trưởng mà diệt được cơ nghiệp ba trăm năm của nhà Tống. Ai Tân Giác La (Mãn Thanh - ND) chỉ là một tộc thiểu số đã lật đổ

nhà Minh, chiếm cứ đất đai mấy vạn dặm. Lấy khí thế trẻ khỏe át tinh thần già cỗi, kẻ địch giành thắng lợi trong chớp lát một cách dễ dàng.

Đáng buồn thay cái cảnh hao binh tổn tướng của ta! Một quốc gia có lịch sử trên bốn ngàn năm, từng nghênh địch bao phen, dùng binh nhiều trận, nhưng không cuộc chiến nào không ở thế bị động, lâm vào vòng xoáy thảm bại. Gần đây Âu - Á giao lưu, vậy mà khí thế Trung Hoa càng thêm nhu nhược, lực lượng càng thêm yếu kém. Trong chiến dịch Viên Minh (cuối thế kỷ XIX - ND), Anh, Pháp ở thế chủ động, vua tôi Hàm Phong nhà Thanh ở thế bị động, kết cục bị đánh tan tác, quốc gia mang nhục lớn. Chiến dịch Triều Tiên (đầu thế kỷ XX - ND) phó tướng Hợp Phì bị động, rút cuộc phải cắt đất bồi thường. Than ôi! Quân họ khí thế hăng hái, quyết tâm chiến đấu, còn ta thì chờ địch kéo quân đến âm âm như sấm chớp mới miễn cưỡng chống đỡ, hoảng hốt che chắn. Vừa thấy địch đã dao động, trống trận chưa nổi đã xiêu hồn bạt vía, cho dù trăm trận cầu may thắng lấy một trận cũng khó lắm thay.

Mãi đến gần đây (trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918 - ND) Trung Quốc tuyệt giao với Đức, khiến một số người vội mừng cho tiền đồ nước nhà, vội khen là có dũng khí, có quyết tâm, dám ngang nhiên đương đầu với một nước mạnh bậc nhất hoàn cầu; tuy lời lẽ chưa đanh thép, danh nghĩa chưa chính thức, nhưng đã biết coi khinh kẻ địch mạnh, thế cũng là tỏ mặt với thế giới, khí thế lấn át hoàn cầu vậy!

Tuy nhiên, thử hỏi về mặt kế sách thì Trung Quốc đã thể hiện được tư thế chủ động chưa, hay vẫn là bị động? Thật ra, mọi người đều thấy rằng ta ở thế bị động. Trên từ tướng soái không dám có lời tuyên thệ khảng khái hào hùng, dưới đến quân sĩ không có tinh thần hăng hái dũng cảm. Tư tưởng mơ hồ, hành động ngập ngừng. Tình hình ta như cái trống cái chuông, có đánh thì vang, không đánh thì im bặt; cũng như lừa ngựa, quất roi thì đi, không quất thì đứng như trời trồng. Tư thế chiến đấu như vậy đó: Trên bộ pháo địch chưa

nỗ, quân ta đã tháo chạy; ngoài biển, tàu chiến địch chưa xuất hiện đã tranh nhau nhảy xuống biển để thoát chết. Như vậy liệu còn mong đánh bại quân thù, rạng danh non sông được chăng?

Hoặc có người nói: Thời thế phải vậy, kế sách nước ta ngày nay đành phải vậy. Thế giới ngày nay không thể không có địch, không thể không xảy ra chiến tranh. Song có điều là khi xuất quân thì phải chủ động. Tuy rằng chủ động, không có nghĩa là hành động nóng nảy, hấp tấp khiêu khích địch; cũng không có nghĩa là chưa có chuẩn bị đã đi đánh nước người. Nhưng ngay lúc thời bình, ta phải có mưu lược toàn cục, động viên toàn dân có lòng yêu nước nồng nhiệt thực sự, rèn luyện tư tưởng quân sĩ có khí tiết, ai ai cũng hăng hái, dũng cảm diệt địch. Đồng thời phải có chiến thuật mới, vũ khí mới, để khi đánh thì đánh đến cùng, nhất thiết phải giành vị trí sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Đường sắt phải xây dựng xuyên suốt trong cả nước, khi cần có thể vận chuyển súng ống lương thực. Dọc bờ biển phải bố phòng quân cảng để hạm đội có thể tiếp ứng nhau. Làm như vậy, quốc gia mới đủ sức ứng chiến, quân sĩ mới có tinh thần ứng chiến. Phải luôn quan sát các nước lân cận, tìm cơ hội lợi dụng nhau, nhân sơ hờ chống trả. Đã xuất quân thì phải chiến đấu như phong ba bão táp, dốc hết tinh thần lực lượng đánh địch, dám có tư tưởng vượt sông đánh đắm thuyền, chỉ tiến không lùi, một trận đã thu được thắng lợi, giành uy danh, định cơ nghiệp cho quốc gia. Làm như vậy, khó gì mà không mở được một kỷ nguyên mới về chiến công đối với nước ngoài cho Trung Hoa.

Người dịch:

MÔ LA và HOÀNG THANH ĐẠM

(Tạp chí Lịch sử Quân sự

số 2 tháng 2 - 1998)

## QUÂN NHÂN CHI ĐẠO ĐỨC LUẬN

(Bàn về đạo đức quân nhân)

Mưa đạn, ánh gươm, giết người, triệt thành... trong cảnh đất trời như thế, thủ đoạn như thế mà nói chuyện đạo đức, liệu có viễn vông chẳng? Không. Không viễn vông! Với kẻ vô đạo đức thì phải dùng tì sương, ba đậu sẽ công hiệu nhanh; với người đạo đức nên dùng sâm, truật, gạo, đậu, để thêm tác dụng tốt (1). Tiêu độc và bồi bổ, thiếu một mặt thì sinh tồn sao được. Với các quân nhân, đánh mất đạo đức là mất cả chất liệu sinh tồn.

-----

(1) Tì sương, ba đậu là hai vị thuốc độc trị được bệnh hiểm nghèo. Sâm, truật là hai vị thuốc bổ rất quý.

Có người bảo quân nhân phải coi trọng thể lực trước rồi mới đến trí lực. Hành quân chiến đấu, đói khát mệt nhọc, kẻ ốm yếu sẽ không làm tròn phận sự. Gặp địch ứng phó, tùy cơ biến hóa, người đàn độn tất không thể quyết đoán công việc. Vậy thì nói đạo đức mà làm gì? Cái đó chẳng cấp thiết gì đối với quân nhân.

Xin thưa, nói như thế là chưa suy xét hết lẽ. Chiến đấu kéo dài, lực độ lực, đôi bên đều khổ, trí chọi trí, cả hai bên cùng khó. Vậy mà trụ được lâu, xả thân vì nghĩa, cứu vận mệnh nước nhà ngay lúc sắp bị diệt, dương uy danh quân đội ở năm phút cuối cùng, nếu không có đạo đức quân nhân thì làm sao nói được những điều hi sinh cao cả như trên. Vì vậy, đạo đức quân nhân là điều không thể coi thường.

Xin trình bày mấy điểm chính trong đạo đức quân nhân như sau:

1. Một là yêu nước

Dấn thân nơi tuyết sương, gió cát chẳng ai khổ hơn người lính, thế mà chiến sĩ chúng ta cam chịu. Liều mình trong lửa bom, gươm giáo hiểm nguy ai bằng người lính, thế mà chiến sĩ chúng ta vui lòng. Vì sao? Chính là do lòng yêu nước thúc đẩy. Không hiểu động cơ yêu nước thì đừng nói về người chiến sĩ. Không biết yêu nước thì không thể làm người quân nhân. Chủ nghĩa yêu nước đầy rẫy năm châu bốn biển. Đó là chức phận tối cao của người chiến sĩ. Cứ xem cuộc Âu chiến hiện thời (2) thì càng hiểu lòng yêu nước là phẩm chất quân nhân, trước hết phải giáo dục, trau dồi. Xéc-bi là nước thế nào mà dám chống trả quân Áo? Bỉ là nước thế nào mà dám kháng cự với Đức? Chính là họ biết dựa vào tinh thần binh lính. Chiến sĩ Xéc-bi và Bỉ há chẳng biết ít không địch nổi nhiều, nhỏ không đấu nổi lớn hay sao? Thế mà hễ tác chiến là họ xông tới, coi cái chết như không, quyết đấu với hai cường quốc, không chịu khuất phục. Bởi trong tâm trí người lính chỉ biết có nước Xéc-bi, nước Bỉ mà thôi. Nhà ta có thể tan, nhưng lãnh thổ quốc gia không thể rơi vào tay địch. Thân ta có thể chết, nhưng quốc kỳ không thể trao cho kẻ thù. Hiện giờ hai nước Xéc-bi và Bỉ đã như đồng gạch vụn, nhưng giá trị người chiến binh Xéc-bi và Bỉ thì đời đời kiếp kiếp không mờ phai. Tinh thần yêu nước của họ ngời sáng như mặt trăng, mặt trời. Nói rằng hai nước Xéc-bi và Bỉ chưa hề mất cũng chẳng phải là quá đáng.

-----

## (2) Chỉ Đại chiến thế giới thứ nhất ở Châu Âu (1914-1918).

Nước nhỏ, dân ít như Xéc-bi và Bỉ mà binh lính họ như thế. Còn Trung Quốc đất rộng người đông gấp bao nhiêu lần, người lính Trung Quốc có thể yêu gì hơn yêu nước mình không? Từ thế kỷ thứ XIX đến nay, hai chữ "ái quốc" hầu như đàn bà con nít đều biết nói tới, binh lính lại càng nghe quen, hiểu thấu, mà tôi cứ da diết nhắc nhở ba quân. Bởi tôi mong lòng yêu nước ở ngay trong tinh thần binh sĩ, chứ không chỉ là câu đầu cửa miệng. Nạn nước chưa trừ thì gia tài có thể hủy. Nhục nước chưa rửa sạch thì thù riêng có thể

quên. Nền móng nước nhà chưa vững thì đảng tranh nên chấm dứt. Thấy có lợi cho nước thì hy sinh hết thảy mà xông tới. Thế mới gọi là yêu nước thực sự, thế mới xứng đáng là quân nhân chân chính. Đạo đức người lính không tách riêng mặt này mặt nọ. Quy về nguồn cội, tất cả đều xuất phát từ tư tưởng yêu nước. Yêu cái uy nghiêm của nước nên kháng định kiên cường. Yêu cái thể diện của nước nên đối ngoại nghiêm cẩn. Yêu cái chủ quyền của nước nên dốc lòng bảo vệ. Yêu cái thể lực của nước nên xây dựng đoàn thể vững mạnh. Tóm lại, một lòng yêu nước thì nghĩa vụ nhất định làm tròn. Bởi thế tôi xếp hai chữ ái quốc đứng đầu đạo đức quân nhân.

## 2. Hai là lễ nhượng

Đạo đức quân nhân, yêu nước là trên hết. Phẩm chất nãy mầm từ cái gốc yêu nước chính là đạo đức lễ nhượng. Lễ nhượng ở người lính là phục tùng mệnh lệnh. Có hai kiểu phục tùng:

Một là phục tùng như kẻ nô lệ. Phục tùng kiểu này tựa tựa như là đạo đức, mà kỳ thực chỉ là một thứ chó rơm (3) đã đem cúng xong. Rất mong quân nhân chúng ta chớ theo.

Hai là phục tùng trật tự. Kiểu phục tùng này mới thực sự là kiểu tối cao của tướng sĩ. Dù Quản Trọng, Gia Cát Lượng, Tôn Vũ, Ngô Khởi tái sinh (4) cũng không thay đổi được quan điểm này của tôi. Biết lễ nhượng tức là biết phục tùng trật tự: coi mệnh lệnh như búa rìu trước mắt, tận tụy với cấp trên như có cha, thầy giám sát ở bên. Cùng sống với đồng liêu khiêm tốn trong đối xử. Giao tiếp với binh lính thì trang nghiêm để khích lệ đức kính. Không vì địa vị cao sang mà kiêu, kiêu thì mất lòng đại chúng. Không vì địch yếu mà coi thường, khinh địch thì sẽ sa vào kế địch. Thủy đều do biết lễ nhượng. Đó là cái bùa hộ mệnh của quân nhân, là bí quyết của con nhà binh.

Xin dẫn chứng về chuyện xưa: Quân Tần kéo qua cửa Bắc Kinh thành nhà Chu, tỏ vẻ khinh thường vô lễ, Vương Tôn Mẫn (5) cả quyết là Tần sẽ thất

bại. Quả đúng lần ấy quân Tần bị quân Tấn đánh thua ở Hào Sơn, mất ba vị nguyên soái (6). Thế đó, quân nhân mà vô lễ thì kết cục sẽ chỉ làm tù binh mà thôi. Ông Liêm Pha biết đội gai chịu tội với Lạn Tương Như mà thành danh tướng (7). Ông Lý Tố cung tên sẵn sàng, bái phục nhận mệnh dưới chân Bùi Tấn Công mà nên bậc hiền soái (8).

-----

(3) Chó rơm: Xưa có tục bện hình chó bằng rơm đem cúng, cúng xong vứt đi.

(4) Quán Trọng là tướng quốc nước Tề thời Xuân Thu. Gia Cát Lượng là quân sư của Lưu Bị cuối đời Hán. Tôn Vũ, Ngô Khởi là hai nhà quân sự nổi tiếng thời Xuân Thu và đầu thời Chiến Quốc.

(5) Vương Tôn Mẫn: Là hậu duệ của Chu Cung Vương.

(6) Năm 627 Tr.CN, Tần đem quân đánh Trịnh, đi ngang qua cửa kinh thành vua nhà Chu mà tướng Tần không chịu xuống xe để tỏ lòng kính lễ, Vương Tôn Mẫn thấy vậy đoán trước là quân Tần sẽ thua trận. Quả nhiên, lần ấy quân Tần chẳng những không lấy được nước Trịnh mà còn bị quân Tấn phục kích ở Hào Sơn, ba tướng bị bắt sống.

(7) Liêm Pha là tướng quốc, Lạn Tương Như là thượng khanh. Lúc đầu Liêm Pha kiêu ngạo, về sau tự biết lỗi, đội gai đến xin lỗi Lạn Tương Như. Từ đó hai người đoàn kết phò tá nước Triệu bền vững.

(8) Lý Tố là danh tướng đời Đường, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của tể tướng Bùi Tấn Công, năm 816 đi bình định nạn cát cứ ở Hòa Tây, giành thắng lợi lớn.

Quân nhân không thể thiếu lễ nhượng. Điều này không viễn vông! Mọi người đều biết quân nhân Nhật gần đây đứng đầu Âu - Á, thế mà dù ở chức vị

nguyên soái, thượng tướng, giữa đường gặp viên hạ sĩ chào cũng đều giơ tay, gật đầu đáp lễ. Lễ nhượng là tác phong đẹp xưa nay. Hãy để tâm giáo dục đức lễ nhượng trong đạo đức quân nhân.

### 3. Ba là chuộng vũ dũng

Tôi đã nói về trau dồi lễ nhượng. Chắc có người bảo lễ nhượng làm nhục đức quả cảm, làm tăng tính nhát sợ. Đó đâu phải chủ ý của tôi. Xưa có câu: "Vận giáp trụ vào thì khí sắc bất khả phạm". Lại có câu: "Thấy giặc mà lùi không phải người lính". Phẩm chất lính không được coi hiền lành, nhu mì, thuần phục là đức tốt. Có lệnh tiến thì đạn rít trên đầu không sợ. Đức dũng cảm không nảy sinh phút chốc, mà phải rèn luyện đầy đủ trong lúc bình thường. Quân nhân phải trau dồi đức ấy. Đưa chân, vung tay phải hùng dũng, hiên ngang. Bồng súng, tuốt kiếm phải khí phách lẫm liệt. Khi vô sự phần khích thì khi lâm sự chinh chiến, ung dung, lúc nào cũng tràn đầy dũng khí như xông vào đám vạn quân. Thế mới gọi là ưu binh. Người lính chuộng tinh thần dũng cảm hơn hết. Đó là một đạo đức quân nhân.

### 4. Bốn là trọng tín nghĩa

Nói về chiến tranh, thường chuộng mưu chước lạ. Do thám địch tình, hay dùng kế xảo trá. Thế thì tín nghĩa không phải là cần thiết cho binh gia sao? Không. Không phải thế. Năm vận mệnh ba quân, quan hệ đến an nguy của cả nước, thì mọi mặt trong ngoài, tinh, thô phải chu đáo. Có thế mới gọi là danh tướng, là ưu binh được. Mưu chước lạ, kế xảo trá chỉ là phương sách ứng biến với kẻ địch mà thôi. Còn với nhân dân và quân đội ta thì dùng kế mưu quỷ quyết sao được. Muốn cho mệnh lệnh được tuân thủ thì phải dựa vào đức tín thực. Yêu cầu người khác tín thực thì bản thân phải tín thực trước. Lúc nguy cấp mà được người xả thân cứu giúp là nhờ có đức tín nghĩa từ trước. Muốn kích thích mọi người giữ tín nghĩa thì mình phải đề xướng tín nghĩa trước. Xảo trá đến như Tào Tháo mà cũng chịu hình phạt cắt tóc (9). Ấy là bản thân giữ chữ tín để thân phục ba quân. Quỷ quyết đến như Tấn Văn Công



mà cũng không dám ham cái lợi chiếm nhanh đất Nguyên (10). Ấy là bản thân nêu cao tín nghĩa mà chinh phục được chư hầu. Than ôi, nói lời rồi tự nuốt lời mà mong người khác thủ tín, thấy lợi lóa mắt, mất cả trí khôn mà muốn người dưới tận nghĩa, tôi chưa từng thấy ai thành công như thế. Xưa có câu: "Bỏ được ăn mặc, bỏ được binh bị, tín nghĩa không thể bỏ". Lại có câu: "Làm nhiều điều bất nghĩa, sẽ tự dẫn thân vào chỗ chết". Nội bộ sinh biến, bên mình xảy họa, thì e quý kẻ, kỳ mưu cũng khó mà ngừa được. Mong giới quân nhân gắng công trau dồi đức tín nghĩa.

## 5. Năm là tiết kiệm, giản dị

Lão Tử bàn việc binh có câu: "Quân lính có ba thứ báu phải quý trọng, giữ gìn. Trước hết là tiết kiệm! Có tiết kiệm mới rộng rãi". Câu nói ý vị thay! Đi diệt trừ bọn bại nghĩa thương nhân cho thiên hạ thì ăn vận thô gai là phải. Đến như người được Hoàng Thạch Công cho bí truyền cũng không bỏ được đạo ấy (11). Huống chi chiến tranh thời nay, nhu dụng rất lớn, gấp ngàn gấp vạn thời xưa. Một viên đạn bắn đi chi phí trót ngàn, một khẩu pháo mua về trả giá hàng vạn. Ấy là chưa kể các thứ quân nhu, quân dụng khác. Nhân dân đảm phụ nặng nề, trăm họ tùy xương vất kiệt để cung ứng cho quân đội. Quân nhân chúng ta nở lòng nào không tiếc xót, không dè sẻn, tiết kiệm cho được? Gặp khi hành quân đường dài, lương thực mang sẵn mười mấy ngày, nếu phải ngàn dặm tiếp lương thì tướng, soái cũng được no bụng đến ngày thứ hai. Gối đất nằm sương, liều mình trong gió rét, chốt quân nơi đồng trống, đói khát kề bên. Nếu ngày thường không biết chịu gian khổ, mặc vải thô, ăn cơm rau, rèn luyện thân thể thành sắt thành đá thì liệu ăn sương gió có no, khoác giáp sắt có ấm được không?

Giáo dục lối sống giản dị là phương thuốc hay đối với quân nhân. Lục quân ngày nay, danh tiếng lừng lẫy toàn thế giới, phải kể Đức và Nhật. Binh lính hai nước ấy cơm ăn một món, áo mặc một tấm, sinh hoạt, làm việc bỏ hết mọi thứ xa hoa. Vậy nên nước Nhật nghèo xác mà cầm cự với Đại Nga mấy

năm, nước Đức cô lập chống chọi với toàn thế giới hơn ba năm rồi. Giả sử quân đội hai nước ấy ăn sung mặc sướng, quen thói xa xỉ, đũa gắp thức ngon, thân vận gấm vóc thì quyết không thể chịu khó chịu khó, xả thân nơi chiến trận lâu dài, vững chắc như vậy. Đó là hiệu quả của lối sống giản dị tiết kiệm. Đâu phải nhỏ! Hiện tình Trung Hoa, nổi lo trong chưa hết (12), nạn giặc ngoài đang mạnh, ăn cỏ năm gai còn khó, lẽ nào vui thú ăn ngon mặc đẹp được? Mong các chiến sĩ sẵn lòng yêu nước hãy sống giản dị, ra sức tiết kiệm.

-----

(9) Tào Tháo đem quân đi đánh Trương Tú, gặp mùa lúa chín, dân sợ chạy tán loạn. Ông phủ dụ dân, ra lệnh cho quân sĩ ai phá hoại hoa màu của dân thì xử chém. Nhưng chính ngựa của ông ta lại kinh sợ, chạy xéo nát một vạt lúa mạch của dân. Tào Tháo xin tự xử tử mình. Viên quan chấp pháp không cho. Ông liền tự cắt tóc mình để tỏ lòng biết lỗi, tự xử phạt, quân lính cảm phục, nên không ai dám xâm phạm của dân.

(10) Năm 635 Tr.CN, Tấn Văn Công thảo phạt nước Nguyên, hẹn với quân lính mang ba ngày lương. Hết ba ngày vẫn chưa chiếm được thành, ông hạ lệnh giải vây, lui quân để tỏ tín nghĩa với quân lính. Lui được 3 dặm thì nước Nguyên xin hàng phục.

(11) Hoàng Thạch Công bí truyền là chuyện Trương Lương được giao sách Thái Công binh pháp của Hoàng Thạch Công, nghiền ngẫm, học tập mà trở thành quân sư của Lưu Bang, đánh Tần lập nên nước Hán.

(12) Nổi lo trong chưa hết: Chỉ tình trạng quân phiệt cát cứ ở Trung Quốc mà Tôn Trung Sơn đang phải lo đánh dẹp.

6. Sáu là trọng danh dự

Bàn về đạo đức quân nhân, tôi vốn đưa yêu nước lên hàng đầu. Lấy gì để tỏ lòng yêu nước đây? Đáp: Lòng yêu danh dự.

Qua tư cách một người lính cũng có thể nhận xét đất nước ấy là đáng trọng hay đáng khinh. Quân nhân hành vi hèn hạ thì giá trị của nước thấp kém. Giá trị của riêng một người thì chẳng đáng đồng cân đồng lượng gì, song nó quan hệ đến giá trị của đất nước thì đáng quý biết bao! Ta vì nước mà yêu danh dự chứ chẳng phải chỉ vì ta. Ta là đại diện cho nước. Cầm quốc kỳ, mang quốc huy xông lên, trăm mắt dồn vào, mọi người chỉ trở xem lính nước nào. Ta kém, ta thua, nhục nhã cho nước làm sao! Ta giỏi, ta thắng, vẻ vang cho nước dường nào! Giá trị thân ta lên cao thì giá trị đất nước ta theo đó mà được nâng cao mấy lần. Ngược lại thì giá trị thân ta và nước ta cùng sụp đổ một lúc. Có lòng yêu nước thì đầu thà mất, thân vùi ngòi rãnh chứ quyết không để danh dự của mình hoen ố, dù chỉ trong giây lát.

Cho nên, đối xử với cấp trên, đối xử với nước bạn, đối xử với nước thù, thời điểm khác nhau, địa điểm khác nhau, song tinh thần coi trọng danh dự quân nhân thì ở đâu, lúc nào cũng phải kính cẩn, son sắt một lòng. Lợi quyền có lúc hết, mạng sống có khi tàn, tượng đồng bia đá rồi cũng mòn, duy chỉ có danh dự quân nhân ngời ngời muôn kiếp không mờ phai. Đáng quý lắm thay! Đạo đức quân nhân được thế thì còn gì hơn!

Người dịch: HỒ HOÀNG BIÊN

(Tạp chí Lịch sử quân sự số 1-2 năm 1999)

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Quan Điểm Của Tôi Về Vấn Đề Giảng Hòa Cuộc Chiến Châu Âu

Cuộc Âu chiến bùng nổ đến nay đã ba năm rưỡi. Nhân dân các nước tham chiến dẫu ai đó còn lớn tiếng hô hào, hư trương thanh thế, song kỳ thực thì quân đội mệt mỏi, mệnh nước hao mòn, nóng lòng mong mỗi hòa bình chẳng khác nào con thơ mong bú, đại hạn mong mưa! Ở nước Đức đã xảy ra vụ biến hải quân, đảng Xã hội hoạt động mạnh. Ở nước Pháp thì chỉ hơn một tháng mà nội các thay đổi hai lần, đảng xã hội chia rẽ, khối thống nhất cả nước tan rã. Ở nước Ý thì lương thực thiếu thốn, nhân dân nổi lên bạo động. Ở nước Anh thì đảng Lao Công chủ trương hòa bình, Ze-land-don một thành viên nội các nêu quan điểm hòa bình. Nước Nga thì đảng phái chia rẽ, muốn đình chiến giảng hòa, cách mạng trong nước sôi động. Qua những tin tức thế này có thể thấy quốc dân các nước Châu Âu chán ngán chiến tranh, đó là sự thật rõ ràng không bưng bít được. Giờ hãy xem quân số các nước tham chiến: Từ khai chiến đến nay, nước Đức số quân đã lên đến 16 triệu, nước Ý 3 triệu rưỡi, nước Anh 5 triệu rưỡi, nước Nga khoảng 22 triệu. Tính theo tỉ lệ dân số thì quân số ba nước Đức, Áo, Pháp thực tế bằng 1/3 tổng số đàn ông cả nước, nước Nga nước Ý bằng 1/5, nước Anh bằng 1/4. Tổng số binh lính: 49 triệu 60 vạn người. Còn về chi phí chiến tranh: nước Anh 56 tỉ, nước Pháp 40 tỉ, nước Đức 50 tỉ. Toàn bộ chi phí quân sự lên đến 350 tỉ. Mạng người tổn thất, tài lực hư hao đến thế, đó chính là lý do nhân dân nói chung nóng lòng mong mỗi hòa bình. Thế nhưng cuộc chiến Châu Âu còn tiếp diễn, giảng hòa chưa dễ gì đạt được. Truy nguyên có hai vấn đề lớn:

### 1. Vấn đề hai hạt Alsace và Lorraine

Thời chiến tranh Phổ - Pháp, nước Pháp cắt nhường hai hạt Alsace và

Lorraine cho Đức. Hơn 30 năm nay, người Pháp nằm gai nếm mật, chưa một ngày nào quên được hai hạt cố thổ ấy. Chiến tranh Châu Âu xảy ra, các chính trị gia Anh - Pháp đều nhằm lấy việc thu hồi hai hạt Alsace, Lorraine làm điều kiện giảng hòa đầu tiên trong tương lai. Lý do: vùng này sản xuất nhiều sắt nhất. Tổng số sắt dùng trong một năm của nước Đức là 27 triệu tấn, trong đó 21 triệu tấn do hạt Lorraine sản xuất. Chiến hạm, súng ống, đại bác, tàu ngầm và các thứ vũ khí khác nước Đức sử dụng trong cuộc Âu chiến hiện tại phần lớn đều dùng sắt vùng này mà chế tạo. Hai hạt này nếu y nguyên do Đức chiếm hữu, thì chủ nghĩa quân phiệt Đức không thể đập tan hoàn toàn được, giảng hòa tương lai có thành, cũng chỉ là trạng thái ngưng chiến tạm thời, chẳng mấy chiến tranh thế tất tái phát. Các nước đồng minh muốn nhân cuộc đại chiến, dốc toàn lực quyết một trận sống mái, hẳn là mong lấy lại hai hạt Alsace và Lorraine, để dứt cái họa về sau. Thế nhưng, qua tuyên bố của Đức hoàng năm ngoái, nói chung người Đức chẳng có ý gì từ bỏ - Các nước đồng minh muốn đạt mục đích, trừ phi dùng vũ lực đoạt lấy, ngoài ra chẳng còn kế sách nào khác. Vậy nên về vấn đề này, tương lai lúc giảng hòa, đôi bên sẽ cố chấp ý kiến, không chịu nhường nhau, chẳng mong giải quyết dễ dàng được.

## 2. Vấn đề nước Nga phân lập

Lại xét tình hình nước Nga sau cuộc Âu chiến giảng hòa. Nước Đức nước Áo hai nước ắt sẽ thu được lợi lớn. Thủ tướng chính phủ mới nước Nga, ông Lênin, tuy là một học giả nổi tiếng, có nhiều trước tác kinh tế học, ba chục năm bôn tẩu khắp nơi hô hào chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Hai mươi năm trước, tại hội nghị Minxk ông có công nhất trong việc thành lập đảng Công nhân xã hội dân chủ - Song ông chẳng qua là một nhà lý tưởng, hoàn toàn không có năng lực tổ chức. Vị tổng trưởng ngoại giao Troski thì tính cách thiên nhiều về cực đoan: tư tưởng, hành động của ông ta đều trái ngược với thực tế. Một phần gồm các nhà không tưởng thế này mà duy trì được chính phủ, giữ được nội trị ngoại giao, thực giả nói chung chẳng dám tin. Rốt cuộc

sẽ đi tới đảo chính liên tiếp, quyền lực chính phủ trung ương suy thoái, thế lực địa phương ngày một tăng. Các thuyết độc lập, thuyết liên bang, hoặc thuyết địa phương phân lập người Nga đề xướng từ mùa xuân năm ngoái đến giờ, từ đây, thanh thế càng lớn. Dòng chảy mới khơi nguồn đó, mà đã trào dâng ngất trời! Chẳng hiểu phong trào địa phương phân lập giúp hai nước Đức và Áo, bắc thì mặt Baltic, nam thì mặt Biển Đen, mặt nào đã tâm của chúng cũng được thỏa toại, thực hiện chủ nghĩa bành trướng của mình. Cục diện chính trị quốc tế ở Châu Âu do vậy sẽ rối tung, khó mà thu xếp được.

Nước Nga sau cuộc Cách mạng tháng Ba năm trước, các vùng Phần Lan, Ukraina, Moldova, ba tỉnh Baltic cùng các tỉnh Kavkaz v.v... nơi thì mưu độc lập, nơi thì đòi tự trị. Chính phủ trước của nước Nga ngay khi Hội nghị lập hiến còn chưa quyết định đã thừa nhận Kiev, Ulinia, Potria, Holdawa, Walniev v.v... tự trị. Đến khi chính phủ Lênin thành lập, các vùng Phần Lan, Ukraina được thế bèn quyết nghị tuyên bố hoàn toàn độc lập. Nước Nga với diện tích 9 triệu 65 vạn dặm vuông, dân số 108 triệu, đất cực rộng, người cực đông, trên thực tế đã thành nước cộng hòa thì địa phương tự trị, thi hành chế độ liên bang là xu thế tự nhiên, chẳng có gì lạ. Thế nhưng, phong trào phân lập sẽ giúp hai nước Đức và Áo thu được ích lợi kếch xù. Những ai thông hiểu sự thế Châu Âu đều có thể suy ra mà hiểu được vậy.

Hãy tính ba tỉnh Baltic trước. Nước Đức bình thời vốn đã chiếm thế lực ưu trội ở vùng này. Số điền chủ, số thương nhân thành phố giàu có người Đức chiếm số đông nhất. Thổ dân thông thường tuy có người Estonie và người Lettonie, song số này không quá 2% hoặc 5% tổng dân số. Cư dân Đức chiếm đến 6 - 7% hoặc 10% - So sánh quan hệ chủng tộc thì Nga còn xa mới bì được với Đức, huống hồ người Đức ở đây đều thuộc giới quý tộc phú hào và tầng lớp thượng lưu. Số gọi là quý tộc Baltic, người Đức chiếm phần lớn. Họ còn được hưởng mọi đặc quyền trên pháp lý, như độc chiếm ngư quyền, lâm kiểm hàng hải, kể cả săn bắt ở nông địa người khác v.v... Địa vị ưu việt của họ, thế lực lớn mạnh của họ, người ngoài khó mà tưởng tượng dự đoán

nổi. Ba tỉnh Baltic mà độc lập, quyền lực chính trị tự nhiên thuộc về người Đức có ưu thế. Chúng rất ráo thuộc phạm vi nước Đức rất rõ ràng như tận mắt nhìn thấy vậy!

Lại tính về Phần Lan. Diện tích hơn 20 vạn dặm Anh vuông, chủng tộc gần với người Đông Dương ta, tháng bảy năm trước triệu tập nghị viện quyết nghị độc lập, đến tháng mười tuyên bố cộng hòa, bầu cử đại thống lĩnh lần đầu. Chính phủ Lenin thành lập, nhân dân được thời cơ càng dốc sức mong cho chóng thành công việc thực hiện nền độc lập hoàn toàn ở nước mình. Phần Lan thành nước độc lập, thì Đức tất sẽ hết sức tán thành, bởi trên ba triệu nhân dân Phần Lan, đại để đều bài Nga thân Đức cả. Vốn xưa, mùa xuân năm 1809, Thụy Điển và Nga giảng hòa, Phần Lan thuộc về Nga quản lãnh. Nga hoàng Alexandre I bảo trợ tự do cho nhân dân Phần Lan, tôn trọng hiến pháp, người Phần Lan bởi vậy vui lòng thuận phục. Từ Alexandre III trị vì về sau, người Nga phá bỏ công ước tổ tiên, cử Buborikov thuộc phái bảo thủ làm tổng đốc Phần Lan, thi hành đủ mọi chính sách áp bức. Năm 1894 Nicolas II lên ngôi, toan tính thống nhất lực quân Nga - Phần. Năm 1908, Nga hoàng đặc chuẩn nội các Nga khống chế quyền lập pháp Phần Lan. Năm 1909 tước đoạt quyền lập pháp lực quân từ tay nghị viện Phần Lan. Nhân dân Phần Lan uất ức, bất bình, thị uy phản đối. Người Phần Lan bài Nga là do chính sách áp bức của nước Nga gây nên. Hơn nữa, giữa người Phần và người Nga, từ chủng tộc, ngôn ngữ, địa lý, tôn giáo, truyền thống văn hóa v.v... chẳng có gì chung đồng cả. Người Nga thuộc chủng tộc Slave, người Phần thuộc giống người Mông Cổ. Người Nga theo chính giáo Hy Lạp, người Phần Lan theo Tân giáo. Người Phần toàn dùng tiếng Phần, số thông hiểu tiếng Nga rất ít. Còn giữa Phần Lan và nước Đức, tôn giáo rất gần nhau, truyền thuyết văn hóa cùng thuộc hệ German, cứ 10 người Phần Lan thì có hơn 5 người hiểu được tiếng Đức, thanh niên con em đi du học chẳng sang Nga mà sang Đức. Trong nghị viện Phần Lan hiện tại, nghị viên Đảng Xã hội - dân chủ 103 vị, đảng phân li Thụy Điển 31 vị, đảng Phần Lan Trẻ 22 vị, đảng Nông dân 19 vị, thấy đều là phần tử thân Đức bài Nga kịch liệt; chỉ

riêng 32 vị đảng Phần Lan lão thành có phần ôn hòa chừng mực mà thôi. Từ Âu chiến bột phát đến nay, thanh niên Phần Lan tòng quân ra trận trên 6 ngàn, trong đó số tử vong và bị thương trên 3 ngàn, hơn 2500 người khác do quân đội Đức chiêu mộ, luyện tập gần cảng Bucburg (?) nước Đức mấy tháng rồi phân về Phần Lan và nội địa nước Nga tiến hành các vụ nổ phá chiến hạm, phá hoại công trường, chính phủ Nga bắt được đã trên trăm người. Thái độ bài Nga thân Đức thật quyết liệt, một Phần Lan như thế nếu cùng ba tỉnh Baltic đều thành lập nước độc lập riêng thì quyền khống chế biển Baltic sẽ vào tay người Đức nắm, các nước nhỏ quanh vùng sẽ bị chúng hiếp chế. Theo các nhà quân sự thì các địa phương Baltic rất nhiều sông hồ, là vùng hiểm yếu tự nhiên, khó triển khai đại binh ở đó được. Thủ đô nước Nga sở dĩ giữ được an toàn đều nhờ vào đó. Một khi các tỉnh này sáp nhập vào phạm vi nước Đức, thì chẳng nói cũng biết, Saint Peterbourg lâm nguy hết mức: đường bộ, đường thủy đều bị uy hiếp. Nước Nga về cả hai mặt quân sự và kinh tế không bị Đức khống chế mới là điều hiếm có!

Trên đây trình bày về mặt biển Baltic, còn về mặt Biển Đen thì phong trào độc lập Ukraina càng là hiện tượng đáng lo. Diện tích Ukraina từ biên giới nước Nga Châu Âu, tính cho tới Biển Đen. Các tỉnh Kiev, Poltava, Kharcov, Pudria, Ulinia, Warnikov đều nằm trong Ukraina, đất đai màu mỡ, nông sản dồi dào, khoáng sản nhiều nhất. Chủng tộc, ngôn ngữ Ukraina khác với Nga, tính cách chung người Ukraina so với người Nga thì đức nhẫn nại chịu đựng tuy không bằng, nhưng sức tưởng tượng, lòng ham hiểu biết thì vượt xa người Nga. Xét về lịch sử thì người Ukraina văn minh tiên tiến hơn người Nga. Tổng dân số dân tộc Ukraina hiện tại là 35 triệu 50 vạn người; 28 triệu sống ở bản thổ, 2 triệu sống ở lãnh địa Nga, 3 triệu 50 vạn sống ở Kaliha nước Áo, 50 vạn sống ở Hungarie, 40 vạn ở Pukovina, 50 vạn ở Mỹ, 35 vạn ở Canada và Nam Mỹ. Trong đó số 28 triệu người Ukraina sống ở Nam Nga, trước Âu chiến từng có chủ trương tự trị: Năm 1900 đảng Cách mạng Ukraina ra tuyên bố độc lập, được thế giới chú ý. Chiến tranh bùng nổ, phong trào này ngày một mạnh. Sau Đại Cách mạng Nga năm trước, người Ukraina



lập chính phủ độc lập, đòi được hoàn toàn tự trị. Chính phủ trung ương Nga tạm thời thừa nhận với điều kiện là phải sau khi có quyết nghị của Hội nghị lập hiến toàn Nga. Tiếp đó Vinnishenco tổ chức nội các Ukraina. Thượng tuần tháng 11 năm trước Nghị viện Ukraina ra tuyên ngôn độc lập. Hạ tuần cùng tháng, hội nghị Lục Hải quân Kiev tuyên bố độc lập. Ukraina cơ hồ sẽ trở thành một nước hoàn toàn tự trị.

Nền tự trị của Ukraina mà thực sự được thành lập, thì có thể nói được là: Ở giữa nước Nga và Biển Đen và Balkan đã xuất hiện một nước bài Nga thân Đức. Truy tìm nguyên do, có thể nêu ba điều:

Một, người Ukraina bị nước Nga áp bức, tình cảm sứt mẻ, khó mà dung hòa. Thời xưa, năm 1654, Ukraina chống Ba Lan, liên minh với chính phủ Nga Matkva. Bấy giờ nước Nga tuy đã thừa nhận Ukraina hoàn toàn tự trị, nhưng sau bội ước. Năm 1690, chính phủ Nga ra pháp lệnh cấm tiếng Ukraina, bãi bỏ trường học Ukraina, giới giáo dục Ukraina bị trở hại nặng nề. Năm 1876, chính phủ Nga bức ép nặng nề hơn nữa: Nhất loạt cấm chỉ mọi diễn giảng truyền giáo âm nhạc ca hát bằng tiếng Ukraina - Sách văn học và nhà văn phong trào Ukraina đều bị tịch thu hoặc lùng bắt. Tô thuế Ukraina thu được dùng vào chi phí ở bản thổ nước Nga. Người Ukraina sở dĩ chống Nga, nguyên nhân là ở đó.

Hai, ở Ukraina, thực dân địa thuộc hệ thống Đức rất nhiều. Văn hóa và mức giàu có của các vùng thực dân đó quyết không xem thường được. Cảm tình thân mật đối với nước Đức khỏi cần phải nói.

Ba, từ khi người Ukraina khởi đầu vận động tự trị, chính phủ Nga đã tìm đủ cách áp chế can thiệp. Nước Áo lợi dụng tình hình đó, đặt tổng bộ phong trào Ukraina ở thủ đô Vienne, dùng tập san Đức "Ukraina bình luận" làm cơ quan... (Mất một số dòng cuối cùng - ND).

...

Từ thế kỷ XIX, thế lực nước Nga ở bán đảo Balkan rất lớn: chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ, lập nước Serbie, các nước từ Bulgaria trở xuống đều dựa vào sức mạnh của người Nga. Đến thế kỷ XX, Nga can thiệp vấn đề Macedoine. Năm 1908 lúc Áo thôn tính hai tỉnh Bosnia Herzégovina, Nga cực lực ủng hộ Serbia kháng nghị. Năm 1912, hai nước Bulgaria và Serbie đi đến liên kết thành đồng minh tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ cũng đều dựa vào thế lực Nga ở đây. Mọi chính sách Berlin - Ba Tư của nước Đức đều gặp trở lực nảy sinh từ vấn đề Balkan. Kế hoạch nam tiến của Đức - Áo sở dĩ không đạt kết quả là bởi thế lực Nga cản trở. Thế lực này một khi suy thoái, các tiểu quốc Balkan không còn hậu viện, thì kỳ vọng của Đức Áo mấy năm nay ắt sẽ thành. Một nguyên nhân lớn của cuộc Âu chiến là vấn đề bán đảo Balkan: Một bên người Đức thi hành chủ nghĩa xốc tới, một bên người Nga áp dụng chủ nghĩa ngăn chặn, đôi bên xung đột gây ra. Nếu để Đức - Áo được mặc sức tùy ý hoạt động ở Balkan thì kết cục chiến tranh rốt cuộc sẽ thuộc về Đức - Áo, các nước khối đồng minh liệu còn cách nào đối phó được với tình thế ấy nữa không? Đó là điều thức giả không thể không lưu ý vậy.

Qua đây thấy rằng, các nước khối đồng minh phải hết sức tìm cách ngăn ngừa sự chia rẽ của khối toàn Nga mới là đắc sách. Cứ tình thế nước Nga hiện giờ thì việc thực hiện chế độ liên bang e chẳng được. Song, chính phủ trung ương chỉ có hư vị, Phần Lan và Ukraina v.v... rốt cuộc biến thành một Ai Cập thứ hai thì lại rất bất lợi. Vậy nên, về vấn đề ngăn ngừa nước Nga chia cắt, các nước đồng minh nếu thấy việc chấm dứt chiến tranh là cần thiết thì hãy đình chiến và bắt tay đàm phán giảng hòa ngay. Còn coi chiến tranh tiếp tục ngược lại có lợi thì hãy nhất quyết dùng hoàn toàn sức mạnh quân sự đè bẹp địch quốc, khiến không gượng dậy được. Trong hai cách đó phải chọn lấy một. Giả sử nước Phần Lan bên bờ Baltic và 3 tỉnh Baltic đều sáp nhập phạm vi nước Đức thì quyền khống chế biển Baltic rốt cuộc vào tay người Đức nắm giữ. Việc này đối với người Anh, Pháp vốn chẳng có quan hệ lợi hại trực tiếp gì; có điều nước Đức một khi được vậy thì lại lợi dụng thế lực ấy áp bức các tiểu quốc Đanmark, Thụy Điển, uy hiếp cả nước Nga khiến phải

liên hiệp với nó. Trong hiệp thương ba nước, nước Nga mà bị Đức giết dây, nền tảng của thế quân bình Châu Âu lung lay, không có lợi cho Anh - Pháp rõ ràng như tận mắt thấy vậy. Xét nước Đức sở dĩ được như ngày nay, truy tìm nguyên nhân thì do bởi chính sách nước Anh ngày xưa sai lầm dẫn tới. Ấy là vào năm 1864, nước Phổ chiếm lãnh thổ của Danmark, chính phủ Nga cực lực chống lại, nước Anh khoanh tay đứng nhìn, chẳng có ý can thiệp gì cả. Lúc ấy, ngoại trưởng Nga Kurvakov và đại sứ Anh ở Nga ngài Nabya hai người trao đổi với nhau, ý kiến chẳng hợp, buồn bã chia tay. Từ đó, nước Phổ cơ sở ổn định, quốc lực ngày một mạnh lên. Năm 1866 chiến tranh Phổ -- Áo, năm 1870 chiến tranh Phổ - Pháp, đều do bởi thành công này khơi gợi mỗi đầu. Sự thất bại của chính sách của thủ tướng Anh Palmorston thời ấy có thể nói đã để lại một vết nhơ khổng lồ trong lịch sử ngoại giao Anh Quốc. Tôi chẳng hiểu các nhà đương cục chính phủ Anh tương lai có biết tránh vết xe đổ này không?

Vấn đề mặt Baltic còn em ép tạm thời nhẫn nhịn, chứ vấn đề Biển Đen quan hệ sống còn với hai nước Anh, Pháp, họ rất cuộc không thể làm ngơ. Nếu để Ukraina trở thành một nước độc lập đứng án ngữ đường tiến của nước Nga đến Biển Đen, thế lực của Nga ở Balkan mất hết, Đức, Áo lấn tới, Anh, Pháp không thể không ra sức ngăn chặn. Vậy mà vị trí của hai nước Anh, Pháp ở Balkan mỏng mảnh không sánh với Đức, Áo được. Người Pháp tuy có quyền công trái lớn đến con số hàng vạn ở các nước Balkan, song phần lớn đều tiếp nhận từ chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trước khi chia cắt, chứ đối với các chính phủ mới ở Balkan chẳng có chút thế lực chính trị gì cả. Mặt chủng tộc, tôn giáo, chỉ có một nước nhỏ Rumani, giáo đồ Roma dân tộc Latin là tương tự, ngoài ra đều cách biệt chẳng có chút quan hệ gì. Quan hệ nước Anh với bán đảo này càng rất bé nhỏ so với Pháp. Các mặt chủng tộc, tôn giáo, tư tưởng, phong tục đều không một tính chất chung đồng. Duy nước Nga, cùng chủng tộc Slave, theo Chính giáo Hy Lạp, tính tình gần với dân tộc các nước Balkan, thế lực lại nhiều. Do đó, muốn duy trì thế lực hiện tại ở Balkan nhằm chống lại Đức - Áo, phi bảo tồn thế lực nước Nga, chẳng còn kế sách nào

khác.

Ý chí ước vọng bao năm của Đức - Áo vốn chẳng thỏa mãn với việc chi phối Balkan. Kế hoạch thực sự của họ là muốn từ Đức Áo cắt đôi bán đảo Balkan, thọc vào Thổ Nhĩ Kỳ Châu Á, thẳng xuống vịnh Ba Tư. Họ nóng lòng muốn chi phối Balkan, chính là bởi vị trí bán đảo này nằm giữa đường tiến nhằm thực hiện kế hoạch vĩ đại họ dự định ấy. Phòng tuyến Balkan một khi bị vỡ thì cả vùng Thổ Nhĩ Kỳ Châu Á với diện tích 693.000 dặm vuông, dân số 17 triệu 70 vạn người, trên thực tế rơi vào tay người Đức. Nước Syria lân bang của Thổ cũng sẽ chịu Đức áp bức, thế lực của người Pháp ở Syria sẽ sụp đổ vô phương cứu vãn. Vốn dĩ, từ trước thế kỷ XII, nước Pháp đã có thực dân ở Syria. Gần đây, chính phủ Pháp lấy danh nghĩa bảo vệ giáo đồ Roma, khuếch trương thế lực, chi phối quyền buôn bán, kinh doanh các tuyến đường sắt giữa Aleb, Hama, Damascus, Dirla (Djeble?). Năm 1901, nước Pháp ký điều ước với Thổ Nhĩ Kỳ: lập trường học thực hiện giáo dục đối với người bản địa. Trước Âu chiến bùng nổ, chính phủ Pháp còn đem việc mở rộng đường sắt, mở rộng trường học thương nghị với Thổ Nhĩ Kỳ. Bởi thế, người đời đều coi vùng đất này là quốc gia nước Pháp bảo hộ trong tương lai. Thổ Nhĩ Kỳ Châu Á mà sa vào thòng lọng người Đức, thì thế lực của Pháp ở Syria không tránh khỏi sụp đổ, chẳng cần phải nói vậy.

Chuyện thực dân địa của Pháp vẫn còn khả dĩ, chứ quan hệ lợi hại của nước Anh thì quyết không thể coi là nhỏ nhặt được. Ấy bởi vị trí nước Anh nằm tít ở một góc Tây Âu, cách biệt với Hào Châu và Ấn Độ, nó sở dĩ duy trì được các lãnh địa đó, chỉ trông cậy vào yếu đạo giao thông - kênh Suez và nước Ai Cập lân cận được bảo đảm an toàn mà thôi. Một khi uy lực nước Đức từ phía Tiểu Á thọc vào Mezopotania (Lưỡng Hà), đi ra vịnh Persique, thì Ai Cập - kho báu của người Anh, kênh đào Suez - cửa ngõ của nước Anh tất sẽ bị bức ép mà cùng gặp nguy hiểm. Tiến sĩ Lorbeha, người Đức viết luận văn "Bàn về đường sắt Baghdad" (Thủ đô Ba Tư) cho rằng: " Từ vùng Châu Âu dùng đường bộ mà chặn được nước Anh thì chỉ có ở Ai Cập. Ai

Cập mà mất thì kênh Suez lâm nguy, các tuyến liên lạc với Ấn Độ và Đông Á đều bị cắt đứt, địa bàn Đông Africa cũng do vậy mà sụp đổ". Qua câu nói trên, thì dụng ý chung của người Đức đại để có thể tưởng tượng mà thấy được. Người Anh há lại khoanh tay để cho bán đảo Balkan rơi vào phạm vi ảnh hưởng của nước Đức, ngòi mà nhìn chính sách Ba Tư của Berlin thành công được sao?

Không chỉ thế, vịnh Ba Tư người Anh từ lâu đã coi là thuộc phạm vi thế lực của mình. Sau khi ảnh hưởng của người Bồ Đào Nha ở vùng Vịnh sụp đổ, chính phủ Anh giao tiếp với các tù trưởng địa phương, ký kết đủ loại điều ước, coi việc bảo hộ người bản địa là trách nhiệm của mình. Ở các vùng cửa sông Tigres và Euphrates đều có căn cứ địa thực dân của người Anh. Xin nêu một vài việc: Ở Koweit, năm 1899, nước Anh phái trung tá Meyith cùng tù trưởng địa phương ký điều ước bảo hộ, đặt chức thống giám người Anh tham gia nắm chính quyền. Ở đảo Bahrein, năm 1861 và năm 1880, nước Anh đã ký kết điều ước bảo hộ. Theo điều ước này, tù trưởng đảo Bahrein nếu không được nước Anh đồng ý thì không được đạt tới hiệp nghị hoặc ký kết điều ước với nước khác. Sự việc rất nhiều, không thể nhất nhất kể ra hết được. Đến năm 1907, hiệp ước Anh - Nga xác nhận vùng Nam Ba Tư thuộc phạm vi thế lực của nước Anh. Thế là, cả một dải Hồng Hải (Biển Đỏ) cơ hồ đã thuộc hết vào tay người Anh.

Bởi người Anh chiếm giữ vị thế đặc biệt này, cho nên chính phủ bản quốc Anh và chính phủ Ấn Độ cực lực phản đối nước khác mưu chuyện xuất nhập vịnh Ba Tư. Vấn đề đường sắt Baghdad (thủ đô Ba Tư) là sự kiện nổi rõ nhất. Vấn đề manh nha từ năm 1894 lúc Đức hoàng du lịch Thổ Nhĩ Kỳ và lãnh địa Châu Á, song đến năm 1903 mới đạt định hiệp ước. Thế nhưng, đoạn Baghdad - Basra thuộc tuyến đường sắt này đụng chạm tới thế lực của nước Anh ở vịnh Ba Tư. Chính phủ Anh kháng nghị kịch liệt. Năm 1911 nước Đức và Thổ Nhĩ Kỳ định lại điều ước mới, bỏ đoạn đường sắt Baghdad - Basra - Tuy nhiên, kế hoạch hội nhóm mới, cùng nước Anh thương nghị, đôi bên ý

kiến bất đồng, đàm phán kéo dài, rồi gặp đại chiến Châu Âu bùng nổ, đến tận bây giờ vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Tương lai kết cục ra sao, phải sau cuộc giảng hòa thành công mới lường liệu được.

Từ những trình bày trên thấy rằng: Nếu Thổ Nhĩ Kỳ Châu Á và vịnh Ba Tư một khi rơi vào tay người Đức, thì họ sẽ lợi dụng tiềm lực nước Thổ Nhĩ Kỳ Hồi giáo từng bước tiến dần về phía Đông, xâm lược Ba Tư và cả Afganistan. Nước Anh không có lực quân hậu viện, không những các địa phương Ấn Độ bị người Đức áp bức, lâm nguy, ngay cả kênh Suez và Ai Cập cũng sẽ bị người Đức khống chế, liên lạc với Hào Châu do các lãnh địa Anh ở Africa bị cắt đứt, nền tảng thực dân địa Anh sẽ sụp đổ, tan tác không thu dọn được. Xét ra, chính sách Baghdad của Berlin nếu mà thành công, trước hết sẽ là do vấn đề nước Nga phân lập khơi nguồn, thứ nữa là bởi vấn đề Balkan đẩy tới chung cục - Là người Anh không thể không suy nghĩ kỹ càng được.

HỒ HOÀNG BIÊN dịch

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Lời Ra Mắt Báo "Việt Thanh"

### LỜI RA MẮT BÁO "VIỆT THANH"

Do đòi hỏi của hoàn cảnh hiện nay, báo Việt Thanh của chúng tôi ra đời. Sứ mệnh của Việt Thanh là:

- 1) Vạch trần âm mưu của chủ nghĩa đế quốc Pháp.
- 2) Cổ xúy cuộc vận động độc lập của Việt Nam.
- 3) Phát dương tinh thần chính trị dân chủ Việt Nam.

Mang sứ mệnh nặng nề như trên, VIỆT THANH là cơ quan tuyên truyền của VIỆT NAM ĐỘC LẬP VẬN ĐỘNG ĐỒNG MINH HỘI.

Phàm việc gì liên quan đến công tác cách mệnh, Việt Thanh hết sức phát huy. Trong vấn đề ngoại giao, nên hoạt động thế nào; về phương pháp tổ chức, làm sao cho được nghiêm mật, trong công tác huấn luyện làm sao cho đạt hiệu quả... Đến như mọi vấn đề trọng yếu khác của cách mạng, chúng tôi đều cố nhìn thấy cái tinh vi, hiểu biết cái quan trọng, lớn tiếng kêu gào để việc tuyên truyền thu được kết quả.

Buổi đầu Việt Thanh ra mắt, vì nền độc lập của Việt Nam mà lên tiếng trước tiên. Xin các vị độc giả, vì hoài bão chí công vô tư của chúng tôi mà ủng hộ việc chỉ đạo của Việt Nam độc lập vận động đồng minh hội. Xin các vị nhân sĩ trên thế giới biểu thị sự đồng tình, hết lòng giúp đỡ và chỉ bảo.

Xin tỏ lòng cảm tạ sâu sắc.

Người dịch

HOÀNG THANH ĐẠM



# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Thư Hồ Học Lãm Gửi Đại Hội Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Đồng Minh

(Tháng 2-1941, Hồ Học Lãm đang dưỡng bệnh ở Quế Lâm, được mời về Tĩnh Tây dự đại hội thành lập Việt Nam Dân tộc giải phóng đồng minh. Vì sức yếu không đi được, ông đã viết thư gửi Đại hội)

Các đồng chí,

Tôi có lời chúc mừng đại hội, chúc mừng các đồng chí, vì dân tộc, vì quốc gia, vì cách mệnh mà trèo non, vượt suối, cùng nhau đến tham gia Đại hội như ngày nay. Tôi không thể thân hành đến chúc mừng các đồng chí và giúp việc với các đồng chí đó là điều tôi tiếc vô cùng. Nhưng vì thân thể ốm yếu, đường xá xa xôi, tôi buộc lòng phải nằm đây, và chỉ có mấy ý kiến sau này đề ra trước Đại hội:

1. Các đồng chí phần đông ở trong nước, từ khắp mọi nơi đến dự Đại hội. Các đồng chí thấy rõ phong trào cách mệnh của dân ta ngày nay bùng nổ như thế nào, đoàn thể cách mệnh đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh anh dũng như thế nào. Thường thường tôi được tin tức, vui mừng về việc vận động của chúng ta, và tôi chắc rằng các đồng chí lúc này hơn lúc nào hết nỗ lực lãnh đạo dân chúng đánh đuổi cho sạch bọn đế quốc Pháp và Nhật, giành lại giang sơn, dựng nên một quốc gia phú cường.

Muốn đạt được mục đích ấy, công việc trọng yếu là tuyên truyền tổ chức, võ trang dân chúng, chuẩn bị khởi nghĩa, từ khởi nghĩa địa phương đến khởi nghĩa toàn quốc.

Cuộc cách mệnh không phải là một vật từ ngoài đem vào được, chúng ta phải căn cứ vào sức lực dân chúng. Cách mệnh là ở đó, sự thắng lợi là ở đó.

2. Nói thế không phải là quên vấn đề ngoại viện, nhất là sự ngoại viện của Trung Quốc. Nhưng các đồng chí chắc cũng biết rằng sự ngoại viện có thể giúp cho chúng ta thắng kẻ thù mau hơn và dễ hơn, chứ không bao giờ thay thế cho sức lực căn bản của chúng ta được. Chúng ta đã có sức thì ngoại viện mới có tác dụng. Hơn nữa chúng ta đã có sức rồi mới có thể có ngoại viện. Tôi biết rõ Trung Quốc, tôi chắc thế nào Trung Quốc cũng hết sức chú ý vấn đề cách mạng Việt Nam. Nhưng dầu Trung Quốc có sẵn lòng giúp ta đến mấy, nếu chúng ta không có thực lực thì Trung Quốc cũng khó lòng mà giúp đỡ. Vậy chúng ta phải chú trọng trước nhất là thực lực của chúng ta, và không bao giờ quên câu "Tự lực cánh sinh".

3. Trong Đại hội có các đại biểu của các đoàn thể cách mệnh và có các cá nhân. Tôi có lời khuyên các đồng chí đoàn kết mật thiết và mỗi ngày một đoàn kết thêm lên. Có đoàn kết mới có lực lượng. Cơ hội này rất tốt cho chúng ta, chúng ta phải cùng nhau bắt tay tiến lên con đường tranh đấu.

Chào các đồng chí!

HỒ HỌC LÂM

Quế Lâm, ngày 20-3-1941

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Mấy Bài Thơ Của Hồ Học Lãm Trên "Bình Sự Tạp Chí"

### MẤY BÀI THƠ CỦA HỒ HỌC LÃM TRÊN "BINH SỰ TẠP CHÍ"

Nguyên tác: DẠ VŨ CẢM HOÀI

Tiêu tiêu dạ vũ trích sầu thanh

Thê tuyệt thiên nhai độc chẩm tình

Trân trọng ý trung nhân tự ngọc

Nhà khu tửu tướng, sách kỳ binh.

Dạ khí trầm trầm kiếm ảnh hoành

Thập niên ký hận đao giang thành

Nhất thiên phong vũ biên tương thác

Hốt hương sầu nhân chẩm bạn minh.

Càn khôn phủ ngưỡng khí tung hoành

Dạ ngọc đặng trưng mộng bất thành

Dĩ ước đông phong xuy hận khứ

Vô đoan sầu vũ phác liêm thanh.

Dịch thơ: BĂNG KHUÂNG ĐÊM MƯA

Mưa đêm tí tách giọt sâu

Chân trời gổi chiếc nhuộm màu thê lương

Ngọc lành trân trọng người thương

Bày cờ, soạn rượu, còn vương nỗi nhàn.

Kiểm treo ngang vách âm thầm

Mười năm gửi hận thẳm bên sông

Một thời mưa gió mộng lung

Bên nhau gổi đất, chung lòng thở than.

Dọc ngang ôm chí tung hoành

Canh khuya giấc mộng chẳng thành, đèn chong.

Mưa sâu hện với gió đông

Xua tan nỗi hận, nhẹ rung bên màn.

HOÀNG THANH ĐẠM dịch

với sự hướng dẫn của NGUYỄN VĂN HỒNG

Nguyên tác:

BINH SỰ TẠP CHÍ

THẬP CHU NIÊN TỤNG TỪ

Bài 1: Chiến thuật mưu la biến cứu hoàn

Lục thao tam lược tích như san

Thiên cô nhược dữ phong lang ngộ

Tảo đấng yên phần chỉ cố gian

Bài 2: Tân đảm hùng phong xuất Việt cương

Thập niên giáo huấn ích tăng cường

Tuyên uy hợp hướng thương minh ngoại

Khởi đán mê đài phốc bạo vương.

Bài 3: Bách hổ thiên lang chính cạnh bên

Hòa bình tiêu thức thác không ngôn

Tu tri vị vũ trừ mâu kế

Vạn trật long thao thị quốc hồn

Bài 4: Thần quý thâm cơ động nhập hoang

Biên thành tự tự thổ quang mang

Bả bôi tế hướng đấng tiền độ

Ngọc kiếm minh thu tứ bích sương

Bài 5: Đa thiếu hùng tâm trực tổ tiên

Ma nhai hữu nhật hướng yên nhiên

Thảo lữ phong tuyết huy hào dạ

Hồi thủ thanh sơn dĩ thập niên

Dịch nghĩa:

LỜI CA NGỢI MƯỜI NĂM

BÁO BINH SỰ TẠP CHÍ

I

Tìm tòi chiến thuật giăng khắp chín phương trời

Lục thao, tam lược tích lại như núi

Ví phỏng Bà Tiên gặp bọn Quỷ Sói

Chỉ trong chốc lát quét sạch bụi khói của chúng.

II

Năm gai nếm mật, vượt khỏi biên giới nước Việt

Mười năm qua, việc giáo huấn ngày càng tăng thêm

Nêu cao uy thế, kết hợp với đồng minh bên ngoài

Há chẳng sớm đập đổ bọn bạo chúa khỏi mê đài hay sao!

III

Trăm hồ nghìn sói đang đua nhau chạy vạy

Nói chuyện ba hoa về tiêu thức hòa bình

Nên biết rằng chưa đến lúc vạch ra mưu kế

Nhiều như vạn mũi tên rồng, đó chính là

hồn nước.

#### IV

Một khi cơ mưu sâu sắc như thần quỷ đánh vào hang động của chúng sẽ  
biến thành chữ nghĩa tỏa ánh sáng ngời

Ta sẽ nâng chén, đọc trước đèn

Và kiếm ngọc vút lên tiếng vun vút như sương thu chung quanh bốn bức  
tường.

#### V

Hương theo ngọn roi của ông cha

Sẽ có ngày mài gươm trở về nước Yên

Gió tuyết nơi lều cỏ tỏa sáng trong đêm

Ngoảnh đầu nhìn lại hòn núi nổi tiếng xưa, đã mười năm rồi!

Người dịch:

NGUYỄN VŨ MI

HOÀNG THANH ĐẠM

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Hai Mẹ Con Một Tấm Lòng

Bà ấm Lụa, quê Quỳnh Đôi  
Là người yêu nước, thương nòi thiết tha,  
Phát huy truyền thống ông cha  
Căm quân giặc nước, thù nhà nặng vai.  
Bốn lăm năm, quãng đời dài,  
Hương Khê, Yên Thế trong ngoài vào ra.  
Giao thông liên lạc xông pha  
Lập mưu buôn lụa, gánh ra gánh vào.  
Vận động, tổ chức phong trào  
Gian nan, nguy hiểm càng cao tinh thần.  
Xiêm La, Trung Quốc mấy lần  
Bà mua vũ khí diệt quân bạo tàn.  
Kẻ thù tra tấn dã man  
Nghiến răng bà chịu muôn vàn đòn đau.



Đưa con, đưa cháu tiếp nhau

Tìm đường cứu nước, trước sau một lòng.

Bà là "Quốc Mẫu", "Tiểu Trưng" (1)

Bóng bà tỏa sáng cả vùng Hồng Lam!

-----

(1) "Quốc Mẫu, Tiểu Trưng": Lời của cụ Phan Bội Châu.

\*\*\*

Xuân Lan hai một tuổi tròn

Xuất dương chào mẹ muôn vàn kính yêu

Từ nay nắng sớm mưa chiều

Thay tên Học Lâm chẳng xiêu tấc lòng.

Nhật Bản - Chấn Vũ chưa xong

Trung Quốc - Bảo Định ông không ngại ngần

Một lòng vì nước vì dân,

Một lòng trung hiếu muôn phần về ta.

Chung vai gánh vác sơn hà

Việt Minh - chủ nhiệm người ra, người vào.

Nhà ông xây dựng phong trào

Nhà ông che chở biết bao nhiêu người.

Nhà ông bát ngát tình đời,

Nhà ông bảo lãnh những người gặp nguy

Vì dân, vì nước ra đi

Bao lần khao khát trở về đánh Tây.

Chứa chan tình nặng nghĩa dày

Việt Nam - Tổ quốc không ngày nào vui!

Mưu trí, thao lược hơn người,

Chí sĩ yêu nước trọn đời trung kiên!

\*\*\*

Mẹ con trung hiếu vẹn tuyền

Tiếng thơm còn để lưu truyền ngàn thu!

8-1997

HỒ VĂN PHONG

# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Mấy Kỷ Niệm Về Bà Ngô Khôn Duy

Cụ Hồ Học Lãm là một nhà cách mạng Việt Nam nổi tiếng tại Trung Quốc. Cụ đã từng giúp đỡ các nhà yêu nước tại hải ngoại, trong đó hai lần giúp Bác Hồ xây dựng cơ sở cách mạng Việt Nam tại Trung Quốc. Cụ là con ấm sinh Hồ Bá Trị và bà Trần Thị Trâm, là cháu án sát Hồ Bá Ôn. Hồ Bá Ôn tuân tiết giữ thành Nam Định lúc thực dân Pháp đánh chiếm thành. Ấm sinh Hồ Bá Trị hy sinh trong loạn Ất Dậu 1885 lúc bọn phản động cầu kết với giặc Pháp đánh phá làng Quỳnh Đôi. Bà Trần Thị Trâm là con gái Tiến sĩ Trần Hữu Dực, một nhà yêu nước đã từng chiêu mộ nghĩa quân chống Pháp nhưng sự nghiệp không thành. Bà Trần Thị Trâm sẵn có lòng yêu nước, trước thù nhà, nợ nước đã tham gia Việt Nam Quang Phục hội, là đồng chí tin cậy của cụ Phan Bội Châu, được cụ Phan tặng hai chữ Tiểu Trưng (Bà Trưng nhỏ). Xuất thân trong gia đình khoa bảng và yêu nước, cụ Lãm đã tham gia phong trào Đông du, một trong số thanh niên Việt Nam học tại trường quân sự Chấn Vũ của Nhật Bản. Sau khi thanh niên Việt Nam bị chính phủ Nhật trục xuất, cụ sang Trung Quốc tiếp tục học tại trường quân sự Bảo Định và trở thành cán bộ cao cấp trong quân đội Trung Hoa dân quốc. Trong hồi ký của mình, thiếu tướng Lê Thiết Hùng đã dành nhiều trang trân trọng viết về công lao to lớn của người thầy, người đồng chí và người bố vợ kính yêu. Cụ chẳng những đã hiến dâng cả đời mình cho cách mạng Việt Nam mà còn đóng góp phần đáng kể cho cách mạng Trung Quốc. Cụ là Chủ nhiệm Biện sự xứ Việt Minh tại hải ngoại về.

Vợ cụ là bà Ngô Khôn Duy, nhân vật tôi đề cập dưới đây, người đã bị lãng quên!

Bà là con Thần Sơn Ngô Quảng - bộ tướng của cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng. Sau khi thất bại ở Vũ Quang, cụ Ngô Quảng trốn tránh tập hợp các bạn chiến đấu, các nghĩa sĩ gây dựng cơ sở nhưng sự nghiệp dở dang. Cụ vốn người ở làng Tam Đa, xã Thần Lĩnh, huyện Nghi Lộc nay là xã Nghi Hưng. Thần Lĩnh là tên xã sau cách mạng Tháng Tám 1945, lấy tên hai nhà cách mạng ở địa phương. Thần là Thần Sơn Ngô Quảng, Lĩnh là Trương Văn Lĩnh. Trương Văn Lĩnh người làng Tuy Anh nay thuộc xã Nghi Phương, vốn là thanh niên công giáo yêu nước, xuất dương sang Tàu, tốt nghiệp trường quân sự Hoàng Phố, là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia Quảng Châu công xã, có nhiều công lao đối với cách mạng Trung Quốc và Việt Nam, về nước năm 1940, bị Pháp cầm tù. Xã Thần Lĩnh nay là các xã Nghi Phương, Nghi Hưng, Nghi Đồng.

Bà Ngô Khôn Duy được cụ Phan Bội Châu tổ chức cho bà và em trai là Ngô Chính Học xuất dương sang Thái Lan ở với cụ Đặng Thúc Hứa, sau đó sang Trung Quốc với cụ Phan Bội Châu, được cụ Phan Bội Châu nuôi dưỡng, giáo dục và xe duyên với cụ Hồ Học Lãm.

Sau khi cụ Hồ Học Lãm mất, bà và hai cô con gái ở lại Trung Quốc, sống cảnh cô đơn. Giữa năm 1946, Chính phủ ta tổ chức đón mẹ con bà về nước. Nguyễn Trần Châu tức Quốc Hùng (nguyên Cục trưởng Cục Đo đạc bản đồ, thành ủy viên Thành ủy Hà Nội) là người tổ chức đón mẹ con bà.

Bà và hai con về nước, được con rể là Lê Thiết Hùng đưa về sống ở xã Nam Kim, huyện Nam Đàn. Con gái cả của bà - Hồ Diệc Lan từng tham gia Đảng cộng sản Trung Quốc, là ký giả của nhiều tờ báo tiến bộ Trung Quốc đã có công theo dõi, đưa tin và vận động thả Hồ Chí Minh khi Bác Hồ bị giam tại các nhà tù Trung Quốc ở Tĩnh Tây. Hồ Diệc Lan ốm nặng, qua đời, được an táng tại xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Giữa năm 1946, bà cùng cô con gái Hồ Mộ La về sống tại làng Quỳnh Đôi. Thời kỳ này tôi làm Bí thư chi bộ xã Quỳnh Yên (hai làng Quỳnh Đôi và Thượng Yên, nay là hai xã

Quỳnh Đôi và Quỳnh Yên). Tỉnh Nghệ An mời bà ra làm Hội trưởng phụ nữ tỉnh, bà từ chối. Chúng tôi cử bà làm Hội trưởng phụ nữ xã, bà vui vẻ nhận lời. Khóa bầu cử Hội đồng nhân dân xã năm 1947, bà được giới thiệu ứng cử viên Hội đồng nhân dân xã. Khóa này Hội đồng nhân dân xã có 25 thành viên. Bà trúng phiếu cao nhất, thứ hai là tôi, thứ ba là đồng chí Nguyễn Xuân Nhật. Tôi và đồng chí Nguyễn Xuân Nhật thường xuyên vào thăm bà và bàn bạc công việc với bà. Thái độ bà rảnh rỗi, nói năng hoạt bát, diễn thuyết rất hấp dẫn, bao giờ cũng có ý mới. Bà thường hay kể chuyện các hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, về gia đình bà, về cụ Hồ Học Lãm, về các nhà cách mạng Việt Nam hoạt động tại hải ngoại.

Bà thường bình luận về các nhân vật sống tại nhà bà. Bà nói với tôi: Cụ Phan dạy cho bà nhiều điều. Bà rất nặng ân tình với cụ Phan và theo bà, Phan Bội Châu trước đây nhiều lần ra Quỳnh Đôi ở nhà bà Lụa tức là bà Trần Thị Trâm, thân mẫu của chồng bà (Hồ Học Lãm). Bà biết ít nhiều về thuật số, thuyết phong thủy là do cụ Phan Bội Châu truyền cho. Nhiều lần bà nói với tôi: Anh Mậu là người thông minh, tài hoa, đôn hậu, đi đâu cũng được nhiều người mến nhưng thua Bác Hồ mấy điểm: trình độ kiến thức, lịch lãm, quyết đoán. Anh Mậu học vấn kém Bác Hồ, không trải bốn biển năm châu như Bác Hồ. Hai người cũng có một số điểm giống nhau, nhưng có những điểm khác nhau! Bà nói: Tôi và Mộ La không được hưởng lộc của anh Mậu vì anh Mậu chỉ thọ ngoài 50 tuổi, vì anh Mậu bước đi thoăn thoắt nhưng gót chân không bám đất nhiều. Bà gọi đồng chí Hồ Tùng Mậu là anh vì đồng chí Hồ Tùng Mậu gọi cụ Hồ Học Lãm là chú, gọi bà là thím. Bà thường dành thời gian xem phong cảnh, địa lý trong làng, các phần mộ trong gia tộc. Bà nói nhà này nam giới thường mất sớm và bất đắc kỳ tử, tôi phải làm cho con cháu sau này qua được tai nạn ấy...

Hơn hai năm tiếp xúc và công tác với bà, tôi và đồng chí Nguyễn Xuân Nhật đã giới thiệu bà vào Đảng. Cuối năm 1948, tôi thoát ly khỏi xã, mãi đến năm 1962 tôi gặp lại bà ở phố Khâm Thiên (Hà Nội). Tôi hỏi bà đi đâu. Bà

cho biết đi thăm chị Mậu. Tôi ngạc nhiên vì bà Mậu lúc đó còn ở quê. Bà cho biết đây là bà vợ lấy ở Trung Quốc: Nguyễn Thị Thuận, tức Lý Phương Thuận, quê ở huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An (sau này tôi có gặp bà Thuận ở đám tang bà Ngô Khôn Duy).

Cuối năm 1979 bà ốm nặng, nằm dưỡng bệnh ở cơ sở của Sở Thương binh và xã hội Hà Nội. Tôi và anh Nguyễn Xuân Kim đến thăm. Cô Hồ Mộ La hỏi bà: Mẹ có biết ai không? Bà thều thào: Anh Giảng...

Bà qua đời, đám tang có các ông đã từng sống ở nhà bà như Cao Hồng Lĩnh, Hoàng Điền... Thiếu tướng Lê Thiết Hùng nói: Tôi chỉ tin cho một số người thân. Tôi không báo cho anh Phạm Văn Đồng vì anh Đồng bận nhiều việc, không muốn phiền đến anh!

Đám tang của bà lặng lẽ, như cuộc đời khá lặng lẽ và khá buồn của bà vào những ngày cuối đời. Một người con gái kiên cường của đất Tam Đa (Nghị Hưng, Nghị Lộc) đã ra đi theo tiếng gọi cứu nước từ buổi thiếu thời. Một mảnh thường quân yêu nước ở hải ngoại đã cưu mang biết bao chiến sĩ cách mạng. Một bà dâu hiền đã đặt chân và để lại nhiều dấu ấn đẹp trên đất Quỳnh Đôi.

15-8-2002

HỒ SỸ GIẢNG

# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Một Câu Đối Đúng, Rõ, Sâu, Hay

Chiều ngày 23-7-1951, trên đường đi công tác vào Liên khu IV, khi đến phố Còng, huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa đồng chí Hồ Tùng Mậu đã bị máy bay Pháp sát hại. Được tin, bà Ngô Khôn Duy, vợ cố chí sĩ yêu nước nổi tiếng Hồ Học Lãm (1884 - 1943), đang sinh sống ở xã Bạch Ngọc, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An vội gửi về viếng một đôi câu đối:

Tứ trung tuấn quốc lạc vô song

Tam đại đồng đường sâu tương đối

Tạm dịch:

Bốn vị chết trung với nước vui vô song

Ba đời sống chung cùng nhà sâu tương đối

Xin chú giải:

TỨ TRUNG TUẤN QUỐC là:

- Hồ Bá Ôn (1842 - 1883) đỗ Phó bảng, làm án sát tỉnh Nam Định, bác ruột Hồ Học Lãm, đã bị tử thương trong chiến đấu chống giặc Pháp để bảo vệ thành Nam vào tháng 3-1883.

- Hồ Bá Kiện (1862 - 1915) con trưởng của Hồ Bá Ôn, một nhà lãnh đạo của phong trào Duy Tân, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa chiếm nhà tù Lao Bảo bị tử trận vào tháng 9-1915.

- Hồ Tùng Mậu (1896 - 1951) con trưởng Hồ Bá Kiện, một trong những sáng lập viên của Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, trợ thủ đắc lực của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chủ tịch UBKC hành chính Liên khu III, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra Chính phủ, Trưởng ban kiểm tra Trung ương Đảng, Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị.

- Hồ Mỹ Xuyên (1920 - 1948) con một của Hồ Tùng Mậu, Phó bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, Ủy viên Đoàn ủy Đoàn thanh tra Chính phủ, hy sinh khi đi công tác ở huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái vào tháng 3-1948.

TAM ĐẠI là:

- Phan Thị Liễu (1867 - 1952) vợ Hồ Bá Kiện, con gái liệt sĩ lang trung Bộ binh Phan Duy Thanh (1830 - 1885).

- Nguyễn Thị Thảo (1900 - 1984) vợ Hồ Tùng Mậu, đảng viên 1930 - 1931, sau này được truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Nguyễn Thị Chanh sinh năm 1920 vợ Hồ Mỹ Xuyên, Huyện ủy viên Quỳnh Lưu, cán bộ lão thành cách mạng.

Dân làng Quỳnh (Quỳnh Lưu - Nghệ An) đến viếng đồng chí Hồ Tùng Mậu đều khen câu đối đúng, rõ và hay, nhưng còn phân vân một số từ và cụm từ.

22 năm sau, vào một ngày chủ nhật của tháng 4 năm 1973, tôi đến khu tập thể Kim Liên - Hà Nội thăm bà Hồ Học Lãm. Trong trò chuyện tôi đã đề cập đến câu đối nói trên. Sau đây là lời thoại của đôi bên:

- Thưa bà, hẳn bà còn nhớ câu đối của bà viếng ông Hồ Tùng Mậu, xin bà nói rõ cho một số từ và cụm từ. Vế một: Tại sao trước sự hi sinh mất mát của 4 liệt sĩ, bà lại dùng từ lạc?



- Vậy bốn vị khi làm cái việc sẵn sàng chết vì nước là vui hay là buồn lòng? Anh có biết câu: "Nhân sinh hữu hạn, thù vô tử..." (Đời người là có hạn, ai mà không chết). Vì ngắn ngủi, vì hữu hạn nên đời người mới quý. Trong tác phẩm "Thép đã tôi thế đấy" Paven đã nói rất hay, một câu đại ý là: "Đời người quý vô giá, người ta chỉ sống một lần mà thôi, vậy phải sống sao đến khi chết ta có thể nói rằng tất cả đời ta, ta đã cống hiến cho sự nghiệp cao cả, sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng loài người!". Vậy chết cho sự nghiệp ấy là vinh, là vui hay buồn?

- Còn về thứ hai, sao bà lại dùng cụm từ "sầu tương đối" thay vì "sầu hữu hạn" để cho chình với cụm từ "lạc vô song"?

- Đúng là hữu hạn đối với vô song là chình về từ và âm hơn, nhưng lại không chình về ý. Tôi hỏi anh, có mối sầu nào là hữu hạn không? Chẳng phải trong Truyện Kiều có câu: "Sầu đông càng lặc càng đây" đó ư? Và còn nhớ trong điệu văn ở lễ tang Hồ Chủ tịch có một câu: "Mối sầu này thật là vô hạn". Có lẽ anh cũng biết vô song cũng đồng nghĩa với tuyệt đối - cả hai cụm từ đều có nghĩa là không thể so sánh được. Cụm từ tương đối là có thể so sánh được như thế là đối với nhau về ý. Cũng xin nói thêm - về trên nói là lạc vô song. Đó là nói với người đã chết cho quê hương cho đất nước. Tất nhiên chết chóc mất mát là có đau thương. Nhưng đau thương không đi theo người đã chết, đau thương chỉ ở lại với những người đang sống. Những người đang sống đây là ba người vợ góa thuộc ba thế hệ có chồng đã chết vinh vì nước. Họ sống cùng nhau dưới một mái nhà gianh, mà như ta biết những người cùng một cảnh ngộ đau buồn thì nỗi đau buồn được sẻ chia cho nhau, nên nói buồn cũng tương đối. Hơn nữa ba người đàn bà này đang chung lòng hợp sức nuôi dạy ba đứa cháu trai con anh Hồ Mỹ Xuyên là Hồ Anh Dũng, Hồ Ngọc Hải và Hồ Đức Việt khôn lớn nên người.

Không biết ở nước ta trường hợp như thế này có nhiều không? Vì những lẽ đó mà tôi dùng những cụm từ "lạc vô song" và "sầu tương đối".

- Xin cảm ơn bà đã giải thích cho hiểu được sâu sắc đôi câu đối của bà.

Năm nay nhân kỷ niệm lần thứ 110 ngày sinh (15-6-1896) và lần thứ 55 ngày mất (23-7-1951) của đồng chí Hồ Tùng Mậu, chúng tôi xin nhắc lại một đôi câu đối đúng, rõ, sâu và hay của bà Hồ Học Lãm viết về một dòng mấy đời liên tục đã hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

PHAN HỮU THỊNH

Nguyên chuyên viên cao cấp về lịch sử Ban tuyên huấn Trung ương Đảng

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Mấy Nét Tiểu Sử Thần Sơn Ngô Quảng

Ông Ngô Quảng biệt hiệu là Thần Sơn. Nhân dân địa phương còn gọi ông một cách kính trọng và thân tình là "Cổ Thần".

Ông sinh ra ở làng Tam Đa nay là xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nông dân vùng đồng chua nước mặn nhưng là nơi giàu lòng yêu nước, có truyền thống chống giặc ngoại xâm. Vừa lớn lên ông đã chứng kiến cảnh nước nhà đang bị giặc Pháp xâm chiếm, trăm họ lầm than, sĩ phu yêu nước khắp nơi nổi lên tham gia phong trào văn thân đánh đuổi giặc Pháp, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tiêu biểu cho phong trào yêu nước ở Nghệ Tĩnh lúc bấy giờ là cụ Phan Đình Phùng và Phan Bội Châu.

Hiểu rõ nghĩa vụ thiêng liêng trước vận nước nguy nan, ông tự nguyện làm người chiến sĩ kiên trung bất khuất của nghĩa quân văn thân, quyết cùng đồng chí, đồng đội đánh bại quân thù, giành lại độc lập cho dân tộc. Vượt lên muôn vàn gian khổ hy sinh, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ và bản lĩnh, xả thân trong chiến đấu và lăn lộn trong phong trào quần chúng, ông đã sớm trở thành vị tướng có đức, có tài và là một trong những trụ cột quan trọng của phong trào Cần Vương, Duy Tân và Quang Phục ở Nghệ Tĩnh, được đồng đội tin yêu, nhân dân kính trọng.

Tháng 3 năm 1883 lãnh binh Ngô Quảng là tướng lĩnh nghĩa quân của Tiến sĩ Đinh Văn Chất. Các ông lập căn cứ ở Thạch Bàn, huyện Thanh Chương để bảo vệ thành Vinh, Nghệ An.

Tháng 8 năm 1885 ông cùng tiến sĩ Đinh Văn Chất chỉ huy nghĩa quân

đánh nhau quyết liệt với quân Pháp và quân Nam triều nhiều trận ở vùng hữu ngạn sông Lam. Trong trận chiến đấu này, Tiến sĩ Đinh Văn Chất đã anh dũng hy sinh. Sau thời gian chiến đấu ở vùng hữu ngạn sông Lam ông gia nhập Quân Thứ huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh dưới sự chỉ huy của cụ Phan Đình Phùng (người được vua Hàm Nghi giao làm Tổng suất các đạo nghĩa quân cần vương). Ông đã chiến đấu chống quân Pháp và quân Nam triều nhiều trận và cầm cự với chúng nhiều năm ở vùng Ngàn Hồng (Hồng Lĩnh).

Phong trào Cần Vương do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo đã chiến đấu và cầm cự với địch được gần 10 năm, có những trận thắng oanh liệt như trận Vũ Quang nhưng cũng có nhiều trận bị thất bại, nhiều tướng tài đã hy sinh như Cao Thắng. Phong trào càng về sau càng yếu dần. Cụ Phan Đình Phùng bị bệnh và mất ngày 28-12-1895. Các ông Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân quyết định nhờ chính phủ Nhật Bản giúp đỡ và sẽ hướng đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa của Nhật. Năm 1904 các ông lập ra hội Duy Tân để tiến hành công cuộc chống Pháp cứu nước. Ông Ngô Quảng là dư đảng Cần Vương của Đinh Văn Chất và Phan Đình Phùng cũng tham gia. Ông cùng ông Lê Quyên lập đồn Bối Lư ở huyện Thanh Chương và lập trại cày ở Hồng Lĩnh huyện Nghi Xuân để tập hợp nghĩa quân, quyên góp tiền bạc mua sắm vũ khí và phối hợp hành động với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám ở Bắc Bộ. Ông còn tích cực hoạt động trong "Triều Dương thương quán" ở Vinh do cụ Ngô Đức Kế đứng đầu để vận động và giúp đỡ thanh niên sang Nhật học.

Phong trào yêu nước của nhân dân ta lại bắt đầu lên cao vào những năm đầu thế kỷ XX. Phong trào phát triển từ khuynh hướng Cần Vương sang dân chủ tư sản, từ lực lượng văn thân sĩ phu mở rộng ra nhiều tầng lớp nhân dân.

Năm 1909 Pháp, Nhật cấu kết với nhau, chính phủ Nhật trục xuất Phan Bội Châu và lưu học sinh Việt Nam ra khỏi nước Nhật. Cụ Phan Bội Châu bèn nhờ vua Xiêm cho mượn đất lập trại cày để tập hợp lực lượng chờ thời cơ, trại cày do ông Đặng Thúc Hứa phụ trách. Trong nước thực dân Pháp và

Nam triều tập trung lực lượng khủng bố đàn áp phong trào Duy Tân, nhiều lãnh tụ đã anh dũng hy sinh như ông Đặng Thái Thân, hàng trăm người bị bắt tù đầy song phái vũ trang do các ông Ngô Quảng và Lê Quyên lãnh đạo vẫn bám trụ hoạt động trên đất Nghệ Tĩnh và tìm cách liên lạc móc nối với cụ Phan ở nước ngoài.

Tháng 11 năm 1911 Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo đã giành được thắng lợi, cụ Phan Bội Châu và các sĩ phu lập ra Việt Nam Quang Phục hội nhằm đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập "Cộng hòa dân quốc" theo kiểu cách mạng Tân Hợi Trung Quốc. Trại cày Đặng Thúc Hứa ở Xiêm và phái vũ trang Duy Tân Ngô Quảng ở Nghệ Tĩnh là chỗ dựa của hội. Các ông Ngô Quảng, Đặng Thúc Siêu và Trịnh Xuân Huy đã tích cực quyên góp tiền ủng hộ hội, mua sắm vũ khí và xây dựng Quang Phục quân.

Năm 1914 chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, các ông lãnh đạo của hội quyết định lợi dụng thời cơ này đánh chiếm một số đồn Pháp ở dọc biên giới Việt - Trung và Việt - Lào để lấy đường đi về nhưng các trận đánh đã không thành. Địch càng ra sức khủng bố, phong trào bị tan rã. Khoảng năm 1919 phong trào Quang Phục coi như kết thúc. Để tránh sự tàn sát của địch, chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội mới, ông Ngô Quảng thủ lĩnh nghĩa quân Quang Phục ở Nghệ Tĩnh đã cùng một số con em các gia đình liệt sĩ có thù với giặc đã dời sang trại cày Thái Lan.

Hơn 30 năm hoạt động trong sự bao vây truy lùng của địch, nhờ cảnh giác cao, chủ động, mưu trí và giỏi võ lại được nhân dân hết lòng che chở nên ông Ngô Quảng đã thoát khỏi địch vây bắt.

Ông là một trong số ít lãnh đạo quan trọng của nghĩa quân còn sống sót sau mỗi lần phong trào bị địch đánh phá tan nát. Không nản chí, thua keo này bày keo khác, ông lại tìm cách móc nối nhen nhóm lại. Do đó phong trào không bao giờ bị tắt hẳn.

Sau mỗi lần thất bại, phong trào gặp khó khăn, các ông lại cố gắng tìm cho dân tộc con đường mới hy vọng đi tới thắng lợi song do hạn chế bởi nhiều điều kiện nên khát vọng một nước Việt Nam độc lập vẫn chưa được thực hiện. Nhưng công lao và sự hy sinh của các ông đã để lại cho hậu thế nhiều bài học quý giá và những tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu, dũng cảm hy sinh đã hun đúc thêm lòng yêu nước, chí quật cường của dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi vẻ vang sau này của đất nước.

Ông Ngô Quảng là người anh hùng chống Pháp nổi tiếng của Nghệ Tĩnh từ những ngày đầu của phong trào Cần Vương. Ông là tấm gương tiêu biểu về tinh thần yêu nước, về ý chí chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc và đã hiến trọn đời cho sự nghiệp cứu dân cứu nước. Vì vậy không những các thế hệ con cháu họ Ngô, nhân dân làng Tam Đa, xã Nghi Hưng mà cả nhân dân Nghệ Tĩnh đều rất vinh dự và tự hào về ông.

Ngày nay, non sông đã thu về một mối, đất nước đã hoàn toàn độc lập, nhân dân ta đã được sống hoàn toàn tự do, chúng ta càng ghi nhớ sâu sắc công ơn to lớn của ông và nguyện sống xứng đáng là con cháu của ông.

Tư liệu viết bài trên rút ra từ:

1. Các triều đại Việt Nam - Nhà xuất bản Thanh niên, trang 332 - 333. Vua Hàm Nghi chống Pháp.
2. Báo Quân đội Nhân dân số 263 ngày 15-7-1995 - Vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.
3. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam 1858 - 1920 - Nhà xuất bản Văn học trang 337, Phan Đình Phùng chống Pháp.
4. Lịch sử Đảng cộng sản Nghệ Tĩnh - Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh, trang 32-33, Phan Bội Châu chống Pháp.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Nghi Lộc - Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh, trang 38-40, Những nhân vật chống Pháp nổi tiếng của Nghi Lộc.

Ngày 19-8-1995

BÙI KHẮC QUỲNH

# HỒ TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Tư Liệu Về Cụ Ngô Quảng Do Bà Hồ Mộ La, Cháu Ngoại Cụ Cung Cấp

Chiều ngày 10-7-1995, tôi đến thăm bà Hồ Mộ La ở B15, khu tập thể Kim Liên, Hà Nội. Bà cho biết trước đây bà ngoại đã kể lại cho mẹ của mình như sau:

Dòng họ Ngô của ông Ngô Quảng làng Tam Đa bắt nguồn từ Bộc Hải, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc và sang Việt Nam đã từ lâu đời.

Trong phong trào Cần Vương khởi nghĩa chống Pháp, ông Ngô Quảng là lãnh binh nghĩa quân Phan Đình Phùng. Ông đã chiến đấu rất dũng cảm và là một trong những nhân vật quan trọng của nghĩa quân, có ảnh hưởng lớn ở vùng Nghệ Tĩnh do vậy quân Pháp và Nam triều rất chú ý. Chúng cho truy nã và ráo riết lùng sục bắt ông. Có lần, biết ông ở trong Ngàn Hống (Hồng Lĩnh) giặc đã bao vây, đốt rừng để kiên quyết bắt ông. Nhưng ông đã bí mật thoát khỏi vòng vây của chúng một cách an toàn.

Sau nhiều năm chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, trong điều kiện không cân sức, đồng thời địch ra sức đàn áp khủng bố nên phong trào yêu nước ngày càng gặp khó khăn. Để tránh khỏi sự truy bắt và tàn sát của địch, ông đã cùng một số con em các gia đình liệt sĩ có thù với giặc bí mật rút sang Xiêm. Ông đã cùng với ông Đặng Thúc Hứa lập đồn điền sản xuất, nuôi thanh niên yêu nước từ Việt Nam sang hoạt động cách mạng.

Ông có hai bà vợ. Bà cả người huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Bà sinh được 2 người con gái, con đầu là bà Ngô Khôn Duy. Còn con thứ hai, em gái bà Duy, do cha thoát ly, mẹ bị địch bắt, chị em xa nhau phiêu bạt mỗi người một



nơi nên không biết bà giờ lưu lạc ở đâu. Vì không bắt được cụ Ngô, địch đã bắt giam bà vợ cả của ông và do bị tra tấn dã man nên bà đã mất ở trong tù.

Bà vợ hai sinh được một người con trai tên là Ngô Chính Học, ông Học là Đảng viên Cộng sản, có vợ và một con trai. Sau khi ông Học mất, bà vợ lấy chồng khác họ Đinh. Con trai ông Học mang họ bố dượng là Đinh Văn Lai. Ông Lai là cháu đích tôn của cụ Ngô Quảng. Ông Lai hiện đang công tác ở thành phố Hồ Chí Minh, có vợ và 3 con trai. Đã có lần bà vợ ông Lai ra Hà Nội thăm bà Hồ Mộ La nhưng bà Mộ La đã quên địa chỉ. Bà Mộ La rất mong được gặp ông Lai để kể cho ông Lai biết về ông nội của mình.

Ít lâu sau khi ông Ngô Quảng sang Xiêm, bà Ngô Khôn Duy lúc đó khoảng 17, 18 tuổi cũng được đưa sang trại cày. Tại đây, bà được ông Đặng Thúc Hứa dạy học. Do thông minh, học giỏi nên sau một năm bà được đưa sang Trung Quốc học tiếp. Từ ngày sang Trung Quốc, do đường sá xa xôi cách trở, thông tin liên lạc khó khăn nên bà không có điều kiện liên hệ và trở lại Thái Lan để thăm cụ Ngô. Sau này mới được tin là cụ đã mất ở Thái Lan và cũng không rõ cụ mất vào ngày tháng năm nào.

Bà Ngô Khôn Duy sau khi tốt nghiệp cao đẳng được cụ Phan Bội Châu giới thiệu và đã kết hôn với ông Hồ Học Lãm, một chí sĩ yêu nước nổi tiếng người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu. Ông bà đã có công lớn trong việc giúp đỡ cán bộ Đảng của ta sang học tập và hoạt động ở Trung Quốc vào những năm trước và sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ông bà có hai người con gái là chị Diệc Lan, tốt nghiệp đại học chính trị trường Đại học Diên An Trung Quốc. Chị kết hôn với đồng chí Thiếu tướng Lê Thiết Hùng năm 1937 tại Trung Quốc và mất năm 1947 ở huyện Nam Đàn. Người con thứ hai là chị Hồ Mộ La nguyên là giáo viên trường Văn hóa Nghệ thuật quân đội. Chồng chị là họa sĩ Đặng Đức Sinh quê ở Thanh Oai, Hà Tây. Anh chị có hai người con. Con gái đầu lòng của chị là Hồ Lam Hồng (lấy họ Hồ để kỷ niệm ông ngoại Hồ Học Lãm). Con trai thứ hai là Đặng Tri

Hiền.

Ông Hồ Học Lãm mất năm 1943 tại Quế Lâm, Trung Quốc. Năm 1946 bà Ngô Khôn Duy về Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, quê nội của chồng. Bà mất năm 1980, thọ 86 tuổi.

BÙI KHẮC QUỲNH ghi

# HỒI TƯỞNG VỀ CHA TÔI

Hồ Học Lãm  
www.dtv-ebook.com

## Chú Thích

### TƯỜNG GIỚI THẠCH(1887 - 1975)

Còn có tên là Tường Trung Chính, người Phụng Hóa, tỉnh Triết Giang. Ông mồ côi cha từ nhỏ (cha là người buôn muối) và chịu ảnh hưởng rất lớn của người mẹ. Từ bé Tường là đứa trẻ tính nghịch ngợm, thích các trò chơi mạo hiểm như nước, lửa, đao, kiếm, thường tự gây nhiều thương tật và ốm đau. Bà mẹ bao giờ cũng nhẹ nhàng khuyên bảo do đó Tường rất mực yêu quý người mẹ góa bụa nuôi mình ăn học, khôn lớn.

Thời kỳ học trung học Tường sớm giác ngộ tư tưởng phản phong phản đế của Tôn Trung Sơn, từ đó lập chí theo nghề quân sự và nuôi chí sang Nhật Bản lưu học. Tháng 4 năm 1906, Tường sang Nhật xin học trường quân sự, nhưng giữa chính phủ Nhật Bản và chính phủ Mãn Thanh có quy ước: Nhật không nhận những người theo học quân sự mà không có thư giới thiệu của chính phủ Mãn Thanh. Tường đành học tiếng Nhật 6 tháng ở trường Thanh Hoa Tôkiô. Lần đi Nhật đầu tiên tuy không đạt được sở nguyện nhưng Tường đã làm quen và sau này trở nên thân tín với Trần Kỳ Mỹ - một trong những người lãnh đạo "Trung Quốc đồng minh hội" do Tôn Trung Sơn sáng lập năm 1905 tại Nhật Bản.

Tường về nước gặp lúc chính phủ Mãn Thanh mở trường "Thông quốc lục quân tốc hành học đường" và Tường được nhận vào trường. Mùa xuân năm 1908, qua thư giới thiệu của trường, Tường được nhận vào học "Trường Lục quân Chấn Vũ Tôkyô". Cũng tại Tôkyô, qua sự giới thiệu của Trần Kỳ Mỹ, Tường được kết nạp vào "Đồng minh hội". Mùa đông năm 1910, Tường tốt

nghiệp và đang chuẩn bị làm sĩ quan dự bị của quân đội Nhật thì nhận được điện của Trần triệu về nước tham gia khởi nghĩa lật đổ triều đình Mãn Thanh.

Tháng 10-1911 Cách mạng Tân Hợi bùng nổ. Trần Kỳ Mỹ ba lần cử Tưởng về hoạt động ở vùng Triết Giang. Lần thứ ba Tưởng tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở Hàng Châu và giành thắng lợi. Sau đó Tưởng theo Trần về tổ chức khởi nghĩa ở Thượng Hải và thành lập Đô đốc phủ Thượng Hải. Trần giữ chức Đô đốc, Tưởng được cử làm đoàn trưởng số 5 của Thượng Hải.

Đầu năm 1912, khuyết một chân đô đốc của tỉnh Triết Giang. Nội bộ "Đồng minh hội" tranh giành nhau. Trần chỉ thị cho Tưởng ám sát Đào Thành Chương, sự việc đó gây phẫn nộ trong nội bộ, Trần vội cho Tưởng trốn sang Nhật. Tại đó Tưởng xây dựng tạp chí quân sự "Quân Thanh". Mùa đông năm đó Tưởng về nước. Thời kỳ này Chính phủ cách mạng rơi vào tay Viên Thế Khải. Cuộc cách mạng Tân Hợi thực ra đã bị thất bại. Tôn Trung Sơn cùng đảng cách mạng của mình phải trải qua 10 năm nội chiến chống bọn quân phiệt Bắc Dương - tay sai của đế quốc Anh, Pháp, Nhật.

Năm 1913, Tưởng chính thức tham gia "Trung Hoa cách mạng đảng", tiền thân của Quốc dân đảng Trung Quốc sau này. Lần thứ tư sang Nhật, nhờ sự giới thiệu của Trần Kỳ Mỹ, Tưởng được gặp mặt Tôn Trung Sơn. Đó là năm 1913, Tưởng cũng là một trong những người tham gia Cách mạng đảng của Tôn Trung Sơn sớm nhất.

Tháng 5 năm 1916 Trần Kỳ Mỹ bị ám sát. Tưởng liền tìm mọi cách gần gũi và trở nên thân tín của Tôn Trung Sơn, được Tôn hết sức tín nhiệm cử làm Trưởng phái đoàn "Đoàn đại biểu của bác sĩ Tôn Dật Tiên" sang thăm Liên Xô tháng 2 năm 1923. Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Tưởng đã phản lại di chí của Tôn là "Liên Nga, liên Cộng, phù trợ công nông". Tưởng tìm mọi cách thu tóm quyền lực, dời đô từ Quảng Châu về Nam Kinh, ra sức chống Cộng. Tưởng Giới Thạch thành lập "Quốc dân chính phủ" tại Nam Kinh, tự xưng là Tưởng Tổng tài của Quốc dân đảng Trung Quốc và Tưởng Ủy viên

trưởng của Chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc - đó là năm 1927...

## KHANG HỮU VI

Là người có tư tưởng tiến bộ trong triều đình Mãn Thanh, là một trong những nhân vật chủ trương duy tân, chống lại Từ Hy Thái Hậu, phò vua Quang Tự. Tuy nhiên mọi kế hoạch của ông đều bị phá vỡ, bị Từ Hy trấn áp.

## TÔN TRUNG SƠN VÀ CHỦ NGHĨA TAM DÂN(1)

-----

(1) Theo "Lịch sử Đảng cộng sản Trung Quốc" của Hà Tâm Vương Gia Huân, Trần Minh Hiến. Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, 1996 và theo "Lịch sử Quốc dân đảng Trung Quốc" của Miêu Kiến Dân, Kỳ Hàm Tuệ, Lý Thủy Vương. Nhà xuất bản Đại học Giao thông, An Huy, 1990.

Tôn Trung Sơn sinh 1866, mất 1925, xuất thân trong một gia đình trung nông, quê ở Hương Sơn, Quảng Đông. Ông còn có tên là Tôn Dật Tiên. Có thời gian ông theo người anh ra nước ngoài kiếm sống, thấy kinh tế, chính trị các nước tư bản phương Tây phát triển và tiến bộ, ông sớm nhận rõ chính trị, kinh tế Trung Quốc dưới triều đình Mãn Thanh là lạc hậu và hủ bại. Ông thành lập "Trung Hoa cách mạng đảng" là tiền thân của Quốc dân đảng sau này. Tôn Trung Sơn khởi xướng chủ nghĩa Tam Dân: Dân tộc độc lập, chủ quyền - Dân quyền tự do dân chủ - Dân sinh cơm no áo ấm, hạnh phúc. Nhưng Tôn Trung Sơn lại chủ yếu dựa vào lực lượng của giai cấp tư sản dân tộc và quân phiệt phong kiến. Mặt khác ông vẫn bảo lưu truyền thống văn hóa theo đạo Khổng, do đó cuộc cách mạng dân chủ tư sản của ông bị phản loạn nhiều phen...

Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Chính phủ Liên Xô hai lần tuyên bố xóa bỏ mọi điều ước bất bình đẳng mà Sa hoàng đã ký kết với

triều đình Mãn Thanh, trả lại chủ quyền lãnh thổ và những di sản mà trước kia Sa hoàng cướp đoạt của Trung Quốc và đề nghị xây dựng bang giao hữu hảo trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau. Lời tuyên bố đó được toàn thể nhân dân Trung Quốc hoan nghênh nhiệt liệt, Tôn Trung Sơn hết sức cảm động.

Tháng 4 năm 1919 tại "Hội nghị hòa bình" ở Paris, bọn đế quốc Anh, Pháp, Nhật cấu kết với nhau chuyển nhượng quyền lợi kinh tế do Đức chiếm giữ ở Sơn Đông (một tỉnh của Trung Quốc) cho đế quốc Nhật. Sự kiện này gây phẫn nộ kịch liệt trong nhân dân Trung Quốc. Ngày 4 tháng 5 sinh viên, trí thức yêu nước tại các trường đại học ở Bắc Kinh bãi khóa, xuống đường biểu tình trước dinh thự bọn bán nước và sứ quán Nhật. Phong trào đó nhanh chóng lan truyền khắp toàn quốc, đặc biệt ở Thượng Hải. Tại đây, các lưu học sinh, công nhân Hoa kiều xuống đường bao vây sứ quán và nhà ở của phái đoàn Trung Quốc vào ngày ký kết điều ước. Ngay cả chính phủ quân phiệt Bắc Dương (tay sai của các nước đế quốc) cũng điện khẩn tới phái đoàn yêu cầu không ký kết bản điều ước... Cuối cùng các nước đế quốc phải nhượng bộ.

"Ngũ Tứ vận động" thức tỉnh Tôn Trung Sơn, khiến ông nhận thức rõ lực lượng hùng mạnh của công nhân và trí thức yêu nước. Đặc biệt cuộc vận động này đã phát triển thêm một bước là đấu tranh chống nền giáo dục Khổng giáo, đòi xây dựng một nền giáo dục mới, tiên tiến để theo kịp sự phát triển của khoa học kỹ thuật phương Tây. Sự thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc năm 1921 càng củng cố thêm sự chuyển biến tiến bộ của tư tưởng Tôn Trung Sơn. Ông đưa ra đường lối: "Liên Nga, liên Cộng, phù trợ công nông, ủng hộ các nước nhược tiểu". Ông bắt tay xây dựng phong trào và các đội tự vệ nông dân; xây dựng phong trào công nhân, lập điều lệ cho công đoàn; mời chuyên gia Liên Xô sang giảng dạy và huấn luyện cho Trường Quân chính Hoàng Phố; Kết nạp đảng viên cộng sản vào Quốc dân đảng; Đường lối chống đế quốc và bè lũ quân phiệt Bắc Dương của ông cũng triệt để hơn; ông

cũng cố gắng bổ sung thêm lý luận mới cho Chủ nghĩa Tam Dân... Đó là những năm 1922 cho đến tháng 6 năm 1925.

Tuy nhiên trong học thuyết của Tôn Trung Sơn vẫn còn những quan điểm tiêu cực như cho rằng 400 triệu dân Trung Quốc là "A Đẩu bất tài, chỉ có một thiểu số người thuộc loại "Gia Cát Lượng - Tiên tri tiên giác" là "Chúa cứu thế"; thậm chí còn mơ tưởng dựa vào đế quốc để phát triển văn hóa cận đại Trung Quốc nên đường hướng chính vẫn mang tính chất cải lương (nghĩa là cường điệu hóa vai trò cá nhân, coi nhẹ sức mạnh của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, coi nhẹ thực tiễn...).

Riêng về vấn đề ủng hộ các nước nhược tiểu, Tôn Trung Sơn nói: "Cho dù Trung Quốc sau này trở nên giàu mạnh, quyết không đi con đường của chủ nghĩa đế quốc, quyết không xâm lược các quốc gia khác, vẫn phải giúp đỡ các nước nhược tiểu tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc" (Trích bài giảng về Tam Dân chủ nghĩa năm 1924 của Tôn Trung Sơn).